



Nghìn
xưa
vọng
lại



BAN VĂN HÓA CHÙA HOÀNG PHÁP thực hiện

Bộ sách **Sửa pháp ban mai**

Quyển mười bốn **Nghìn xưa vọng lại**

Tác giả **Thích Chân Tính**



Tổng Ban Biên soạn

Hòa thượng Thích Chân Tính

Phó Ban Biên soạn

Thích Tâm Chánh, Thích Tâm Đạo, Thích Tâm Trọng,

Thích Tâm Tiến, Thích Tâm Thiên, Thích Tâm Đồng,

Thích Tâm Lực, Thích Tâm Biện, Thích Tâm Thoại,

Thích Tâm Huấn, Thích Tâm Chiêu, Thích Tâm Cung và quý huynh đệ khác.

Cư sĩ **Văn Huy, Hạo Nhiên, Liên Thanh, Huệ Phương, Huyền Trang, Bì Mẫn,**

Phước Huệ, Liên Ngọc, Liên Hạnh, Liên Loan, Liên Thẩm và cộng tác viên gần xa.



Cố vấn thiết kế Mỹ thuật

Thích Tâm Dược, Thích Tâm Nhật

Line Art - Họa sỹ **Nguyễn Khang, Hoàng Kim**

Vẽ chì - Họa sỹ **Na Nguyễn**

Dàn trang **Oai Trần, Hoa Cúc**

In ấn **Thích Tâm Hoạt**



In lần thứ nhất, **Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng**

Phát hành bộ sách, **phòng phát hành chùa Hoàng Pháp**

THÍCH CHÂN TÍN





Những đống nữa pháp ban mai
Cả đố tâm huyết từng ngày Thầy trao
Thích Chân Tín

5 - 6 - 2020

Hằng ngày sau bữa điểm tâm sáng tôi có vài chuyện cho chư Tăng và Phật tử trong chùa Hoằng Pháp về các niêh luật tu học của đại chúng, các Phật tử, các vấn đề nội quy giới luật, những lời Phật dạy trong các bộ kinh, thậm chí cả những chuyện thời nì xã hội trong nước và quốc tế. Lâu ngày các đệ tử nhân thấy buổi vài chuyện này có lợi ích nên đã thu âm và chuyển thành văn viết, gom góp lại thành bộ sách "Sửa Pháph An Mai".

Đây được xem như những dấu ấn một thời của tôi và các sinh

hoạt tu học của Tăng chúng
chùa Hoằng Pháp. Tương lai các
đệ tử đệ tôn đọc bộ sách này
sẽ hiểu được những gì mà thầy
Tổ đã truyền trao, biết được
sinh hoạt tu học của Tăng chúng,
những diễn biến thăng trầm, những
điều thuận lợi của chùa
Hoằng Pháp một thời đã qua,
hầu lấy đó làm bài học quý
giá cho nệ tu tập và hoằng
pháp của mình.

Tôi rất hoan hỷ và tán thán
việc làm này.

Thích Chân Tâm

Lời thưa

Có những ngày tháng khó có thể quên, những kỷ niệm êm đềm một thuở khó có thể quên, cả những niềm vui nỗi buồn cũng không thể quên. Trong những tháng năm ấy nếu có duyên gần gũi, tiếp xúc, học hỏi những điều tốt đẹp từ ai đó, thọ nhận những ân tình giáo dưỡng sâu dày từ ai đó, ta cũng khó có thể quên, như vị thầy nghiệp sư khả kính và từ hòa của chúng tôi vậy!

Như thưa hưởng chút phước lành nho nhỏ, huynh đệ chúng tôi có duyên được làm đệ tử của thầy, gần gũi bên thầy, cùng học cùng tu dưới sự tận tâm chỉ dạy và lòng từ mẫn bao la của thầy. Thời gian thấm thoắt thoi đưa, ngày xanh qua nhanh bên cửa. Năm nay, thầy đã tròn sáu mươi hai năm tuổi đời, bốn mươi bảy năm tuổi đạo và ba mươi chín hạ lạp. Tóc thầy đã bạc nhiều, sức khỏe dần kém hơn xưa, song thầy vẫn không quản gian nan, không từ hạnh

nguyện, tiếp tục con đường hoằng truyền Phật pháp, lợi lạc muôn người.

Vào mỗi sáng – sau bữa điểm tâm, thầy thường dành chút thời gian để nói chuyện, động viên và nhắc nhở đại chúng. Có khi là những điều thường nhật trong đời sống tu học với nhiều khó khăn, thử thách của quý thầy; có khi là câu chuyện đời thường với những nỗi niềm, những khổ đau cần tìm lối thoát của người Phật tử. Ghi âm những lời dạy ngắn gọn nhưng đầy ý nghĩa, huynh đệ chúng tôi đã tập hợp và chuyển thể thành văn, biên soạn và xuất bản bộ sách mang tên *Sữa pháp ban mai* để kính dâng lên thầy. Thông qua bộ sách để bày tỏ lòng biết ơn, trân trọng của hàng đệ tử chúng tôi với thầy, mong bộ sách sẽ là món quà Pháp bảo giá trị mà thầy muốn dành tặng đến chúng tôi cũng như hàng thiện tín.

Bữa ăn sáng giúp ta ấm bụng trong ngày, nhưng chính những dòng sữa pháp ngọt thơm mà thầy chia sẻ mỗi sớm mai có thể giúp ta ấm bụng cả đời. *Sữa pháp ban mai* mang giá trị nội dung như vậy. Dinh dưỡng cho thân thì có thể tìm trong những bữa ăn, song dinh dưỡng cho tâm thì cần có sữa pháp. *Sữa pháp ban mai* được xem như nguồn năng lượng dồi dào và bổ ích, giúp chúng ta dễ dàng tiếp nhận, thấm

thấu và thực tập chuyển hóa những khổ đau, vương mắc trong đời sống thường nhật.

Bộ sách được chia làm hai phần: *Hành trang xuất thế* dành cho giới xuất gia, bao gồm những cuốn sách với nội dung xoay quanh việc tu tập, chuyển hóa cũng như những hoài bão hoàng pháp lợi sinh trong việc mang đạo vào đời. *Tịnh độ nhân gian* dành cho Phật tử tại gia với những cuốn sách đề cập đến các vấn đề trong đời sống thế gian của vợ chồng, con cái, những đạo lý đẹp giữa đời thường và cả những cạm bẫy xã hội.

Lật từng trang sách ta như thấy mình thấp thoáng đâu đó trong từng câu chuyện mà thấy chia sẻ. Đó có thể là những câu chuyện buồn muôn thuở của gia đình, câu chuyện xoay quanh những vô thường biến đổi của nhân gian hay những trái ý nghịch lòng trong cuộc sống,... Đó cũng có thể là những câu chuyện về giá trị cuộc sống, hạnh phúc đích thực đang rất gần gũi và bình dị xung quanh chúng ta, nhưng đôi khi ta cứ mơ mộng xa vời rồi mãi chạy tìm nơi chân trời mộng ảo khác. Đó còn là câu chuyện của đời sống xuất gia với nhiều hình thái, nhiều khía cạnh chủ quan lẫn khách quan khác nhau, giúp ta hình dung phần nào về các phạm trù cơ bản của nhà Phật – những câu

chuyện thầy kể không dài nhưng đủ làm người nghe phải trải lòng. Nhưng trên tất cả, đọc từng trang sách ta như nhìn thấy hình bóng bình dị của thầy – con người hiền hòa, mộc mạc, phong thái thanh thoát, ung dung. Hình ảnh người đang ngồi nói chuyện với ta từ tốn – như thể bài học mới sáng hôm qua với những đạo lý sâu sắc, những bài học thiết thực sau từng câu chuyện thầy kể.

Thay lời chư huynh đệ, chúng con trân trọng kính viết *Lời thưa* cho bộ sách này. Kính dâng lên thầy, mong thầy chỉnh sửa và chỉ dạy để chúng con có thể hoàn thiện bộ sách trước khi xuất bản để gửi tặng đến quý Phật tử và quý độc giả. Như là món quà Pháp bảo của thầy dành tặng cho những người hữu duyên. Bộ sách là những câu chuyện thực tế, những lời dạy thiết thực giúp chúng ta vận dụng vào đời sống thường nhật, như một liệu pháp hóa giải những nỗi khổ niềm đau, thiết lập đời sống an bình và hạnh phúc giữa cuộc đời này.

Như vì sao sáng chói trong đêm có thể định hướng đường đi cho lữ khách. Như điểm tựa tinh thần cho hàng đệ tử và đồ chúng, thầy là nơi cho những ai muốn hướng đến đường lành, cho những ai còn đang lầm đường lạc lối quay về. Mong thầy thân tâm

thường lạc, tiếp tục hạnh nguyện dẫn thân mỗi đèn
tiếp lửa, hoằng truyền giáo pháp, lợi lạc nhân sinh.
Mong thầy ngày mới an lành để tất cả chúng con
được nương theo thầy tu học, đón nhận những lời
chỉ dạy từ thầy để tiếp bước trên con đường tu tập và
hoằng hóa.

Tổ đình Hoằng Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 2020

Thay mặt Ban Biên soạn,

Thích Tâm Chánh kính ghi

Lời tựa

Theo dòng thời gian, mỗi ngày một trôi qua thì những giá trị vật chất, từ cuộc sống, từ tạo hóa cũng dần theo đó lùi về quá khứ hoặc chịu sự chi phối từ các yếu tố nhân duyên theo định luật vô thường mà mai một dần cho đến biến mất, hay chuyển hóa thành một dạng vật chất biến thể nào đó.

Duy chỉ những giá trị mang tính chất triết lý đạo đức, đưa con người ngày một hướng đến con đường thiện lành, không chỉ giúp thay đổi tự thân và cho cả tha nhân, thì mới có thể được lưu truyền vượt dòng thời gian cho nhiều thế hệ ngày sau.

Trong tập sách *"Nghìn xưa vọng lại"* bao gồm những lời dạy của thầy về cuộc sống, những câu chuyện mang tính triết lý đạo đức, phương cách làm người, đạo lý đối nhân xử thế,... từ chư Phật, chư vị Tổ sư qua bao thế hệ còn lưu lại. Đó được xem là hành trang để chúng ta thăng tiến trên bước đường tu học,

cũng như ứng dụng vào đời sống thường ngày giúp thay đổi bản thân ngày một hoàn thiện hơn.

Một lần nữa chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến những tấm lòng nhiệt tâm, nhiệt tình đã đóng góp công sức cho lần xuất bản đầu tiên của bộ sách *Sửa pháp ban mai*. Biết bao nhiêu nỗ lực quý báu từ công đoạn thu âm, đánh máy để chuyển thể những bài pháp từ văn nói sang văn viết. Trải qua nhiều lần sàng lọc từ thô đến tế, những lời góp ý chân thành từ quý thầy cũng như Ban Biên soạn chùa Hoằng Pháp cùng các bạn cộng tác viên gần xa đã hết lòng giúp đỡ để bộ sách được hoàn thành. Với hy vọng những ai có thiện duyên khi đọc bộ sách này đều thu nhận thật nhiều lợi ích thông qua những câu chuyện, những lời chỉ dạy của người thầy từ bi và trí tuệ, người đã dành trọn cả cuộc đời cống hiến cho Phật pháp với hạnh nguyện cao cả hoằng pháp lợi sinh – thầy Chân Tính

Trân trọng!

Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp

Mục lục

◆ Ba điều nên học từ Khổng Tử	19
◆ Vua giỏi, tướng tài	25
◆ Họa phúc khôn lường	33
◆ Paṭācārā	39
◆ Hạnh phúc tại tâm	46
◆ Phòng bệnh hơn chữa bệnh	52
◆ Hoàng pháp viên	59
◆ Đời đạo, đạo đời	65
◆ Nhân, lễ trong nhà Phật	69
◆ Thương nhân cầu tài	76
◆ Câu chuyện về Bà la môn Phạm Ma	81
◆ Ba chỗ dựa của giặc cướp	86
◆ Quả báo hiện tiền	101
◆ Vua Tỳ Lưu Ly	108
◆ Nghe pháp được tiền	119
◆ Nhà hiền triết Socrates	132
◆ Cái giá của lợi dưỡng	139

◇ Bài học từ nữ Tổng thống Hàn Quốc	143
◇ Duyên trần chưa dứt	154
◇ Pháp xử lý	163
◇ Phật hoàng Trần Nhân Tông	170
◇ Lắng nghe	180
◇ Sự tích ông Táo	187
◇ Cá sống được trên cạn?	191
◇ Luân hồi báo oán	199
◇ An toàn thực phẩm	207
◇ Yếu tố chủ quan	212
◇ Thư góp ý	219
◇ Từ bi phải có trí tuệ	228
◇ Sự cố ngoài ý muốn	236
◇ Đặc điểm của đạo Lão thể	242
◇ Chiêm bái Thánh tích	249
◇ Con đường từ dạ dày đến nghĩa địa	256
◇ Vẽ Phật thì dễ mà vẽ Tổ thì khó	264
◇ Thuốc “thịt người”	270
◇ Hai loại tội	278
◇ Ông Tửu	290
◇ Vô thường qua góc nhìn lịch sử	297
◇ Thi ân bất cầu báo và tinh thần biết ơn	309

◇ Lạc lối	325
◇ Di sản của tiền nhân	337
◇ Chuyện xưa chuyện nay	347
◇ Hai mặt đối lập	358
◇ Hai vụ án mạng	366
◇ Con đã suy nghĩ kỹ chưa?	374





Ba điều nên học từ Khổng Tử

Một hôm, thầy Tăng Tử thưa với thầy của mình là Khổng Tử: “Đệ tử có ba điều chưa học được ở thầy, không biết đến khi nào mới học được. Thứ nhất, thấy người có một điều phải thì thầy quên hết một trăm điều trái của họ, đó là thầy bao dung. Thứ hai, thấy người có điều phải thì thầy vui mừng cũng như mình có, đó là thầy không ganh tị. Thứ ba, thấy người có điều phải thì thầy quyết chí

làm cho bằng được rồi sau đó mới nói, đó là thấy chịu khó học hỏi. Đây là ba điều mà đệ tử chưa học được, chưa bắt chước được”^[1].

Ba điều này nghe rất đơn giản, nhưng khi đem ra thực hành trong cuộc sống thì rất khó. Thứ nhất, thấy người có một điều phải thì mình quên hết một trăm điều trái của họ. Điều này thể hiện đức tính bao dung, độ lượng, tha thứ và thương yêu. Đôi lúc, chúng ta nhìn người khác chỉ thấy mặt trái, mặt xấu, mặt tội lỗi của họ chứ ít khi nhìn mặt tốt. Đây là một đức tính rất quý của Khổng Tử mà chúng ta cần phải học tập, nghĩa là chỉ cần nhìn thấy ở người có một điều tốt là quên hết mọi điều xấu của họ.

Thứ hai, thấy người làm điều phải thì vui mừng như mình có. Đây là điều rất khó thực hiện trong cuộc sống. Không nhìn đâu xa, chúng ta chỉ cần quan sát ngay chùa mình. Trong đại chúng có người nào đó giỏi hơn mình, tài năng hơn mình thì chúng ta cảm thấy không thích. Đó là tâm ganh

^[1] Ôn Như – Nguyễn Văn Ngọc – Tử An – Trần Lê Nhân, *Cổ Học Tinh Hoa*, Ba Điều Khó Học, Nxb Thanh Hóa (2006), trang 174.

tị, đây là tâm lý chung của tất cả chúng ta, chỉ khi gặp trường hợp thực tế mình mới thấy rõ được điều này. Cùng một ngành nghề với nhau người ta dễ phát sinh sự hơn thua, ganh ghét. Cùng học một lớp, cùng một lứa tuổi, nhưng anh này giỏi hơn anh kia, anh kia tài giỏi hơn anh nọ, điều đó đâu dễ chấp nhận. Đôi khi vì không chấp nhận, họ bắt đầu tìm cách này hay cách khác để nói xấu, hạ bệ người giỏi hơn mình.

Có lần thầy trao đổi với một nhạc sĩ về các ca sĩ, thầy nói nên mời ca sĩ này, ca sĩ kia về hát trong các chương trình của chùa, ông ta nói: “Thầy ơi, đừng có mời mấy ca sĩ đó, mấy người đó hát không hay mà chảnh lắm!”. Khi thầy khen nhạc sĩ A sáng tác hay thì ông ta tỏ vẻ khó chịu, không hài lòng. Tâm lý con người là vậy, ai khen mình thì thích, nếu khen người khác thì cảm thấy không được vui.

Hôm trước, thầy có viết một câu chuyện vui và gửi về cho Ban Biên tập để đăng báo: “Có một con gà trống và một con gà mái, hai con ngồi bàn bạc với nhau là con chim này hát hay, con chim kia hát dở. Đang bàn tán sôi nổi, tự nhiên anh gà trống nhà hàng xóm gáy vang: “Ồ ó o o...”. Lúc đó chị gà

mái nói: “Ồ! Anh gà trống này gáy hay quá!”. Khi nghe như vậy, anh gà trống đang nói chuyện bỗng xụ mặt xuống rồi bỏ đi. Trong khi đang bàn tán về tiếng gáy của con chim, tự nhiên nghe con gà mái khen con gà trống nào đó gáy hay, con gà trống này tức giận”. Bởi vậy mới thấy rằng lòng ganh tị trên thế gian này rất lớn.

Điều khó thứ ba, thấy người có điều phải ta quyết chí làm theo cho bằng được rồi sau mới nói. Chúng ta thường rơi vào tình trạng nói giỏi mà làm không giỏi. Đôi lúc mình nói hay, nhưng khi làm thì không ra gì. Khổng Tử hay ở điều này, ngài biết việc gì tốt thì quyết chí làm cho được rồi sau mới nói. Chúng ta làm không được nhưng nói rất giỏi, ngoài đời người ta gọi là “nổ”. Lúc trước có một người đến chùa nói rằng sẽ cúng cái này cúng cái kia, rốt cuộc chẳng thấy cúng cái gì, đó là “nổ”. Chúng ta thường nói mình sẽ thực hiện việc này, thực hiện việc kia, nhưng cuối cùng thì không làm.

Trong cuộc sống, nói và làm là hai vấn đề khác xa nhau, chúng đơn hành không hợp nhất. Nhiều người ngồi trên bục giảng nói rất hay, thế nhưng thực tế bản thân lại chẳng làm được, lời nói và việc

làm của họ hoàn toàn trái ngược nhau. Khi ngồi trên bục giảng thì học thuộc bài rồi nói cho người ta nghe, đó là lý thuyết. Chẳng hạn như khuyên người ta đừng làm việc này, đừng làm việc kia, nên làm điều này, nên làm điều khác, nhưng rốt cuộc bản thân lại làm những việc trái với lương tâm, trái với đạo đức, trường hợp này rất nhiều. Chúng ta đừng thấy một người nào đó nói hay mà nghĩ rằng họ làm hay, nói hay và làm hay là hai việc khác nhau.

Chúng ta đừng thần tượng ai đó quá mức để rồi bị sụp đổ hình tượng. Ngày xưa, mình thấy vị thầy đó thuyết pháp hay nên ngưỡng mộ, bây giờ nhìn thấy ông ta sa đọa, phạm giới, làm những việc sai trái thì mình mất niềm tin với Tam bảo rồi dẫn đến bỏ đạo, điều này không nên. Chúng ta phải biết “nhân hư chứ đạo bất hư”, hư là người hư chứ đạo không bao giờ hư. Do đó, mình vì người hư mà bỏ đạo là không đúng! Những người học thuộc lý thuyết rồi nói lại cho người khác nghe thì rất hay, nhưng họ không thực hành những gì đã học nên không có đạo đức, làm trái với những điều họ nói. Đối với những trường hợp như vậy, chúng ta phải

biết học kiến thức của họ, học những điều hay lẽ phải, còn đạo đức của người ta như thế nào thì đó là việc cá nhân, mình không nên để tâm, nếu để tâm thì đôi khi mất niềm tin vào Tam bảo.

Khổng Tử là một bậc thầy vĩ đại của Trung Quốc đã cho chúng ta ba bài học. Thứ nhất, thấy người có một điều phải thì quên đi một trăm điều xấu của họ. Thứ hai, thấy người có điều phải thì vui mừng như mình có. Thứ ba, thấy người có điều phải thì mình cố gắng làm theo cho bằng được rồi sau đó mới nói. Tăng Tử đánh giá ba điều này: thứ nhất là lòng khoan dung; thứ hai là không có lòng ganh tị; thứ ba là nỗ lực thực hành những điều tốt sau mới nói cho người. Đây là ba điều mà chúng ta phải cố gắng học. Dù biết đó là điều khó chứ không phải đơn giản, không phải dễ thực hiện, nhưng khi thấy điều gì tốt chúng ta phải thực tập theo. Đó là những bài học quý giá mình cần nỗ lực học tập. ☁



Vua giỏi, tướng tài

Đời nhà Trần, có một vị vua rất nổi tiếng với chiến tích đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông hùng mạnh nhất thời bấy giờ, đó chính là Vua Trần Nhân Tông. Vua Trần Nhân Tông lên ngôi từ năm hai mươi tuổi. Trước đó, ngài là một người có sự hiểu biết Phật pháp rất sâu sắc, đã nhiều lần xin vua cha được nhường lại ngôi báu cho em trai để xuất gia tu hành, nhưng không

được chấp thuận. Đến năm mười sáu tuổi, ngài thành thân và sau đó lên ngôi năm hai mươi tuổi.

Thời điểm đó, đất nước rơi vào tình thế rất nguy kịch, quân Nguyên Mông ráo riết chuẩn bị trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Trước đó, quân Nguyên Mông cũng đã xâm lược nước ta nhưng thất bại. Đội quân này rất hùng mạnh, đi đến đâu thì nơi đó thành bình địa. Người ta dùng từ “bách chiến bách thắng” khi nói về đội quân này. Cho nên vào thời đó các nước trên thế giới rất sợ quân Nguyên Mông, ngay cả nhà Tống là một nước lớn mà cũng bị đánh bại. Trong sử sách ghi chép, có một người hỏi vị vua nước Pháp thời đó: “Nếu bây giờ quân Nguyên Mông đánh nước ông thì sao?”. Ông trả lời rất hay: “Một là chúng ta đuổi chúng về địa ngục, nơi mà chúng phát xuất; hai là chúng ta lên thiên đường để hưởng hạnh phúc của Chúa”. Điều đó có nghĩa: Một là chúng chết, hai là mình đi theo Chúa. Điều thứ hai ông đưa ra chắc chắn hơn điều thứ nhất, bởi vì thời đó quân Nguyên Mông đem quân đánh nước nào là thắng nước đó.

Lần đầu, quân Nguyên Mông đem khoảng bốn

mười nghìn đến năm mươi lăm nghìn^[1] quân sang xâm lược nước ta. Tuy nhiên, chúng đã bị nhà Trần đánh cho tan tác và phải chạy về nước. Đội quân ấy khi thua trận chạy về nước đã bị thiệt hại rất nặng khoảng hơn một nửa quân số. Trong sách sử ghi lại, không thể tưởng tượng được số lượng người chết nhiều như thế nào. Bây giờ, động đất và sóng thần xảy ra khiến vài nghìn người chết là đã quá nhiều, vậy mà thời đó chết cả chục nghìn người. Do mối hận này nên quân Nguyên Mông đã ráo riết lên kế hoạch để xâm chiếm Đại Việt một lần nữa. Nỗi nhục bại trận trước một đất nước nhỏ bé của đội quân hùng mạnh nhất thời bấy giờ là điều không dễ bỏ qua.

Lần thứ hai, với quyết tâm “ăn tươi nuốt sống” Đại Việt, quân Nguyên Mông đã huy động tất cả lực lượng hùng mạnh nhất để tiến hành cuộc chiến. Đội quân chuẩn bị đánh nước Nhật chuyển sang đánh nước ta, số lượng quân lính lúc bấy giờ lên đến năm mươi vạn quân^[2]. Trong các

^[1] Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.

^[2] Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.

cuộc chiến tranh Việt Nam sau này, tổng binh lính trong các đợt điều quân của Mỹ sang Việt Nam chỉ khoảng vài trăm nghìn người. Vậy mà chỉ một lần điều binh, quân Nguyên Mông đã huy động tới năm trăm nghìn người, quả thật đáng kinh sợ! Đội quân của họ có kinh nghiệm chiến đấu rất tinh nhuệ, đi đến đâu là thắng tới đó. Thế nhưng trong lần xâm lược thứ hai này thì chúng vẫn bị quân ta đánh bại, chạy bán sống bán chết.

Lần thứ ba, quân Nguyên Mông huy động năm mươi vạn quân và dân binh sang xâm lược^[3], nhưng vẫn bị bại trận dưới tài thao lược của Vua Trần Nhân Tông cùng các tướng lĩnh. Trong lần thứ ba, quân Nguyên Mông đã bị thua một cách thảm hại trên trận chiến sông Bạch Đằng. Tận dụng lợi thế về thủy quân và hỏa quân, Vua Trần Nhân Tông cùng các tướng lĩnh đã dụ địch vào ma trận khiến chúng không thể chống đỡ. Hàng trăm nghìn quân địch đã phải bỏ mạng trong cuộc chiến.

Ba lần quân Nguyên Mông kéo sang xâm lược Đại Việt đều bị thất bại. Trong khi đó, Đại Việt

^[3]Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.

chỉ là một nước nhỏ nhưng lại chiến thắng, còn nhà Tống (miền Nam Trung Quốc ngày nay) xưa cũng là một nước lớn lại bị đánh tới bời. Ngoài Vua Trần Nhân Tông, chúng ta có thể kể đến một trong những người có công lớn trong cuộc chiến chống quân Nguyên Mông, đó là vị tướng Trần Hưng Đạo. Ông là người tham mưu đắc lực cho Vua, cũng như trực tiếp điều binh khiển tướng trong những trận chiến quan trọng. Sự thành công của một cuộc chiến là nhờ vào chiến lược và kế sách: “Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng”. Trần Hưng Đạo đã nghiên cứu rất kỹ về tiềm lực của quân ta và quân địch, những điểm yếu và lợi thế. Trên cơ sở đó, ông cùng bàn kế hoạch tác chiến với Vua Trần Nhân Tông và các tướng lĩnh. Kế hoạch “vườn không nhà trống” rất thành công, quân ta dụ địch vào sâu bên trong xóm làng, thành thị và những khu vực hiểm trở, phân tán lực lượng địch ra rồi đánh úp khi chúng kiệt sức. Nếu không áp dụng chiến lược ấy, chúng ta đối diện nghênh chiến với chúng thì chắc chắn sẽ thua, vì quân ta ít lại không có kinh nghiệm đánh trận trên địa hình đồng bằng và trên lưng ngựa. Trong khi đó, các

vị tướng lĩnh của nhà Nguyên rất tài giỏi, chuyên chiến đấu trên các bình nguyên và sa mạc, quân đội của họ tinh nhuệ và hùng mạnh nhất thời bấy giờ. Nhưng nhờ kế sách hay nên chúng ta đã giành được chiến thắng rất oanh liệt.

Lịch sử ghi lại rằng, khi quân Nguyên Mông đưa quân xâm chiếm nước ta, chúng đã chia theo ba hướng tấn công, mỗi hướng có cả trăm nghìn quân. Vậy mà quân dân ta đã tiêu diệt và đẩy lùi được đội quân hùng hậu ấy, quả không phải là điều đơn giản.

Vua Trần Nhân Tông là một người có công rất lớn đối với đất nước trong công cuộc đánh đuổi quân xâm lược. Qua những chiến công hiển hách của Vua Trần Nhân Tông, chúng ta thấy được tầm quan trọng của các vị tướng tài và những người thân cận. Trong một tập thể hay một tổ chức, vị lãnh đạo rất cần những người cận thần đắc lực. Nếu những người cận thần có tài, có đức, trung thành, biết hy sinh vì lợi ích chung thì tập thể ấy sẽ thành công và vững mạnh.

Trong một ngôi chùa cũng vậy, nếu như vị thầy trụ trì có những người trợ giúp đắc lực vừa

có tài, có đức, có ý chí và trung thành thì ngôi chùa sẽ thành tựu và phát triển vững mạnh; còn nếu chỉ có một mình vị trụ trì thì khó có thể làm được. Cũng như trong các trận chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, mặc dù Vua Trần Nhân Tông rất giỏi, nhưng nếu như không nhờ các vị tướng tài và sự hiệp sức của toàn quân toàn dân thì không thể thành công được. Những nhân tố xung quanh rất quan trọng. Nếu vua giỏi mà quan quân không trung thành, không nhiệt tình, không có cùng tâm huyết thì cũng không thể làm được chiến công to lớn. Cho nên để một tổ chức vững mạnh thì ngoài người lãnh đạo còn phải có những người thân cận tài đức và trung thành. Chùa Hoằng Pháp có được thành tựu như ngày hôm nay không phải do một người nào mà do sự đồng tâm hiệp lực của đại chúng. Một người giỏi mà những người khác yếu kém cũng khó làm được việc. Một người có tâm mà nhiều người không có tâm thì cũng khó thành công. Cho nên phải có sự đồng tâm hiệp lực của nhiều người thì chúng ta mới thành tựu được.

Thông qua cuộc đời của Vua Trần Nhân Tông,

qua sự chiến thắng trong công cuộc đánh đuổi quân xâm lược Nguyên Mông hùng mạnh, chúng ta mới thấy rõ tầm quan trọng của các vị cận thần. Từ đó, chúng ta rút ra được bài học là một tổ chức hay tập thể muốn thành tựu, ngoài người lãnh đạo giỏi còn phải có những người thân cận tài đức và trung thành. 



Họa phúc khôn lường

Trong cuộc sống, có những việc tưởng như là phúc nhưng thật ra lại là họa; có những việc tưởng là họa nhưng hóa ra lại là phúc. Thầy xin kể sơ lược cho đại chúng nghe câu chuyện *Tái ông thất mã*^[1].

Ngày xưa, có một gia đình nông dân nuôi được một con ngựa. Bỗng một hôm, con ngựa

^[1] Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân, *Cổ Học Tinh Hoa*, truyện Họa Phúc Không Lường, Nxb Văn Học (1926).

đi mất, người hàng xóm qua nhà ông chia buồn. Họ nói: “Chúng tôi rất tiếc và chia buồn với gia đình ông vì con ngựa rất tốt, rất quý của ông đã đi mất”. Ông nói: “Biết đâu trong cái họa lại có cái phước”. Một thời gian sau, con ngựa đó trở về và nó dắt thêm một con ngựa cái. Thế là được hai con. Hàng xóm thấy vậy lại qua chia vui: “Chúc mừng gia đình ông vì có thêm một con ngựa nữa”. Ông trả lời: “Biết đâu trong cái phước lại có cái họa”. Một hôm khác, người con trai của ông thấy con ngựa cái này đẹp, thích quá nên tập cưỡi, con ngựa chồm lên làm anh ta ngã và bị gãy chân. Hàng xóm qua chia buồn, ông lại nói: “Biết đâu trong cái họa có cái phước”. Chẳng bao lâu chiến tranh nổ ra, triều đình kêu gọi tất cả thanh niên nhập ngũ để ra chiến trường. Con của ông nhờ gãy chân nên không phải đi, chính vì thế mà được sống, còn những người thanh niên trong làng đi lính đa số đều chết hết.

Câu chuyện này rất hay. Ngụ ý của câu chuyện là trong cái họa có cái phước mà trong cái phước có cái họa. Nhiều khi mình tưởng là phước mà lại thành họa, tưởng là họa mà lại thành phước.

Có một câu chuyện thật xảy ra trong đời này chứ không phải đời xưa, thầy cũng đã kể: Gia đình họ rất mộ đạo và có tín tâm đối với Phật pháp. Trong khi cô con gái của họ lại không tin Phật pháp mà chỉ lo ăn chơi nên hai vợ chồng rất buồn, tìm đủ mọi cách để con mình biết Phật pháp, biết đến chùa. Một hôm, vào dịp lễ Vu lan Báo hiếu, họ khuyên được cô bé đến chùa tham dự. Buổi lễ đã làm cô cảm động và trở thành một người con hiếu thảo. Cũng từ đó, cô bé bắt đầu tự đi chùa. Đây được xem là có phúc.

Hai vợ chồng thấy con mình từ chỗ ăn chơi, hư hỏng, bây giờ trở nên hiếu thảo và biết đi chùa, tụng kinh, niệm Phật nên rất vui mừng. Lúc đầu, thỉnh thoảng cô bé mới đến chùa nhưng càng về sau cô đi nhiều hơn. Cha mẹ thấy con mình chịu khó đi chùa nên cũng mừng. Quả là hạnh phúc! Một hôm, hai vợ chồng nghe người ta bàn tán về con mình. Họ chẳng biết là vấn đề gì, đến khi tìm hiểu ra thì biết được cô bé nảy sinh tình cảm với một Sư chú trong chùa.

Thế là hai vợ chồng cấm không cho cô con gái đi chùa nữa. Cấm thì cấm nhưng cô vẫn cứ đi!

Lúc trước, họ bắt đi thì cô không đi, bây giờ cấm không cho đi thì cô lại cứ đi. Tình cảm phát sinh cho nên không ai ngăn được, có nói cô bé cũng không nghe. Lúc trước cô ở nhà đi chơi lêu lổng, sau khuyên đi chùa được thì thấy mừng, bây giờ lại nảy sinh thêm vấn đề này. Như vậy, rõ ràng phúc đó rồi họa đó.

Chuyện này diễn ra được một thời gian, Sư chú cảm thấy căng thẳng nên đã chuyển sang chùa khác để lánh mặt. Thế nhưng một thời gian sau cô cũng tìm tới. Khi đến ngôi chùa đó, cô được quý thầy thuyết phục và giáo hóa, dần dần cô hiểu ra và thấy việc làm của mình không đúng. Từ đó, cô bắt đầu hướng đạo, một thời gian sau cô phát tâm xuất gia. Cha mẹ cô rất hiểu đạo nên khi thấy con mình có chí nguyện xuất gia thì hạnh phúc vô cùng.

Việc nảy sinh tình cảm nam nữ cũng có xảy ra trong chùa Hoằng Pháp. Khi một người nam với người nữ làm việc cùng nhau rất dễ nảy sinh tình cảm, cho nên đi chùa là tốt nhưng nếu không khéo sẽ trở thành không tốt, phúc đó rồi họa đó. Ngày xưa, tại sao đức Phật phải chế định những điều học giới? Trong mười hai năm đầu, Ngài chưa chế

giới vì chư Tăng lúc đó tu tập rất thanh tịnh. Sau đó, trong Tăng đoàn có người vi phạm, làm những điều sai trái nên đức Phật chế giới. Chùa chúng ta cũng vậy, muốn đạo tràng được trang nghiêm, thanh tịnh, an ổn thì khi có sự việc gì không tốt phát sinh, chúng ta đưa thêm quy định vào nội quy. Nội quy của chùa rất rõ ràng, tuy nhiên những vị đại diện để thực thi đôi khi không nắm rõ, hoặc không thực hiện đến nơi đến chốn nên tình trạng vi phạm tiếp tục xảy ra mà không biết.

Chẳng hạn, chùa có quy định: Những người đến chùa làm công quả chỉ được đăng ký ở bảy ngày, sau đó phải ra về. Như vậy, chúng ta sẽ hạn chế được những vấn đề phát sinh ngoài ý muốn. Mình căn cứ vào quy định này, hết bảy ngày cho về. Những vị nào thật tâm muốn tu thì cho đăng ký ở tiếp, ai có thái độ gì không tốt thì mình sẽ hạn chế. Nội quy rõ ràng như vậy, tổ chức đã đưa ra mình cứ như thế mà thi hành. Đôi khi chúng ta không chú ý, có những người ở nửa tháng, một tháng, hai hay ba tháng nên mới phát sinh ra nhiều vấn đề phức tạp khó lường.

Đối với Phật giáo Nguyên thủy (Nam truyền),

chư Tăng không cho Phật tử vào sinh hoạt trong chùa. Phật giáo Bắc truyền theo tinh thần Đại thừa, muốn độ chúng sinh nên cho cư sĩ ở chùa. Ở các nước theo tư tưởng Phật giáo Nam truyền như Lào, Cambodia, Thái Lan,... trong chùa chỉ có chư Tăng chứ không có Phật tử nên ít phức tạp. Các chùa Bắc truyền ngoài chư Tăng còn có cả nam, nữ cư sĩ công quả nên khó quản lý hơn. Nếu chùa mình có diện tích rộng hơn thì chúng ta chia ra từng khu vực: khu vực chư Tăng tu tập, khu vực dành cho cư sĩ nam, cư sĩ nữ riêng biệt không qua lại lẫn nhau. Bây giờ, chúng ta sống chung một khu, thường tiếp xúc với nhau nên rất dễ nảy sinh tình cảm.

Yêu cầu các chúng trưởng nắm rõ nội quy để thực hiện, những người nào làm đúng theo nội quy mình cho ở lâu dài, ngược lại cứ cho về theo đúng quy định. Bộ phận văn phòng lưu ý khi nhận người vào cũng phải đưa nội quy cho họ đọc để họ biết là hết bảy ngày thì về, như vậy sẽ hạn chế được những vấn đề phức tạp. ☁



Paṭācārā

Cô H trước đây làm phòng vi tính của chùa có biểu hiện bị thần kinh, quý thầy quyết định cho về nhà. Hôm qua, cô nghe được tin này nên khóc và xin được ở lại tu tập. Một số Phật tử công quả trong chùa thấy cô khóc nên động lòng thương, muốn xin quý thầy cho cô ở lại. Điều này thể hiện tinh thần yêu thương huynh đệ đồng tu cùng sống chung với nhau. Nhưng giả sử quý thầy cho cô H

ở lại theo yêu cầu của các Phật tử thì ai là người chăm sóc, lo lắng cho cô H? Bởi vì những người bị thần kinh thường không làm chủ được cảm xúc, suy nghĩ, hành động, lời nói và nhiều lúc có những ý nghĩ tiêu cực. Thí dụ, cô leo lên lầu nhảy xuống thì sao? Ai là người chịu trách nhiệm? Khi nhảy xuống một là chết, hai là bị thương, nếu chết thì khỏe cho cô nhưng chùa sẽ gặp phiền phức vì phải gánh trách nhiệm, còn nếu cô bị thương thì chùa cũng phải lo, gia đình lại càng khổ. Cho nên chúng ta từ bi nhưng phải có trí tuệ đi cùng.

Quý thầy dự định sáng hôm nay mới đưa cô về, nhưng buổi tối sợ không ai coi sóc, theo sát cô liên tục được, biết đâu lúc mình ngủ cô leo lên lan can nhảy xuống thì sao? Cho nên tối hôm qua quý thầy phải đưa cô về nhà luôn.

Trong *Tích truyện Pháp Cú*, có chép một câu chuyện đại ý như sau: “Paṭācārā là con gái của một gia đình giàu có tại Xá Vệ, nhan sắc cô khá đẹp. Khi cô được mười sáu tuổi thì cha mẹ cho ở trên tầng thứ bảy của tòa nhà cao chót vót, có người canh gác cẩn thận, tuy vậy cô vẫn thông gian với người làm công trong nhà mình. Cha mẹ hứa gả

cô cho một chàng trai đồng giai cấp. Vào ngày cưới cận kề cô nói với người yêu của mình hãy tìm cách đưa cô ra khỏi căn nhà càng sớm càng tốt nếu anh thật sự thương cô. Hai người trốn đến một ngôi làng thật xa để sinh sống.

Khi có thai, Paṭācārā muốn về nhà cha mẹ ruột sinh con theo phong tục, nhưng anh chồng không chịu, sợ bị người nhà cô bắt tội và hành hạ. Một ngày nọ khi người chồng vào rừng lấy củi, cô nhờ hàng xóm trông nhà rồi đi về nhà cha mẹ. Người chồng trở về hay tin liền chạy theo, nhưng đi nửa đường cô chuyển dạ sinh một bé trai. Mục đích về nhà cha mẹ coi như không còn ý nghĩa, cả hai quay lại căn nhà nhỏ của mình. Cô mang thai lần thứ hai cũng trở về như lần trước, chồng cô tiếp tục đuổi theo. Trên đường đi một cơn bão ập đến, sấm sét không ngừng, đúng lúc đó cô chuyển dạ. Anh chồng vào rừng kiếm cây làm chòi cho cô trú tạm, thấy một bụi cây trên ụ mối, anh đến giờ rìu chặt xuống thì có một con rắn độc trườn ra cắn anh chết.

Paṭācārā chờ hoài không thấy chồng về, cô chuyển dạ rồi sinh ra đứa thứ hai. Hùng đông hôm sau, cô lằm lũi ôm đứa bé đỏ hỏn trong lòng, tay kia

dắt đứa lớn hơn đi tìm chồng. Paṭācārā dẫn hai đứa con lần theo những dấu vết của chồng thì thấy anh nằm chết trên gò mối. Cô than khóc một hồi lâu rồi đi tiếp đến bờ sông Aciravati. Cơn mưa tối hôm trước làm nước sông dâng cao, cô vừa mới sinh nên còn quá yếu, không thể lội qua cùng một lúc với hai đứa con được. Cô để đứa lớn ở bờ bên này và dùng hai tay nâng đứa nhỏ đi qua bờ bên kia, dự định là quay trở lại rước đứa lớn sau. Nhưng đến giữa dòng, một con diều hâu sà xuống quắp đứa bé, cô hốt hoảng la lên và giơ tay xua con chim cho nó thả đứa nhỏ xuống nhưng không được. Đứa con lớn thấy mẹ vừa la vừa quơ tay tưởng đang gọi mình nên bò xuống và bị nước cuốn trôi. Paṭācārā thần thờ đi về Xá Vệ, gặp một người trong thành vừa đi ra, cô hỏi thăm về gia đình mình thì được họ cho biết là cơn bão tối hôm trước đã làm sập ngôi nhà đè chết tất cả người trong đó. Trong một ngày mất tất cả người thân, cô nghe xong hóa điên tuột hết y phục mà không hay biết, cô cứ trần truồng như thuở mới sinh ra đi lang thang khóc lóc, ai thấy vậy cũng la lên: “Đồ điên”.

Lúc ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp, Ngài thấy

Paṭācārā từ xa đi đến tinh xá, các tỳ kheo không cho vào nhưng Thế Tôn bảo cứ cho vào. Nhờ thần lực của Phật, Paṭācārā lập tức khôi phục tâm trí, ngay đó cô nhận ra mình không có y phục trên người và cảm thấy xấu hổ nên cô vội úp mình xuống đất thì được một người cận sự nam đưa cho cô tấm vải. Mặc xong, cô thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn, con xin quy y Ngài. Con có một đứa con bị điều hâu tha, một đứa bị nước cuốn, chồng và cha mẹ đều chết.

Phật bảo:

– Paṭācārā, con đừng phiền muộn, nay con đã đến gặp người có thể giúp con trú ẩn, cho con nương tựa, những điều con kể đều đúng cả. Cho đến ngày hôm nay, khi trải qua biết bao nhiêu lần sinh rồi tử, luân hồi trong lục đạo, con đã khóc vì con, khóc vì mất người thân, khóc vì bao đau khổ trên thế gian này, nước mắt của chúng sinh đã chảy trong vô lượng kiếp còn nhiều hơn bốn biển.

Thế Tôn giảng về sự luân hồi từ vô thủy, Ngài nói tới đâu, đau buồn của cô giảm tới đó, Phật dạy:

– Paṭācārā, đối với một người trên đường đi qua bên kia thế giới, sẽ không có con cái, bạn bè,

người thân nào làm nơi nương tựa. Con có thể trông đợi họ được bao lâu trong cuộc đời này? Người trí phải biết thanh lọc nội tâm, giữ gìn đạo hạnh của mình, như thế sẽ bước một cách tự do trên con đường dẫn đến giải thoát Niết bàn.

Và Ngài đọc bài kệ:

*“Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha không bà con,
Không thân thích che chở.
Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết bàn”.*

Cuối bài kệ, Paṭācārā chứng quả Dự Lưu và xin Phật cho xuất gia, sau một thời gian tu tập thì đắc quả A La Hán”^[1].

Chúng ta thấy đức Phật độ được cô gái bị điên vì Ngài nhìn thấy được mối tương quan nhân – duyên – quả, biết được công hạnh Ba la mật của người đó đã thành tựu hay chưa, còn chúng ta thì

^[1] *Tích truyện Pháp Cú* tập II, phẩm Nghìn, câu chuyện Paṭācārā Bị Mất Cả Gia Đình, Viên Chiếu, Nxb Tôn giáo (2012), trang 117.

không có khả năng đó nên phải tùy duyên. Nếu thấy sức mình có thể giúp hay độ được thì nên giúp, nên độ cho họ, còn khả năng không có thì không nên. Trong nội quy của chùa có ghi rõ là không nhận người bị thần kinh. Do vậy, việc đưa cô về là đúng.

Nếu quý thầy cho cô ở lại ai sẽ là người đứng ra chăm sóc cho cô, còn mình đưa về gia đình thì người thân của cô sẽ có trách nhiệm và khả năng chăm sóc, trông nom. Các thầy ở chùa phải đi học; các Phật tử cũng phải lo tu tập, công quả; không ai có thời gian cả ngày lẫn đêm để theo sát bên cô. Mình nói được thì phải làm được, như nói: “Thấy tội quá, thầy cho cô đó ở lại đi!”. Nhưng quý thầy cho cô ở lại thì mình có dám nhận trách nhiệm trông nom cô không? Hay lúc đó mình lại từ chối? Nếu có ai đứng ra bảo đảm và lo được, thầy sẽ sẵn sàng cho cô ở lại. Còn mình xin cho người ta ở lại mà né tránh không coi sóc, quan tâm, như vậy mình có lòng mà làm chưa đúng. Chuyện gì cũng phải thực tế một chút. Chúng ta cần phải hiểu và thông cảm cho quý thầy. Từ bi phải có trí tuệ. ☁

Ngày 2 tháng 1 năm 2016



Hạnh phúc tại tâm

Có một nhà hiền triết rất nổi tiếng tên là Socrates. Lúc còn trẻ, Socrates sống chung với những người bạn trong một căn phòng rất chật chội, nhưng lúc nào mọi người cũng thấy Socrates vui vẻ cười đùa nói chuyện với bạn bè. Có người thắc mắc hỏi:

– Tại sao sống trong điều kiện thiếu thốn như thế, bạn bè anh ai cũng than trách đủ thứ phiền

phúc, chỉ có anh là vui vẻ, lạc quan, tươi cười?

Socrates trả lời:

– Tôi rất vui, bởi vì xung quanh tôi luôn có bạn bè, ngày nào cũng được nói chuyện, trao đổi, học tập.

Một thời gian sau, những người bạn của Socrates đều lập gia đình ra ở riêng, còn lại một mình anh, nhưng mọi người thấy lúc nào trên gương mặt của Socrates cũng vui tươi, không có một biểu hiện nào của sự chán nản hay buồn rầu. Anh kia lại thắc mắc hỏi tại sao. Socrates nói:

– Tôi rất hạnh phúc, bởi vì ngày nào tôi cũng có thời gian để đọc sách, mỗi cuốn sách là một vị thầy, ngày nào tôi cũng được các thầy dạy những đạo lý rất hay và thâm sâu.

Một thời gian sau, Socrates lập gia đình. Sau khi lập gia đình, anh đến sống tại một khu chung cư và người ta phân cho anh ở tầng trệt của khu chung cư bảy tầng. Mỗi ngày, những người ở lầu trên hắt nước, vứt rác xuống dưới đất. Nước và rác rơi rớt bay vào nhà, nhưng anh vẫn vui vẻ, không tỏ ra khó chịu hay bức bối. Người kia hỏi:

– Tại sao anh luôn vui tươi khi sống ở một nơi như thế?

Socrates nói:

– Tôi vui bởi vì ở dưới này tôi cảm thấy rất thoải mái. Nhà tôi ở tầng trệt nên không phải đi lên lầu sẽ khỏe hơn, khi có người đến tìm tôi thì không phải đi đâu xa, ở đây tôi còn được trồng cây và trồng rau phía trước nhà mình.

Một thời gian sau nữa, có một người bạn đến nói với Socrates:

– Anh nhường cho tôi căn nhà tầng dưới này, anh chuyển lên ở tầng hai được không? Vì tôi có người bác bị liệt không đi lại được!

Socrates vui vẻ chuyển lên tầng hai. Người bạn thấy khi lên tầng hai ở, Socrates vẫn vui vẻ và ca hát lạc quan. Anh này lại thắc mắc:

– Lên cao thế này rồi mà sao lúc nào anh cũng vui tươi?

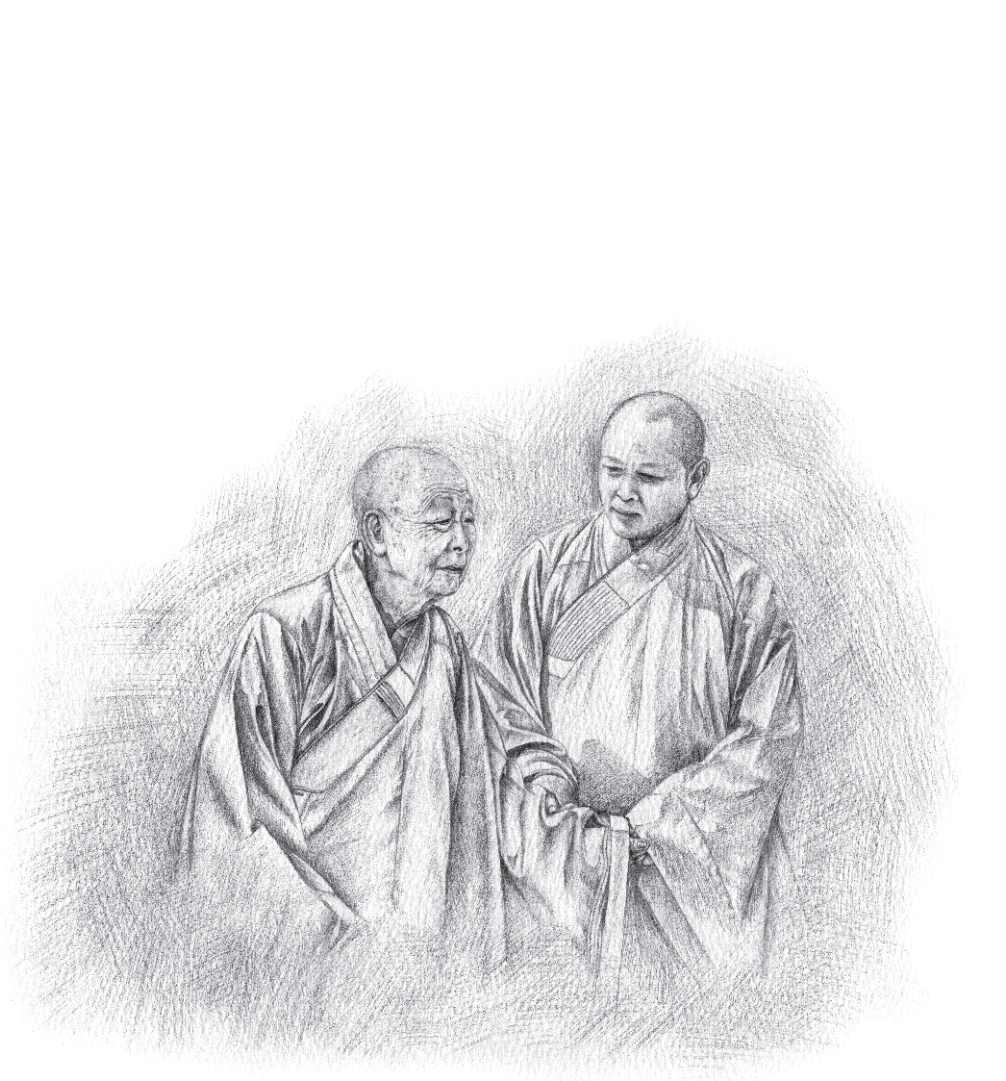
Socrates nói:

– Ở trên này rất tuyệt, mỗi ngày đi lại nhiều lần như thế giúp tôi hoạt động, thể dục cho khỏe mạnh. Ở trên cao có gió mát, có ánh sáng nên khi tôi tiếp khách hay đọc sách cũng rất thuận tiện và đặc biệt trên này không ồn ào, không ai quấy rầy, như vậy là quá sung sướng.

Câu chuyện về Socrates cho chúng ta thấy ông đúng với danh hiệu của một nhà hiền triết, biết sống tùy theo hoàn cảnh để có được niềm vui. Thay vì những người khác, khi gặp chuyện hoặc gặp những hoàn cảnh trắc trở thì họ luôn đau khổ, buồn rầu, khó chịu. Nhưng đối với Socrates thì ngược lại, chúng ta không thấy ở ông những biểu hiện của sự buồn bực, khó chịu, mà chỉ thấy những niềm vui, những điều hay nhất, tốt nhất.

Đây là bài học rất quý giá cho chúng ta. Thông thường, khi sống ở một nơi nào đó không vừa ý thì chúng ta hay khó chịu, buồn bực, phiền não về hoàn cảnh sống và những người xung quanh. Nếu chúng ta biết xoay chuyển tâm mình thì sống ở đâu cũng có được niềm vui, hạnh phúc. Còn nếu ở nơi này chúng ta không hài lòng, rồi đi tìm nơi khác để được hài lòng thì có đi kiếm khắp thế gian này cũng không có nơi nào làm mình hài lòng một trăm phần trăm. Vì sao? Đức Phật đã nói rất rõ: “Thế gian là vô thường. Thân và tâm của chúng ta là vô thường thì làm gì có nơi nào khiến chúng ta hoàn toàn hài lòng một trăm phần trăm”. Nơi này chúng ta khó chịu về phương diện

này sẽ có phương diện khác tốt hơn, còn nơi kia có cái tốt nhưng lại có phiền phức ở mặt khác. Cho nên, không có chỗ nào tốt hoàn toàn mà chỉ là chúng ta có biết tùy duyên, tùy thuận vào hoàn cảnh để sống lạc quan hay không? Người trí biến nghịch cảnh thành thuận cảnh, chuyển phiền não thành Bồ đề. ☁



Cõi lòng nhẹ tựa mây trôi
Bước chân tự tại dạo chơi phong trần.

- THANH LƯƠNG -



Ký họa Hòa thượng Thích Thanh Đức & thầy Chân Tĩnh



Phòng bệnh hơn chữa bệnh

Thời xưa, tại Trung Quốc có một vị đại danh y tên là Biển Thước, ông thường vào cung để thăm bệnh cho Vua Thái Hoàn Công. Một hôm, Biển Thước nói với nhà vua:

– Bệnh của ngài đã phát ra ngoài da nên cần chữa trị gấp, nếu để lâu ngày nó sẽ thâm nhập vào bên trong.

Thái Hoàn Công không tin. Trước khi Biển

Thuốc ra về, vua nói:

– Những thầy thuốc luôn tự cho mình là hay là giỏi, nói ra chỉ là muốn người khác nể phục tài năng của mình.

Thời gian sau vào thăm, Biển Thuốc báo cho vua biết bệnh đã vào tới thịt nên cần chữa gấp, vua cũng không nghe. Thời gian sau nữa, Biển Thuốc vào thăm và nói bệnh của vua đã thấm vào ruột. Nhưng vua vẫn không chữa, vì vua thấy sức khỏe của mình vẫn bình thường, vẫn ăn ngủ tốt, không có bệnh tật gì. Một thời gian sau, khi Biển Thuốc nhìn thấy dung nhan và sắc diện của vua, ông biết rằng bệnh đã ngấm vào xương tủy. Thấy vậy, Biển Thuốc không nói gì lặng lẽ cáo từ ra về.

Nhà vua thấy lạ, không hiểu vì lý do gì Biển Thuốc lại lặng lẽ ra về. Vua cho quân đi theo dò hỏi, Biển Thuốc nói: “Bệnh của vua bây giờ đã ngấm vào đến xương tủy, khó mà chữa được!”. Sau đó Biển Thuốc trốn qua nước Tần, cũng là một nước thuộc Trung Quốc thời bấy giờ. Khi Biển Thuốc qua nước Tần được một thời gian, nhà vua bắt đầu đổ bệnh, liền cho người đi tìm ông nhưng không thấy, nhà vua đã chết một cách đau đớn.

Qua câu chuyện Biển Thước đến cung và xem bệnh cho Vua Thái Hoàn Công, chúng ta rút ra được bài học: “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”. Vị lương y đã báo cho vua biết tình hình bệnh, nhưng với sự chủ quan cho rằng mình khỏe mạnh và không thể bị bệnh, vua xem thường những lời Biển Thước chẩn đoán. Đến khi bệnh đã quá nặng thì chữa trị không được nữa. Bệnh được phát hiện sớm còn dễ dàng điều trị, khi bệnh đã nặng mới lo chữa trị thì sẽ rất khó khăn và tốn kém tiền bạc.

Cũng như thế, khi chúng ta có một tật xấu, nếu mình biết dừng lại và điều chỉnh sẽ không gây ra nhiều tai hại. Ngược lại, nếu mình cứ để việc xấu diễn ra lâu dài cho đến khi thành thói quen, chắc chắn sẽ gây ra nhiều hậu quả to lớn. Thí dụ, khi uống một ly rượu nếu chúng ta ý thức được trong tương lai rượu sẽ tàn phá cơ thể, hủy hoại trí tuệ, phá vỡ hạnh phúc gia đình và gây ra biết bao tội lỗi,... Khi nhận thức được như vậy, mình dừng lại việc uống rượu. Nếu chúng ta cứ tiếp tục uống, khi đã trở thành một con nghiện thì muốn bỏ rất khó khăn và những tai họa do rượu để lại cũng không phải nhỏ.

Ông bà ta thường nói: “Ăn cắp quen tay, ngủ ngày quen mắt”. Những chuyện tưởng chừng rất bình thường như ăn vặt, nhưng khi quen rồi cũng rất khó bỏ, nói chi đến nhiều thứ như thuốc lá, cờ bạc, rượu chè, xì ke, ma túy,... vì chúng rất dễ gây nghiện và nguy hiểm. Chúng gây hại đến sức khỏe, làm hao phí tiền bạc, tiêu tốn thời gian nên chúng ta cần phải tránh xa, vì khi vướng vào sẽ rất khó từ bỏ. Ngay như những thói quen xấu cũng vậy, nếu hôm nay mình nói những chuyện thị phi, việc này lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ hình thành thói quen không tốt, sau này rất khó sửa chữa. Nếu biết ngăn chặn ngay từ đầu, từ bỏ dần những thói quen không tốt sẽ giúp chúng ta không sai phạm lỗi lầm, không gây tai họa cho mình và người khác.

Một đống lửa nhỏ chỉ cần một gáo nước để dập tắt, nhưng nếu chúng ta để nó cháy lan trở thành đám lửa lớn như thảm họa cháy rừng thì phải cần đến hàng trăm xe cứu hỏa, tiêu tốn biết bao nhiêu công sức mới có thể dập tắt được. Một bờ đê ban đầu chỉ có một lỗ nhỏ, nếu chúng ta không sửa chữa, bít nó lại mà để mỗi ngày một lớn rồi dẫn đến vỡ đê, lúc đó muốn chữa cũng rất khó khăn.

Tất cả sự việc đều xuất phát từ nhân ban đầu. Ngay như một thân cây to cũng được bắt đầu bằng một hạt giống rất nhỏ. Nếu chúng ta diệt hạt giống ngay từ đầu sẽ không có cây to. Trong cuộc sống, có rất nhiều thứ khiến con người có thể gây tạo tội lỗi, những tội lỗi ấy được bắt đầu từ những điều rất nhỏ. Nếu ngay lúc nguyên nhân vừa mới phát khởi mà chúng ta biết ngăn chặn, đồng thời có một nghị lực để từ bỏ thì chắc chắn sẽ không xảy ra tai họa về sau.

Nhìn lại bản thân, ai cũng thấy rõ được điều này. Tất cả thói quen đều được bắt đầu từ những hành động lặp đi lặp lại, khi thói quen đã thành và chi phối chúng ta – đạo Phật gọi đó là nghiệp. Nghiệp là những hành động được lặp lại nhiều lần cố ý làm, quyết định làm. Nếu chúng ta bình tâm suy nghĩ lại những điều mình vướng mắc trong cuộc sống, sẽ thấy rõ chúng đều có nguyên nhân đầu tiên. Nếu mình ý thức được và dập tắt nguyên nhân đó sẽ không để lại hậu quả hay gây ảnh hưởng lớn, giống như một vết dầu khi bỏ xuống nước mà mình vớt lên liền thì sẽ không loang ra, để đến khi nó loang rồi thì rất khó thu hồi.

Bệnh của Vua Thái Hoàn Công cũng vậy, lúc đầu Biển Thước đến báo cho vua biết là bệnh vừa mới phát, vua nên chữa trị sẽ sớm khỏi, nhưng do chủ quan cho rằng mình khỏe mạnh không bệnh, đến khi bệnh đã thâm nhập vào xương tủy thì hết thuốc chữa. Cũng vậy, những thói quen xấu khi đã hình thành muốn sửa cũng rất khó.

Chúng ta muốn tránh khỏi những tai họa về sau thì phải có ý thức ngay từ ban đầu. Trong cuốn sách *Bài học ngàn vàng*, có lời khuyên rất hay: “Phàm làm việc gì, trước phải xét đến hậu quả của nó”. Chúng ta cũng vậy, nhiều người có những thói quen không được hay như thích đùa giỡn, nói chơi, đó cũng là một thói quen xấu, nếu mình không cố gắng sửa đổi thì sau này đi tới đâu mình cũng đùa giỡn. Người nói nhiều cũng sẽ thành thói quen, đi đâu cũng hay nói.

Chùa Hoàng Pháp trong tương lai sẽ tổ chức thử máu cho toàn thể chư Tăng cũng như Phật tử. Chúng ta nên xem xét việc kết hợp với một bệnh viện nào đó làm công việc định kỳ này để có thể phát hiện bệnh tật và chữa trị sớm sẽ tốt hơn là khi bệnh nặng rồi mình mới chữa, bởi khi đó

vừa tổn tiền lại vừa tổn hại đến sức khỏe. Vấn đề này quý thầy nên bàn bạc xem xét như thế nào, vì đây là điều rất quan trọng, thứ nhất giúp bảo đảm sức khỏe của đại chúng; thứ hai để phát hiện ra bệnh và kịp thời chữa trị. Hôm trước, thầy Tâm Pháp nói Chủ nhật này sẽ tổ chức thử máu, mọi người nên cố gắng đi để biết tình hình sức khỏe của mình như thế nào, có bệnh gì không để mà điều trị. 

Ngày 11 tháng 11 năm 2010



Hoàng pháp viên

Trong cuộc đời hoàng pháp của đức Phật, chúng ta thấy xuất hiện một vị trưởng giả có tâm từ bi lớn, đó là ông Cấp Cô Độc. Ông là một người giàu có, tốt bụng, hay bố thí và giúp đỡ người khác.

Ngoài nổi tiếng về sự bố thí cúng dường, ông còn là người có tâm hoàng pháp. Chúng ta có thể gọi ông bằng một tên gọi khác là Hoàng pháp viên.

Câu chuyện trích trong kinh *Tạp A Hàm* cho thấy được tâm nguyện hoằng pháp của Trưởng giả Cấp Cô Độc. Câu chuyện được tóm tắt như sau:

“Một thời đức Phật trú tại nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, trong vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn, nếu những người ở trong nhà con đều có lòng tin thanh tịnh thì khi những người này mệnh chung được sinh lên cõi trời chăng?

Khi nghe vậy, đức Phật rất ngạc nhiên và tán thán, cho rằng đây là một câu nói thâm diệu đem lại phước báu, Trưởng giả đã ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử.

Đức Phật hỏi Cấp Cô Độc:

– Có vị tỳ kheo thần lực nào đó đã nói với ông chuyện này chăng?

Cấp Cô Độc thưa:

– Bạch đức Thế Tôn, không.

Đức Phật lại hỏi:

– Hay là có một vị tỳ kheo ni hoặc chư Thiên nào đã nói với ông phải không? Hay là những

người đã nghe ta trình bày vấn đề này rồi nói lại với ông như thế?

Cấp Cô Độc trả lời:

– Bạch đức Thế Tôn, cũng chưa có ai từng nói với con.

Đức Phật tiếp tục hỏi:

– Có lẽ ông đã tự thấy biết những người nhà mình mạng chung được sinh lên cõi trời?

Cấp Cô Độc cũng trả lời rằng:

– Bạch đức Thế Tôn, con chưa từng thấy.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

– Ông không nghe từ vị tỳ kheo Đại đức thần lực, tỳ kheo ni hay là chư Thiên câu nói: “Những người có lòng tin thanh tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng, khi mất sinh lên cõi trời”. Cũng không phải nghe Ta nói hay tự ông nhìn thấy điều đó, vậy làm sao ông lại biết được? Do đâu mà ông nói lên những lời sâu xa đó một cách quả quyết như thế?

Cấp Cô Độc bạch với đức Phật:

– Bạch đức Thế Tôn, không ai nói với con điều này. Nhưng nếu con biết người nào trong gia đình con có thai, con đều khuyên người đó nên vì đứa con trong bụng mà quy y Phật, quy y Pháp, quy y

Tăng. Sau khi đứa bé ra đời, con cũng khuyên đứa bé đó nên Quy y Tam bảo, nên thọ trì Ngũ giới. Những người làm thuê hay những người hạ tiện sống trong gia đình con cũng vậy, cho đến những người khi đến vay tiền con cũng khuyên họ Quy y Tam bảo, phải thọ trì năm giới thì con mới cho mượn tiền. Có người nào vào xin làm công cho gia đình, con bảo rằng nếu thọ Tam quy Ngũ giới thì con mới nhận. Có những người đến buôn bán nô tỳ (ngày xưa hay có việc buôn bán người để làm tôi tớ) con nói nếu người đó chịu Quy y Tam bảo mới mua, còn không thì không mua. Lại nữa, khi nhà con có cúng dường trai Tăng thì con đọc tên cha mẹ, anh em, vợ con, thân bằng quyến thuộc,... và những người thân thuộc quen biết, quốc vương, đại thần, chư Thiên, Long thần, cho đến tôi tớ trong nhà, kể còn người mất đều được đọc tên để xin chú nguyện. Vì con được nghe Thế Tôn dạy nhân duyên xưng tên chú nguyện được sinh lên cõi trời. Hoặc bố thí nhà cửa, ruộng vườn, tài sản,... cho đến bố thí cho chúng sinh một năm nhỏ, do những nhân duyên này được sinh lên cõi trời.

Sau khi nghe như vậy, đức Phật rất tán thán:



– Lành thay, Trưởng giả! Ông nhờ có lòng tin nên nói ra được như vậy. Như Lai đối với điều đó có cái thấy vô thượng, biết vô thượng nên biết rõ những người trong nhà ông mệnh chung đều sinh lên cõi trời”^[1].

Chúng ta thường được nghe câu chuyện gắn liền với cuộc đời Trưởng giả Cấp Cô Độc, đó là việc ông mua đất của Thái tử Kỳ Đà để xây dựng tinh xá Kỳ Viên tại thành Xá Vệ. Giờ đây, chúng ta lại được nghe một câu chuyện cũng rất nổi tiếng về việc giáo hóa của ông khiến những người trong gia đình đều Quy y Tam bảo. Ông khẳng định rằng nếu những người này có lòng tịnh tín thì chắc chắn được sinh lên cõi trời. Đức Phật cũng đã khẳng định tri kiến này là đúng.

Tuy chỉ là một cư sĩ, nhưng Trưởng giả Cấp Cô Độc lại có tâm nguyện hoằng pháp lớn, luôn mong muốn mọi người Quy y Tam bảo, biết tu học Phật pháp. Từ đây phải nhìn lại chùa mình, phải kiểm tra xem những người ở trong chùa đã quy y chưa. Nhiều người ở chùa hằng tháng, hằng năm mà

^[1] ĐTKVN, kinh *Tập A Hàm IV*, kinh số 1.241, VNCPHVN ấn hành (2005), trang 411.

không Quy y Tam bảo. Trưởng giả Cấp Cô Độc chỉ là một cư sĩ mà còn quy định ai đến nhà ông làm công, mượn tiền,... đều phải quy y. Do đó, chúng ta phải nghiêm túc trong chuyện này. Sống ở chùa thì phải Quy y Tam bảo, ở trong chùa lâu rồi mà không quy y, không hiểu biết về Phật pháp thì thật đáng tiếc. Trưởng giả Cấp Cô Độc là cư sĩ tại gia mà còn làm được chuyện này, chẳng lẽ mình lại không làm được?

Hôm trước có một Phật tử từ Mỹ về thăm chùa, Phật tử này đã từng tu ở Vạn Phật Thánh Thành của Hòa thượng Tuyên Hóa, bà kể rằng những người vào đó dự tu phải quy y. Quý thầy bên đó yêu cầu quy y rồi mới cho tham dự khóa tu. Có lẽ quý thầy ở Vạn Phật Thánh Thành học theo gương của ông Cấp Cô Độc.

Cho nên nếu chúng ta chịu khó đọc kinh rồi suy nghĩ, học hỏi thì sẽ tìm thấy những bài học giá trị từ trong đó để ứng dụng vào đời sống tu tập của cá nhân và tập thể, làm cho cuộc sống của mình ngày một tốt đẹp hơn. 

Ngày 1 tháng 12 năm 2012



Đời đạo, đạo đời

Vừa rồi, báo *Tuổi trẻ* có đăng tin một cơ sở sản xuất thu mua thịt heo, mỡ heo ế có mùi hôi thối về để chế biến thành dầu ăn. Thịt heo, mỡ heo được chất đống trên sàn nhà rất bẩn. Sau đó, họ dùng chất khử mùi và đưa vào máy ép thành dầu ăn.

Hiện nay, thực phẩm trên thị trường không bảo đảm chất lượng, trường hợp những người sản xuất vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm xảy ra rất

phổ biến. Có những cơ sở chuyên mua lòng heo thối về, sau đó khử hết mùi hôi rồi chế biến thành xúc xích, pa tê,... Người tiêu dùng chỉ biết mua về ăn, không biết đó là những thực phẩm bẩn và độc hại. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần tăng cường việc kiểm tra nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm cho người dân.

Không chỉ ngoài xã hội mà bộ phận quản lý trong chùa của chúng ta cũng cần có tinh thần trách nhiệm. Thầy đã phân công rất rõ ràng cho những vị tiểu chúng trưởng quản lý các phòng ban. Mỗi tiểu chúng có tầm vài chục người, đơn giản hơn rất nhiều so với việc Chính quyền địa phương phải quản lý cả một khu vực gồm nhiều hộ gia đình. Thế nhưng những vị tiểu chúng trưởng vẫn làm việc thiếu tinh thần trách nhiệm, vì thế thường xảy ra những xích mích trong chúng. Thầy nghĩ những vị tiểu chúng trưởng đều biết hết sự việc, nhưng không dám nói ra hoặc làm ngơ, chỉ đến khi sự việc nghiêm trọng không thể che giấu được mới nói. Những vị tiểu chúng trưởng có tinh thần trách nhiệm sẽ hiểu chúng viên của mình, ai sai phạm cần phải góp ý, xây dựng để họ không lún

sâu vào con đường tội lỗi. Ngoài xã hội thường xảy ra tình trạng hối lộ để cho qua, nhưng mình sống trong chùa chắc chắn không để việc đó xảy ra.

Ngoài đời, những hành vi gây hại đến sức khỏe, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của người khác đều bị lên án. Tại sao chúng ta sống trong chùa lại không góp ý xây dựng đối với những người có hành vi sai trái? Dần dần, chúng ta sẽ mang tư tưởng “mạnh ai nấy sống”, không còn tinh thần đoàn kết, lục hòa, cùng nhau xây dựng Tăng đoàn mà thể hiện rõ nét tư tưởng: “Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”.

Chúng ta phải nghĩ rằng, đạo tràng này giống như cơ thể của mình, nếu một bộ phận trên cơ thể bị mụn nhọt sẽ gây đau nhức cho toàn thân. Cũng vậy, trong tập thể nếu có một người hư hỏng, xấu xa, tội lỗi sẽ ảnh hưởng đến Tăng đoàn và cả ngôi chùa mình ở.

Cho nên chúng ta đều phải có tinh thần trách nhiệm, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng đạo tràng trang nghiêm và thanh tịnh. Nếu mình thấy người nào sai phạm thì phải góp ý với họ, nếu góp ý không được phải thưa lên quý thầy để có biện

pháp giúp đỡ. Khi chúng ta thiếu tinh thần trách nhiệm, chắc chắn đạo tràng sẽ ngày một suy thoái, mất đi sự đoàn kết và thương yêu. Nghiêm trọng hơn những người sai phạm sẽ làm ảnh hưởng đến sự tu tập và niềm an lạc của đại chúng.

Thầy mong những vị tiểu chúng trưởng cần có tinh thần trách nhiệm, gần gũi với đại chúng để kịp thời nhắc nhở những việc làm sai trái giúp đạo tràng ngày một tốt đẹp hơn! ☁

Ngày 31 tháng 10 năm 2014



Nhân, lễ trong nhà Phật

Trong *Cổ học tinh hoa* có những câu chuyện rất hay và súc tích. Những câu chuyện này phát xuất từ điển tích bên Trung Quốc, ý nghĩa mỗi câu chuyện thường được truyền đạt thông qua lời dạy của những bậc Thánh hiền như Mạnh Tử, Khổng Tử, Lão Tử,... Những câu chuyện tuy ngắn nhưng có giá trị rất lớn, thời đại nào cũng có thể đem những bài học này áp dụng vào cuộc sống. Chẳng

hạn như bài *Tự xét mình* của Mạnh Tử.

“Người quân tử sở dĩ khác người là vì lúc nào cũng để tâm đến việc “nhân”, việc “lẽ”.

Đã là người có nhân thì yêu người, đã là người có lễ thì kính người. Mà theo lẽ thường, yêu người thì người sẽ yêu lại, kính người thì người sẽ kính lại.

Người quân tử ăn ở như vậy mà thỉnh thoảng còn có kẻ đem thói ngang ngược đối đãi lại, thì tất nhiên tự xét lại mình, chắc mình còn bất nhân, chắc mình còn vô lễ nên họ mới đối xử với mình như thế, chớ tự đứng không làm gì họ lại ngang ngược với mình được?

Người quân tử xét lại thật mình có nhân, thật mình có lễ, người ta đối đãi với mình vẫn ngang ngược như trước, thì phải xét lại ta có nhân, có lễ thật, nhưng chưa được hết lòng chăng?

Nếu người quân tử xét rằng thật đã hết lòng mà thói người ngang ngược vẫn như trước, thì bấy giờ người quân tử nói:

– Hạng này thật là càn rỡ, người mà đến như vậy thì khác gì loài vật. Đối với loài vật thì ta còn so kè làm chi nữa”.

Nhà Nho luôn đề cao năm đức tính đáng

quý của con người, đó là “nhân, lễ, nghĩa, trí, tín”. Trong năm điều này, một người được xem là quân tử phải hội đủ, đặc biệt là hai yếu tố “nhân” và “lễ”.

Đối với người con Phật, chữ “nhân” được hiểu phổ quát hơn thành lòng từ bi. Người có lòng từ bi không chỉ phát khởi đối với người quen mà cả kẻ lạ; không chỉ với người thương mà cả kẻ ghét; không chỉ trải rộng lòng từ với loài người mà đến cả muôn vật, đến pháp giới chúng sinh, vạn loại hữu tình. Do đó, lòng từ bi trong đạo Phật đã bao hàm “nhân nghĩa” thông thường của thế gian, vượt khỏi đối đãi của “bỉ, thử, nhân, ngã”; hướng con người đến sự an lạc, thanh tịnh, giải thoát.

Đối với “lễ” trong giáo pháp của bậc Thánh, đó là cung kính bậc đáng được cung kính, cúng dường bậc đáng được cúng dường, vì giới luật, đạo đức, công hạnh được xem là nền tảng. Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, đức Phật dạy:

“Dầu cho loại chúng Tăng hay hội chúng nào, này các tỳ kheo, chúng Tăng đệ tử của Như Lai được xem là tối thượng trong tất cả hội chúng ấy. Tức là bốn đôi tám vị, chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng

được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Những ai đặt lòng tin vào chúng Tăng, này các tỳ kheo, họ đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thực tối thượng. Này các tỳ kheo, đây là bốn tin tưởng tối thượng”^[1].

Khi đặt niềm tin vào đúng đối tượng, có sự cung kính và tôn trọng đúng nơi, đúng chỗ mới đem lại phước báu. Một người xuất gia đầu tuổi đời còn nhỏ, tuổi đạo chưa bao nhiêu, nhưng có đạo đức và trí tuệ thì xứng đáng được người đời kính nể. Khi nhìn thấy những người Phật tử lớn tuổi tỏ lòng kính trọng người xuất gia trẻ tuổi thì người thế gian có lẽ cảm thấy không được hài lòng. Họ đâu biết rằng ẩn tàng trong vị tỳ kheo trẻ tuổi kia là những hạt giống Phật tính đang nảy mầm lớn mạnh, giới hạnh và đạo đức vượt xa người thường. Cũng như những điều vị thầy đang thực tập có thể đem lại quả vị giác ngộ giải thoát, trở thành ruộng phước giữa thế gian cho người đời gieo trồng phước đức.

^[1] ĐTKVN, *kinh Tăng Chi Bộ I*, chương IV, phẩm Bánh Xe, phần Các Lòng Tin [trích], VNCPHVN ấn hành (2005), trang 613.

Song, một người xuất gia cũng phải biết khiêm nhường trước sự cung kính ấy, thường quán xét lại bản thân xem có xứng đáng để thọ nhận ân đức đó hay không? Và cố gắng tinh tấn tu tập hơn nữa để xứng đáng với tấm lòng của Phật tử. Sự khiêm nhường giúp nâng tầm giá trị của một con người. Thuở đức Phật còn tại thế, có câu chuyện của Trưởng lão Xá Lợi Phất được một vị sa di chỉ cho tấm y hạ của ngài chưa được nghiêm chỉnh, Trưởng lão đã mỉm cười và cúi đầu cảm ơn vị sa di. Đây là một bài học quý báu cho người đời sau chiêm nghiệm.

Khi hành xử trong cuộc sống, đôi lúc xảy ra những điều nghịch lý mà mình không thể lường trước được, không phải cứ yêu thương người là người yêu thương lại, không phải cứ kính lễ người thì người tất kính lại. Khi đối diện với những trường hợp như thế, Mạnh Tử dạy ta phải ba lần quán xét lại bản thân. Lần thứ nhất xem mình có phạm phải lỗi lầm nhỏ nhặt nào không, chắc có vô lễ bất nhân chút ít với người ta, chứ hà cớ gì họ lại đối xử với mình như thế? Lần thứ hai nếu thấy mình thật có lễ thì xem đã hết lòng chưa. Đến

lần thứ ba, thấy mình đã hết lòng mà họ vẫn xem thường thì chúng ta không nên quan tâm nữa, bởi những người như thế không đáng cho ta phải bận lòng, những hạng người này không cần giao tiếp, không cần thiết lập mối quan hệ, vì chúng ta có tốt như thế nào thì họ cũng không nhận thức được, từ đó đem đến cho ta phiền não.

Người xưa có câu: “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân”, nghĩa là đầu tiên phải trách mình, sau đó hãy trách người; trước khi trách người thì phải xem lại bản thân đã tốt chưa, đã thành thật chưa, có chuyên tâm chưa, từng hành động, lời nói có làm cho người phiền lòng hay không? Nếu quán xét thấy không sai phạm và đã hết lòng thì chúng ta hãy cứ bình tâm và buông xả, tùy duyên mà tiếp ứng. Người có duyên với ta thì ta ứng xử, đối đãi, hóa độ; người không duyên thì chớ nặng lòng, vì mình có cố gắng cách mấy người ta cũng không thể chuyển hóa.

Theo lẽ thường, nếu mình đứng trước gương cười thì hình ảnh trong đó cũng cười, mình phẫn nộ thì hình ảnh trong đó cũng phẫn nộ. Tương tự như thế, nếu mình có lòng nhân, có lẽ nghĩ,

có tâm thương yêu người, biết tôn trọng người thì tất nhiên người ta sẽ thương yêu và tôn trọng lại mình. Nhưng cũng có những trường hợp đặc biệt, đó là lúc chúng ta cần vận dụng trí tuệ xử lý sao cho thuận lòng người, vừa lòng mình, không phương hại đến ai mà cũng không làm bản thân phải phiền não. Đức Phật dạy chúng ta thường phải quán xét lại mình. “Tự tịnh kỳ ý” là làm sao cho tâm ý của ta được trong sạch. Nếu chỉ nhìn ra bên ngoài và thấy lỗi của người khác mà không biết quán xét bản thân thì đôi lúc mình sẽ phạm phải sai lầm. Thường xuyên nhìn vào bên trong và tự thấy lỗi để sửa đổi thì chắc chắn mỗi ngày mình sẽ tốt hơn. 

Ngày 20 tháng 2 năm 2014



Thương nhân cầu tài

Trong kinh *Trung A Hàm*^[1], đức Phật có kể một câu chuyện: “Vào thuở quá khứ, có một nhóm thương buôn vào biển tìm kho báu. Trong biển ấy có loài quỷ La Sát cư trú, chúng thường ăn thịt người.

^[1]ĐTKVN, kinh *Trung A Hàm III*, phẩm Đại, kinh Thương Nhân Cầu Tài, VNCPHVN ấn hành (1993), trang 273.

Lúc ấy, chẳng may biển nổi gió lớn làm chìm thuyền của nhóm thương buôn. Do đã chuẩn bị trước những thứ phòng hộ, những thương buôn này không chết mà trôi dạt vào một hòn đảo, đây chính là thành lũy của quỷ La Sát. Từ xa, La Sát trông thấy khách buôn đi tới thì vô cùng vui mừng, chúng liền hóa hiện thành những thiếu nữ rất xinh đẹp để chào đón họ. Những thương buôn nhìn thấy các cô gái xinh đẹp liền khởi tâm đắm trước. Về sau họ lấy những cô gái đó làm vợ. Những cô gái đưa ra quy định cấm bất cứ người nào đi về phía Nam.

Trong số những thương nhân, có vị thương chủ là một người trí thức, vì không tham đắm sắc dục nên ông vẫn sống một mình. Nghi ngờ quy định của những cô gái, vị thương chủ đã đi về phía Nam để tìm hiểu nguyên nhân.

Đến nơi, vị thương chủ nghe những tiếng rên la phát ra từ một tòa thành rất cao. Vị thương chủ leo lên một ngọn cây, nhìn vào bên trong thành thấy có rất nhiều người bị nhốt. Ông tìm cách hỏi những người bị nhốt thì được họ kể lại rằng: “Chúng tôi cũng là những thương buôn đi biển

tìm kiếm châu báu, thuyền gặp nạn nên chúng tôi bị trôi dạt vào hòn đảo này. Sau đó, những người trong đoàn đã lấy những cô gái trên hòn đảo làm vợ. Một thời gian sau, có chiếc thuyền khác bị đắm và những thương buôn trên thuyền đó cũng trôi dạt vào hòn đảo. Những cô gái này liền bắt chúng tôi đem giam vào thành để ăn thịt dần dần, vì các cô gái chính là quý La Sát. Số lượng thương buôn bị giam trong thành lúc đầu rất đông, nhưng bây giờ đã bị quý La Sát ăn thịt gần hết”.

Những người này chỉ cho vị thương chủ cách trốn thoát: “Vào ngày rằm hằng tháng, một con mã vương sẽ xuất hiện. Những người nào muốn trốn về thì hãy leo lên lưng con mã vương sẽ được chở đi. Nhưng khi ngồi trên lưng con mã vương, nếu những người vợ La Sát có xuất hiện than khóc, các vị muốn thoát chết thì không được quyến luyến, nếu không sẽ bị rơi vào bẫy của chúng”. Nghe xong câu chuyện, vị thương chủ rất sợ hãi. Ông quay trở lại nơi những người bạn và kể cho họ nghe để tìm cách trốn thoát”.

Đức Phật kể đến đó rồi nói rằng: “Pháp của ta được tuyên bố giống như phao cứu hộ giúp người

vượt qua biển sinh tử. Vị tỳ kheo nào còn chấp thân, còn ham muốn về ngũ dục thì thế nào cũng bị quỷ La Sát ăn thịt. Vị tỳ kheo nào không còn chấp thân, không còn tham đắm ngũ dục, cũng như được ngồi trên lưng con mã vương, chỉ một thoáng là đến được bến bờ an vui”.

Đại ý câu chuyện đức Phật dạy: Nếu những người nào tu tập mà còn tham đắm vào năm thú dục lạc là tiền bạc, sắc đẹp, danh lợi, ăn ngon, ngủ kỹ, sẽ dẫn đến sa đọa, đau khổ, giống như nhóm thương buôn vì mê sắc đẹp mà bị quỷ La Sát ăn thịt. Nếu không dính mắc vào ngũ dục, không bị vô minh làm mê mờ, không còn chấp ngã, sẽ đến được bến bờ an vui, giải thoát, cũng giống như được ngồi lên lưng con mã vương để trở về quê hương, xứ sở vậy. 

Ngày 17 tháng 3 năm 2014



Lòng càng đố kỵ ghét ganh
Đời càng bít lối độc hành đơn côi.

- THANH LƯƠNG -



Câu chuyện về Bà la môn Phạm Ma

Trong bộ kinh *Trung A Hàm*^[1] có một bài kinh tên là Phạm Ma. Nội dung bài kinh kể về một Bà la môn tên Phạm Ma giàu có, là người có địa vị, đạo đức, được mọi người tôn kính, uy tín của ông ta ảnh hưởng rất lớn đến xã hội lúc

^[1] ĐTKVN, kinh *Trung A Hàm*, phẩm Phạm Chí, kinh Phạm Ma, VNCPHVN ấn hành (1993), trang 601.

bấy giờ. Ông chưa nhìn thấy đức Phật mà chỉ nghe danh Ngài là người có ba mươi hai tướng tốt, có đạo đức và ảnh hưởng rất lớn đối với quần chúng, cho nên ông rất ngưỡng mộ. Ông có một người đệ tử tên là Ưu Đa La cũng rất kính phục đức Phật.

Một hôm, đức Phật đến trú xứ của vị Bà la môn này an cư trong ba tháng hạ. Ông Bà la môn cho người đệ tử Ưu Đa La đến chỗ đức Phật để tìm hiểu những tin đồn về Ngài lâu nay có đúng hay không? Người đệ tử vâng lời thầy, tìm đến chỗ đức Phật xin được ở lại tu tập. Theo lời thầy dặn dò, Ưu Đa La đã quan sát đức Phật, từ ba mươi hai tướng tốt cho đến các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi,... cũng như sự tu học của Ngài rất kỹ. Sau thời gian quy định, Ưu Đa La trở về kể lại những gì mắt thấy tai nghe cho vị thầy của mình được biết. Sau đó, Ưu Đa La xin phép thầy đến chỗ đức Phật để được xuất gia.

Trở lại câu chuyện Bà la môn Phạm Ma, ông sai đệ tử đến tìm hiểu đức Phật. Người đệ tử ở lại tinh xá một thời gian rồi cũng về xin thầy mình cho phép được xuất gia. Ông Phạm Ma đồng ý.

Khi nghe đệ tử kể về đức Phật, ông biết rõ đức độ của Ngài nên rất hoan hỷ. Sau đó, ông cũng tìm đến gặp Phật và nhìn thấy được ba mươi hai tướng tốt cũng như oai nghi của Ngài. Một lần, nghe đức Phật thuyết pháp, ông đã xin Quy y Tam bảo trở thành đệ tử tại gia.

Sau khi Bà la môn Phạm Ma trở thành đệ tử tại gia, rất nhiều Bà la môn khác nghe được tin này vô cùng ngưỡng mộ đức Phật nên tìm đến Quy y Tam bảo. Việc quy y của Bà la môn Phạm Ma đã ảnh hưởng rất lớn đến họ. Ban đầu, đệ tử của Bà la môn Phạm Ma là Ưu Đa La đến gặp đức Phật không phải để xuất gia mà là tìm hiểu những tin đồn về Ngài có đúng hay không? Thế nhưng, vì cảm phục đức hạnh của đức Phật nên Ưu Đa La đã xin được xuất gia, đây là sự việc rất hi hữu. Khi một người có địa vị và uy tín trong xã hội như Bà la môn Phạm Ma tìm hiểu Phật pháp sẽ tạo sức ảnh hưởng rất lớn đến quần chúng, việc hoằng pháp lợi sinh từ đó được thuận lợi.

Trước đây, thầy có giảng bài pháp. Nội dung bài pháp nêu ra những vấn đề mà đức Phật đã dạy người xuất gia. Nếu người nào muốn tu tập giải

thoát thì nên tìm đến những nơi có giới luật, có pháp tu và có pháp học, dù nơi đó khổ đến mấy cũng phải cố gắng ở tu tập. Ngược lại, những nơi cung cấp đầy đủ về vật chất, ăn ở được thoải mái nhưng lại không có pháp học, không có pháp tu, không thanh tịnh và cũng không đưa con người hướng đến con đường giác ngộ giải thoát thì chúng ta không nên ở. Những nơi nào có đầy đủ vật chất, nơi ăn, chỗ ở, lại có đầy đủ pháp học, pháp tu được xem là nơi lý tưởng nhất để người con Phật trở về nương tựa.

Đức Phật là người có phước báu nhiều đời nhiều kiếp nên khi sinh ra Ngài có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, còn chúng ta là phàm phu thiếu phước, cũng được sinh ra làm người nhưng tìm một tướng tốt cũng rất khó.

Chính phước tướng của Ngài đã cảm hóa rất nhiều người, cụ thể là ông Bà la môn Phạm Ma. Đối với việc giáo hóa, nếu chúng ta kết duyên với những người có địa vị, có uy tín, hay các vị lãnh đạo trong Chính quyền thì sẽ đem lại lợi ích rất lớn cho Phật pháp, việc hoằng pháp lợi sinh sẽ rất thuận lợi. Đây là những bài học kinh nghiệm cho

người xuất gia được rút ra từ bài kinh *Phạm Ma*
trong bộ kinh *Trung A Hàm*. 

Ngày 18 tháng 3 năm 2014



Ba chỗ dựa của giấc cướp

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*^[1], đức Phật dạy:

“Do đầy đủ ba điều kiện, này các tỳ kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp trộm một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp. Thế nào là ba?”

^[1]ĐTKVN, kinh *Tăng Chi Bộ* I, chương Ba Pháp, phẩm Tiểu Phẩm, bài kinh Giấc Cướp, VNCPHVN ấn hành (2018), trang 185.

Ở đây, này các tỳ kheo, tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm, dựa vào kẻ có quyền lực”.

Một băng cướp có tổ chức sẽ dựa vào ba điều kiện: sự quanh co hiểm trở, rừng rậm và kẻ có quyền lực để hoạt động, cướp bóc tài sản của người dân cũng như các thương buôn.

Thế nào là dựa vào sự quanh co hiểm trở? Trong kinh, đức Phật nói:

“Và thế nào, này các tỳ kheo, là tên cướp lớn dựa vào quanh co hiểm trở? Ở đây, này các tỳ kheo, tên cướp lớn dựa vào con sông khó lội qua hay sự quanh co hiểm trở của núi non. Như vậy, này các tỳ kheo, là tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở”.

Từ xưa đến nay, các băng nhóm tội phạm luôn dựa vào địa hình địa thế như thế núi, thế sông hoặc những nơi hiểm trở để hoạt động, đặt sào huyệt hay tổ chức các cuộc càn quét cướp bóc với quy mô lớn. Núi là nơi vắng vẻ, khó khăn, hiểm trở và ít người qua lại; sông cũng là khu vực hoang vắng, nước xoáy hoặc nước xiết, di chuyển khó khăn,... là những nơi dễ dàng thực hiện các hành vi tội ác, tránh sự truy lùng của Chính quyền hay sự rượt

đuổi của lực lượng an ninh. Những nơi này người ta khó phát hiện ra, lại có nhiều lối thoát thân, nếu bị truy đuổi thì tên cướp cũng sẽ có đường riêng để trốn thoát.

Thí dụ, những tên cướp hành xử ở những khúc sông, khi bị rượt bắt thì chúng băng qua dòng nước để tẩu thoát. Những người đuổi theo bị con sông ngăn chặn, thứ nhất là không có thuyền bè nên không qua sông được, hoặc dù có thuyền cũng mất nhiều thời gian nên không đuổi kịp. Bọn cướp lựa những con suối chảy xiết, chỉ cần chúng băng qua suối nước sâu thì những người đuổi theo chỉ biết đứng bên này nhìn theo, qua được bờ kia suối thì bọn cướp cũng đã đi mất.

Thứ hai là dựa vào rừng rậm:

“Và này các tỳ kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào rừng rậm? Ở đây, này các tỳ kheo, tên cướp lớn dựa vào rừng rậm cỏ, hay rừng rậm cây, hay khóm rừng, hay đám rừng lớn rậm. Như vậy, này các tỳ kheo, tên cướp lớn dựa vào rừng rậm”.

Rừng rậm là nơi có nhiều cây lâu năm, những bụi cây cao lớn, rậm rạp, cho nên bọn cướp chạy trốn vào đó thì khó mà tìm được. Đặc biệt, những

bằng cướp có tổ chức sẽ đào những đường hầm thoát thân bên trong những bụi rậm rồi nguy trang phía bên trên. Khi bị rượt đuổi, bọn chúng chui xuống hầm để trốn thoát. Những người rượt theo không thể biết được vị trí những lối đi bí mật này, bởi vì rừng rộng mênh mông, không biết đường nào tìm kiếm, chỉ có những người làm đường hầm mới biết được chính xác. Những người ăn cướp có tổ chức rất tinh vi, chuẩn bị kỹ lưỡng, phòng khi những người bị mình cướp tấn công lại thì chúng cũng có chỗ để ẩn nấp và trốn thoát an toàn.

Thứ ba là dựa vào quyền lực:

“Và này các tỳ kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực? Ở đây, này các tỳ kheo, tên cướp lớn dựa vào vua hay các vị đại thần của vua và nghĩ như sau: “Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy hay các vị đại thần của vua ấy sẽ giải thích, cứu thoát ta”. Và thật sự là như vậy. Như vậy, này các tỳ kheo, tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực”.

Ngày xưa cũng như ngày nay, những tổ chức cướp lớn sẽ hối lộ Chính quyền địa phương, thông đồng với bộ phận quản lý khu vực. Họ công khai

ăn cướp, làm những điều phạm pháp, xấu xa, tội lỗi mà không ai dám nói. Đằng sau các băng đảng lớn là cả một thế lực ô dù chống lưng, che chở, bảo hộ. Khi chúng phạm tội, những quan chức này có thể ngụy trang bằng cách cử người đi bắt về xử lý, nhưng chỉ giam chúng được một thời gian ngắn rồi thả ra, bởi vì những tổ chức này đã dùng tiền mua chuộc từ Trung ương đến địa phương. Nếu ở trong tù, mang hình thức tội phạm, bọn chúng vẫn rất thoải mái, được đối xử đặc biệt hơn những người bình thường phạm tội, thậm chí ở trong tù vẫn có thể điều khiển đàn em bên ngoài. Đây là những tên cướp dựa vào quyền lực.

Qua câu chuyện của những người ăn cướp, đức Phật nói đến các ác tỳ kheo:

“Cũng vậy, này các tỳ kheo, vị ác tỳ kheo đầy đủ ba pháp, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là ba?

Ở đây, này các tỳ kheo, ác tỳ kheo dựa vào quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm và dựa vào kẻ có quyền lực”.

Trong bài kinh, đức Phật dùng hình ảnh kẻ

cướp làm thí dụ với ác tỳ kheo.

“Và này các tỳ kheo, thế nào là ác tỳ kheo dựa vào sự hiểm trở? Ở đây, này các tỳ kheo, ác tỳ kheo đầy đủ với thân hành quanh co hiểm trở, với ngữ hành quanh co hiểm trở, với ý hành quanh co hiểm trở. Như vậy, này các tỳ kheo, là ác tỳ kheo dựa vào sự quanh co hiểm trở”.

Thân làm ba nghiệp ác: sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Khẩu tạo bốn nghiệp ác: nói dối, nói đâm thọc, nói lời ác, nói lời phù phiếm. Ý phạm ba nghiệp ác: tham, sân, si. Có những người tạo ác nghiệp thông qua thân hành, khẩu hành, ý hành nhưng cứ chối bỏ, quanh co, không nhận tội, không sám hối, cũng giống như những tên cướp chạy vào những nơi hiểm trở quanh co, không ai có thể tìm ra được. Những ác tỳ kheo khi có lời nói ác, hành động ác, ý nghĩ ác nhưng không dám nhận sai lầm; khi bị chỉ lỗi, khiển trách lại tìm mọi cách để ngụy biện, quanh co để chối tội, cho rằng mình trong sạch và thanh tịnh. Đó là hạng người thứ nhất bị đức Phật khiển trách và so sánh như bọn cướp dựa vào rừng rậm.

Trên thực tế, thầy thấy có nhiều vị nói xấu

người khác, xuyên tạc, vu khống và đâm thọc. Thế nhưng khi thấy đến khuyên răn, khiển trách thì họ dứt khoát chối lỗi, nói mình vô tội. Họ tìm đủ mọi cách để ngụy biện và bào chữa cho cái sai. Có những người phạm vào giới luật và nội quy, mình có chứng cứ rõ ràng nhưng họ vẫn cứ chối.

Trước đây, trong chùa mình có trường hợp một chú sa di thương một cô Phật tử, rồi hai người rủ nhau đi khách sạn. Sau đó, họ vẫn thường trò chuyện tâm sự qua Zalo. Phần mềm Zalo mặc định lưu lại tin nhắn của hai người. Tối hôm đó, chú này trò chuyện bằng Zalo với cô Phật tử nhưng lại quên tắt biểu tượng “chat”. Sáng hôm sau, khi chú đi học có huynh đệ ở chùa mượn điện thoại thì vô tình mở Zalo lên thấy vẫn còn hiển thị những dòng tin nhắn. Thấy biết được, cho in những tin nhắn đó ra để làm bằng chứng. Thầy gọi chú lên phòng để hỏi rõ sự việc. Thầy hỏi:

- Chú có quen cô A rồi đi khách sạn với cô ta không?
- Mô Phật, bạch Sư phụ con không ạ!
- Chú khai thật đi. Thầy biết hết rồi.
- Dạ không, chắc chắn không có. Không biết

ai vu khống con, nói xuyên tạc như vậy để hãm hại con.

– Chú nói thật đi. Thấy có bằng chứng đó, chú không thể nào chối cãi được đâu.

– Dạ, không có thật ạ.

– Nếu bây giờ thấy đưa ra bằng chứng thì sao?

– Dạ, bằng chứng đó chắc có vấn đề.

Thầy đưa cho chú xem tờ giấy in tin nhắn.

– Chú xem đi.

– Ôi! Cái này... là hồi con chưa đi tu. Con có người yêu nên rủ cô ta đi chơi. Từ lúc xuất gia đến giờ con không có liên lạc lại ạ.

– Chú nói thật không?

– Dạ. Đó là từ mấy năm trước, lúc còn ở tại gia con có người yêu, cũng thường đi chơi với nhau, nhưng từ khi xuất gia đến giờ con cắt đứt liên lạc rồi.

– Chú có chắc không?

– Dạ chắc. Cái này lâu lắm rồi.

Thầy chỉ chú:

– Ngày giờ hôm qua đây. Chú xem kỹ đi!

Trong Zalo có lưu lại ngày giờ cuộc nói chuyện. Chú sa di lúc này mới ngó người ra, không còn

miệng lưỡi nào để biện minh cho hành vi sai trái. Lúc đó, chú mới nhận tội và chịu hình phạt trục xuất khỏi Tăng đoàn. Từ đầu cho đến khi đưa ra tờ giấy, chú vẫn sợ tội mà khẳng khái cãi lại cho bằng được. Đức Phật nói ác tỳ kheo quanh co, hiểm trở, khuất lấp là như vậy. Khi mình đã sai phạm thì nguy biện, tìm đủ mọi cách bào chữa để mình được vô tội.

Thầy lấy thí dụ khác là trường hợp của thầy A ở ngoài Phú Quốc. Thầy cho tiền mua đất để thành lập ngôi chùa một hecta, nhưng sau một thời gian thầy A cắt một nửa đất đem bán. Khi sự việc được đưa ra Chính quyền, thầy A nói tiền mua đất là do cha mẹ cho, vậy hóa ra thầy vu cáo rồi đi ăn cướp đất của thầy ấy hay sao? Ai trong chùa cũng biết sự việc thầy cho tiền các chi nhánh mua đất, chùa ngoài Phú Quốc cũng không ngoại lệ. Thế nhưng thầy ấy cứ nói đó là đất của mình, do gia đình mua chứ không phải đất chùa. Người ăn cướp trắng trợn như thế gọi là ác tỳ kheo quanh co, hiểm trở.

Thứ hai là dựa vào rừng rậm.

“Và này các tỳ kheo, thế nào là ác tỳ kheo dựa vào rừng rậm? Ở đây, này các tỳ kheo, ác tỳ kheo

có tà kiến, đầy đủ những tri kiến đi đến cực đoan. Như vậy, này các tỳ kheo, là ác tỳ kheo dựa vào rừng rậm”.

Rừng rậm đối với ác tỳ kheo là gì? Đức Phật nói là tà kiến. Điều này rất nguy hiểm. Ngoài đời, người ta nói bác sĩ không cẩn thận có thể làm chết người, thầy giáo không đủ kiến thức và đạo đức có thể làm hư một hoặc một vài thế hệ. Người xuất gia là bậc thầy hướng dẫn tâm linh cho người khác, nếu tu tập sai đường sẽ làm nguy hại cho nhiều người trong nhiều kiếp luân hồi. Người chất chứa tà kiến tu sai phương pháp, không có kết quả rồi đây sẽ bị đọa xuống địa ngục. Thế nhưng không phải chỉ có một mình họ chịu khổ đau. Họ dạy người ta tu, viết sách hướng dẫn cách thức tu tập theo pháp môn mà mình sáng lập ra, đó là đưa người khác đến chỗ sa đọa. Thấy sai đường, trò cũng sai theo. Đức Phật lấy thí dụ giống như một người mù dắt cả đám người mù theo sau, kết cục cả thầy lẫn trò đều rơi vào hầm hố, bị tổn hại, thương vong.

Hiện tại, tà kiến rất nhiều và khắp mọi nơi, không chỉ ngoài đạo Phật mà cả những người xuất

gia theo đức Phật. Người ta mang danh Phật giáo, nhưng lại làm những điều trái với lời dạy của đức Phật, bày ra đủ chuyện mê tín dị đoan, thần quyền, hướng Phật tử vào con đường sai lạc. Thấy nghĩ những người đó mang tội rất nặng, vì đã sai mà còn kéo theo số đông cùng sai với mình.

Chúng ta xuất gia vì mục đích thượng cầu hạ hóa, đi theo lý tưởng giác ngộ giải thoát, không phải vì danh vì lợi hay miếng cơm manh áo. Vậy mà đôi lúc vì những thứ phù phiếm đó mình lại bày ra lắm điều mê tín dị đoan, đưa người ta vào con đường tà. Chúng ta nghĩ mình lấy phương tiện để độ sinh, muốn hoằng pháp được phải có tiền, mà muốn có tiền thì cần phải làm gì đó để thu hút Phật tử. Cách nghĩ của chúng ta không sai, nhưng phương thức thực hiện của mình có vấn đề. Nếu mình suốt ngày chạy theo nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng sẽ khó có thể nào dừng lại được, khó mà quay về được chính đạo. Đến một lúc nào đó, bản thân mình bị mờ mắt và hư hỏng bởi đồng tiền mà không hay.

Anh em thử nghĩ, mình đi tu để làm gì? Vì mục đích gì mà chúng ta bỏ nhà cửa, cha mẹ để

vào chùa tu? Đó là vì con đường giải thoát. Chúng ta yêu đạo, mến đạo và mong muốn hướng dẫn chúng sinh thoát khỏi bờ mê để đi theo con đường Chính pháp. Nếu mình không có đủ khả năng hướng người khác đến được với Chính pháp thì cũng đừng dẫn họ đi vào con đường tà pháp. Chúng ta đừng vì tiền bạc, danh vọng, địa vị mà đánh mất đi mục đích cao đẹp lý tưởng ban đầu.

Hôm trước, quý thầy có xem qua một clip ngắn tổng hợp hình ảnh một số vị Tăng làm những điều sai với Chính pháp. Trong đó có đoạn về một ông thầy cầm một hình nộm ngựa để cúng. Đôi khi, chúng ta nói đó là phương tiện, nhưng phương tiện này không đúng. Nếu chúng ta bắt buộc dĩ phải dùng phương tiện để dẫn dụ người ta đến chùa thì cũng chỉ vào lúc ban đầu. Thời gian sau phải giảng rõ cho họ hiểu, đâu phải mình bày phương tiện mãi, đó là mình mong cầu lợi dưỡng rồi đưa Phật tử vào con đường mê tín.

Đốt hóa vàng mã, xin xăm bói quẻ, cúng sao giải hạn, xem ngày tháng tốt xấu đâu phải là Chính pháp. Mình hướng dẫn người ta cầu cái này, xin cái kia, khẩn vái cái nọ là đúng hay sai? Đức Phật

đâu có dạy mình làm những điều đó. Đây rõ ràng là tà kiến mà đức Phật từng dạy chúng ta phải từ bỏ, tránh xa. Đoạn kinh nói ác tỳ kheo dựa vào rừng rậm, mà rừng rậm chính là tà kiến.

Thứ ba là dựa vào quyền lực:

“Và này các tỳ kheo, thế nào là ác tỳ kheo dựa vào kẻ có quyền lực? Ở đây, này các tỳ kheo, dựa vào các vua hay các đại thần của vua, ác tỳ kheo nghĩ rằng: “Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy hay các đại thần của vua ấy sẽ giải thích, cứu thoát ta”. Và thực sự là như vậy. Như vậy, này các tỳ kheo, là ác tỳ kheo dựa vào kẻ có quyền lực”.

Những người đang trần trở về sự tồn vong của Phật giáo rất đau lòng khi vấn đề này đã và đang diễn ra ngay trong nội bộ của chúng ta.

Trong bài kinh này, đức Phật nói về ba điều kiện để một tên cướp có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp trộm một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp, đó là dựa vào sự quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm, dựa vào kẻ có quyền lực. Thông qua đó, đức Phật chỉ ra ba pháp mà ác tỳ kheo tự mình xử sự như là người mất gốc, bị thương tích, bị phạm tội, bị người trí

quở trách và tạo nên những điều vô phước, cũng là ba thứ: dựa vào sự quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm và dựa vào kẻ có quyền lực.

Khi chúng ta đọc kinh điển và suy ngẫm sâu sắc những lời Phật dạy thì mình thấy được trí tuệ vô biên của Ngài. Những hình ảnh, thí dụ, ẩn dụ mà Ngài đưa ra có ý nghĩa rất hay. Những lời kinh đức Phật đã thuyết cách đây hàng nghìn năm, nhưng hiện tại vẫn còn nguyên giá trị. Có lẽ đức Phật biết trước những gì sẽ xảy ra trong Tăng chúng sau này, những tệ nạn hay pháp hữu lậu nào sẽ sinh khởi trong tương lai. Điển hình như trong bài kinh trên, chúng ta thử nhìn lại xem có phải những điều đức Phật nói đều diễn ra ngay bây giờ hay không? Mình không biết rõ thời đức Phật còn tại thế có hay không những điều tương tự, nhưng chúng ta thấy rất nhiều trường hợp trong kinh điển ra ngay trong thời điểm hiện tại. Trí tuệ của đức Phật quả thật siêu việt!

Người xuất gia cố gắng để tâm vào những bài kinh như thế này. Nội dung kinh giúp chúng ta có được góc nhìn đúng, có chính kiến, không rơi vào tà kiến. Người xuất gia nếu bị rơi vào tà kiến

là bất hạnh cho bản thân, bất hạnh cho đa số, làm cho Phật pháp suy vi, Chính pháp dần dần biến mất. Và nếu chúng ta không cẩn thận, không tìm hiểu kinh điển, không tu theo lời Phật dạy thì sẽ trở thành những ác tỳ kheo. Con đường tương lai mình đi tới chắc chắn là ba ác đạo chứ không có nơi nào khác. ☁

Ngày 16 tháng 11 năm 2019



Quả báo hiện tiền

Trong *Tích truyện Pháp Cú*^[1] có kể một câu chuyện được tóm tắt như sau: “Thời đức Phật còn tại thế, có một người đồ tể tên là Cunda, trong suốt năm mươi lăm năm ông chuyên làm nghề giết heo. Cách giết heo của ông ta rất dã man.

^[1] *Tích truyện Pháp Cú* tập I, phẩm Song Yếu, câu chuyện Cunda – Đồ Tể Mổ Heo, Viên Chiếu, Nxb Tôn giáo (2012), trang 156.

Trước khi giết, ông bắt trói con heo lại, sau đó lấy cây đập cho con heo sưng tấy lên rồi dùng cái nêm mở miệng nó ra. Ông nấu một nồi nước sôi, để cho hơi nguội một chút rồi đổ vào miệng heo, nước nóng sẽ chảy vào bao tử, đi qua ruột non đến ruột già rồi ra ngoài. Việc làm này nhằm súc ruột heo, lúc đầu ra phân dơ rồi dần dần ra nước đục, đến khi nước trong là được. Tiếp theo, ông dùng nước nóng đổ lên mình con heo, lấy lửa đốt cho đến khi tất cả lông cháy rụi, rồi dùng dao chặt đầu. Khi máu phun ra, ông ta hứng lấy máu bôi lên mình con heo để nung. Sau khi thành phẩm ông lấy một phần thịt để ăn, số còn lại đem đi bán.

Nhà Cunda cách tỉnh xá Trúc Lâm không xa. Thế nhưng suốt năm mươi lăm năm, chưa bao giờ ông đặt chân tới tỉnh xá, cũng không bao giờ biết cúng dường đức Phật và chư Tăng. Một hôm, Cunda phát bệnh nặng. Ông không còn đi bằng hai chân mà vừa bò, vừa la giống như heo bị thọc huyết. Ông la đến nỗi hàng xóm không ai chịu nổi, không ai ngủ được. Gia đình thấy vậy, sợ quá nên nhốt ông trong nhà và canh giữ. Ông vừa bò vừa la một cách khổ sở như thế trong bảy ngày rồi chết.

Đức Phật biết được chuyện này, nói cho chư Tăng biết là do nghiệp ác và sau khi từ già cõi đời, ông ta bị đọa vào địa ngục. Hiện đời Cunda đã sống trong địa ngục, sau khi chết cũng bị đọa vào địa ngục. Đức Phật nói kệ:

“Nay sâu, đời sau sâu

Kẻ ác, hai đời sâu

Nó sâu, nó ưu não

Thấy nghiệp uế mình làm”.

Một điều rất lạ là đức Phật đức độ và danh tiếng như vậy, nhưng mà ông Cunda không biết gì về Phật pháp, dù ở rất gần Ngài. Người này rất thiếu căn lành. Thứ nữa, quả báo của Cunda hiện ra ngay trong đời này, không phải đợi đến kiếp sau. Kiếp này, ông ta đã có những hành động giống như heo. Đức Phật dạy đây là quả báo trong hiện đời, còn gọi là hiện báo.

Có những người làm ác bị quả báo hiện đời, có những người làm ác đời sau hoặc vài đời sau nữa mới nhận lãnh. Đã gieo nhân thì sớm hay muộn cũng sẽ gặt quả. Trong đạo Phật có nói đến ba loại quả báo: hiện báo, sinh báo và hậu báo. Hiện báo là quả báo ngay trong hiện đời. Sinh báo

là quả báo ở kiếp sau. Hậu báo là cho quả báo vài kiếp sau.

Nói về nguyên nhân đưa tới nghiệp, đức Phật dạy trong kinh Tăng Chi Bộ^[2]: “Có ba nguyên nhân này, này các tỳ kheo, khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp.

Thí dụ, này các tỳ kheo, các hạt giống không bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn tươi tốt được khéo gieo vào một đồng ruộng tốt, được trồng vào đất khéo sửa soạn, và được trời mưa xuống đều đặn, các hạt giống ấy, này các tỳ kheo, được lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy, này các tỳ kheo, phàm nghiệp nào được làm vì tham, vì sân, vì si; sinh ra từ tham, từ sân, từ si; duyên khởi từ tham, từ sân, từ si; tập khởi từ tham, từ sân, từ si; tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu, tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thực. Chỗ nào nghiệp ấy được thuần thực, chỗ ấy quả dị thực của nghiệp

^[2] ĐTKVN, kinh Tăng Chi Bộ I, chương Ba Pháp, phẩm Sứ Giả Của Trời, phần Các Nguyên Nhân, VNCPHVN ấn hành (2005), trang 241.

ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa”.

Trong Quy sơn cảnh sách^[3] có câu:

“Giả sử bách thiên kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tự thọ”.

“Giả sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong” nghĩa là khi mình đã gieo nhân thì dù trải qua trăm nghìn kiếp, nghiệp nhân đó cũng không bao giờ mất. “Nhân duyên hội ngộ thời” là khi nhân duyên đầy đủ, “quả báo hoàn tự thọ” là quả báo đến với mình.

Đức Phật dạy chúng ta cần “chính mạng”, nghĩa là nuôi mạng chân chính. Làm con người, ai cũng phải làm việc để có tiền trang trải cuộc sống, để đời sống được ấm no, hạnh phúc. Thế nhưng chúng ta phải sáng suốt trong công việc, nghề nghiệp phải chân chính, không nên vì đồng tiền mà làm những nghề tà mạng. Có thể mình sẽ

^[3] *Thiền Môn Trường Hàng Luật*, Tỳ Ni – sa di, Oai Nghi – Cảnh Sách, HT Thích Đạt Dương, Nxb Tôn giáo (2010), trang 130.

sung sướng, giàu có trong hiện đời, nhưng đời sau sẽ khổ, nhất là những nghề liên quan đến sát sinh. Đời này, chúng ta hưởng lợi, có nhiều tiền bạc, vật chất sung túc, nhưng đời sau bị đọa xuống địa ngục, hết cảnh địa ngục rồi đầu thai làm ngựa quỳ, hết ngựa quỳ đến súc sinh. Trải qua bao nhiêu kiếp khổ đau đổi lại sự sung sướng cho một đời. Đem ra so sánh thì thấy cái lợi trước mắt ít mà cái họa về sau lại nhiều, không đáng để chúng ta đánh đổi.

Những nghề nghiệp mang tính chất hại người, hại vật thì chúng ta không làm, dù nghề đó có được trả lương hậu hĩnh. Thân người giả tạm, mình sống trên đời không được bao nhiêu năm, biết đủ thì sẽ đủ, không biết đủ thì ngồi trên đồng vàng vẫn cảm thấy thiếu.

Trong câu chuyện về người đồ tể Cunda, chúng ta thấy thiện duyên và căn lành của ông ta không có, cho nên gần tinh xá mà không học được Phật pháp, không biết nhân quả và tội phước. Những người tu tập trong chùa là những người có nhiều phước đức, nhân duyên, điều này không phải dễ có. Mặc dù chúng ta sống cách xa thời đức Phật, nhưng lại có hiểu biết Phật pháp, biết nhân quả

tội phước, biết ghê sợ tội lỗi, biết làm lành lánh dữ. Còn ông Cunda sống ngay thời đức Phật, lại ở gần tinh xá mà không thấm nhuần được chút giáo lý vì thế nên làm nhiều điều ác.

Người xưa có câu:

*“Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ
Vô duyên đối diện bất tương phùng”.*

Có duyên thì xa nghìn dặm cũng gặp được, còn không có duyên thì ngay trước mặt cũng không biết, không hay. 

Ngày 24 tháng 9 năm 2014



Vua Tỳ Lưu Ly

Có một câu chuyện trong kinh *Tiểu Bộ*^[1] kể về một vị vua là con cháu dòng họ Thích Ca, nhưng sau này quay trở lại tàn sát dòng họ Thích Ca, đó là Vua Tỳ Lưu Ly. Câu chuyện được tóm tắt như sau:

“Một hôm, Vua Ba Tư Nặc nhìn thấy rất đông

^[1] ĐTKVN, kinh *Tiểu Bộ* VII, phẩm Mười Hai Bài Kệ, Chuyện Sāla, Cổ Thụ Cát Tường (Tiền Thân Bhadda – Sāla), VNCPHVN ấn hành (2002), trang 628.

chư Tăng đến nhà ông Cấp Cô Độc và bà Tỳ Xá Khư để thọ trai. Hai đại thí chủ này ngày nào cũng phát tâm cúng dường thức ăn lên chư Tăng. Nhìn thấy bóng y vàng trang nghiêm thanh tịnh của chư Tăng, Vua Ba Tư Nặc phát khởi tâm mong muốn được cúng dường ngộ trai lên quý ngài. Vua thỉnh đức Phật cùng chư Tăng vào hoàng cung để thọ thực trong suốt một tuần lễ và được đức Phật chấp thuận. Chính tay vua đem thức ăn dâng cúng cho đức Phật và chư Tăng trong suốt bảy ngày. Sau bảy ngày, Vua Ba Tư Nặc lại phát tâm muốn tiếp tục dâng cúng. Thế nhưng, đức Phật thường chỉ nhận lời thọ thực tại nhà của một gia chủ tối đa trong bảy ngày liên tiếp, vì Ngài muốn gieo duyên cho những tín chúng khác. Tuy vậy, đức Phật vẫn hứa khả. Ngài cử Tôn giả A Nan và năm trăm chư Tăng đến hoàng cung vào mỗi buổi trưa để thọ nhận sự cúng dường của đức vua.

Trong tuần đầu, chính vua dâng cúng thức ăn đến ngài A Nan và chư Tăng. Sau bảy ngày, nhà vua bận việc nên giao lại cho quan lại trong hoàng cung làm công việc này. Do họ không tha thiết nên dần dần lơ là việc tiếp đãi khi chư Tăng đến, không

ai lo lắng sắp xếp chỗ ăn, chỗ ngồi,... Thời gian sau, chư Tăng không đến nữa. Một hôm nọ, Vua Ba Tư Nặc chuẩn bị mấy trăm phần thức ăn mà chỉ có một mình ngài A Nan thọ thực. Nhà vua buồn rầu đến bạch với đức Phật:

– Con phát tâm cúng dường thức ăn lên chư Tăng mà không có người nào đến ngoài Trưởng lão A Nan.

Đức Phật nói rằng:

– Nguyên nhân là do đại vương. Các thuộc hạ của ngài thiếu tâm thành nên chư Tăng không đến.

Để lấy lại uy tín, Vua Ba Tư Nặc suy nghĩ: “Bây giờ, mình phải làm thế nào để có mối quan hệ ruột thịt với đức Phật”. Vua quyết định cử người sang dòng họ Thích Ca để cầu hôn. Dòng họ này vốn xem trọng huyết thống và không thích Vua Ba Tư Nặc, nhưng vì nể ông là vua của một nước lớn nên đã tìm cách đưa con gái của một người tỳ thiếp sang làm vợ. Mẹ của cô gái này trước đây có qua lại lén lút với Vương tử Ma Ha Nam rồi sinh ra cô, nhưng vì mẹ là tỳ thiếp nên mặc dù thuộc dòng dõi vua chúa, là con ruột của Ma Ha Nam, nhưng cô không có vị trí trong hoàng cung.

Vua Ba Tư Nặc nghe vợ mình là con gái của vua thành Ca Tỳ La Vệ nên rất vui và hãnh diện. Về sau, hoàng hậu này sinh được một người con trai đặt tên là Tỳ Lưu Ly. Lúc nhỏ, Tỳ Lưu Ly thấy những người bạn của mình được dòng họ ngoại tặng những món đồ chơi đắt tiền, Tỳ Lưu Ly hỏi mẹ: “Bên ngoại con ở đâu mà không thấy ai gửi quà cho con?”. Cô sợ bị lộ tung tích nên nói: “Quê ngoại của con ở xa lắm nên không thể gửi quà đến đây được!”. Năm mười sáu tuổi, Tỳ Lưu Ly lại đòi về quê ngoại chơi, người mẹ chần chừ không biết phải làm sao. Cuối cùng, Thái tử đòi đi cho bằng được nên cô cũng sắp xếp cho con về thăm quê ngoại. Trước khi con trai về thăm quê, cô nhắn tin cho dòng họ Thích Ca và nói rằng xin hãy giữ bí mật, đừng để tiết lộ chuyện này vì sợ gây nguy hại cho cả hai bên, cô cũng mong họ tiếp đãi Thái tử thật tử tế để cậu khỏi nghi ngờ.

Khi đến thành Ca Tỳ La Vệ, Thái tử Tỳ Lưu Ly được mọi người tiếp đãi, nhưng với thái độ không được nồng hậu và dường như ai cũng cố ý xa lánh cậu. Sau khi ở chơi một hai ngày thì Tỳ Lưu Ly quyết định trở về. Vừa ra khỏi hoàng thành, cậu

chợt nhớ mình để quên cây kiếm, nên sai người cận vệ quay lại lấy. Khi người cận vệ vào hoàng cung nhìn thấy một cô hầu gái đang lấy nước và sữa để rửa cái ghế mà Thái tử Tỳ Lưu Ly ngồi, vừa rửa vừa nói: “Chỗ này là chỗ con của người nô tỳ ngồi, phải rửa cho thật sạch”. Cô ta tỏ ý rất khinh miệt. Người cận vệ nghe được nên nói lại cho mọi người, biết được tin Tỳ Lưu Ly tức giận nguyên rửa rằng: “Bây giờ các người lấy nước với sữa rửa chỗ ngồi của ta, sau này lên ngôi ta sẽ lấy máu trong tim của các người để rửa nỗi nhục này”.

Sự việc đến tai Vua Ba Tư Nặc, ông tức giận vì dòng họ Thích Ca đã đưa con gái của một nô tỳ về làm hoàng hậu của ngài, ông thu hết của cải đã ban cho hoàng hậu và Thái tử, chỉ để lại vài thứ đủ sống như người thường dân. Vài ngày sau, đức Phật đến cung vua và ngồi xuống sàng tọa, Ngài nói rằng: “Dù sao, bây giờ cô ta cũng là hoàng hậu vợ vua, thật ra cô cũng là con của Vua Ma Ha Nam, nhưng vì mẹ cô là tỳ thiếp nên cô không được coi trọng. Hiện tại vua và hoàng hậu đã có một người con trai, Tỳ Lưu Ly là con ruột của vua và dòng họ huyết thống vẫn thuộc về dòng họ nội nên dòng

họ bên vợ không quan trọng”. Được đức Phật giải thích như thế, Vua Ba Tư Nặc cảm thấy người ngoại phần nào. Sau đó Vua phục hồi quyền lợi cho họ.

Có một lần, Vua Ba Tư Nặc giết nhầm một vị tướng thân cận và hai mươi mấy người con trai của ông ta. Do Vua nghe lời những kẻ ganh tị với vị tướng đặt điều nói xấu, xuyên tạc, hãm hại ông để đưa cha con vị tướng ra chiến trường và thực hiện âm mưu giết hại. Sau khi sự việc sáng tỏ Vua nhận thấy việc làm của mình là sai trái, tội lỗi quá lớn, cho nên Vua rất ăn năn hối hận. Để chuộc lỗi lầm Vua phong chức cho cháu của vị tướng đó lên làm đại tướng, đó cũng là chức vụ mà người chú khi còn sống nắm giữ.

Một hôm, Vua Ba Tư Nặc vào tinh xá thăm đức Phật, lúc đó ông giao ấn tín của mình cho vị đại tướng đứng ngoài cổng trông coi. Người này âm mưu làm phản nên lấy ấn tín của Vua trao lại cho Thái tử Tỳ Lưu Ly. Lúc đó, các quân sĩ dưới trướng ủng hộ Thái tử Tỳ Lưu Ly lên làm vua.

Tỳ Lưu Ly kéo tất cả binh lính và đoàn tùy tùng về cung, chỉ để lại một vài cô tỳ nữ. Khi Vua Ba Tư

Nặc từ trong tinh xá của đức Phật đi ra, không thấy quan quân đâu, Vua chỉ thấy một cô tỳ nữ, hỏi ra thì được cô kể lại tất cả sự việc. Vua Ba Tư Nặc vừa buồn bã vừa tức giận, dự định đi đến thành Vương Xá cầu cứu Vua A Xà Thế đem quân đánh Tỳ Lưu Ly để lấy lại ngôi. Thế nhưng khi vừa đến cổng thành Vương Xá thì trời đã về khuya, cửa thành đóng kín nên Vua phải ngủ ngoài thành. Vì tuổi già sức yếu, gặp phải cú sốc quá lớn và đi một đoạn đường xa nên tối hôm đó Vua băng hà.

Vừa lên ngôi, Tỳ Lưu Ly nghĩ tới nỗi nhục trước đây với dòng họ Thích Ca nên đã kéo quân đến kinh thành Ca Tỳ La Vệ để rửa hận. Lần thứ nhất, đức Phật biết được và chặn đường can ngăn. Lần thứ hai, đức Phật cũng biết được và chặn đường hành quân. Lần thứ ba, Ngài cũng cố ngăn cản. Nhưng đến lần thứ tư, đức Phật biết rằng đây là nghiệp của dòng họ Thích Ca phải trả nên Ngài không can dự vào nữa. Thế là Vua Tỳ Lưu Ly kéo quân qua đánh, giết hết dòng họ Thích Ca.

Vua Tỳ Lưu Ly là con cháu của dòng họ Thích Ca, nhưng vì lòng thù hận đã đem quân giết sạch những người trong họ ngoại của mình. Sau khi

giết tất cả người trong dòng họ, từ người lớn cho đến trẻ em, Vua kéo quân trở về Xá Vệ”. Trong kinh *Tiểu Bộ* chỉ nói đến đây là hết. Tuy nhiên, trong *Tích truyện Pháp Cú*^[2], lại nói thêm đoạn sau: “Trên đường Vua Tỳ Lưu Ly trở về, khi đến một con sông thì trời đã nhá nhem tối nên đoàn quân dừng chân nghỉ lại qua đêm. Tối hôm đó, mưa và giông bão rất lớn, nước lũ tràn về đã cuốn trôi tất cả vua quan. Đoàn quân đi giết dòng họ Thích Ca đều chết hết!”.

Đây là một câu chuyện rất nổi tiếng trong Phật giáo mà chư Tăng và Phật tử nên biết. Khi xưa, đức Phật tại thế còn không thể cứu được dòng họ của mình. Ngài đã ba lần can ngăn cuộc thảm sát của Vua Tỳ Lưu Ly nhưng không thành công. Đôi khi, chúng ta nghĩ đức Phật có khả năng cứu độ, giúp cho mình đạt được những điều như sở nguyện, nhưng thực sự Ngài không làm việc đó. Nếu có năng lực cứu độ chúng sinh thoát khỏi ác nghiệp mà họ đã gây tạo thì đức Phật đã giúp dòng

^[2] *Tích truyện Pháp Cú* tập I, phẩm Hoa, câu chuyện Vua Vidudabha Trả Thù Dòng Họ Thích Ca, Viên Chiếu, Nxb Tôn giáo (2012), trang 339.

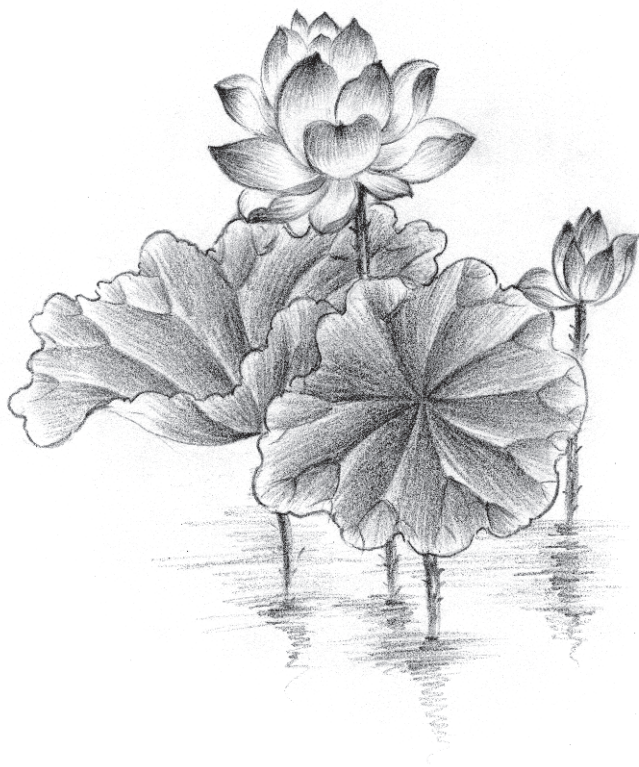
họ Thích Ca không bị Vua Tỳ Lưu Ly sát hại.

Là đệ tử Phật, chúng ta phải hiểu được điều này, đức Phật là bậc Đạo sư, vị Thầy dẫn đường chỉ lối cho chúng sinh thoát khỏi đường mê đến chỗ an vui giải thoát. Đức Phật là thầy thuốc giỏi, biết bệnh cho thuốc. Ngài không phải là ông Thần hay ông Thánh có quyền ban phước giáng họa cho ai như dân gian thường hiểu. Tất cả việc tốt xấu đến với mỗi người đều do nhân quả nghiệp báo mà họ đã gây tạo. Chúng ta không nên đi chùa cầu xin Phật cho cái này, cái kia, như thế là mình chưa hiểu đúng tinh thần mà đức Phật chỉ dạy.

Khi xảy ra việc cấp bách hoặc điều bất hạnh, chúng ta thường cầu Phật độ được “tai qua nạn khỏi”, đó chỉ là tâm niệm hướng đến điều tốt lành, còn đã tạo ác nghiệp thì chúng ta phải trả. Đức Phật không thể ban phước hay giải trừ nghiệp quả cho mình. Nhiều người đặt niềm tin không đúng, không hiểu giáo lý một cách tường tận, đến khi cầu Phật không được sinh bất tử nên không đến chùa, nói rằng “Phật không thiêng, tìm đến chùa ông, chùa bà thiêng hơn để cầu”. Đó là chúng ta chưa hiểu đúng, chưa làm đúng và chưa có chính

tín để hiểu căn kẽ lời Phật dạy, làm những việc trái với nhân quả, không đúng với giáo lý đạo Phật. Qua câu chuyện trên chúng ta sẽ có cái nhìn đúng về đức Phật hơn để tự tu tập, tự hóa giải nghiệp chướng của mình. Không ai có thể làm cho mình trong sạch hay ô nhiễm. 

Ngày 29 tháng 9 năm 2014



Hiếu tâm hiếu hạnh làm đầu
Lời chư Phật dạy khắc sâu trong lòng.

- THANH LƯƠNG -



Nghe pháp được tiên

Thời đức Phật còn tại thế, Trưởng giả Cấp Cô Độc là một vị đệ tử tại gia rất thuần thành và nổi tiếng. Ông là đại hộ pháp đắc lực trong việc hoằng pháp lợi sinh của đức Phật. Trưởng giả Cấp Cô Độc có lòng tin vững chắc đối với Tam bảo, ông dành phần lớn gia sản của mình để xây dựng tinh xá Kỳ Viên và cúng dường thực phẩm liên tục cho chư Tăng, đến nỗi có những lúc tiền của bị cạn

kiệt. Nhờ một vị nữ Dạ Xoa góp tiền bạc nơi này, nơi kia về kho lẫm để chuộc tội nên ông mới giàu có trở lại.

Việc làm của Trưởng giả Cấp Cô Độc đem lại lợi ích rất lớn cho dân chúng trong thành Xá Vệ, đóng góp vào việc phát triển mạnh mẽ của Tăng đoàn tại vùng đất trù phú này. Trong sử kể lại, mỗi ngày ông đến tinh xá hầu Thế Tôn ba lần, đi một vòng xem vị sư nào cần thứ gì như thuốc men, vật dụng, y áo thì hết lòng hỗ trợ, giúp đỡ các vấn đề sinh hoạt tu tập của quý sư được tốt hơn.^[1]

Tuy nhiên, Trưởng giả Cấp Cô Độc có một người con trai tên là Kala không mấy thành kính đức Phật. Mỗi lần Phật ghé nhà anh đều trốn tránh, không nghe pháp mà cũng chẳng phục vụ chúng Tăng. Có lẽ anh thấy cha mình dành quá nhiều thời gian và tiền bạc để lo lắng cho Tam bảo, trong khi tài sản đó vốn dĩ sau này thuộc về anh. Điều này khiến cho Trưởng giả Cấp Cô Độc buồn rầu và lo lắng. Ông sợ cậu quý tử của mình sẽ bị đọa vào cảnh giới xấu khi không biết nương tựa Tam

^[1] *Tích truyện Pháp Cú tập II*, phẩm Ác, Cấp Cô Độc Và Nữ Thần, Viên Chiếu, Nxb Tôn giáo (2012), trang 138.

bảo. Trưởng giả đã suy nghĩ rất nhiều, tìm đủ mọi cách để hướng con mình về với Chính pháp. Ông mong mỗi cậu hiểu biết lời Phật dạy và thực hành việc cúng dường. Ông suy nghĩ: “Không có gì trên trái đất này không bị mua chuộc bởi tài vật, trừ Thánh nhân và bậc trí. Con ta không thuộc hai hạng người này, do đó ta sẽ dụ dỗ nó”. Một hôm, ông Cấp Cô Độc nói với người con trai:

– Hôm nay, nếu con đến chùa thọ Bát quan trai, giữ giới rồi nghe pháp, chiều về cha sẽ thưởng cho một trăm đồng tiền vàng.

Kala nghe vậy rất mừng rỡ, hỏi lại:

– Thật vậy hả cha, có thật là khi đi nghe pháp và giữ giới trong ngày trai, con sẽ được thưởng một trăm đồng tiền vàng không?

– Này con yêu, ta hứa với con đấy.

Thế là anh chàng Kala được cha thuê vào chùa tu tập với giá một trăm đồng tiền vàng. Khi vào tinh xá, anh không chú tâm nghe pháp mà kiếm một góc khuất để nằm ngủ. Chiều đến, anh thức dậy và trở về nhà. Trưởng giả Cấp Cô Độc đang xa thấy con trở về, nghĩ rằng người con đã có một ngày tu tập tại tinh xá nên ông rất vui mừng. Trưởng giả Cấp

Cô Độc nói gia nhân chuẩn bị đồ ăn thức uống cho con. Thế nhưng Kala muốn cha phải đưa tiền trước rồi cậu mới chịu ăn. Ông bảo cậu ăn uống xong rồi sẽ được nhận tiền, nhưng Kala khẳng khái không chịu. Sau khi được cha đưa cho một trăm đồng tiền vàng, Kala mới ngồi vào bàn ăn.

Ngày hôm sau, ông Trưởng giả nói với cậu con trai: “Con yêu, cha sẽ cho con một nghìn đồng tiền vàng, nếu con đi đến tinh xá học thuộc một câu kệ từ đức Phật, sau đó về đây đọc lại cho cha nghe”. Thời đó, một nghìn đồng tiền vàng có giá trị rất lớn, chắc phải tương đương với một nghìn đô la Mỹ bây giờ. Kala vì rất mê tiền nên đồng ý đến tinh xá nghe đức Phật thuyết pháp. Anh ngồi dưới hội chúng, chăm chú lắng nghe lời đức Phật thuyết pháp, cố gắng ghi nhớ một câu kệ để được nhận tiền của cha. Nhờ có sự chú tâm nghe pháp và ghi nhớ nên ba yếu tố tinh tấn, niệm, định có mặt. Kala hiểu được Phật pháp và giác ngộ, trở thành một bậc Tu Đà Hoàn. Với niềm hoan hỷ tột bậc, anh ở lại tinh xá cho đến ngày hôm sau.

Khi đức Phật cùng chư Tăng đi đến nhà ông Cấp Cô Độc để thọ trai, Kala đi theo phía sau chư

Tăng. Ông Cấp Cô Độc nhìn thấy thái độ của cậu con trai cảm thấy rất vui mừng, anh đã chịu nghe Phật pháp và đi cùng chư Tăng về nhà, như vậy là đã có sự tiến bộ. Kala nghĩ thầm: “Mong rằng cha ta sẽ không đưa tiền ngay hôm nay, trước sự hiện diện của Phật. Mong cha giữ kín việc vì tiền ta mới giữ giới vào ngày trai”.

Sau khi dâng cúng thức ăn lên đức Phật và chư Tăng, Trưởng giả Cấp Cô Độc cầm một túi tiền đưa cho người con rồi nói:

– Hôm trước cha có hứa cho con một nghìn đồng tiền vàng nếu như con chịu đến tinh xá học một bài kệ từ đức Phật, bây giờ tiền này là của con.

Lúc đó, vì có đức Phật và chư Tăng nên Kala cảm thấy rất ngượng và nói:

– Con không cần tiền đâu.

Cấp Cô Độc thắc mắc:

– Cầm đi con, số tiền này cha đã hứa cho con mà.

Dù thuyết phục cách mấy nhưng cậu con trai vẫn dứt khoát không nhận. Trưởng giả Cấp Cô Độc nghĩ rằng có lẽ do anh thấy xấu hổ, nhưng thực sự là Kala đã được giác ngộ và cảm thấy ngượng

ngùng. Đức Phật hỏi lý do, sau đó Cấp Cô Độc đã kể lại đầu đuôi câu chuyện:

– Bạch đức Thế Tôn, hôm trước con nói Kala đi đến tinh xá để thọ Bát quan trai, tu tập trong một ngày sẽ được cho một trăm đồng tiền vàng. Khi về, con cho người nhà lo cơm nước nhưng Kala nhất định không ăn, phải nhận một trăm đồng tiền vàng trước rồi mới chịu ăn. Hôm qua, con hứa sẽ cho một nghìn đồng tiền vàng nếu Kala đi đến tinh xá để học thuộc một câu kệ về nói lại cho con nghe. Bây giờ, sau khi được nghe Phật thuyết pháp và giác ngộ thì không chịu nhận tiền nữa. Con thật rất vui mừng.

Đức Phật mỉm cười rồi nói:

– Nay Trưởng giả, con ông đã chứng Sơ quả, y đã vượt hơn việc được làm Chuyển Luân Thánh Vương hay Đại phạm thiên.

“Hơn thống lãnh cõi đất

Hơn được sinh cõi trời

Hơn chủ trì vũ trụ

Quả Dự Lưu tối thắng”.^[2]

^[2] Tích truyện Pháp Cú, số 178, phẩm Thế Gian, phần Đức Hạnh Được

Câu chuyện này rất hay và ý nghĩa. Đôi khi chúng ta dùng phương tiện vật chất để đưa người vào đạo. Vừa rồi thầy đi qua nước Anh, có một Phật tử kể cho thầy nghe câu chuyện: “Cô có người cháu không biết Phật pháp. Cô bèn đề nghị cháu mình đọc một cuốn sách Phật giáo rồi kể lại cho cô nghe, cô sẽ thưởng tiền. Người cháu thích quá nên đọc kỹ cuốn sách và làm theo lời dạy. Đây là phương tiện hữu hiệu giúp cho Phật tử đưa người thân của mình đến với Phật pháp”.

Có những gia đình cha mẹ hiểu biết Phật pháp nhưng con cái lại không muốn tìm hiểu. Chúng ta phải tìm cách cho con biết đến chùa và thân cận với chư Tăng Ni để học hỏi giáo lý. Khi thầy tổ chức Khóa tu Mùa hè, nhiều bậc cha mẹ cũng muốn con mình tham dự, hi vọng giúp chúng thay đổi được nhận thức. Nhưng những đứa con không chịu đi vì chúng chưa ở chùa bao giờ. Các bạn trẻ nghĩ rằng sống trong chùa một tuần lễ sẽ rất chán, không có gì vui, phải tụng kinh và ăn cơm đúng giờ, còn nhiều thứ gò bó khác nữa. Thế là, cha mẹ

Trà Giá, Viên Chiếu, Nxb Tôn giáo (2012), trang 301.

đưa ra điều kiện nếu con chịu tu trọn khóa sẽ được thưởng một chuyến du lịch hay một món quà tùy thích. Các bạn trẻ chấp nhận “hy sinh” một tuần lễ, nhờ bảy ngày tu tập, các bạn đã nhận ra được nhiều điều. Có khi về nhà chúng không còn đòi quà của cha mẹ nữa.

Đối với Thiên Chúa giáo, người ta cho con cái đi nhà thờ từ bé đến lớn, khi trưởng thành chúng tạo thành nếp quen là đến nhà thờ dự lễ và học giáo lý vào mỗi ngày Chủ nhật. Cha mẹ bận rộn thường gửi con vào nhà dòng cho các sơ nuôi dưỡng, khi các bé vừa bập bẹ biết nói là các ma sơ đã dạy chúng làm dấu Thánh trước khi ăn. Các sơ nói cho chúng nghe rằng: Mọi thứ chúng ta có được đều do Chúa ban phát. Thử hỏi, với tâm thức non nớt như thế mà đã được định hướng, sau này niềm tin sao không vững chắc cho được? Có nhiều người ở nhà dòng từ bé đến lớn, khi trưởng thành dù biết đạo của mình có những điều không đúng nhưng vẫn cứ nhắm mắt tin theo. Vì từ nhỏ người ta đã được nuôi dưỡng tinh thần bằng những chất liệu như thế. Giáo lý theo các con chiên từ nhỏ cho đến lớn: giáo lý thiếu nhi, giáo lý hôn nhân,

giáo lý trưởng thành,... Các trường đại học lớn ở phương Tây hầu hết đều có khoa thần học. Giáo dục mầm non và tuổi trẻ là điều chúng ta cần chú ý và chú trọng.

Ở các nước đạo Phật là quốc giáo như Myanmar, Cambodia hoặc Thái Lan, trước đây hầu hết thanh thiếu niên đều phải vào chùa tu một thời gian trước khi bước ra đời. Thời gian tu gieo duyên có thể là năm bảy ngày, một vài tháng hay một vài năm. Các sư sẽ dạy chúng viết chữ, dạy đọc kinh Phật bằng tiếng Pāli. Độ tuổi xuất gia gieo duyên từ tám đến mười chín, nghĩa là khi chúng đã tự biết lo cho bản thân thì có thể sống ở chùa. Nhờ tiếp cận với kinh kệ và giáo lý từ sớm, Phật tử tại những quốc gia này rất thuần thành và có niềm tin sâu sắc, luôn kính tin Tam bảo.

Chùa còn là ngôi nhà thứ hai của mọi người, những hoạt động văn hóa, vui chơi trong làng cũng được tổ chức tại sân chùa. Có những ngôi làng khoảng hơn chín mươi phần trăm thanh thiếu niên đều xuất gia gieo duyên và sống ở chùa. Cha mẹ của những đứa trẻ cảm thấy rất hoan hỷ, hạnh phúc khi thấy con mình được trở thành người xuất

gia. Các Phật tử của những quốc gia này đều biết rằng khi sống trong môi trường rèn luyện đạo đức tại tự viện, con cái của họ sau này sẽ trở thành người tốt, có ích cho xã hội.^[3]

Phật giáo các nước phát triển như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc,... theo tư tưởng thoáng hơn, tương đối tự do về vấn đề tìm hiểu Phật pháp của con cái. Nhưng trái lại, những quốc gia này lại khá khắt khe về vấn đề xuất gia. Người ta cứ nghĩ rằng tu hành là phải dành trọn cả đời để theo đuổi sự nghiệp giải thoát, người tu mà ra đời sẽ bị nhiều người cười chê. Thậm chí, có nhiều người còn nghĩ rằng người xuất gia là chán nản, lánh đời, trốn tránh trách nhiệm với gia đình và xã hội. Nhiều gia đình tuy là Phật tử nhưng con cái của họ xin đi xuất gia thì lại không cho. Một số người còn “đặc biệt” hơn, họ đi chùa và tụng kinh hằng ngày nhưng thấy con cháu đi chùa thì lại sợ, lo lắng là chúng sẽ xuất gia thì mất đi người hương khói cho dòng họ, đó là một thiệt

^[3] Tư liệu dựa vào ký sự Ánh Đạo Vàng – Ký sự Phật giáo Myanmar do Truyền hình An Viên thực hiện. Ký sự Hành Trình Vương Quốc Chùa Tháp và Dhammakaya do chùa Hoàng Pháp thực hiện.

thời do thiếu hiểu biết. Một người tu ở chùa được một ngày sẽ tốt một ngày, họ xuất gia được thời gian bao lâu cũng đáng quý, vì khoảng thời gian đó con cháu mình được học đạo, từ đó chúng sẽ biết cách sống cho hợp với lẽ phải, trở thành một Phật tử đúng nghĩa.

Chính vì không ép buộc con cái tìm hiểu giáo lý nên sự dễ dãi đó đã khiến cho nhiều gia đình rơi vào tình trạng khó xử. Vừa rồi, có một người gửi thư cho thầy để trình bày sự việc và xin lời khuyên: Ông có người cháu gái vừa học xong cao đẳng, cô cháu đã yêu một chàng trai theo đạo Thiên Chúa. Chàng trai này không có nghề nghiệp, tương lai không biết rồi sẽ đi về đâu. Nhưng cháu của ông lại quá yêu nên đã đồng ý đến nhà thờ học giáo lý hôn nhân để kết hôn với anh ta. Trong khi đó, trước đây cô đã Quy y Tam bảo. Hiện giờ, ông rất đau khổ và rối trí, không biết phải làm như thế nào cho phải, khuyên bảo thế nào cô cháu cũng không nghe. Ông có gửi kèm theo lá thư mà cô cháu gái viết cho ông với nội dung đại ý: “Con sẽ đi nhà thờ học giáo lý, thấy bên đó cũng hay, đạo nào cũng tốt. Con xin ông nội đồng ý cho con làm

đám cưới với người con yêu”. Bây giờ, ông không biết phải xử trí ra sao.

Tại Việt Nam, các tín đồ của tôn giáo khác thường lôi kéo những người nghèo, những người thiếu hiểu biết tin theo, họ dùng tiền bạc và tình cảm để ma mị, dụ dỗ mọi người. Trường hợp cô cháu gái này bị tình yêu che mất lý trí nên không còn thấy được đúng sai. Người ta thường nói: “Tình yêu là mù quáng. Trí óc có cả nghìn con mắt, nhưng trái tim chỉ có một mà thôi, khi đã yêu thì ánh sáng cả cuộc đời cũng sẽ tắt”. Ông nội cô gái này gửi thư nhờ chùa tư vấn giúp. Đến tình cảnh này thì quá khó. Hiện nay, sách vở và băng đĩa giảng rất nhiều, nhưng nếu ông nói cháu không nghe thì đành chịu.

Lỗi này cũng do một phần gia đình không chăm sóc, giáo dục, hướng con cháu vào đạo từ sớm. Nếu chúng ta quan tâm chăm sóc về mặt tâm hồn, trí tuệ cho con cháu như ông Cấp Cô Độc, bằng cách tạo nhân duyên cho người thân của mình hướng đến Phật pháp, bản thân họ tự nhiên sẽ giác ngộ. Lúc đầu, anh Kala cũng không biết đức Phật hay Phật pháp. Còn chuyện người cháu

của ông này đã Quy y Tam bảo, nhưng vì gia đình không nhắc nhở, không tạo điều kiện tốt cho cháu mình đến chùa học giáo lý để tìm hiểu Phật pháp nên cô đã không có được chính kiến và niềm tin vững chắc. Giữ hay bỏ đạo Phật không còn là vấn đề quan trọng đối với cô, vì theo quan điểm của cô thì đạo nào cũng tốt. Lòng người không tin hiểu, không tha thiết với Phật pháp thì một vài câu tu vấn, khuyên nhủ cũng khó mà khiến cho họ nghe theo. Khi người ta đã quá si mê vào tình ái thì trời có đánh văng ra cũng sáp vào. Đến lúc gặp chuyện thấy khổ mới biết quay đầu, còn lúc này không ai có thể ngăn cản được họ. ☁

Ngày 16 tháng 11 năm 2014



Nhà hiền triết Socrates

Trên thế giới có một triết gia rất nổi tiếng, đó là Socrates. Ông là người Hi Lạp, sinh vào khoảng năm 470 trước Công Nguyên, cách chúng ta gần hai nghìn năm trăm năm. Ông là người rất tài giỏi nhưng có tướng mạo xấu xí. Trong sách miêu tả ngoại hình của ông như sau: người thấp, bụng to, chân nhỏ, mắt lồi, mũi hếch, miệng hô. Ngược lại, ông có trí óc rất thông minh, nhờ vậy mà biện tài

sắc sảo, tính tình hài hước, lịch thiệp trong vấn đề đối nhân xử thế.

Ông là một triết gia nổi tiếng có tài diễn thuyết. Lúc đầu, ông làm nghề điêu khắc, chỉ là một người thợ tạc tượng bình thường. Đến khi lấy vợ, ông vẫn làm nghề đó, còn người vợ đi giặt thuê để lấy tiền phụ giúp gia đình. Người ta thấy ở ông luôn mang tâm hồn của một triết gia nên có đời sống rất phóng khoáng, không lệ thuộc vào tiền bạc, làm bao nhiêu ăn bấy nhiêu, không nghĩ đến chuyện làm giàu hay đặt nặng vấn đề vật chất. Ngược lại là người vợ bực bội, cần nhàn cả ngày, nhưng ông vẫn rất thản nhiên.

Bản tính ông vốn thích nói chuyện, vì là một triết gia nên ông thường hay biện luận cùng bạn bè. Một hôm, có người bạn đến chơi, hai người đang nói chuyện với nhau thì đứa con khóc, người vợ đang bận giặt đồ nên nhờ ông dỗ con giùm, ông không nghe cứ ngồi nói mãi. Bà phải làm việc trong khi đứa con cứ khóc bên tai nên rất khó chịu. Bà bực quá nói không được nên cầm thau nước giặt đồ hắt lên người ông. Socrates là người rất điềm tĩnh, không tức giận hay hờn mát

gì mà chỉ ôn tồn nói: “Sau sấm là mưa!”.

Câu nói vừa mang tính khôi hài, vừa có ý nghĩa triết lý, nói về trạng thái hành xử của con người, giống như khi trời đã có sấm thì sau đó là mưa. Bà vợ chửi là sấm, tạt nước là mưa. Suy nghĩ và đời sống của ông rất phóng khoáng. Nếu so với người khác, chồng đang nói chuyện với khách mà vợ tạt nước như vậy, chắc có lẽ khi xong việc thì bằng giá nào ông chồng cũng đánh cho bà vợ một trận, người nóng tính có thể giết luôn bà vợ. Thế nhưng Socrates luôn nhẫn nhịn, vui vẻ, lại còn nói một câu hài hước.

Socrates có một đời sống đơn giản, nặng về sự nghiệp trí tuệ nên ông không để ý đến vật chất. Trong cuộc sống, người nào nghiêng về đời sống vật chất quá nhiều thì đời sống tinh thần sẽ kém đi. Ngay như tấm gương của đức Phật, Ngài đã từ bỏ đời sống vật chất để đi tìm sự nghiệp trí tuệ. Nhờ sự nghiệp trí tuệ nên Ngài và giáo lý của Ngài sống mãi đến bây giờ. Nếu nặng về vật chất, có lẽ giờ này không ai biết đến đức Phật. Cũng vậy, nhờ sự nghiệp trí tuệ mà Socrates sống đến hôm nay. Nếu giống như số đông, sống một cuộc đời

chạy theo vật chất thì hôm nay không ai biết đến Socrates. Có một điều rất hay, khi nghe người ta ca ngợi mình, Socrates không hề quan tâm đến, điều này khiến cho nhiều người kính phục.

Ở đời, có những người rất tài năng nhưng không bao giờ nói mình giỏi, còn một số người biết ít lại khoe nhiều. Những võ sư tài giỏi tính tình thường rất điềm đạm, khiêm tốn, nhu hòa; còn những người biết được chút ít, học được nửa chừng, đi đâu cũng múa tay múa chân ra oai cho người ta biết mình có võ để đừng ai đụng đến. Những người thật giỏi sẽ không bao giờ làm điều đó, nhưng chỉ cần ai đụng vào là biết liền. Đa phần người tài giỏi thường không khoe khoang, khoác lác, tự cao tự đại, ra vẻ ta đây, còn những người hay khoe lại thường không giỏi.

Thời phong kiến, nhiều nhà lãnh đạo đất nước rất bảo thủ. Nếu có người nào tài giỏi, họ sẽ tìm cách triệt tiêu, giết chết và Socrates rơi vào trường hợp như vậy. Nhà cầm quyền lúc bấy giờ luận tội ông là người dị thuyết, nói những chuyện không đúng với tư tưởng đương thời, đầu độc tầng lớp thanh niên nên ông đã bị kết án tử hình. Sau khi

tuyên án, rất nhiều học trò, bạn thân và những người yêu quý ông khuyên nhủ: “Socrates à, ông nên trốn qua nước khác đi”. Ông nói: “Không, nếu mình trốn đi, hóa ra là người xấu hay sao? Mình đã là người tốt và sống trong sạch thì không việc gì phải trốn, thà chết chứ không làm như vậy!”.

Ngày xử tử ông, bao nhiêu người đến khóc tiễn đưa, còn ông lại rất bình tĩnh, không tỏ ra lo sợ hay buồn phiền. Ông cầm ly thuốc độc lên, đưa vào miệng một cách bình thản. Sau khi uống xong, ông chợt nhớ mình còn thiếu người hàng xóm một con gà. Ông nhắc người nhà: “Tôi còn thiếu người ta một con gà, nhớ trả giùm món nợ đó”. Socrates là một người sống rất phóng khoáng, rất giữ uy tín. Trước khi nhắm mắt, ông còn nhớ đến con gà mắc nợ và nói gia đình cố gắng trả giùm.

Cuộc đời của Socrates là một tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Trong cuộc sống, đôi khi vì những mặc cảm như ngoại hình xấu, không thông minh, hoặc một khuyết điểm nào đó làm chúng ta chùn bước. Theo sách miêu tả thì Socrates là một người xấu xí, vậy mà ông vẫn không mặc cảm, ngược lại luôn vươn lên để trở thành một triết gia

nổi tiếng trên thế giới.

Bài học thứ hai về cuộc đời của ông đó là sự nhẫn nhục. Trong khi tu, mình nói là thực hành hạnh nhẫn nhục, nhưng so với ông chưa chắc bằng được. Ông là người rất nhẫn nhục, sống với người vợ cả ngày cảm râm và còn bị bà hắt thau nước giặt đồ lên người mà ông vẫn bình thản, còn nói một câu hài hước: “Sau sấm là mưa!”.

Bài học thứ ba là sự uy tín. Trước khi chết ông vẫn giữ tinh thần của một người quân tử, nhất quyết không bỏ trốn. Một người có hiểu biết, bình thản trước cái chết như vậy rất khó! Không phải ai cũng làm được. Sau khi uống ly thuốc độc vào, ông nhẹ nhàng ra đi, không lo sợ, không vương bận. Trước khi mất, ông còn nhắc người nhà món nợ mà mình thiếu để nhờ trả giùm. Ông thực sự là một người rất đặc biệt.

Mọi thứ trên cuộc đời này đều tuân theo quy luật: “thành, trụ, hoại, không”. Những gì hữu hình đều hữu hoại, nhưng sự nghiệp trí tuệ còn mãi với thời gian. Chính nhờ sự nghiệp đó, ông được nhân loại biết đến dù trải qua suốt chiều dài lịch sử.

Thời đức Phật còn tại thế, các vị vua chúa và

trưởng giả đã xây dựng những tinh xá lớn như Kỳ Viên (Jetavana), Trúc Lâm (Veluvana), Lộc Mẫu Giảng Đường (Migāramātipāsāda),... Đến bây giờ, những tinh xá đó đều không còn, thời gian và chiến tranh đã phá hủy tất cả. Nhưng sự nghiệp trí tuệ của đức Phật vẫn tồn tại và được giữ gìn dù trải qua hơn hai mươi sáu thế kỷ.

Người xuất gia bỏ thời gian và công sức ra xây dựng chùa to Phật lớn, công trình đó có đẹp và bền chắc đến đâu thì cũng chỉ tồn tại vài trăm năm, theo thời gian tất cả rồi sẽ bị hư hoại. Do đó, chúng ta cần phải đầu tư vào sự nghiệp trí tuệ mới đúng theo tinh thần của người con Phật. Chúng ta cố gắng có được lý tưởng và chí hướng đúng đắn. Biết sự nghiệp quan trọng nhất đời mình là gì, phải tu tập như thế nào để khi nhắm mắt xuôi tay, xem mình để lại được gì cho hậu thế. ☁

Ngày 23 tháng 1 năm 2015



Cái giá của lợi dưỡng

Một hôm, Khổng Tử cùng với các đệ tử đi dạo trên các thửa ruộng hóng mát. Khổng Tử thấy một người giăng lưới bắt chim, trong lưới toàn là chim sẻ non. Khổng Tử thắc mắc hỏi:

– Tại sao trong lưới không có chim sẻ già mà toàn là chim sẻ non?

Người giăng lưới bắt chim trả lời:

– Chim sẻ già biết sợ nên khó bắt, còn chim sẻ

non tham ăn nên dễ bắt.

Người giăng lưới bắt chim nói tiếp:

– Nếu chim sẻ non mà theo chim sẻ già thì khó bắt. Ngược lại, chim sẻ già mà theo chim sẻ non không khó bắt.

Lúc đó, Khổng Tử quay qua nói với các đệ tử:

– Các con hãy nhớ lấy, biết sợ để giữ mình còn tham ăn là mất mạng, đây là quy luật. Song, phước hay họa là do theo người tốt hay xấu. Cho nên người quân tử khi theo ai phải cẩn thận sẽ được an toàn, nếu nhắm mắt đi theo coi chừng bị họa lây.

Người xưa có câu: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Trong cuộc sống, nếu mình chơi chung với một người cờ bạc, rượu chè, xì ke, trộm cắp, ăn chơi thì trước sau cũng sẽ bị ảnh hưởng xấu và khi chúng ta theo họ rất dễ bị họa lây. Chẳng hạn, khi theo tên trộm, tuy mình không ăn trộm nhưng cũng có thể bị bắt để tra hỏi. Chúng ta đi theo người xấu, không trước thì sau cũng sẽ bị tiêm nhiễm, bởi vì có hợp tính, có thích mới đi theo, không hợp, không thích làm sao theo họ được.

Khổng Tử nói: “Tham ăn là mất mạng”. Ngoài đời cũng như trong đạo, nơi đâu người ta cũng

giăng đầy bẫy mỗi, nếu chúng ta tham lam sẽ bị dính bẫy. Trong chốn thiền môn có những chuyện lừa gạt xảy ra cũng chỉ vì lòng tham. Ngoài đời, mất tiền, mất tình cũng do lòng tham, từ lòng tham dẫn đến si mê, không còn sáng suốt để nhận định đúng sai, phải trái.

Ở dưới nước, khi một con cá lớn muốn ăn con cá bé thì phải làm sao? Nó phải rượt con cá bé để bắt. Một miếng mồi đâu tự nhiên có sẵn, nếu con cá nào lại gần đớp mồi coi chừng mắc câu. Cũng như thế, ở ngoài đời người ta phải làm đổ mồ hôi, sôi nước mắt mới có được tiền để tiêu xài, sinh sống, đâu phải tự nhiên có người đem đến cho không! Những của cải người ta đem đến cho mà không điều kiện, coi chừng trong đó có lưỡi câu. Vì lòng tham mà mình vui vẻ nhận là vướng vào cái bẫy họ giăng ra. Lúc đó, mình sẽ bị người ta điều khiển.

Người giăng lưới nói một câu rất hay: “Nếu chim non theo chim già thì rất khó bắt. Ngược lại, chim già theo chim non thì dễ bắt”. Nếu mình già mà không sáng suốt cũng dễ bị lừa gạt. Do vậy, chúng ta theo những người chưa có kinh nghiệm, chưa có hiểu biết thì rất nguy hiểm. Trên đời này,

có những người đã hai thứ tóc nhưng vì lòng tham nên vẫn cứ bị lừa, thấy lợi dưỡng là nhào vô nên không phân biệt thật giả thế nào, đến khi “tay đã nhúng chàm” thì đã quá muộn!

Người xuất gia cần phải hết sức cẩn trọng khi có người nào đó đem đến cho mình lợi dưỡng. Chúng ta phải hiểu trên đời này không có gì mà người ta bỏ ra cho mình một cách tự nhiên, trừ trường hợp người đó là thầy Tổ hay cha mẹ mình. Ngoài ra, ai cũng tính toán: Một là để được phước, hai là để được tình, ba là được quyền lợi. Đôi khi chính bản thân mình cũng vậy, muốn giúp ai việc gì, cho ai cái gì, cũng thường suy nghĩ là cho người này có phước, cho để sau này được người ta giúp lại mình,... tất cả đều có sự tính toán. Do vậy, chúng ta phải cẩn thận vấn đề lợi dưỡng, cẩn thận đừng như con cá thấy mồi ngon đớp vào rồi mắc câu. 

Ngày 28 tháng 2 năm 2015



Bài học từ nữ Tổng thống Hàn Quốc

Trong một đất nước, khi luật pháp được ban hành thì mọi người đều phải tôn trọng và tuân thủ. Bất kể người nào phạm pháp đều phải bị trừng trị theo đúng pháp luật. Tổng thống và người dân đều như nhau, không có ngoại lệ. Không thể để xảy ra trường hợp người dân phạm pháp thì bị trừng trị, còn Tổng thống phạm pháp lại được miễn trừ. Trước pháp luật thì mọi người đều bình đẳng, như

vậy mới thể hiện được tính nghiêm minh, công bằng và dân chủ của pháp luật.

Vừa rồi tại Hàn Quốc, Tổng thống Park Geun Hye vi phạm pháp luật nên đã bị phế truất quyền Tổng thống, sau đó bị bắt giam. Hàn Quốc là đất nước thực thi pháp luật bình đẳng, công bằng, dân chủ và nghiêm minh, hiếm có một đất nước nào trên thế giới xảy ra trường hợp một vị Tổng thống đương nhiệm lại bị phế truất như vậy. Chính quyền làm được điều này, những người có địa vị sẽ không dám lạm dụng chức quyền để tư lợi cá nhân. Hiện nay, một số quốc gia trên thế giới chỉ thực thi luật pháp đối với những người dân thấp cổ bé họng, còn những người có địa vị, chức quyền thì luật pháp không dám đụng đến. Nếu người dân phản ánh những sai trái của người cầm quyền thì sẽ bị quy vào tội nói xấu lãnh đạo, nặng hơn là bị vu khống phản động. Từ đó, những người có địa vị, có chức, có quyền tha hồ thao túng, tham nhũng, hối lộ, bóc lột tài sản của Nhân dân. Có những nước ra sức hô hào chống tham nhũng, thế nhưng chỉ chống đối với những người cấp dưới, còn lãnh đạo cấp cao vẫn

thuộc vùng “bất khả xâm phạm”, như vậy thì làm sao có thể chống được tham nhũng! Người xưa có câu: “Thượng bất chính, hạ tắc loạn”. Trong một đất nước, nếu pháp luật còn dung dưỡng, xử lý không nghiêm đối với những người đứng đầu, còn e dè trước tình trạng “con ông cháu cha” thì đất nước không thể yên ổn.

Tăng đoàn là một tập thể tu hành có tổ chức. Đức Phật đã chế định giới luật rất rõ ràng và cụ thể cho cả hàng tại gia lẫn xuất gia. Đặc biệt đối với hàng xuất gia, Ngài đưa ra những giới trọng, giới khinh, giới nào có thể sám hối, giới nào không thể sám hối, giới sám hối ít ngày, giới sám hối nhiều ngày,... Giới luật đức Phật chế cho người xuất gia là bình đẳng, không phân biệt, không phải sa di hay tỳ kheo trẻ phạm trọng giới thì bị đuổi ra khỏi Tăng đoàn, còn các tỳ kheo lớn tuổi, các Trưởng lão, Hòa thượng hoặc những vị có chức quyền trong Giáo hội khi phạm trọng giới thì vẫn “đường đường Tăng tướng, dung mạo khả quan”, thuộc về thành phần “bất khả xâm phạm”. Tất cả người xuất gia khi phạm giới trọng đều mất tư cách của Tăng sĩ và bị tẩn xuất khỏi Tăng đoàn. Nếu tất cả Tăng sĩ

thực thi đúng giới luật đức Phật dạy thì Tăng đoàn sẽ được thanh tịnh, tốt đẹp, hoàn hảo, xứng đáng để trời và người cung kính, quy y.

Trong chùa, ngoài những giới luật mà đức Phật đã dạy từ hơn hai nghìn sáu trăm năm trước, còn có những nội quy được chư Tăng chế định phù hợp với hoàn cảnh sinh hoạt và tu tập cụ thể của từng tự viện. Bối cảnh lịch sử của ngày xưa và hoàn cảnh sống thời nay hoàn toàn khác nhau. Nếu đức Phật sống trong một xã hội như hiện tại, chắc hẳn Ngài cũng sẽ bỏ đi một số giới luật không còn liên quan đến đời sống của chư Tăng, đưa ra những điều giới mới, cấm làm những việc gây nguy hại đến đời sống của một người xuất gia, cản trở quá trình tiến đạo của Tăng Ni và làm ảnh hưởng tới sự thanh tịnh của Tăng đoàn. Vì đức Phật không còn nên chư Tăng phải ngồi lại bàn bạc, đưa ra những nội quy nhằm giúp đại chúng được an ổn tu hành, giữ sự trang nghiêm thanh tịnh chốn thiền môn.

Thí dụ, trong chùa chúng ta quy định đối với chư Tăng nếu ai ngủ phi thời sẽ bị phạt một trăm nghìn đồng, đến giờ điểm tâm sáng nếu không đi

ăn sẽ bị phạt xuống Cú Chi lao động trong vòng một tháng. Đối với Phật tử, không đi ăn sáng sẽ bị phạt về nhà một tháng, lần sau tái phạm hình phạt sẽ tăng gấp đôi. Những người bệnh nặng thì xuống phòng y tế nằm, những người bệnh nhẹ còn đi lại được thì bắt buộc phải lên trai đường dùng điểm tâm, nếu không ăn cũng phải ngồi để nghe pháp.

Cách nay ba hôm, thầy thấy thầy Tâm Đạo nằm trong phòng ngủ trong lúc đại chúng đi ăn điểm tâm. Như vậy, thầy Tâm Đạo vi phạm hai điều trong nội quy là ngủ phi thời và không đi ăn sáng. Theo nội quy, ngủ phi thời phải bị phạt một trăm nghìn đồng, không đi ăn sáng phải đi Cú Chi trong một tháng. Trường hợp của thầy Tâm Đạo, thầy cũng rất thông cảm vì công việc quá nhiều, đôi khi không đi ăn được hoặc do mệt quá phải ngủ phi thời. Thế nhưng hôm qua thầy Tâm Đạo không có việc gì bận mà không đi ăn, lại ngủ phi thời trong thời gian đó, như vậy là buông lung, không tôn trọng nội quy.

Thầy Tâm Đạo là phó trụ trì, đúng lý ra người lãnh đạo phải làm gương cho đại chúng, nếu vi

phạm nội quy như thế thì làm sao có thể nói được người khác. Hiện tại, thầy có mặt ở chùa mà thầy Tâm Đạo còn cố tình vi phạm, nếu thầy đi vắng thì việc ngủ phi thời, không đi ăn với đại chúng chắc sẽ xảy ra thường xuyên mà không ai dám nói. Ngay như thầy Tâm Huyền là tổng giám luật cũng chưa chắc dám lên tiếng, có thể thầy Tâm Huyền đã bắt gặp thầy Tâm Đạo vi phạm nội quy nhiều lần, nhưng vì thầy Tâm Đạo là phó trụ trì nên thầy Tâm Huyền không nói, không dám kỷ luật cảnh cáo, nếu là các thầy khác vi phạm sẽ mạnh tay phạt.

Như thế, những người có địa vị trong chùa khi vi phạm nội quy rõ ràng là không ai nói. Bản thân thầy Tâm Đạo là phó trụ trì nên tự quyền đứng trên nội quy, không sợ ai bắt phạt. Rốt cuộc, nội quy đưa ra là để cho những người bên dưới thi hành, còn người trên thì ngoại lệ, như vậy không còn sự công bằng trong Tăng chúng, còn đâu là nhân quả nữa? Người không có địa vị phạm luật thì trừng trị, người có địa vị phạm luật thì miễn trừ. Dần dần, nội quy trong chùa mất đi tác dụng, vì người trên không thực hiện thì làm sao người dưới tuân thủ.

Để thành tựu một việc cần phải hội đủ nhân và duyên, sự việc của thầy Tâm Đạo đã xảy ra trước đây nhưng chưa đủ duyên để ra quả. Hôm nay, nhân sự việc bà Tổng thống Hàn Quốc vi phạm pháp luật nên đã bị phế truất chức vị Tổng thống, sau đó còn bị bắt giam, thầy nghĩ: “Một vị Tổng thống đứng đầu cả một đất nước, ở địa vị cao nhất và quyền lực nhất của Hàn Quốc, vậy mà khi vi phạm pháp luật vẫn bị trừng trị như dân thường. Một đất nước thực thi nghiêm chỉnh luật pháp như vậy mới thể hiện được sự công bằng, dân chủ, văn minh. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Một vị Tổng thống còn phải thực thi pháp luật, huống gì chúng ta là người xuất gia, là đại diện tiêu biểu cho những giá trị đạo đức, tại sao mình lại không chấp hành nội quy và giới luật?”. Do vậy, từ nhân duyên bà Tổng thống Hàn Quốc bị bắt giam, thầy nghĩ rằng những người xuất gia cần phải tuân thủ nội quy và giới luật. Bất kỳ ai trong chùa khi vi phạm giới luật và nội quy đều phải bị kỷ luật, không có chuyện người có địa vị thì được đứng trên giới luật, miễn trừ kỷ luật. Thầy hy vọng thầy Tâm Đạo sẽ hiểu được điều này

và mạnh dạn nhận lấy khuyết điểm, thực hiện việc kỷ luật.

Trước hết, thầy Tâm Đạo phải nộp phạt một trăm nghìn đồng cho thầy tổng giám luật về lỗi ngủ phi thời, kể đến là đi Củ Chi một tháng về việc không đi ăn sáng. Tuy nhiên, vì công việc và sự cống hiến của thầy Tâm Đạo cho chùa bấy lâu nay, thầy đề nghị chư Tăng hoan hỷ cho thầy áp dụng hình thức kỷ luật giảm nhẹ, nghĩa là cũng đi Củ Chi nhưng trong thời gian bảy ngày. Có thể, từ sự việc thầy phó trụ trì chấp hành kỷ luật sẽ làm tấm gương cho đại chúng tinh tấn tu tập, thể hiện tính nghiêm minh của nội quy và giới luật trong chùa Hoàng Pháp. Nhân quả phải được thực thi một cách công bằng, có công thì thưởng, có tội thì phạt, không ai có quyền cho mình đứng trên giới luật, không có người nào là “Vùng cấm! Bất khả xâm phạm!”. Khi vi phạm nội quy và giới luật, ngay như bản thân thầy nếu vi phạm giới luật hay nội quy cũng phải bị kỷ luật và xử phạt.

Hiện nay, một số thầy trụ trì ở các chùa xem mình là người địa vị cao nhất, là vua một cõi nên họ có quyền ăn, có quyền ngủ, có quyền chơi, có

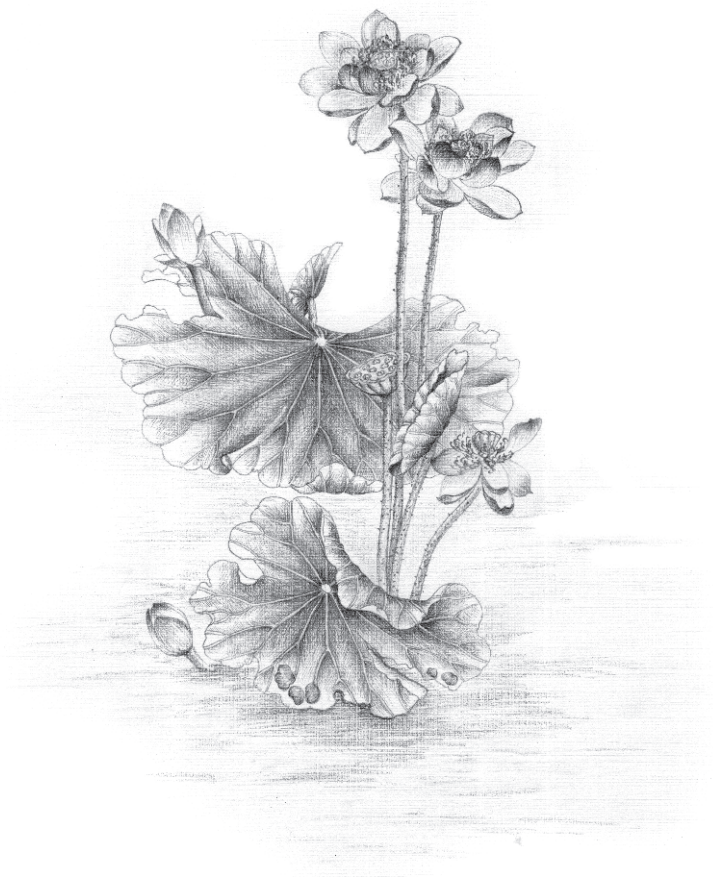
quyền vi phạm nội quy và giới luật, không ai dám nói. Nếu đại chúng vi phạm nội quy và giới luật thì sẽ bị kỷ luật, còn thầy trụ trì vi phạm không ai dám động đến. Ai nói lỗi hoặc kể tội của thầy trụ trì sẽ bị tru dập, có thể phải ôm gói ra khỏi chùa. Từ đó, ngôi chùa không còn là nơi tu hành của đại chúng mà là nơi thao túng quyền hành của vị trụ trì, dẫn đến mất niềm tin của Phật tử, khiến đạo Phật ngày càng đi xuống.

Để giới luật được công bằng, dân chủ, nghiêm minh, tất cả người xuất gia đều phải tuân thủ như nhau: người trên hay người dưới, sa di hay tỳ kheo, mới tu hay tu lâu,... ai vi phạm cũng đều phải bị kỷ luật. Thầy trụ trì vi phạm giới luật, đại chúng có quyền họp lại để xem xét mức độ phạm giới là khinh hay là trọng, nếu phạm giới khinh có thể sám hối, phạm giới trọng sẽ bị phế truất chức vị trụ trì và mời ra khỏi chùa như những người khác, có như thế mới thể hiện sự công bằng, Phật pháp mới có thể phát triển.

Thầy mong đại chúng chùa Hoàng Pháp cũng thực hiện điều này. Nếu thầy vi phạm nội quy cũng phải đóng phạt như mọi người, nếu thầy có

vi phạm trọng giới cũng phải bị kỷ luật và mời ra khỏi chùa. Chúng ta làm được điều đó mới thể hiện sự công bằng, dân chủ và nghiêm minh. 

Ngày 8 tháng 4 năm 2017



Mặt trăng sáng giữa sao đêm
Thế Tôn sáng giữa chư Thiên loài người.

- THANH LƯƠNG -



Duyên trần chưa dứt

Hôm qua, có một cô Phật tử ở Hàn Quốc về thăm thầy. Cô gửi lời cảm ơn thầy vì đã cho thầy Tâm Hậu và Tâm Hỷ qua Hàn Quốc du học, đồng thời tổ chức các khóa tu, nhờ đó mà cô và rất nhiều Phật tử biết đến Phật pháp. Cũng nhờ nhân duyên này mà các Phật tử bên đó có được chỗ dựa tinh thần những lúc khó khăn. Đặc biệt, các cô dâu người Việt Nam ở Hàn Quốc có nhiều nỗi khổ

niềm đau mà không biết nhờ ai. Các thầy qua đó làm điểm tựa, giúp cho họ giải tỏa được những vướng mắc và áp lực trong cuộc sống. Hiện tại, rất nhiều cô gái trẻ Việt Nam qua Hàn Quốc lấy chồng. Những tưởng rằng cuộc sống êm ả, thuận lợi nhưng họ lại phải chịu rất nhiều áp lực. Người nào sức chịu đựng tốt thì trụ lại để sống tiếp, còn người nào sức chịu đựng kém thì tìm cách tự tử. Khi có nỗi khổ niềm đau họ không biết bám víu vào đâu, cũng không biết hỏi ai, nhờ ai giúp đỡ, tư vấn để giải tỏa căng thẳng. Khi thấy Tâm Hậu cùng Tâm Hỷ qua đó du học và tổ chức các khóa tu, cô này cũng biết được Phật pháp, nhờ quý thầy giải tỏa được nhiều vướng mắc trong cuộc sống. Từ đó, cô rất tôn kính quý thầy. Khi quý thầy ở Việt Nam sang Hàn Quốc cô đều đón tiếp rất nhiệt tình, giúp đỡ quý thầy về chỗ nghỉ ngơi, đưa quý thầy đi du lịch. Cô luôn luôn thể hiện lòng kính trọng của người Phật tử đối với chư Tăng.

Một hôm, cô nhận được tin nhắn từ một thầy tâm sự, bày tỏ tình cảm với cô, cô cảm thấy bối rối không biết phải làm sao. Cô có hỏi thầy Tâm Hỷ thì thầy khuyên cô nên cắt đứt, không nên dây

dưa đến những chuyện như vậy. Hôm qua, nhân dịp về Việt Nam có việc cô đến gặp thầy và đem chuyện đó ra hỏi, nhờ thầy tư vấn. Cô nói rằng khi biết Phật pháp, tâm cô hướng đến việc xuất gia. Cô có ý định sau này con cái lớn lên cô sẽ đi tu. Thế nhưng bây giờ cô lại rơi vào trường hợp như thế. Thầy hỏi:

– Cô đã Quy y Tam bảo chưa?

Cô trả lời:

– Dạ, con đã Quy y Tam bảo rồi.

Thầy nói:

– Nếu cô đã quy y, vậy có biết năm giới không?

Cô trả lời:

– Dạ, con biết.

Thầy nói:

– Trong năm giới có giới tà dâm, mình đã có chồng giờ lại có tình cảm nam nữ với người xuất gia là điều không nên, nếu hiểu xa hơn nữa là phạm giới tà dâm sẽ vô cùng tội lỗi. Thứ đến, nếu mình chưa có chồng thì việc thầy này tỏ tình với mình là không đúng về mặt giới luật của một người xuất gia và đạo đức của người Phật tử. Tuy nhiên, pháp luật không cấm vì cô chưa có chồng

và thầy đó cũng chưa có vợ. Nếu thầy ra đời thì hai người có thể tiến xa hơn và lập gia đình. Nhưng bây giờ mình không thể làm chuyện đó được vì cô là người đã có chồng. Thí dụ như mình nói chuyện qua lại với thầy thường xuyên, hai người có tình cảm với nhau, xa hơn nữa là hai người đi vào khách sạn ngủ với nhau thì mình mang rất nhiều tội. Một là phạm giới dâm của người Phật tử, hai là phá Phạm hạnh của chư Tăng. Chưa kể người đời khi biết được chuyện này sẽ phỉ báng, nguyên rửa mình. Tất nhiên, người ta đâu nghĩ rằng thầy đó dụ dỗ cô, mà người ta sẽ nói rằng cô dụ dỗ thầy đó.

Thầy lấy thí dụ ngay như trong chùa mình, có một thầy nào đó thương cô công quả, hai người âm thầm qua lại. Thời gian sau, thầy này ra đời rồi hai người cưới nhau. Khi việc này xảy ra, người ta sẽ không nói thầy dụ dỗ Phật tử mà họ chỉ trích cô gái. Họ bàn tán là các cô vào chùa phá mấy ông thầy, có người dùng từ cay độc hơn để nguyên rửa các cô là “đồ quỷ phá nhà chay”. Bao nhiêu tội lỗi đổ dồn về người phụ nữ. Thầy khuyên cô phải sáng suốt, dừng lại trước khi quá muộn. Thứ nhất là mình đã lập gia đình, đã có chồng thì không

nên có tình cảm với người đàn ông khác, đặc biệt không được quan hệ tình dục với người khác. Nếu mình chạy theo dục tình là sai, phạm giới, đặc biệt là đối với chư Tăng lại càng nguy hại. Một người phá Phạm hạnh của chư Tăng, ở hiện tại sẽ bị ảnh hưởng đến tiếng tăm, bị người đời phỉ báng, tương lai sẽ bị đọa vào địa ngục.

Cô nói:

– Nhờ thầy Tâm Hỷ tư vấn nên con đã cắt đứt mọi liên hệ, không còn trò chuyện với thầy này nữa.

Thầy nói:

– Cô làm như thế rất đúng!

Cô thắc mắc:

– Tại sao các thầy đã xuất gia thoát tục lại có suy nghĩ như vậy?

Thầy trả lời:

– Thầy tu cũng là con người chứ không phải gỗ đá. Đôi khi, mình quá thần tượng và nghĩ rằng người ta đã không còn ham muốn dục trần. Chỉ có Thánh nhân hoặc gỗ đá vô tri mới không có tình cảm, duyên ái. Là con người thì ai cũng biết yêu, biết ghét, còn hỷ, nộ, ái, ố, thất tình lục dục đều có đầy đủ những cảm xúc mừng, giận, vui, buồn,

thương, ghét, muốn. Người mới tu ắt sẽ có những lúc thất niệm, không làm chủ được bản thân, đôi khi buông lung phóng túng. Khi cô thấy thầy nào có ý với mình như thế, cô lập tức không giao thiệp hay liên lạc với người đó nữa. Phải mạnh dạn như vậy, còn mình cứ dây dưa trò chuyện, sợ mất lòng, sợ thầy buồn thì ngày nào đó hai người chắc chắn sẽ vướng vào bầy tình do chính mình giảng bùa.

Đàn bà yêu bằng lỗ tai, nghe mấy ông rừ rì rủ rỉ riết cũng xiêu lòng. Tốt nhất mình nên cắt đứt, xem đó là người không tốt. Một người đã xuất gia tỏ tình với người khác là điều sai trái, không hợp với lẽ đạo. Hơn nữa, qua lại với một người đã có chồng lại càng không thể chấp nhận được.

Đối với thế gian, mình phá hạnh phúc gia đình người khác là không có đạo đức. Xét về mặt giới luật, những người nào nói lời tỏ tình ong bướm, khơi dậy dục vọng đối với người khác phái là phạm vào giới luật, tội Tăng tàn; còn hai người quan hệ với nhau là phạm vào trọng giới Ba la di, coi như không còn tư cách của người xuất gia. Không phải mình tỏ tình với người ta, nhả tin trò chuyện qua lại là không phạm giới. Nếu mình trò chuyện

thông thường thì không sao, còn nói lời tán tỉnh, ong bướm là phạm vào Tăng tàn. Trong luật không nói đến việc gửi Email, Zalo hay Facebook, vì ngày xưa không có những thứ đó. Nhưng mình nói với người nữ những điều làm phát khởi lòng dục, nói lời dụ dỗ gạ tình là phạm giới.

Thầy khuyên cô phải cắt đứt mọi liên hệ với những người có tình ý với mình. Từ trước tới nay mình tôn trọng quý thầy, bây giờ mình vẫn giữ lòng tôn trọng, đừng vì chuyện này mà mất đi tín tâm đối với Tam bảo. “Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi”. Chư Tăng là một đoàn thể, tất nhiên sẽ có rất nhiều hạng người: có thầy tốt, có thầy xấu, có thầy biết tu tập và cũng sẽ có thầy vụng tu,... Thầy nào mình thấy đạo đức thì nên thân cận nương tựa tu học, ngược lại những thầy không tốt nên chấm dứt liên hệ, còn tiếp tục là khổ mình khổ người. Mình gây ác nghiệp vì đã tạo nhân duyên cho người tạo tội. Thí dụ như người đó có tình cảm, mình biết được và dứt khoát ngay từ đầu thì hai bên không thể tiến tới, không có chuyện gì xảy ra. Nhưng nếu người ta thương mình, mình lại thấy tội nghiệp, thấy người ta rủ rê hẹn hò mình cũng xiêu lòng

thì chắc chắn chẳng tránh được những chuyện không hay. Chính sự chần chừ lưỡng lự và thương cảm của người phụ nữ sẽ là tử huyệt, vì tội nghiệp thành ra tạo nghiệp, do vậy hãy dứt khoát ngay từ đầu. Thứ nhất, mình đã lập gia đình thì không được phép có tình cảm hay liên hệ thân thiết quá mức với người đàn ông khác. Thứ hai, người tỏ tình với mình lại là một thầy tu, giới luật và đạo đức của người xuất gia không có chỗ cho tình cảm nam nữ. Khi mình phạm giới, mình mang tội rất nặng là phá Phạm hạnh, đồng thời bị người đời nguyên rủa.

Cô này khen thầy Tâm Hỷ tu giỏi, tu cao, thầy hỏi:

– Tu cao là tu như thế nào?

Cô nói:

– Khi chúng con có nỗi buồn gì đó đến thưa chuyện, thầy liền trả lời và giải tỏa những thắc mắc, giống như thầy đã biết trước. Chắc là thầy Tâm Hỷ được đức Phật chứng cho nên chúng con đến hỏi điều gì là thầy ấy nói luôn.

Thầy nghĩ trong lòng nhưng không nói ra: “Đôi khi người ta ái mộ mình quá cũng mệt. Cuộc sống

không hề đơn giản. Khi người ta quá thần tượng hay ái mộ mình, một là họ dễ rơi vào dính mắc, hai là mai này lỡ như mình có chuyện gì không vừa ý họ thì làm họ vỡ mộng và mất tín tâm”.

Thầy nêu câu chuyện này ra để chư Tăng lấy đó làm bài học thực tế khi tiếp xúc với những người nữ. Đôi khi, người ta kính trọng rồi mình nghĩ là họ thương mình, từ đó có những ý nghĩ không hay ảnh hưởng đến đạo hạnh của người xuất gia. Chồng của cô là người Hàn Quốc, nếu ông chồng là người Việt mà biết được chuyện thì sẽ có chuyện lớn với thầy này. Thậm chí, người ta ghen rồi đánh mình.

Như vậy, dù là người xuất gia hay người tại gia thì cũng rất cần ở mỗi người có những nhận thức đúng đắn, biết giới hạn của bản thân, giữ giới cho mình và cho người để sau không phải chịu những hậu quả đáng tiếc. Gieo nhân xấu thì ắt sẽ gặp phải những kết quả chẳng tốt đẹp! 

Ngày 17 tháng 10 năm 2019



Pháp xả ly

Trong kinh *Tương Ưng Bộ*^[1], đức Phật có kể một câu chuyện: “Một người Bà la môn thuộc dòng họ Bhāradvāja bị mất mười bốn con bò và lẫn lộn đi tìm. Khi vào rừng, ông gặp đức Phật đang ngồi kiết già trang nghiêm, lưng giữ thẳng, gương

^[1] ĐTKVN, kinh *Tương Ưng Bộ I*, chương Tương Ưng Bà La Môn, phẩm A La Hán Thứ Nhất, kinh Bahudhiti, VNCPHVN ấn hành (2000), trang 371.

mặt tỏa ra sự bình an và giải thoát, ông khởi lên sự thích thú. Lúc đó, ông ngẩng nhìn đức Phật và cảm nhận sự hạnh phúc, an lạc từ gương mặt của Ngài, ông suy nghĩ: “Tại sao cả đời mình quá khổ, trong khi đức Phật lại tự do, tự tại, an lạc và giải thoát như vậy?”.

Đứng suy nghĩ một lát, ông đến bạch với đức Phật:

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải Ngài không có những con bò, không có những thửa ruộng, không có kho lúa, không có cửa cải, không có vợ con, không có thiếu nợ ai, cho nên Ngài được an lạc?

Đức Phật trả lời:

– Đúng như vậy, ông Bà la môn. Ta không có những con bò, không có những thửa ruộng, không có kho lúa, không có cửa cải, không có vợ con, và ta cũng không thiếu nợ ai cả, cho nên ta được an lạc.

Sau đó, đức Phật nói về pháp xả ly, ly dục, ly bất thiện pháp, dạy về con đường xuất gia, giải thoát. Sau khi nghe xong, ông Bà la môn giác ngộ và thốt lên:

– Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng

đứng lại những gì đã bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì đã bị che kín, chỉ đường cho những kẻ lạc lối, đem đèn sáng vào trong bóng tối cho những ai mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chính pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và xin đức Thế Tôn cho con được xuất gia.

Đức Phật hứa khả. Sau đó, ông Bà la môn trở về gia đình thu xếp và quay trở lại được đức Phật cho xuất gia. Do tinh cần, nỗ lực tu hành, không bao lâu sau ông đã chứng quả A La Hán”.

Một người Bà la môn chưa biết gì về Phật pháp, thế nhưng khi gặp đức Phật ông đã cảm nhận được sự hạnh phúc, an lạc, tự do, tự tại, giải thoát toát ra từ thân tướng và gương mặt của Ngài. Ông hiểu ra rằng, tuy đức Phật không có của cải hay bất cứ thứ gì nhưng Ngài có được an lạc, trong khi ông có mọi thứ mà vẫn không có được sự an lạc đó.

Đối với người đời, khi chưa có vợ thì mong muốn có vợ, có vợ rồi thì lại lo vợ ngoại tình. Khi chưa có con thì mong muốn có con, có con rồi lại lo nó hư hỏng. Khi chưa có của thì mong được

nhiều cửa, có cửa rồi lại lo sợ trộm cướp. Nói chung, gia đình, vợ chồng, con cái, của cải chính là sự ràng buộc, là nguyên nhân gây ra bao phiền não, là ngục tù của thế gian.

Mấy mươi năm sống trong gia đình, người Bà la môn đã thấu hiểu sâu sắc những nỗi khổ đó. Cho nên khi gặp đức Phật, ông mau chóng cảm nhận được sự an lạc, tự tại, giải thoát toát ra từ thân tướng và gương mặt của Ngài. Khi đức Phật thuyết pháp về hạnh xả ly và con đường xuất gia giải thoát, ông say mê và cảm nhận được đó là con đường đưa đến an lạc, hạnh phúc thật sự trên cuộc đời này, vì vậy ông quyết chí xuất gia. Chẳng bao lâu sau, nhờ sự nỗ lực, tinh cần tu tập ông đã chứng đắc Thánh quả.

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*^[2], đức Phật dạy: “*Này các tỳ kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sống trong bóng tối, hướng đến bóng tối; sống trong bóng tối, hướng đến ánh sáng; sống trong ánh sáng, hướng đến bóng tối; sống trong ánh sáng, hướng đến ánh sáng*”.

^[2] ĐTKVN, kinh *Tăng Chi Bộ* I, chương IV, phẩm Không Có Rung Động, kinh Tối Tăm, VNCPHVN ấn hành (2005), trang 714.

Tất cả chúng ta ngồi đây là những người đang sống trong ánh sáng. Vì sao? Vì chúng ta sinh ra có đầy đủ lục căn, không quá nghèo khổ, được biết Phật pháp và được ở chùa tu tập. Chúng ta đừng bao giờ từ ánh sáng mà hướng vào bóng tối.

Bao đời chúng ta trôi lăn trong lục đạo, đã chịu biết bao nhiêu nỗi khổ. Nước mắt của chúng ta chảy ra còn nhiều hơn nước biển, thân xác của chúng ta trong vòng luân hồi sinh tử từ bao nhiêu kiếp đến nay chất cao như núi. Lời đức Phật dạy như bản đồ chỉ đường cho kẻ lạc hướng, như đem đèn sáng vào trong đêm tối để cho người có mắt có thể thấy sắc. Bao nhiêu kiếp chúng ta đi trong bóng tối, đau khổ trong sinh tử luân hồi. Ngày hôm nay, đức Phật soi sáng, chỉ đường dẫn lối chúng ta lại không chịu nghe theo mà muốn hướng vào bóng tối, chẳng khác người mù. Những người có được nhân duyên đến chùa xuất gia mà còn muốn ra đời lấy vợ, lấy chồng, muốn ra đời để tạo dựng gia đình, sự nghiệp thì đó là những kẻ đang hướng về bóng tối, hướng về con đường ràng buộc, phiền não, đau khổ, trầm luân.

Trong bài pháp *Tứ diệu đế*, đức Phật nói rất rõ

về khổ và nguyên nhân của khổ, nguyên nhân của khổ là do vô minh và tham ái. Bao nhiêu kiếp luân hồi, chúng ta vì vô minh và tham ái mà phải chịu đau khổ, đọa đầy, trầm luân. Vì sao? Vì vô minh và tham ái mà chúng ta tạo nghiệp, từ đó hiện hữu trong ba cõi. Khi tạo nghiệp thì phải luân hồi sinh tử trong lục đạo. Muốn thoát khỏi con đường đau khổ của luân hồi lục đạo thì chúng ta phải cắt đứt tham ái và vô minh.

Thầy nghĩ, chỉ có những người đã trải qua khổ đau như ông Bà la môn này mới cảm nhận được sâu sắc, mạnh mẽ về hạnh phúc thật sự. Còn chúng ta đang sống trong ánh sáng lại muốn hướng về bóng tối. Dân gian có câu: “Chưa thấy quan tài chưa đổ lệ”, ham muốn lao mình vào tìm kiếm những thú ái dục giả tạo là lao vào địa ngục. Nếu cuộc đời này tốt đẹp thì Thái tử Tất Đạt Đa đã không từ bỏ tất cả vinh hoa phú quý, vợ đẹp con ngoan để đi tìm con đường giác ngộ giải thoát. Cho nên thầy mong rằng người xuất gia trẻ, những Phật tử nam, nữ được nhân duyên ở chùa, tức là chúng ta đang sống trong ánh sáng; do vậy mình phải hướng đến ánh sáng, đừng tìm đến bóng tối

để rồi bị sụp hầm, té hố, chịu đựng những đau khổ
từ đời này sang đời khác. 

Ngày 18 tháng 11 năm 2015



Phật hoàng Trần Nhân Tông

Ngày 11 tháng 11 năm Ất Mùi (2015) là ngày kỷ niệm 757 năm ngày sinh Vua Trần Nhân Tông, một vị hoàng đế anh minh, một lãnh tụ thiên tài của đất nước, một anh hùng dân tộc. Ngài còn là người khai sáng dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam. Vua sinh vào ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ (1258).

Cha Vua Trần Nhân Tông là Thái thượng hoàng

Trần Thánh Tông, mẹ là Hoàng thái hậu Nguyên Thánh. Lúc mới sinh, thân của ngài sáng rực màu vàng, cho nên vua cha đặt tên là Kim Phật, lớn lên đặt hiệu là Trần Khâm. Ngài rất thông minh, học thông Tam giáo, đặc biệt rất thích nghiên cứu về Phật giáo. Ngoài ra, ngài còn giỏi về thiên văn, lịch số, binh pháp, y thuật,... Năm mười sáu tuổi, vua cha sắc phong ngài làm Hoàng thái tử và cưới Khâm Từ, con Trần Hưng Đạo làm vợ. Vua định truyền ngôi cho Trần Nhân Tông để lên làm Thái thượng hoàng, nhưng Thái tử từ chối và nhường ngôi lại cho em là Đức Việt, vua cha không bằng lòng.

Vào một đêm nọ, Thái tử Trần Khâm vượt thành trốn lên núi Yên Tử với ý định xuất gia. Ngay hôm sau, Vua Trần Thánh Tông biết được nên đã ra lệnh cho quan quân đi tìm. Trần Nhân Tông biết mình không thể trốn tránh trách nhiệm nên đành trở lại hoàng cung làm tròn bốn phận của người con, người chồng và người lãnh đạo đất nước. Tuy ở hoàng cung nhưng Trần Nhân Tông vẫn nghiên cứu Phật pháp và tu tập. Năm hai mươi tuổi, vua truyền ngôi cho Trần Nhân Tông để lên làm Thái thượng hoàng.

Bảy năm sau khi lên ngôi (1285), quân Nguyên Mông sang xâm lược đất nước Đại Việt, Vua Trần Nhân Tông đã chỉ huy quan quân đánh tan đội quân này. Ba năm sau (1288), quân Nguyên Mông lại kéo đến Đại Việt, cũng bị Vua Trần Nhân Tông cùng quan quân đánh cho tan tác. Vào thế kỷ thứ XIII, Nguyên Mông là đội quân hùng mạnh làm khiếp đảm các nước Âu - Á thời bấy giờ, đi tới đâu là san bằng đến đó. Vậy mà khi chúng đưa quân qua xâm chiếm Đại Việt lần đầu tiên vào năm 1258, lúc này Vua Trần Thái Tông đang còn tại vị, ngài đã chỉ huy quan quân đánh cho Nguyên Mông thua cuộc. Gần ba mươi năm sau, chúng lại kéo quân qua lần thứ hai vào năm 1285 và lần thứ ba vào năm 1288, cả ba lần chúng đều bị các vua quan cùng dân chúng nhà Trần đánh cho tan tác không còn một manh giáp.

Trần Nhân Tông là một vị vua có công rất lớn trong việc giữ gìn và bảo vệ đất nước. Nếu thời đó, không nhờ Vua Trần Nhân Tông lãnh đạo quân dân đánh thắng giặc Nguyên Mông, có lẽ bây giờ chúng ta không còn là người Việt Nam.

Sau khi đánh đuổi quân xâm lược, đất nước

yên ổn, thái bình, thịnh trị, Vua tiếp tục công việc nghiên cứu và tu học Phật pháp. Ngài sáng tác rất nhiều bài thơ, bài văn, thi phú,... trong đó có một bài phú rất nổi tiếng là *Cư trần lạc đạo*. Bài phú này gồm mười hồi, hồi cuối cùng có một bài kệ:

*“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hữu tầm mich,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền”.*

Dịch là:

*“Ở đời vui đạo, hãy tùy duyên,
Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền.
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền”.*

Bài này khi đọc lên nghe rất hay, tư tưởng *Cư trần lạc đạo* trong bài thơ đã tạo ảnh hưởng lớn đối với những Phật tử Việt Nam thời bấy giờ. Thời Vua Trần Nhân Tông, đạo Phật được xem là quốc giáo, từ quan quân đến dân chúng, đa phần đều là Phật tử. Tư tưởng *Cư trần lạc đạo* nghĩa là ở nhà cũng tu được, không cần phải lên rừng vào núi, đừng đi nơi nào tìm Phật, vì Phật có sẵn trong tâm của mỗi người. Thời đó có rất nhiều vị thiền sư cư sĩ, không

phải chỉ có những bậc thầy xuất gia, tuy tại gia nhưng họ đều rất giỏi. Trong số những vị đó nổi bật nhất là ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ, thầy của Vua Trần Nhân Tông, một cư sĩ uyên thâm giáo pháp.

Vào năm 1293, vua nhường ngôi lại cho con là Trần Anh Tông lên làm Thái thượng hoàng. Năm 1294 (có sử liệu ghi là năm 1295), ngài xuất gia tại cung Vũ Lâm, Ninh Bình. Sau khi xuất gia, ngài tiếp tục công việc hoàng pháp lợi sinh. Năm 1299, ngài lên núi Yên Tử tu tập, nhưng không ở đó thường xuyên mà vẫn xuống núi để lo việc triều đình, việc dân, việc nước. Vào năm 1306, ngài gả công chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm Thành là Chế Mân. Vua Chế Mân được Vua Trần Nhân Tông gả con gái, cảm động trước ân tình đó nên đã đem hai châu: châu Ô và châu Lý để làm lễ vật đính ước. Hai châu này về sau gộp lại là Thuận Hóa, bây giờ là tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mặc dù đi xuất gia nhưng ngài vẫn lo việc dân việc nước, điều đặc biệt từ xưa đến nay hiếm có là việc mở rộng bờ cõi đất nước về phía Nam mà không tốn một giọt máu. Ngài chỉ gả công chúa Huyền Trân cho Vua Chế Mân mà đã có được hai

châu. Điều này thể hiện ngài là vị hoàng đế anh minh, một lãnh tụ thiên tài.

Sau đó, ngài vẫn tiếp tục tu hành và giáo hóa mọi người theo tinh thần *Cư trần lạc đạo*. Đặc biệt, ngài chú trọng dạy cho mọi người tu theo pháp thập thiện. Một hôm, biết trước được giờ ra đi của mình nên ngài trở về núi Yên Tử. Vào ngày 1 tháng 11 năm Mậu Thân (1308), đến nửa đêm ngài hỏi thị giả Bảo Sát:

– Bây giờ là giờ gì?

Thị giả trả lời:

– Thưa thầy, bây giờ là giờ Tý.

Ngài vén bức màn ở cửa sổ để nhìn ra ngoài trời ngấm sao, sau đó ngài nói:

– Đây là giờ ta đi.

Bảo Sát hỏi:

– Giờ này thầy đi đâu?

Ngài trả lời:

“Tất cả pháp không sinh

Tất cả pháp không diệt

Nếu hay hiểu như vậy

Chư Phật thường hiện tiền

Sao có chuyện đến đi”.

Nói xong, ngài nằm nghiêng bên tay phải theo thế sư tử và an nhiên thị tịch.

Sự ra đi của ngài quả là hiếm có! Một vị vua từ bỏ ngai vàng để xuất gia, sau khi xuất gia vẫn còn chăm lo việc dân, việc nước, đồng thời tu tập rất ráo, đến khi tịch biệt trước được ngày giờ rồi ra đi một cách an nhiên tự tại. Khi ngài mất, đệ tử Bảo Sát đem thiêu nhục thân của ngài theo như lời di huấn. Sau đó một ngày, Vua Trần Anh Tông và quan quân được tin kéo lên núi Yên Tử khóc từ chân núi lên đến am Ngọa Vân. Lên đến nơi, vua chỉ lấy được xá lợi đem về thờ, không còn thấy nhục thân nữa!

Khi đọc về cuộc đời Phật hoàng Trần Nhân Tông, thấy rất nể phục thị giả Bảo Sát, một người có đầy đủ bản lĩnh. Trần Nhân Tông là Thái thượng hoàng, người lớn nhất đất nước, đứng đầu cả một dân tộc, là Tổ khai sáng dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam. Vậy mà, vừa tịch ngày hôm trước, ngày hôm sau thị giả Bảo Sát đã đem thiêu theo di nguyện của ngài. Nếu không đủ bản lĩnh thì không ai dám làm điều đó. Vì Vua Trần Anh Tông biết được việc này có thể sẽ chém đầu, với lý do: Trên

cương vị là Thái thượng hoàng, sau khi ngài mất không để triều đình đến thăm viếng mà lại đem đi thiêu. Mặc dù di nguyện là di nguyện, nhưng việc chém đầu cũng có thể xảy ra. Ngay như một vị thầy ở ngôi chùa lớn, lúc sắp mất có để lại di nguyện là sau khi chết đem thiêu hay chôn liễn, thầy nghĩ chưa chắc đệ tử đã làm được. Bởi vì áp lực của rất nhiều người nên không dám làm, mặc dù di nguyện của thầy mình đã để lại là như vậy.

Phật hoàng Trần Nhân Tông đối với dân với nước, ngài có công rất lớn, đối với đạo pháp ngài là vị Tổ khai sáng dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam. Chúng ta khâm phục ngài từ việc làm đến công phu tu tập. Mặc dù xuất gia nhưng ngài vẫn quan tâm, lo lắng việc dân việc nước, cũng như mở mang bờ cõi, chứ không phải đi tu là bỏ hết tất cả.

Tinh thần của bài *Cư trần lạc đạo* đã thể hiện rất rõ tư tưởng Phật giáo đời nhà Trần: Không phải lên rừng, lên núi mới là tu, nếu biết tu thì ở đâu cũng tu được.

“Đối cảnh vô tâm mặc vấn Thiền”, đôi khi chúng ta nghĩ tu thiền là ngồi nhắm mắt hoặc lên

rừng, lên núi, nhưng đến khi mở mắt ra thì thấy cái gì mình cũng mê. Có người lên rừng núi tránh duyên, đến khi xuống núi thì cái gì cũng dính mắc. Ngài nói một câu rất hay: “Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền”. Thiền là gì? Thiền là yên lặng. Lục Tổ Huệ Năng từng định nghĩa chữ “thiền định” rất hay: “Ngoài không nhiễm cảnh là thiền, trong không rối loạn là định”. Theo thấy, đây là câu giải thích về thiền định rất chính xác. Như vậy mới gọi thiền định, chứ không phải chỉ ngồi đó nhắm mắt.

Ngoài không nhiễm cảnh là thiền, khi sáu căn đối với sáu trần không nhiễm, đó là thiền. Trong tâm không bị rối loạn, không vọng tưởng điên đảo là định. Một ngày, thầy có ba đến bốn thời ngồi nhắm mắt mà không thiền được, đến khi mở mắt ra thấy cái gì cũng dính mắc. Đó không phải là thiền mà chỉ là mới tập thiền, cho nên ngài nói: “Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền”.

Tại sao chúng ta phải uống thuốc? Có bệnh mới uống thuốc, không bệnh thì uống thuốc làm gì? Tại sao chúng ta tu thiền? Do tâm vọng tưởng điên đảo, khi tâm thanh tịnh cần gì phải tu thiền. Những câu ngài nói trong *Cư trần lạc đạo* quá hay.

Nhưng việc tu không phải dễ. Muốn thực hiện theo câu cuối không phải là điều đơn giản? Đối cảnh vô tâm, chúng ta tu nhiều lắm mới được trình độ đối cảnh vô tâm.

Cuộc đời của Phật hoàng Trần Nhân Tông là một tấm gương rất sáng để chúng ta noi theo học tập. Việc xuất gia và viên tịch của ngài cũng là điều mà tất cả chúng ta cần suy ngẫm. 

Ngày 15 tháng 12 năm 2015



Lắng nghe

Một hôm, vài người bạn cùng ngồi lại nói chuyện với nhau. Họ bàn từ chuyện này qua chuyện khác, trong đó có bàn chuyện của anh A. Lúc đầu, họ khen anh A là người có nhiều đức tính tốt, nhanh nhẹn, hoạt bát, nhưng anh B nói:

– Có điều anh ấy hay nóng tính.

Chẳng may, anh A từ xa đi tới nghe được, tức quá nói:

– Tao nóng lúc nào mà mày nói tao nóng hả?

Sau đó, anh A tát cho anh B một cái. Tát xong anh nói:

– Mày chỉ được cái nói xấu người khác, nói thêm nói bớt. Tao nóng lúc nào?

Mấy người bạn ngồi kể bên cười, nói:

– Vậy này giờ anh đang làm cái gì? Không phải nóng hay sao?

Nghe xong, anh A chợt nhận ra điều đó, cảm thấy xấu hổ và bỏ đi.

Đây là một câu chuyện trong kinh *Bách Dụ*. Nội dung tuy ngắn nhưng có nhiều điều đáng để chúng ta suy ngẫm. Qua câu chuyện, chúng ta thấy: Mọi người đều có điểm tốt và điểm xấu. Không ai hoàn toàn đáng khen và cũng không ai hoàn toàn đáng trách. Ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm. Trong cuốn *Đức Phật và Phật pháp* có một câu rất hay: “*Chưa bao giờ, ngay bây giờ và không bao giờ, có một người nào hoàn toàn đáng khen hay đáng trách*”.

Tất cả chúng ta, ai cũng có những điểm tốt và những điểm xấu. Quan trọng là mình nhận biết những điểm xấu để sửa đổi. Đối với những người

chỉ ra điều xấu của mình, thay vì tức giận thì mình nên hoan hỷ đón nhận, nhờ người mà mình biết được cái sai, cái xấu. Thay vì giận hờn, oán trách, chúng ta nên phát khởi tâm biết ơn. Có như vậy mình mới tiến bộ. Ngược lại, nếu ai đụng tới cái xấu của mình liền tức giận, thù oán thì cái xấu mỗi ngày một tăng trưởng. Người khác sẽ không dám góp ý, xây dựng cho chúng ta.

Có khi, chúng ta nói ra những điều hay, điều tốt, thế nhưng bản thân lại không làm được những điều đó. Không phải ai nói được cũng đều làm được. Có một câu rất hay: “Bàn thiền tợ Thánh, đối cảnh như ngu”, nghĩa là khi bàn chuyện thiền thì nói rất hay, cái gì cũng là Phật, là Thánh, đến khi vào thực tế, lúc đối cảnh thì phiền não, sân hận đầy rẫy. Cho nên không phải khi nghe một người nào đó thuyết pháp hay, giảng kinh giỏi rồi mình cho rằng họ tu hành chứng đắc, là bậc Thánh hiền. Nhiều khi đó chỉ là sự học hỏi từ sách vở, hiểu biết nhờ vào kinh nghiệm của người xưa để lại, bản thân người đó chưa chắc đã làm được những điều họ nói. Đôi khi, họ còn làm ngược lại và tệ hại rất nhiều, không phải nói được mà làm được như thế.

Tuy nhiên, xét về phương diện tu học thì mình nên học những điều hay lẽ phải của họ để ứng dụng tu sửa cho bản thân. Mình không nên chỉ dựa vào việc người ta nói hay, nói tốt mà nghĩ rằng bản thân họ cũng như vậy, từ đó thần tượng. Đến khi nhận ra thần tượng có nhiều khuyết điểm, mình lại thất vọng, sụp đổ dẫn đến mất hết niềm tin. Mọi người đều có điều hay lẫn dở. Mình phải lắng nghe người khác nói về những yếu kém của mình rồi cố gắng khắc phục. Trên thế gian, không ai dám nói mình không có khuyết điểm, không phạm sai lầm. Chỉ có đức Phật mới được như thế, còn chúng ta là phàm phu đều có cái tốt lẫn cái xấu, quan trọng là mình có nhận ra và sửa đổi hay không?

Như vậy, chúng ta phải biết ơn những người dám nói ra lỗi lầm của mình, trân trọng và xem họ là thiện tri thức. Những người khen không đúng để ta lầm tưởng mình tài giỏi, từ đó không nhận ra lỗi lầm, dẫn đến những hành động sai trái, đó không phải là người tốt, chính họ đang đẩy mình vào địa ngục mà không hay. Còn người chê đúng, chê để giúp mình nhận ra lỗi để sửa, chê cho mình

thấy được cái sai để tiến bộ thì đó là thầy mình.

Khi mình tiếp thu những lời góp ý từ người khác, điều quan trọng là phải bình tĩnh: Bình tĩnh để lắng nghe, bình tĩnh để đón nhận, bình tĩnh để suy ngẫm xem điều đó có đúng hay không? Nếu mình nghe người ta xu nịnh mà tưởng thật, hoặc chê bai mà nổi sân si thì chúng ta sẽ không đủ sáng suốt để phân biệt được đâu là thiện, đâu là ác.

Đại lão Hòa thượng K.Sri Dhammananda có một câu nói rất hay: *“Một số sinh vật không thể nhìn thấy ban ngày, trong khi đó một số sinh vật khác lại không thể nhìn thấy ban đêm. Nhưng người nóng giận đến cực độ thì không thể nhìn thấy gì hết cả ban ngày lẫn ban đêm”*. Khi sự nóng giận nổi lên làm mê mờ hết lý trí thì cho dù ban ngày hay ban đêm, chúng ta cũng đều không nhìn thấy thứ gì. Mặc dù trong mỗi người vẫn còn tham, sân, si, nhưng đã là đệ tử của đức Phật thì điều quan trọng là chúng ta nhận ra được tham, sân, si để dần dần chuyển hóa.

Trong cuộc sống, chúng ta khó nhìn thấy những sai lầm của mình, cho nên cần nhờ người khác giúp đỡ. Cổ nhân ví như có vết bẩn sau lưng, mình không nhìn thấy được nên phải nhờ người

khác chỉ. Trong một tập thể, những người có tâm tốt thường nhắc nhở, xây dựng, đóng góp ý kiến thì mình nên hoan hỷ đón nhận thay vì oán trách, bất mãn, giận hờn, thù hận. Người ta muốn cho mình tốt nên mới nói. Nếu người ta không có tâm tốt thì sẽ mặc kệ, mình làm sai phải tự nhận lãnh hậu quả. Do vậy, phải thấy được rằng người nói lỗi của mình là người tốt, họ muốn tốt cho mình chứ không phải ghét bỏ, nếu ghét thì không ai nói.

Câu chuyện trong kinh *Bách Dụ* cho chúng ta một bài học: Phải biết lắng nghe để thấy được cái sai mà sửa đổi, không nên coi đó là sự đụng chạm đến danh dự, uy tín rồi nổi sân. Bởi khi sân lên, chúng ta sẽ không còn giữ được sự bình tĩnh và sáng suốt để xử lý công việc, từ đó gây hại cho bản thân và người khác. ☁



Hương hoa lan tỏa nhất thời
Hương người giới đức muôn đời vẫn bay.

- THANH LƯƠNG -



Sự tích ông Táo

Hôm nay là ngày 23 tháng 12 năm Kỷ Sửu. Theo phong tục cổ truyền của dân tộc Việt Nam, đây là ngày đưa ông Táo về trời. Ông Táo là một nhân vật trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Sở dĩ có phong tục này là do ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc. Trong những câu chuyện về ông Táo, phổ biến và được nhiều người biết đến nhất là câu chuyện sau: “Có một cặp vợ chồng, chồng tên là

Trọng Cao và vợ tên là Thị Nhi, hai vợ chồng chung sống với nhau đã lâu nhưng không có con, người chồng buồn quá sinh ra uống rượu. Một hôm, anh chồng uống rượu say về, vợ chồng lời qua tiếng lại rồi Trọng Cao đánh vợ, sau đó Thị Nhi bỏ đi. Sau khi tỉnh rượu, Trọng Cao thấy vợ đã đi mất, anh rất hối hận vì lỗi lầm của mình và cảm thấy rất thương vợ. Trọng Cao quyết định bán nhà, lấy số tiền đó đi tìm vợ.

Ngày xưa xe cộ rất hiếm, không phải thuận tiện như bây giờ. Anh đi được một thời gian thì số tiền mang theo cũng hết, Trọng Cao phải vừa xin ăn vừa đi tìm vợ, đến nơi nào cũng hỏi, vào nhà nào cũng xin ăn. Một hôm đến giờ cơm, anh đói bụng nên ghé vào một ngôi nhà xin cơm, không ngờ đó chính là nhà của vợ anh. Người vợ bây giờ đã có người chồng khác, người chồng này làm nghề nông, hôm nay không có nhà. Trọng Cao gặp được vợ sau hơn hai năm xa cách, vừa mừng vừa tủi. Cô vợ làm cơm, thức ăn, rượu,... mời anh.

Lúc Trọng Cao ăn uống say sưa và nằm lăn ra ngủ, người chồng hiện tại của Thị Nhi về, cô sợ quá nên khiêng Trọng Cao giấu trong đồng rơm, người

chồng hiện tại về nhà không biết chuyện gì xảy ra. Ăn uống xong, anh ra sau nhà đốt đồng rơm để lấy tro rải ruộng. Khi đồng rơm cháy lớn, cô vợ mới phát hiện ra người chồng trước đang nằm trong đó sẽ chết cháy. Cô nhận thấy lỗi lầm, lại thương Trọng Cao nên nhảy vào đồng lửa. Người chồng thấy vợ nhảy vào đồng lửa, chưa biết chuyện gì xảy ra nhưng thương vợ quá cũng nhảy theo. Thế là cả ba người đều chết. Ngọc Hoàng thấy ba người này ăn ở thủy chung, có tình có nghĩa cho nên phong cho Trọng Cao là Thổ địa, người chồng sau là Thổ công và bà vợ là Thổ kỳ. Thổ công lo về chuyện bếp, còn Thổ địa lo về đất đai, Thổ kỳ lo về việc chợ. Sau này, người ta làm bếp lò có ba viên gạch tượng trưng cho hai ông, một bà”. Vào ngày hai mươi ba âm lịch hằng năm, dân gian hay cúng một con cá chép và mua đôi hài để đốt cho ông Táo. Mong ông Táo về trời tâu với Ngọc Hoàng về gia đình mình tốt một chút.

Đó là sự tích dân gian kéo theo những phong tục cổ truyền, mục đích để thể hiện một ý nghĩa nào đó nhưng thực tế không phải như vậy. Có những câu chuyện dân gian hoặc truyền miệng,

sau đó người đời thêm bớt một số tình tiết cho hấp dẫn, phù hợp với văn hóa. Thật ra, sự tích về ông Táo còn có một vài câu chuyện khác, nhưng câu chuyện này là phổ biến nhất.

Không biết hôm nay thầy Tri Khố có cúng ông Táo không? Nếu có thì thầy cố gắng mời ông một bữa ngon ngon để ông lên trời tàu tốt với Ngọc Hoàng về chùa Hoàng Pháp. 

Ngày 6 tháng 2 năm 2010



Cá sống được trên cạn?

Ngày xưa, có một con cá và một con rùa sống với nhau. Cá sống dưới nước, còn rùa vừa sống dưới nước lại vừa có thể lên cạn. Cá ganh tỵ, không hiểu tại sao rùa lại có thể sống được cả hai môi trường, nó tìm đủ mọi cách để có thể lên bờ giống như rùa. Cá luôn nghĩ: “Mình không thể nào thua rùa, rùa có thể sống được trên bờ thì mình cũng có thể sống được trên bờ”. Một hôm, cá nhảy lên

bờ được một lúc thì bị ngộp thở suýt chết, phải cố gắng lắm nó mới nhảy lại xuống nước, thật may mắn khi xuống nước nó vẫn còn sống.

Đây là câu chuyện ngụ ngôn nói về việc con cá muốn bắt chước con rùa, nhưng nó không biết cấu trúc cơ thể của loài rùa khác với loài cá. Cũng như cá không thể bay lên trời, còn chim không thể lặn xuống đáy biển (trừ chim cánh cụt). Mỗi con vật đều có sở trường và sở đoản khác nhau. Nói cách khác, thiên nhiên hay tạo hóa đã tạo ra mỗi loài có một khả năng riêng biệt, nếu vượt qua giới hạn cho phép thì có thể dẫn đến cái chết.

Ngoài đời, chúng ta thấy một người nào đó hơn mình, trong tâm liền khởi lên những ý niệm không tốt. Mình muốn bằng người, đó cũng là điều tốt, nhưng đôi khi khả năng của mình không cho phép. Nếu mình cứ cố gắng để được bằng hoặc hơn người thì chỉ tự chuốc lấy khổ đau, đôi khi còn gây tạo tội lỗi. Ham muốn thường kéo theo đố kỵ và ganh ghét.

Mình muốn bằng hoặc hơn người, nhưng không muốn người khác hơn mình, người đời thường nói:

“Vô duyên ghét kẻ có duyên

Không tiền ghét kẻ có tiền cầm tay”.

Người không có duyên thấy người có duyên thì không ưa, người nghèo thấy người giàu cũng không ưa. Đôi lúc, mình mong muốn có được địa vị, tài giỏi như người nhưng khả năng của mình có giới hạn, từ đó tìm cách nói xấu hoặc hạ uy tín người khác để vươn lên. Những điều này chỉ đưa đến tai họa, đau khổ, tội lỗi. Như con cá muốn lên bờ giống con rùa chỉ có chuốc lấy cái chết.

Chúng ta cần phát huy hết khả năng mà mình đang có. Năng khiếu của mình thuộc về lĩnh vực nào thì phát triển lĩnh vực đó, sẽ tốt hơn là bắt chước người khác. Thấy người ta chơi đá bóng, trở thành cầu thủ nổi tiếng và có nhiều tiền, mình cũng muốn làm cầu thủ nổi tiếng, trong khi mình lại không có sức khỏe. Mình bắt chước người ta, rồi cố gắng quá sức có thể gây đột quỵ hay đứt mạch máu não. Thấy người ta hát hay, được làm ca sĩ mình cũng bắt chước theo, nhưng giọng hát của mình giống như vịt kêu, làm sao bắt chước được, cuối cùng tự chuốc lấy khổ đau.

Mỗi người sinh ra trong cuộc đời sẽ có thiên

bẩm về một khía cạnh nào đó, nhờ vậy mà họ làm được những điều trội hơn người khác, đó là phước báu của mỗi người, không phải cứ muốn là được. Nhiều người tài giỏi một số lĩnh vực từ lúc còn rất nhỏ, khi sinh ra họ đã có sẵn tố chất như vậy. Nhiều người không học vẽ nhưng vẽ rất đẹp, có người cố gắng vẽ rất nhiều nhưng vẫn không đạt được kết quả. Cầu thủ đá bóng có năng khiếu thì đá rất hay, nhiều người tập mãi cũng vậy không thể nổi tiếng. Mỗi người đều có một năng khiếu riêng. Nếu không có năng khiếu về lĩnh vực mà mình ưa thích thì phải phát huy những khả năng vốn có, sẽ tốt hơn nhiều so với việc mong muốn những điều mà mình không thể làm, từ đó sinh ra tâm ý đổ kị, tội lỗi.

Nếu biết phát huy khả năng, chắc chắn mình sẽ giỏi, đối với những điều vượt ngoài khả năng thì không nên quá tham vọng, cũng giống như con cá muốn được như con rùa là điều không thể. Cuộc sống có muôn mặt, mỗi người phải biết nhìn nhận, phát huy những khả năng còn tiềm ẩn của chính mình mới có thể đem lại lợi ích cho bản thân và mọi người.

Con cá nếu cố gắng bơi lội, hài lòng mà sống trong môi trường nước sẽ có được an vui, hạnh phúc mà không nhất thiết phải lên bờ. Chúng ta cũng vậy, có khả năng gì thì phát huy khả năng đó, như vậy mình đã có được niềm vui và cống hiến cho xã hội. Mỗi người sống trên đời cũng giống như một cái cây trong khu rừng, nhiều cây sẽ tạo thành rừng, nhiều người sẽ tạo thành xã hội. Trong xã hội, ai cũng có một công việc riêng góp phần làm cho xã hội trở nên tốt đẹp. Nếu trong một xã hội mà người nào cũng làm bác sĩ thì ai làm thầy giáo, ai làm kỹ sư,...? Cho nên phải có người này, người kia, mỗi người đều có nghĩa vụ riêng để góp phần làm xã hội tốt đẹp.

Trong chùa chúng ta mỗi người một việc, người việc này, người việc kia, nếu người nào cũng đi nấu bếp thì ai làm việc khác, người nào cũng đi tụng kinh thì ai nấu cơm,...? Nói chung là từ việc nhỏ đến việc lớn, mỗi thành viên đều đóng góp công sức nhất định vào tập thể. Chúng ta cứ cống hiến và làm theo khả năng của mình thì niềm vui và hạnh phúc sẽ có mặt, không nhất thiết ở chùa là phải làm việc gì đó lớn lao, ai cũng làm chuyện

lớn thì chuyện nhỏ ai làm. Nếu mình có thể làm được việc lớn thì rất tốt cần cố gắng phát huy, còn không làm được việc lớn thì làm việc nhỏ, đừng nghĩ rằng mình chỉ làm được việc nhỏ mà buồn khổ, trong khi khả năng của mình làm việc lớn không được.

Đừng bao giờ khinh thường những việc làm nhỏ, quét sân cũng là một sự cống hiến và đem lại phước báu, vừa làm vừa có được niềm vui, không nhất thiết phải làm những chuyện lớn lao trong chùa. Nếu không có những người làm việc nhỏ thì những người làm việc lớn không thể hoàn thành tốt công việc của mình, nếu không có những người làm việc lớn thì những người làm việc nhỏ cũng không thể thực hiện được. Ví như ngoài chiến trường, nếu không có tướng thì quân không biết đâu mà đánh, còn nếu tướng mà không có quân thì cũng không đánh được, tướng và quân phải có sự kết hợp hài hòa mới có thể lập nên chiến công.

Trong một ngôi chùa, người trên phải nhờ người dưới, người dưới cũng nương người trên, cả hai cùng nương tựa nhau mà tu tập. Mỗi người phát huy đúng khả năng của mình chắc chắn sẽ

có được lợi ích, niềm vui, phước báu và có những đóng góp nhất định cho cộng đồng hay tập thể. Khi hiểu được điều này, chúng ta sẽ sống tự tại và an lạc với khả năng vốn có. Mơ tưởng những điều vượt quá tầm tay đôi khi không có kết quả mà còn đem đến sự tuyệt vọng và đau khổ. Cũng giống như con cá, lúc nào cũng ray rứt làm sao để có thể được sống trên bờ, rồi tìm cách lên bờ, khi lên bờ thì không thể sống được ở môi trường như vậy.

Nếu có khả năng thì chúng ta cứ vươn lên, đó là điều tốt. Nếu không có khả năng mình hãy chấp nhận những gì đang có và sống trọn vẹn với nó, điều đó có thể sẽ đem lại sự an lạc. Chúng ta mong muốn: “Làm sao cho tôi trở thành Thủ tướng, Chủ tịch nước,...?”, mình ngồi đó mơ tưởng nhưng khả năng không thể thực hiện được nên đau khổ. Mình là dân, cố gắng làm đúng trách nhiệm của người dân sẽ tốt hơn rất nhiều so với việc ngồi mơ làm Thủ tướng hay Chủ tịch nước. Học không giỏi, khả năng không có mà mơ làm ông này bà kia là điều hết sức viển vông.

Chúng ta hãy làm theo khả năng của mình. Nếu thật sự có khả năng làm Thủ tướng thì cố

gắng học, học những gì cần thiết để có thể đạt được điều mình mơ ước. Khi mọi điều kiện cần thiết đã đầy đủ, lâu dần người ta sẽ đưa mình lên làm Thủ tướng. Quanh năm mình sống trong chùa mà muốn làm Thủ tướng thì không bao giờ được, nằm mơ còn khó thấy. Vì người ta không biết mình là ai thì không thể bầu cử cho mình chức vụ đó được. Từ đó, chúng ta phải hiểu được ý nghĩa của câu chuyện này để mình có được cuộc sống bình thường nhưng vẫn an lạc. 

Ngày 5 tháng 11 năm 2010



Luân hồi báo oán

Trong *Tích truyện Pháp Cú* có chép một câu chuyện: “Một gia đình nọ tương đối khá giả, người cha sớm qua đời, còn lại người mẹ sống với cậu con trai. Anh này rất có hiếu, không muốn lấy vợ mà chỉ muốn sống một mình để hầu hạ, phụng dưỡng mẹ lúc tuổi già. Thế nhưng, người mẹ lại hối thúc con trai lấy vợ để có cháu nối dõi tông đường. Mặc dù mẹ anh nói thế nào anh cũng

không chịu. Cuối cùng do bị nài ép anh đành phải chấp nhận lấy vợ. Người vợ không thể sinh con cho anh được, bà nôn nóng muốn có cháu nên nói: “Cô này không thể sinh con thì lấy cô khác”. Anh không chịu lấy thêm vợ, nhưng ngày nào mẹ anh cũng nhắc đi nhắc lại chuyện này, cuối cùng anh đành chấp nhận.

Khi nghe mẹ chồng nói như thế, cô vợ nghĩ rằng: “Mình không sinh con được, nếu cô vợ bé sinh con thì chồng mình sẽ thương yêu cô ta. Sau này mẹ con cô ta sẽ nắm hết quyền hành trong gia đình”. Ý của bà mẹ chồng như vậy thì cô cũng không thể làm trái. Để tạo sự hòa hợp trong gia đình, cô chủ động đi tìm cho chồng một người vợ. Cô đi tìm và rước về cho chồng một người vợ bé. Một thời gian sau, cô vợ bé có thai. Cô vợ lớn nói rằng: “Khi nào em có thai nói chị biết để chị chăm sóc cho kỹ lưỡng”. Khi người vợ bé báo đã có thai, cô vợ lớn chăm lo việc ăn uống một cách chu đáo, nhưng lại lén lút bỏ thuốc phá thai vào trong đồ ăn khiến cho cô này bị hư thai. Lần thứ hai khi có thai, cô vợ bé cũng báo cho người vợ lớn biết. Vợ lớn cũng nấu đồ ăn, chăm sóc cô, nhưng lại tiếp tục bỏ

thuốc phá thai làm cho người vợ bé lại bị sẩy thai. Qua hai lần như vậy, những người hàng xóm biết chuyện nên nói với cô vợ bé:

– Em ngu lắm! Đây là âm mưu của người vợ lớn, không có ai vào đây phá mình, mai mốt em có thai thì đừng báo cho bà ta biết.

Lần thứ ba cô vợ bé không báo, nhưng khi cái thai lớn dần, không thể giấu được.

Cô vợ lớn biết được việc này nên hỏi:

– Sao em có thai mà không báo cho chị biết?

Cô này nói thẳng:

– Nếu cho chị biết thì sẽ bị hư thai nữa nên em không báo.

Cô vợ lớn cũng quyết chí phá cái thai cho bằng được. Một hôm, nhân lúc cô vợ bé không để ý, vợ lớn cho thuốc phá thai vào đồ ăn đã chuẩn bị, cô này ăn xong liền bị hư thai. Lần này, do cái thai đã lớn nên không ra được, khiến hai mẹ con cô đều phải chết. Trước khi chết, cô nguyên rủa:

– Đồ ác nhân thất đức, chị đưa tôi về nhà này rồi bây giờ cố ý giết tôi. Đời này chị đã giết mấy mẹ con tôi, đời sau tôi sẽ làm quỷ Dạ xoa ăn thịt chị.

Khi người vợ bé chết, người chồng biết được

vợ lớn là nguyên nhân của việc hư thai, cái chết của người vợ bé cũng do vợ lớn gây ra, anh đánh cô ta rất dã man. Trải qua trận đòn đó cô vợ lớn cũng sinh bệnh mà chết.

Sau khi chết, người vợ bé đầu thai làm con mèo, còn cô vợ lớn sinh lại làm con gà. Cả ba lần gà đẻ trứng đều bị mèo ăn hết. Gà biết là con mèo ăn trứng của nó và cũng muốn ăn thịt cả nó nên nguyên rủa:

– Đời sau ta sẽ ăn thịt con mi!

Con gà sau khi chết đầu thai thành con beo, còn con mèo kiếp sau trở thành con nai. Khi con nai sinh ra đứa con thứ nhất bị beo ăn thịt, sinh đứa con thứ hai cũng bị beo đến ăn thịt, sinh đứa con thứ ba beo cũng đến ăn luôn. Khi con nai biết con beo ăn thịt con của mình, nó nguyên rủa:

– Đời sau ta sẽ ăn thịt con ngươi!

Sau này, con nai đầu thai trở lại làm quý Dạ xoa, còn con beo thì đầu thai làm một cô gái tại thành Xá Vệ, cả hai sinh ra vào thời đức Phật còn tại thế. Cô gái lớn lên đi lấy chồng, khi sinh đứa con đầu lòng thì bị quý Dạ xoa đến ăn thịt, đứa con thứ hai cũng vậy. Cô thấy quý Dạ xoa đã ăn

thịt hai đứa con của mình nên khi mang thai lần thứ ba, cô quyết định trốn về quê để sinh con.

Sau khi sinh con được một thời gian, lúc con cô đã được cứng cáp, khỏe mạnh cả ba người cùng nhau trở về nhà. Trên đường trở về đi ngang qua tỉnh xá Kỳ Viên gần nơi đó có một cái ao, vì đường xa mệt mỏi nên hai vợ chồng xuống ao tắm rửa và nghỉ ngơi chốc lát.

Người vợ xuống ao tắm trước, sau đó lên bờ giữ con cho người chồng tắm. Khi người chồng đang tắm, cô ngồi cho con bú thì quỷ Dạ xoa xuất hiện. Cô sợ quá ôm con chạy vào tỉnh xá thưa với đức Phật. Ngài biết đây là oan gia trái chủ nhiều đời nhiều kiếp nên thuyết pháp nói rõ quả báo và các tiền kiếp của hai người. Sau đó, đức Phật nói lên bài kệ:

*“Với hận diệt hận thù
Đời nay không có được
Không hận diệt hận thù
Là định luật nghìn thu”.*

Chúng ta lấy oán hận để giải quyết thù oán với nhau thì cứ đầu đá mãi. Mỗi thù và oan gia đó sẽ kéo dài không dứt. Chỉ có thể dùng phương pháp

đức Phật đã chỉ dạy: “Không hận diệt hận thù, là định luật nghìn thu”.

Lấy oán báo oán, oán ấy chất chồng,

Lấy ân báo oán, oán đó tiêu tan.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, quý Dạ xoa giác ngộ và Quy y Tam bảo, nó biết được mối oan gia giữa hai bên có với nhau từ nhiều đời nhiều kiếp mà không hóa giải được. Từ đó, nó không thù ghét nữa mà quay lại giúp đỡ, ủng hộ cho người này”^[1].

Qua câu chuyện trong *Tích truyện Pháp Cú*, chúng ta biết được cách giải quyết nhiều vấn đề trong cuộc sống. Nhiều lúc mình có những mâu thuẫn, xung đột nhỏ, nhưng nếu không giải quyết ổn thỏa thì nó sẽ lớn dần và chống chất oan khiên, khi trở thành mối thù oán thì khó lòng cứu chữa. Một đốm lửa nhỏ không gây hại bao nhiêu và rất dễ dập tắt, nhưng nếu chúng ta để lan ra thành một đám cháy lớn thì sẽ gây hại rất nhiều, làm tiêu hao của cải, cũng như phải bỏ nhiều thời gian và công sức để xử lý.

^[1] *Tích truyện Pháp Cú* tập I, phẩm Song Yếu, (Không Lấy Oán Trả Oán) Viên Chiếu, Nxb Tôn giáo (2012), trang 59.

Ngoài ra, đức Phật còn dạy chúng ta cách hành xử trước những điều trái ý nghịch lòng:

*“Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi
Ai ôm hiểm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.
Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi
Không ôm hiểm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi”^[2].*

Nếu chúng ta biết buông xả, tha thứ thì mọi việc sẽ tốt đẹp, còn nếu mình oán thù nhau thì sẽ gây khổ về sau: “Nếu bạn muốn an vui trong chốc lát thì cứ trả thù, nhưng nếu bạn muốn an vui mãi mãi thì hãy tha thứ”. Câu nói thật hay và ý nghĩa, đáng để chúng ta khắc ghi. Nếu bạn muốn an vui trong chốc lát thì cứ trả thù, mình trả thù người ta thì được hả hê trong lúc đó, nhưng sau này người ta nhất định sẽ trả thù lại. Mình đánh người ta một cái thì người ta đánh mình lại hai cái, mình đánh người ta ba cái thì người ta muốn

^[2] HT Thích Minh Châu, *kinh Pháp Cú*, phẩm Song Yếu, bài kệ 3 – 4, Nxb Hồng Đức (2014), trang 7 .

hơn nên đánh mình lại bốn cái. Nếu mình muốn an vui mãi mãi thì hãy tha thứ. Tha thứ là thư thái, tha thứ là một giải pháp an lạc và hạnh phúc nhất. “Oan oan tương báo bao giờ mới dứt”. Giống như câu chuyện mà chúng ta vừa nghe, người này ăn thịt con của người kia rồi người kia ăn thịt con của người này, đời này qua đời khác, không bao giờ kết thúc. 

Ngày 17 tháng 9 năm 2014



An toàn thực phẩm

Cách đây hơn một tháng, thầy có chuyến Phật sự ở miền Bắc. Trong lúc đợi máy bay tại sân bay Tân Sơn Nhất, có một Phật tử đến chào thầy. Cô ta nói rằng chùa Hoàng Pháp thỉnh thoảng có gửi đĩa về cho gia đình cô ở quê xem, cho nên cô biết mặt thầy. Cô giới thiệu quê cô ở Châu Đốc, lấy chồng người Trung Quốc. Vừa qua, cô về Việt Nam thăm gia đình. Hôm nay, cô qua lại Trung

Quốc. Thầy hỏi thăm lý do cô lấy chồng Trung Quốc và cuộc sống bên đó như thế nào? Cô trả lời vì gia đình nghèo nên cô phải lên Sài Gòn làm công nhân, sau đó được một người môi giới lấy chồng Trung Quốc và cô đã đồng ý.

Hiện nay, tâm lý của một số cô gái trẻ là thích đi nước ngoài với mong muốn được đổi đời. Cho nên rất nhiều cô gái có hoàn cảnh khó khăn ở các tỉnh miền Tây mong muốn được lấy chồng nước ngoài. Thế nhưng trong số những người lấy chồng nước ngoài, không phải ai cũng may mắn gặp được người chồng tốt, có một số cô gái lấy phải ông chồng tàn tật, thần kinh, nghèo khổ, hung dữ, chẳng những không được đổi đời mà đau khổ lại càng chất chồng.

Cô gái kể tiếp, những người môi giới đã giới thiệu cô cho một người đàn ông người Trung Quốc. Qua một lần gặp mặt, hai người đồng ý tổ chức đám cưới. Tất cả chi phí và giấy tờ đều được bên môi giới lo liệu. Khi cô về nhà chồng ở Trung Quốc, cha mẹ cô ở Việt Nam chỉ nhận được năm triệu đồng.

Cô may mắn là không gặp phải người chồng

tàn tật, bạo hành. Gia đình chồng sống ở miền núi, làm nghề nông chuyên trồng cam. Mỗi khi thu hoạch xong, chồng cô ngâm cam vào một thùng nước có mùi hôi như thuốc rầy. Sau một thời gian, chồng cô vớt cam mang đi bán. Sau khi nghe cô gái kể chuyện này, thầy mới thật sự tin việc trái cây có ngâm thuốc bảo quản.

Vừa rồi, thầy đi Phật sự ở Bến Tre có ghé thăm chùa Quốc Thới do thầy Tâm Hùng làm trụ trì. Hôm đó, thầy Tâm Hùng mời thầy ăn sầu riêng do Phật tử cúng dường. Thầy Tâm Hùng kể là cô Phật tử này có dặn: “Nếu quý thầy muốn dùng sầu riêng, con xin cúng vì sầu riêng này do nhà con trồng. Các thầy không nên ra ngoài chợ mua, những trái cây bán ngoài chợ không bảo đảm vì các thương buôn đã ngâm thuốc làm chín và thuốc bảo quản”.

Hiện nay trái cây đa phần đều bị ngâm các loại thuốc độc hại, đó chính là nguyên nhân gây ra những căn bệnh hiểm nghèo như ung thư. Cho nên quý thầy và quý chú bộ phận chính điện phải lưu ý, nếu chúng ta thấy trái cây để lâu mà vẫn còn tươi xanh thì bỏ đi, không nên đem cho đại chúng ăn. Những trái cây để một tuần, nửa tháng, một

tháng mà vẫn tươi thì chắc chắn đã được ngâm thuốc. Những trái hái xuống nếu để bình thường không ngâm thuốc chỉ cần khoảng một tuần đã bị khô héo hoặc hư hỏng. Không những trái cây mà rau củ cũng vậy, hiện nay chúng đều bị ngâm thuốc. Thầy nghe nói rau muống được xịt một loại thuốc, chỉ trong vòng một ngày một đêm đã dài ra và có thể cắt bán được. Nếu chúng ta ăn những loại rau củ và trái cây này thì chắc chắn sẽ bị bệnh.

Thầy nghĩ chúng ta nên lập một tiểu chúng phụ trách về vấn đề sản xuất thực phẩm sạch cung cấp cho chùa Hoàng Pháp. Hiện nay, chùa có hai chi nhánh có thể trồng cây ăn quả, một là ở Lâm Hà (Lâm Đồng) nơi thầy Tâm Điền đang phụ trách, hai là ở Đồng Nai nơi thầy Tâm Danh đang phụ trách. Lâm Hà là nơi có khí hậu rất tốt, có thể trồng các loại trái cây như bơ, chuối, sầu riêng,... Chi nhánh ở Đồng Nai hiện tại đã có một số trái cây như chôm chôm, chuối, xoài, mít, sầu riêng. Chúng ta nên trồng các loại cây ăn quả ở hai chi nhánh để cung cấp trái cây cho chùa Hoàng Pháp. Riêng ở hai chi nhánh tại Củ Chi và Tây Ninh, chúng ta sẽ cho trồng các loại rau như rau muống,

rau lang, rau cải,...

Chùa mình cần phải thành lập một tiểu chúng phụ trách về vấn đề sản xuất lương thực. Chúng ta sẽ bầu ra các tiểu chúng trưởng và tiểu chúng phó. Những người này có nhiệm vụ khuyến khích, động viên các Phật tử trong chùa đến Củ Chi và Tây Ninh để tham gia sản xuất. Sau đó chia ra mỗi tuần có một nhóm luân phiên đến các chi nhánh. Tiểu chúng trưởng và tiểu chúng phó sẽ đi theo để chỉ đạo công việc. Như vậy, vấn đề ăn uống trong chùa sẽ bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, sức khỏe của đại chúng từ đó cũng được tốt hơn! Người xưa có câu: “Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất”. Nghĩa là bệnh từ miệng mà vào, họa từ miệng mà ra. Do chúng ta ăn nhiều thực phẩm có độc tố nên cơ thể sinh bệnh, mà khi bị bệnh nhiều cũng khó tu tập. Vì vậy, vấn đề ăn uống hết sức quan trọng, quý thầy và đại chúng nên lưu ý! ☁

Ngày 29 tháng 10 năm 2014



Yếu tố chủ quan

Cách đây khoảng hai nghìn ba trăm năm, tại Trung Quốc có một vị hiền tài nổi tiếng tên Mạnh Tử. Mạnh Tử sở dĩ trở thành bậc hiền tài là nhờ vào công ơn của người mẹ đã dạy dỗ, hướng thiện. Chúng ta từng được nghe câu chuyện rất nổi tiếng: “Mẹ Mạnh Tử dời nhà để dạy con”.

Ban đầu, nhà Mạnh Tử ở gần nghĩa địa, hằng ngày cậu thấy cảnh người ta chôn người chết và

khóc lóc, than van,... Mạnh Tử cùng với một số người bạn cũng chơi trò tổ chức đám tang rồi giả vờ khóc lóc. Mẹ cậu thấy vậy nghĩ rằng: “Nếu để con mình ở gần nghĩa địa, nó sẽ học theo những cảnh này thì không tốt”. Thế rồi bà dời nhà tới gần chợ, vì nghĩ chợ là nơi buôn bán sinh hoạt sẽ tốt cho con. Khi đến đó, Mạnh Tử cũng học người ta cách buôn bán, lọc lừa, nói những lời tục tĩu, cãi vã hơn thua, lừa dối nhau để kiếm sống. Mẹ Mạnh Tử thấy vậy lại một lần nữa dời nhà tới gần trường học. Khi gần trường, Mạnh Tử dần dần theo bạn bè đi học.

Một hôm, Mạnh Tử mê chơi rồi bỏ học, lúc về nhà thì người mẹ đang ngồi dệt vải. Khi thấy Mạnh Tử, bà cầm kéo cắt ngang miếng vải đang dệt. Mạnh Tử thấy lạ liền hỏi: “Tại sao mẹ lại cắt ngang miếng vải như vậy?”. Mẹ Mạnh Tử nói: “Con đi học mà bỏ học thì cũng giống như miếng vải bị đứt ngang vậy!”. Từ đó, Mạnh Tử hối hận quyết chí học, sau này trở thành bậc hiền tài của Trung Quốc và là một nhà tư tưởng lớn trên thế giới.

Công lao của người mẹ trong việc dạy dỗ con cái là rất lớn. Việc hình thành nhân cách và đạo

đức của một con người gồm có hai phần: khách quan và chủ quan. Phần khách quan là những yếu tố bên ngoài tác động vào, phần chủ quan là ý thức của người đó để phân biệt rõ được đúng sai. Nếu yếu tố khách quan tốt mà chủ quan không tốt thì chưa chắc hình thành một con người tốt. Ngược lại, nếu yếu tố khách quan không tốt mà chủ quan tốt, đôi khi cũng có được một con người hoàn thiện.

Thí dụ như một người được sống trong chùa, đó là có khách quan tốt, môi trường đạo đức tốt; nhưng chủ quan của họ không có ý thức, không giác ngộ, không hướng thiện và hướng thượng thì họ không thể tốt lên được. Ngoài đời, có nhiều gia đình cha mẹ không là tấm gương tốt, nhưng con cái lại có ý thức để tự hoàn thiện mình. Ngược lại, có những gia đình cha mẹ có giáo dục nhưng người con lại hư hỏng.

Môi trường và hoàn cảnh chỉ ảnh hưởng một phần. Đạo Phật gọi đó là nghiệp hay phước báu của mỗi người. Có những người vô tình được giáo lý nhà Phật liền giác ngộ đi tu. Họ từ bỏ tất cả sự nghiệp, tài sản, gia đình để xuất gia

học đạo. Bên cạnh đó có nhiều người ở trong chùa rất lâu, ăn “hết cơm hết gạo” của chùa nhưng vẫn không nghĩ đến việc xuất gia tu tập mà chỉ muốn ra ngoài lấy vợ, lấy chồng và làm ăn. Thực tế là như vậy. Như trường hợp chùa mình ngày trước có chú K em thầy T được ở chùa từ nhỏ, chùa nuôi ăn học, nhưng khi lớn lên chú lại không thiết tha gì việc tu hành. Chùa là một môi trường đạo đức tốt, hằng ngày được nghe pháp, nghe kinh, nhưng tâm xuất gia của những người trong này không có. Còn những người ngoài đời tuy họ sống trong môi trường phức tạp, nhưng khi nghe được Chính pháp liền giác ngộ và có chí muốn xuất gia.

Mạnh Tử trở thành bậc hiền tài của Trung Quốc và là nhà tư tưởng lớn của thế giới, một phần lớn nhờ vào người mẹ, nhưng chính yếu vẫn do Mạnh Tử. Mẹ Mạnh Tử muốn định hướng tương lai cho con mình nên phải dời nhà ba lần, nhưng nếu Mạnh Tử là người không có ý thức tốt thì chưa chắc đã thành đạt. Nếu nghiệp của ông nặng thì mẹ ông có đánh đập, dạy bảo thế nào cũng không thể khiến ông được như thế. Do Mạnh Tử có hiểu, giác ngộ nên thay đổi được cuộc đời mình. Hoàn

cảnh không hoàn toàn quyết định sự thành công của một người, nếu hoàn cảnh quyết định tất cả thì ai ở chùa, được nghe Phật pháp và được gần Tam bảo cũng xuất gia hết, nhưng thử hỏi trong chùa được bao nhiêu người quyết chí xuất gia?

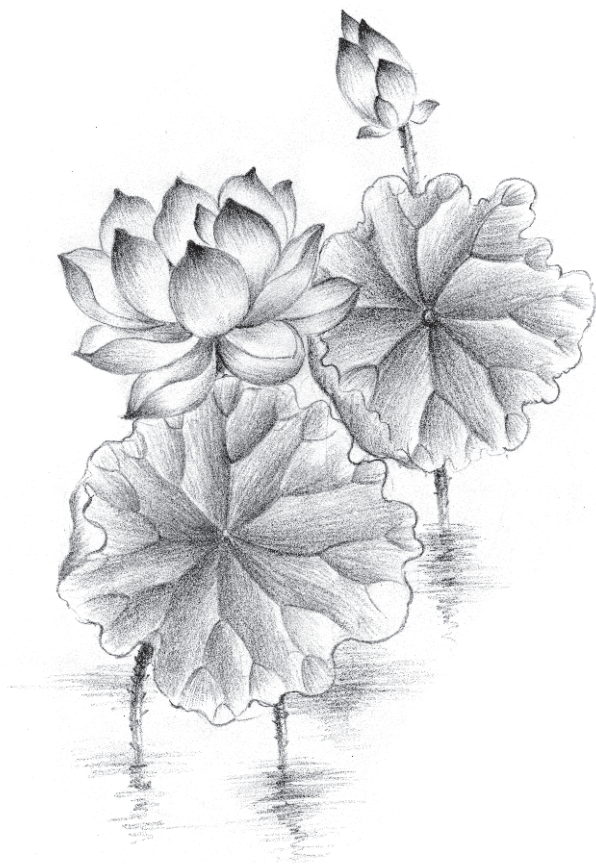
Từ đó, chúng ta thấy phần chủ quan là quan trọng. Có người ở trong môi trường đạo đức tốt nhưng nghiệp quá nặng, si mê, ám độn nên họ không nhận thấy được ánh sáng của Chính pháp, không thể giác ngộ nên vẫn làm những điều xấu. Thậm chí, có những người ở chùa lâu năm vẫn còn trộm cắp, làm những chuyện tội lỗi,... không phải ai ở lâu trong chùa cũng hoàn toàn tốt.

Thầy từng được nghe một câu chuyện và hết sức lấy làm tiếc. Một vị thầy sinh năm 1964, xuất gia năm 1969, đã tốt nghiệp Học viện Phật giáo và có sự nghiệp học vấn tốt. Thầy ấy tu học hơn bốn mươi năm và đã được tấn phong Thượng tọa, làm giảng sư ở nhiều nơi trong đó có các trường Phật học. Chùa mình cũng từng mời thầy ấy về giảng. Năm nay, thầy ấy đã bốn mươi tám tuổi mà còn ra đời lấy vợ. Có những người đi tu từ bốn, năm tuổi, qua mấy mươi năm lên đến Đại đức, Thượng tọa

mà vẫn hoàn tục. Như vậy, chúng ta thấy rằng môi trường chỉ ảnh hưởng một phần, quan trọng là do tự thân chúng ta, không phải ở chùa lâu mà mình phát tâm xuất gia hay ở chùa lâu mà trở thành người tốt. Có những người ở trong môi trường không tốt nhưng họ là người rất tốt. Qua đây thấy được phần chủ quan rất quan trọng.

Chúng ta là người có căn lành nên mới xuất gia, tu tập; còn người không có căn lành hoặc nghiệp chướng sâu dày dù ở trong môi trường đạo đức tốt như thế nào họ cũng không thấm được, đã vậy còn tạo nghiệp. Yếu tố khách quan cũng như ngoại cảnh rất quan trọng, nhưng điểm chính vẫn là yếu tố chủ quan. Mình có đủ sự quyết tâm, ý chí và nghị lực thì sẽ thay đổi được cuộc đời. ☁

Ngày 4 tháng 2 năm 2013



Khi sinh nghiệp báo theo mình
Mạng chung nghiệp lại cùng mình đi theo.

- THANH LƯƠNG -



Thư góp ý

Là con người, ai cũng có bảy thứ tình cảm: mừng, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muốn. Không riêng người tại gia mà cả người xuất gia cũng có bảy thứ tình cảm này. Nếu người nào biết tu thì bảy thứ tình cảm này sẽ giảm đi, con người trở nên dễ thương hơn. Ngược lại, nếu mình không biết tu thì để bảy thứ tình cảm này tăng trưởng, con người sẽ không còn dễ thương nữa.

Vừa qua, thầy nhận được một lá thư của Phật tử góp ý. Trong thư nêu rằng có một vị xuất gia nắm tay một Phật tử nữ ở nhà bếp. Hôm qua, thầy gọi Tâm Lưu mở camera trong thời gian mà lá thư đề cập để kiểm tra thực hư như thế nào. Tâm Lưu trả lời chỉ có một camera ở ngay chỗ đề tiền, còn mấy chỗ kia có gắn máy nhưng không có dây, hư lâu ngày mà chưa sửa. Thầy nói: “Như vậy có camera cũng như không. Cái này chỉ để dọa người ta thôi chứ thật sự không có tác dụng gì khác”. Thầy đề nghị trong thời gian tới, chúng ta gắn thêm một số camera ở nhà bếp. Khu vực nhà bếp là nơi rất phức tạp, không phải bây giờ mà trước đây thầy cũng từng thấy nhiều cô gái trẻ vào bếp đùa giỡn với quý thầy. Từ đó, thầy cũng đưa ra nội quy rất rõ ràng, nếu chư Tăng xúc chạm với người nữ sẽ bị phạt tiền. Bây giờ, việc của Phật tử nêu lên trong thư, thầy biết người vi phạm nhưng không có gì làm bằng chứng nên rất khó xử lý.

Vấn đề thứ hai, một số thầy đối xử cũng như nói chuyện với Phật tử không được ái ngữ. Đôi khi, các vị nói với Phật tử là “mày”, xưng “tao”, thậm chí chửi người ta “mất dạy”. Nói chung, các vị có

nhiều lời rất khó nghe, những từ ngữ đó đúng ra không nên phát xuất từ người xuất gia. Đôi lúc bản ngã của mình lớn quá, nghĩ rằng ta là ông thầy, còn những người làm việc chung là nô lệ, đầy tớ, cho nên đã không tôn trọng người ta. Trước đây, thầy vẫn thường nói: “Hãy xem người dưới là ân nhân, thay vì đầy tớ”. Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng Phật tử là người nhỏ hơn mình, có nhiệm vụ vào đây để phục vụ cho mình, đừng bao giờ có suy nghĩ sai lầm như vậy. Họ là ân nhân, đến giúp mình, không phải đầy tớ giúp việc. Bởi vì chúng ta nghĩ họ là đầy tớ nên mới có những lời nói xúc phạm, còn nếu mình nghĩ người ta là ân nhân thì mình không bao giờ dám nói những lời lẽ bất kính. Một số chú đối với quý thầy lớn ở trên thì khúm núm, “dạ thưa”, dễ thương, thế nhưng đối với người dưới thì xem họ chẳng ra gì, không lịch sự, thậm chí còn chửi mắng cả những người đáng tuổi cha mẹ, cô dì, chú bác nhà mình.

Người Phật tử kính chư Tăng vì điều gì? Họ quý mình ở đạo đức và giới luật, không phải kính ở cái đầu cạo hay y mình đắp. Nếu mình cạo tóc, mặc áo cà sa nhưng không có đạo đức và giới luật

thì đâu phải người xuất gia. Bây giờ những sư giả đầy đường, có người đi xin, thậm chí có người ăn cắp, ăn trộm, lừa đảo. Chúng ta phải thấy rằng người xuất gia khác người tại gia ở giới luật và đạo đức. Người đời kính phục người tu ở chỗ đó. Chúng ta đừng bao giờ dựa vào hình tướng rồi bắt nạt người khác, muốn mắng chửi thế nào cũng được. Có người phản ánh: Một số thầy muốn đuổi ai thì đuổi, thích thì cho ở, không thích là cho họ về nhà, thấy người ta đụng chạm đến quyền lợi của mình là không cho ở chùa nữa. Những thầy đó không có đạo đức. Một người phải về nhà, không được ở chùa nữa khi họ phạm vào nội quy nghiêm trọng, nhiều lần tái phạm, đâu phải mình không ưa, không thích là đuổi người ta. Nhiều khi người ta biết chuyện riêng của mình thì sợ, tìm cách đuổi họ đi, đó là người không có đạo đức.

Phật tử tại gia tôn trọng người xuất gia là đúng. Thế nhưng người xuất gia cũng phải biết tự khiêm hạ. Mình phải luôn luôn nhìn lại giới luật, đạo đức, sự tu hành của mình như thế nào. Nhiều người không có đạo đức, tu hành không ra gì, nhưng khi đụng chuyện ý mình là thầy rồi muốn nói gì thì

nói, mắng ai thì mắng, bản thân biến thành người ác. Mình tu sao cho trở thành người thiện, người hiền, đừng biến thành người ác, người dữ.

Người ta nói: “Con hơn cha là nhà có phúc”. Trong một gia đình hay dòng tộc, con cháu có tài, có đức hơn ông bà, cha mẹ thì gia đình và dòng tộc đó ngày càng thịnh vượng. Thế hệ sau khả năng làm việc đỡ hơn, cách ăn ở và đối nhân xử thế không bằng thế hệ trước thì gia đình hay dòng họ đó sẽ tụt hậu, bất hạnh vô cùng. Trong chùa cũng vậy, các đệ tử phải giỏi hơn thầy, tốt hơn thầy, đạo đức hơn thầy thì ngôi chùa mới trở nên hưng thịnh. Mình hơn kiểu ngược lại: tệ hơn, kém đạo đức hơn, tu hành sa sút hơn thì ngôi chùa sẽ ngày càng suy vong, lụn bại, đó gọi là vô phúc. Thầy đâu có khi nào la mắng Phật tử, thầy cũng chưa bao giờ nói “con này, thằng kia”, không bao giờ thầy dùng những từ ngữ thô thiển và khiếm nhã như vậy. Thế nhưng đệ tử của thầy lại làm điều đó, la mắng người, nói năng cộc cằn thô lỗ, như vậy có phải là thầy vô phước không? Lúc này, đệ tử cũng hơn thầy nhưng hơn về mặt tiêu cực.

Cũng có ý kiến cho rằng tại sao có những ban

ngành mà vị thầy trưởng ban ngành đó đã làm việc rất lâu mà không thay đổi người? Thứ hai là có những người không xứng đáng để làm lãnh đạo mà cứ vẫn giữ vị trí lãnh đạo? Điều này thật sự khó, ai ở trong hoàn cảnh của thầy mới biết, thông cảm và thương cho thầy. Đôi lúc, thầy rất đau đầu về vấn đề này bởi nó không hề đơn giản như người ta nghĩ. Nhiều khi, thầy biết những bất cập gì đang xảy ra, nhưng để thay thế một người khác vào công việc đó không phải dễ, đòi hỏi nhiều yếu tố. Có những công việc thầy nhờ người đứng ra phụ trách, nhưng họ không nhận thì sao? Khi mình ép thì họ cũng làm, nhưng làm không được nhiệt tâm nhiệt tình. Quan trọng là người đó có thiết tha trong việc phụng sự đối với công việc đó không. Chuyên môn chưa phải là chính, vì ban ngành nào cũng có người chuyên môn lo công việc. Thí dụ, phòng vi tính cũng có người chuyên môn, phòng phim cũng có người chuyên môn, phòng may cũng có người chuyên môn, người trưởng bộ phận chỉ có trách nhiệm giám sát và điều hành công việc. Nhưng thầy giao việc mà vị đó không muốn làm thì sao?

Thầy nói điều này hơi tiêu cực. Sau này, chu

Tăng khi đi hoằng pháp và lập chùa thì đừng tham chùa to, đừng thích chúng đông, chùa vừa phải để tu được rồi. Chùa lớn quá, chúng đông quá, không khéo lại chỉ đem đến phiền não cho vị trụ trì. Thầy rút kinh nghiệm từ cuộc đời của mình nên nói ra những lời này. Thầy chỉ sợ anh em sau này không đủ tài, không đủ đức, lại phải gánh quá nhiều trách nhiệm, mình phiền não quá mà “chết sớm”. Nhiều lúc, thầy nghĩ: “Hay bây giờ mình bỏ hết, đi đâu đó, tìm chỗ nào đó tu cho yên thân”. Có những lúc thầy nghĩ như vậy và không chừng trong tương lai thầy cũng làm như vậy. Nhiều chuyện xảy ra mình cảm thấy phiền lòng, bản thân thầy cố gắng tu tập, làm tấm gương cho đại chúng, nhưng thầy thấy đại chúng không học hỏi theo những điều hay mà toàn làm ngược lại. Có nhiều lúc mình có ý nghĩ tiêu cực muốn bỏ hết cho đỡ mệt, nhưng bây giờ thầy đã tạo dựng chúng rồi thì phải có trách nhiệm dạy dỗ và lo lắng cho chúng, phải gánh vác những phận sự của một vị thầy trụ trì, không thể bỏ hết mà đi được.

Thầy thường nói với anh em: “Ở thế thì dễ mà xử thế thì khó”. Thầy thường suy nghĩ cách thức

tổ chức cho hợp lý để đại chúng được yên lòng tu tập, cố gắng sắp xếp mọi việc cho ổn thỏa để không đem đến những tổn hại cho mọi người hay có điều gì bất trắc xảy ra, không gây phiền não cho ai. Nhưng không phải chuyện gì cũng có thể như ý mình, được cái này thì mất cái kia, được cái kia thì mất cái nọ. Chúng ta tìm đâu ra một người hoàn hảo, trong khi quý Phật tử cứ muốn các thầy phải hoàn hảo mọi lĩnh vực. Các vị góp ý kiến là thầy nên làm như thế này, nên thay đổi như thế kia, nhưng đâu phải làm theo ý các vị là đã ổn thỏa, vì đó cũng chỉ là ý kiến cá nhân, người khác sẽ lại có ý kiến khác và tiếp tục đóng góp để sửa đổi, “chín người mười ý”, thầy phải làm như thế nào? Khi thay đổi điều gì đó chúng ta phải suy xét và tính toán rất nhiều. Ai cũng mong bản thân và người quanh mình hoàn hảo, nhưng không ai có thể hoàn hảo trừ đức Phật, vậy nên chúng ta phải chấp nhận ở mức độ tương đối nào đó. Họ được cái này thì mất cái kia, dù người ta có tâm, nhiệt tình, hăng hái trong công việc, nhưng còn những chuyện khác thì mình sao có thể biết.

Đây là một lá thư góp ý của Phật tử, thầy nghĩ

những người viết thư góp ý rất có tâm, muốn xây dựng Tăng đoàn được tốt hơn. Trong tương lai, thầy hy vọng sẽ nhận được nhiều lời góp ý từ các vị. Thật ra nếu không có những lời góp ý đó thì thầy sẽ không biết những bất cập hay tệ hại gì đang diễn ra, vì thầy không thể bao quát được tất cả sự việc trong chùa, cũng như không thường xuyên xuống các ban ngành và bộ phận. Chỉ có những Phật tử tiếp cận và làm việc chung với quý thầy mới hiểu rõ. Nếu quý Phật tử thương thầy, thương ngôi chùa, thương chư Tăng thì chúng ta thấy cái gì sai cứ mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng. Ai thấy chư Tăng vi phạm giới luật thì góp ý để thầy chấn chỉnh. Chúng ta cùng nhau xây dựng đạo tràng, quý vị không dám chỉ ra cái sai, cái xấu thì những tệ lậu đó ngày một phát triển. Giống như một hầm phân, nếu chúng ta cố tình che đậy, đến một lúc nào đó nó xì ra rồi thì hôi thối nồng nặc, không chỉ ảnh hưởng một chỗ mà ô nhiễm hết cả một vùng. Các Phật tử hãy mạnh dạn góp ý để thầy biết. Mỗi lần có chuyện gì thầy sẽ nêu ra cho đại chúng để cùng nghe, cùng nhau sửa đổi, cùng tiến bộ hơn. 

Ngày 30 tháng 10 năm 2019



Từ bi phải có trí tuệ

Trong *Cổ học tinh hoa* có chép một câu chuyện xin được tóm tắt như sau: “Vua Huệ Vương nước Ngụy hỏi quan đại thần Thập Bì:

– Khanh nghe dư luận bên ngoài bàn tán về quả nhân thế nào?

Thập Bì thưa:

– Hạ thần nghe người ta nói Nhà vua là người nhân từ và hay ban ơn.

Huệ Vương vui mừng nói:

– Như vậy, khanh thấy công đức của quả nhân như thế nào?

Thập Bì thưa:

– Công đức của Nhà vua như vậy thì sẽ mất nước thôi.

Huệ Vương ngạc nhiên hỏi:

– Nhân từ và hay ban ơn là việc thiện, như thế mà mất nước là nghĩa lý gì vậy?

Thập Bì thưa:

– Vua nhân từ thì hay ái ngại việc trừng phạt. Vua hay ban ơn thì chỉ thích được ban thưởng. Tính hay ái ngại thì kẻ có tội cũng không trừng trị. Tính hay ban ơn thì kẻ không công cán cũng được thưởng. Người làm vua mà để kẻ có tội không bị trừng phạt, kẻ không công cũng được thưởng thì trước sau gì cũng bị mất nước, không có gì lạ”.

Huệ Vương là người nhân từ, hay ban ơn, thế nhưng quan Thập Bì lại cho rằng đó là nguyên nhân mất nước. Điều Thập Bì nói không phải không có lý.

Theo tinh thần của đạo Phật, từ bi phải có trí tuệ, nếu từ bi mà không có trí tuệ có thể mang

đến tai họa. Một đất nước phải có luật pháp, nếu không thì những cái xấu ngày càng tăng trưởng, người phạm tội sẽ ngày càng nhiều và an toàn của người dân không được bảo đảm. Nếu đất nước có luật pháp nhưng không thực hiện nghiêm túc các quy định, điều lệ, ví như con cháu phạm luật có cha ông đỡ đầu, dùng tiền để hối lộ thì những điều xấu ác từ đó sẽ ngày càng phát triển, không ai còn sợ luật pháp.

Luật pháp Singapore quy định là bất cứ ai xả rác ngoài đường đều bị phạt, hút thuốc ở những nơi công cộng cũng bị cấm và phạt rất nặng. Những người nào vi phạm sẽ bị đánh bằng roi. Có một anh thanh niên người Mỹ đến Singapore du lịch và phạm luật, Tổng thống Mỹ xin cho người này được giảm án nhưng Chính phủ nước này cũng chỉ giảm một đến hai roi. Luật pháp của họ nghiêm ngặt nên người dân rất tốt, không ai dám phạm pháp.

Những hình phạt của luật pháp đi từ thấp đến cao, từ nhẹ đến nặng với nhiều mức phạt khác nhau: giam giữ một ngày, hai ngày, năm ngày, mười ngày, vài tháng, vài năm, vài chục năm, tù chung

thân và cao nhất là tử hình. Tùy theo mức độ vi phạm nặng hay nhẹ mà có những hình phạt tương xứng. Nếu ai vi phạm cũng được tha thứ thì những điều xấu ác sẽ tiếp diễn và ngày càng phát triển.

Người học Phật, nhất là những người xuất gia phải giữ gìn giới luật thật nghiêm túc. Tăng đoàn là đoàn thể thanh tịnh, hòa hợp, có đạo đức tốt đẹp. Thế nhưng tại sao đức Phật lại phải chế giới? Có những giới nhẹ và cũng có những giới rất nặng, có giới cho sám hối, có giới quá nặng buộc phải đuổi khỏi Tăng đoàn và không được tiếp tục đời sống xuất gia. Con người ai cũng có tham, sân, si và chính những gốc rễ phiền não này đã làm xáo trộn tập thể Tăng già, nếu không có giới luật chắc chắn sẽ không bảo đảm được sự hòa hợp và thanh tịnh của Tăng đoàn, chính vì thế mà đức Phật chế giới.

Theo kinh nghiệm, thấy thấy có những trường hợp việc tha thứ và giáo dục giúp cho người phạm giới thay đổi rồi trở nên tiến bộ, nhưng cũng có những trường hợp họ không thay đổi và không có sự tiến bộ, vì vậy từ bi phải có trí tuệ. Có những người vi phạm lần một sám hối, lần hai tiếp tục

sám hối, rồi lần ba,... cứ như thế. Đối với những người này bắt buộc phải có hình phạt tương xứng để răn đe họ.

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, có câu chuyện về người huấn luyện ngựa:

“Một hôm, người đánh xe điều phục ngựa tên Kesi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

– Ông là người huấn luyện ngựa. Nay Kesi, ông nhiếp phục ngựa như thế nào?

Ông ta trả lời:

– Bạch đức Thế Tôn, con nhiếp phục ngựa với lời nói mềm mỏng, con nhiếp phục ngựa với lời nói thô ác, con nhiếp phục ngựa với lời nói vừa mềm mỏng vừa thô ác.

Đức Phật hỏi tiếp:

– Nếu con ngựa không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, cũng không chịu nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa thô ác, ông sẽ làm gì với con ngựa đó?

Kesi trả lời:

– Bạch đức Thế Tôn, con sẽ giết con ngựa đó. Vì sao? Vì mong rằng nó không làm mất danh dự cho

gia đình thầy của con. Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn là bậc Vô thượng, Ngài nhiếp phục những ai đáng được điều phục như thế nào?

Đức Phật trả lời:

– Ta nhiếp phục đệ tử với lời nói mềm mỏng, ta nhiếp phục với lời nói cứng rắn, ta nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Nay Kesi, đây là lời nói mềm mỏng: Thân làm thiện, lời nói thiện, ý nghĩ thiện sẽ nhận được quả báo tốt, được sinh vào loài người và chư Thiên. Đây là lời nói cứng rắn: Thân làm ác, lời nói ác, ý nghĩ ác sẽ nhận quả báo xấu, đọa vào địa ngục, sinh vào loài ngạ quỷ, bàng sinh. Đây là lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn: Thân, khẩu, ý tạo nghiệp thiện thì được quả báo thiện, sinh về các cảnh giới an lành. Thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác thì bị đọa vào các cảnh giới đau khổ.

Kesi hỏi:

– Bạch Thế Tôn, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, cũng không chịu nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, Thế Tôn làm gì với người ấy?

Đức Phật trả lời:

– *Này Kesi, ta giết hại người ấy.*

Kesi ngạc nhiên thưa:

– *Nhưng bạch Thế Tôn, sát sinh không xứng đáng với Thế Tôn. Tuy vậy, Thế Tôn lại nói: “Này Kesi, ta giết hại người ấy”.*

Đức Phật trả lời:

– *Này Kesi, sát sinh không xứng đáng với Như Lai. Đối với những người không chịu nhiếp phục, Như Lai nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, không xứng đáng để được giáo giới. Các vị đồng Phạm hạnh có trí cũng nghĩ rằng người đó không đáng được nói đến và giáo giới. Bị giết hại trong giới luật bậc Thánh có nghĩa là không được nói đến, không được giáo giới.*

Sau cuộc đối thoại, Kesi tán thán Thế Tôn, xin Phật được làm đệ tử và trọn đời quy ngưỡng”^[1].

Cho nên, không phải phạm giới nào cũng đều có thể tha thứ được, nếu tha thứ thì đức Phật không chế định bốn giới Ba la di (Pārājika). Những người nào phạm giới Ba la di sẽ không còn tư cách

^[1] ĐTKVN, kinh Tăng Chi Bộ II, chương IV, phẩm Kesi, phần Kesi [trích], VNCPHVN ấn hành (2003), trang 26.

của một vị Tăng. Tù bi phải có trí tuệ, có những trường hợp vi phạm có thể giáo dục được, ngược lại có trường hợp cần phải có hình phạt thích đáng. Nếu trường hợp nào cũng được tha thứ thì đó là mầm mống tai họa. 

Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Sự cố ngoài ý muốn

Cách nay khoảng năm ngày, một người quốc tịch Anh khoảng hơn ba mươi tuổi đến chùa Hoàng Pháp xin được tu học. Anh là một giáo viên gốc đạo Thiên Chúa. Sau khi tìm hiểu, anh thấy Phật pháp rất hay nên đã thực tập theo lời Phật dạy. Trước khi đến chùa Hoàng Pháp, anh đã tìm hiểu xem ngôi chùa nào ở Sài Gòn có cảnh quan rộng rãi, tu hành trang nghiêm, thanh

tĩnh. Bạn bè giới thiệu anh về chùa Hoằng Pháp. Khi đến đây tu tập, anh được quý thầy cùng các cư sĩ Phật tử trong chùa giúp đỡ, hướng dẫn rất tận tình. Trong những ngày qua, anh cảm thấy an lạc và hạnh phúc.

Thế nhưng vào ngày hôm qua, một người đàn ông khoảng hơn bốn mươi tuổi vào chùa xin đăng ký làm công quả. Khoảng một giờ khuya, ông này vào phòng nghỉ của anh nằm chung, sau đó có những hành vi sàm sỡ. Anh sợ quá la lên, tinh thần bị khủng hoảng nghiêm trọng. Chú Tâm Thanh quản lý cư sĩ nam đến hỏi thăm, lúc đầu tưởng người đàn ông đó vào phòng anh để lấy cặp, nhưng khi kiểm tra thì thấy không mất gì. Cuối cùng hỏi ra mới biết ông ta là người đồng tính.

Chú Tâm Thanh mời anh đi tản bộ cho khuây khỏa để lấy lại tinh thần, nhưng anh một mực muốn đi về, lúc này gần hai giờ sáng. Các thầy nói trời còn tối không về được, trời sáng hãy về. Khi đến đây, anh dự định sẽ ở khoảng nửa tháng, nếu có điều kiện anh sẽ ở lâu hơn để tập tu, nhưng sự việc không hay đã xảy ra khiến anh quá sợ hãi nên bỏ về. Đây là điều rất đáng tiếc!

Một người ngoại quốc gốc Thiên Chúa giáo thích nghiên cứu Phật pháp, có hướng tu tập theo giáo pháp của đức Phật mà đến chùa tu lại xảy ra trường hợp như thế này, phải nói là quá đáng tiếc, làm mất đi niềm tin của anh vào Phật tử. Anh nghĩ rằng đến chùa có lẽ rất tốt, thậm chí như chú Tâm Thanh báo cáo đã để dành riêng cho anh một phòng, vậy mà khi ra ngoài anh cũng không đóng cửa. Người cẩn thận sẽ đóng cửa, còn anh không đóng vì nghĩ rằng trong chùa không có chuyện xấu xảy ra và hoàn toàn tin tưởng vào những người ở chùa.

Sự việc xảy ra làm cho anh rất khủng hoảng và mất đi niềm tin. Chuyện này đã để lại hậu quả rất lớn bởi vì bây giờ người ta thường dùng Facebook. Facebook có tính lan tỏa và ảnh hưởng đến cộng đồng rất cao nên khá nguy hiểm. Khi có tâm trạng gì đó, người ta thường đưa lên Facebook sẽ có rất nhiều người đến xem và chia sẻ. Nếu sau khi về anh ta đăng lên Facebook là mình tới chùa Hoàng Pháp tu bị trường hợp như thế. Điều đó sẽ làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của chùa. Trước khi đến thì anh đã tìm hiểu rất nhiều, xem ngôi chùa có

cảnh quan như thế nào, chư Tăng và Phật tử tu tập ra sao.

Biết bao nhiêu ngôi chùa trong thành phố, tại sao anh lại chọn ngôi chùa Hoàng Pháp để đến tu tập? Vì anh rất tin tưởng chúng ta, thế nhưng sự việc xảy ra ngoài ý muốn. Người làm việc xấu đó không phải trong chùa mình, họ chỉ đến đây đăng ký làm công quả, tuy vậy tai tiếng vẫn còn. Sau này, vấn đề đăng ký cho người đến chùa ở phải thêm điều này vào nội quy, ghi rõ là đối với người có tính tình như vậy chùa sẽ không nhận. Nếu những người nào sống chung với nhau mà phát hiện ra anh A, anh B có hành động biến thái, chúng ta phải báo lên quý thầy quản lý để có biện pháp xử lý.

Sau này, bộ phận văn phòng sẽ có một cuốn sổ. Những người nào vào đây vi phạm một trong năm giới cấm: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu sẽ bị ghi họ tên vào trong cuốn sổ ấy. Khi những người này đến đăng ký, mình sẽ dứt khoát không nhận để không làm ảnh hưởng đến sự tu tập của đại chúng cũng như uy tín của chùa. Thầy nhắc như vậy để bộ phận văn phòng lưu ý. Nếu được thì mình chụp hình dán vào đó để những người phụ

trách sau này biết mà thực hiện. Khi ai đến đăng ký, mình chỉ cần kiểm tra trong cuốn sổ đó xem người này trước đây có đến chùa chưa, có vi phạm điều giới nào hay không?

Đức Phật thời xưa chế giới, dứt khoát không cho những người đồng tính xuất gia cũng vì lý do như vậy. Bởi vì người nam với người nữ sống chung thì người ta sẽ dễ phát hiện ra mối quan hệ tình cảm, nhưng người nam và người nam sống chung thì khó ai phát hiện được điều gì. Những người đồng tính rất dễ có hành động bất chính là tà dâm, vi phạm các chuẩn mực đạo đức gây ảnh hưởng đến sự thanh tịnh của đoàn thể Tăng gia. Sau này, chúng ta phát hiện người xuất gia hay cư sĩ tại gia mà có những hành vi như thế thì mình nên dứt khoát cho về để không ảnh hưởng đến uy tín của chùa, ảnh hưởng đến đạo Phật.

Sau này, đối với những người nước ngoài mình phải có khu vực riêng, ngoài ra bộ phận đăng ký và quản lý phải thông báo những thông tin như hành lý, tiền bạc, những vật dụng cá nhân có giá trị cần phải giữ gìn cẩn thận hoặc gửi cho chùa, để tránh tình trạng có những người xấu thấy người nước

ngoài đến tìm cách lấy tiền hoặc những đồ vật quý giá thì mình cũng bị mang tiếng. Đây cũng là bài học cho chúng ta rút kinh nghiệm. 

Ngày 29 tháng 5 năm 2015



Đặc điểm của đạo Lão thể

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2015, thầy có ra chùa Diên Quang, Bắc Ninh làm lễ Quy y Tam bảo cho các em tham dự Khóa tu Mùa hè. Tại đây, thầy có gặp Thượng tọa Thích Viên Trí tốt nghiệp Tiến sĩ Phật học tại Ấn Độ và chuyên nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Ấn Độ, hiện là giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam. Trong lúc ngồi đàm đạo, Thượng tọa cho biết hiện nay ở Ấn Độ, các đạo sĩ

Lỗ thể được rất nhiều người trí thức cũng như những người có địa vị trong xã hội Ấn Độ kính trọng, tôn sùng.

Một hôm, thầy Viên Trí đi vào phòng của một vị giáo sư dạy ở trường đại học nơi thầy đang theo học, thấy treo hình một vị tu sĩ đạo Lỗ thể. Thượng tọa hỏi vị giáo sư đó tại sao ở Ấn Độ người ta lại tôn sùng những vị đạo sĩ Lỗ thể. Vị giáo sư ấy nói rằng, ở Ấn Độ hiện tại có rất nhiều giáo phái, trong đó có giáo phái của đạo Lỗ thể. Trên thực tế những giáo phái kia nói thì hay nhưng đa phần lại rơi vào tiền bạc, sắc đẹp, danh lợi, họ không tu; riêng giáo phái đạo Lỗ thể này là những người thực tu nên rất nhiều người trí thức cũng như người có địa vị trong xã hội Ấn Độ tôn sùng và ngưỡng mộ. Theo nghiên cứu, thầy thấy rằng những vị tu theo đạo Lỗ thể có đặc điểm:

- Thứ nhất, họ không mặc quần áo.
- Thứ hai, họ không tắm chỉ rửa tay, rửa chân.
- Thứ ba, một ngày họ chỉ ăn một bữa và không dùng bát hay dùng bất cứ thứ gì để đựng, khi ăn thì họ đứng và người tín đồ sẽ để thức ăn vào tay. Khi đứng thì đứng trên một tấm ván hai chân chụm lại

và tay để phía trước. Trước khi dâng cúng vật thực, các tín đồ rửa tay cho vị đạo sĩ, sau đó họ đổ thức ăn vào tay. Vị đạo sĩ để thức ăn vào miệng, họ chỉ ăn vừa đủ chứ không được ăn nhiều.

– Thứ tư, những vị đạo sĩ này không đi xe mà chỉ đi bộ, họ không mang dép, không mang giày, trên tay thường cầm cây chổi bằng lông con công, được biết chổi này để phủ bụi hoặc đuổi ruồi, muỗi.

– Thứ sáu, họ thường mang bên mình một bầu đựng nước rửa tay, rửa chân, khi ăn xong cũng không được uống nước, hạn chế uống nước.

– Thứ bảy, khi ngủ thì họ ngủ trên một tấm ván hoặc trên chiếu, không được ngủ trên giường.

– Thứ tám, ở thì nay đây mai đó, không cố định một chỗ, không có tài sản. Nói chung họ không có gì, mảnh vải che thân cũng không có, do sống khổ hạnh cũng như thực hành việc tu tập như vậy mà được rất nhiều người dân Ấn Độ hiện nay tôn sùng và ngưỡng mộ.

Khi nghe Thượng tọa nói về các đạo sĩ Lỗa thể như thế, thầy có suy nghĩ: “Tại sao Ấn Độ có rất nhiều giáo phái mà nhiều người lại quy phục kính ngưỡng đạo Lỗa thể này?”. Một điều chúng ta thấy

rất rõ, họ quý trọng những người thực sự tu tập, mặc dù mình không biết giáo phái Lỗ thể này tu như vậy để hướng đến mục đích gì. Nếu so với giáo pháp của đức Phật thì họ là những người tu không đúng Chính pháp. Nhưng ở đây, chúng ta không đặt vấn đề là họ tu đúng hay tu sai, chỉ xét về hạnh tu của họ thì rõ ràng không phải ai cũng có thể làm được, chỉ việc không mặc quần áo cũng là vấn đề rất khó. Họ không mặc quần áo, khi ra đường đi như thế mà không mắc cỡ, để được tự tại như vậy là một điều không đơn giản. Ngoài ra, họ sống rất khắc khổ, ăn khắc khổ, ngủ khắc khổ, không có tài sản, không có bất cứ một thứ gì, nay đây mai đó. Minh một ngày không tắm là chịu không nổi, còn họ không được tắm mà chỉ thỉnh thoảng xuống sông Hằng tắm.

Đây cũng là bài học để những vị tu sĩ Phật giáo nên suy nghĩ. Con người ai cũng giống nhau nhưng người ta cung kính những tu sĩ Lỗ thể vì hạnh tu của họ. Cũng vậy, người xuất gia tu học Phật pháp được mọi người cung kính, tôn trọng là nhờ biết giữ đạo đức và giới luật. Nếu chúng ta tài giỏi mà rơi vào ngũ dục thì dễ mất đi phẩm chất

Phạm hạnh và cũng chỉ là người không có đạo đức. Người ta không biết lấy gì để tin tưởng và kính phục, bởi vì anh nói thì hay nhưng bản thân anh không thực hành theo những gì đã nói. Chúng ta là người tu, nhất là những vị xuất gia phải nhớ rõ: “Điều căn bản của người xuất gia là giới luật, vì giới luật chính là đạo đức, mất nó thì mình không còn là chỗ dựa, không tạo được niềm tin với quần chúng, khi nói người ta cũng sẽ không phục mình.”

Ở Việt Nam trước đây có ngài Minh Đăng Quang thực hành hạnh khát sĩ. Thời đó, ngài được rất nhiều người ngưỡng mộ, quy phục. Chỉ một thời gian ngắn ngài đã phát triển hệ phái Khất sĩ một cách rộng khắp, Phật tử các nơi về quy y rất nhiều. Chư Tăng Ni cũng có nhiều người về nương tựa tu học. Điều này cho chúng ta thấy rằng giới luật rất quan trọng. Mình có giới cũng không nên xao lãng tu tập và đạo đức. Nếu có tài và có đức thì rất quý, xem như không gì bằng (tài đức song toàn), còn có tài mà không có đức thì rất nguy hiểm, chính những người đó vô tình đưa Phật pháp đi xuống, làm mất niềm tin của quần chúng. Ngược lại, những người có đức là những

người thực tu, có giới luật, có thể không giỏi ăn nói nhưng vẫn có thể thu phục lòng người và tạo được niềm tin đối với quần chúng.

Theo suy nghĩ của thầy, giới luật rất quan trọng, tuy nhiên người xuất gia cũng cần phải có tài, có khả năng để hoằng truyền Phật pháp. Như vậy, người xuất gia phải trau dồi cả hai: tài và đức. Trong hai thứ này, nếu mình có đức mà không có tài cũng tạm được, còn hơn là có tài mà không có đức. Có tài mà không có đức sẽ dễ rơi vào con đường sa đọa, tội lỗi. 

Ngày 13 tháng 6 năm 2015



Ở chùa nghe pháp cao thâm
Mà sao tâm trí tối tăm mịt mù.

- THANH LƯƠNG -



Chiêm bái Thánh tích

Ngày 11 tháng 9 năm 2015, tại đại thánh đường Mecca của những người Hồi giáo đã xảy ra một vụ tai nạn làm chết hơn một trăm người và hai trăm người bị thương. Nguyên nhân do một cần cầu rất lớn sập xuống mái hiên của đại thánh đường. Chỉ hơn mười ngày sau vào lúc chín giờ sáng ngày 24 tháng 9 năm 2015, nơi đây lại tiếp tục xảy ra sự giẫm đạp dẫn đến hơn bảy trăm người

chết và chín trăm người bị thương. Chỉ trong vòng chưa đến hai mươi ngày của tháng 9 năm 2015, đã xảy ra hai vụ tai nạn làm chết hơn tám trăm người và hơn một nghìn người bị thương tại thánh địa của người Hồi giáo.

Nhiều năm trước, thỉnh thoảng chúng ta có nghe về các vụ giẫm đạp dẫn đến chết người tại thánh địa Mecca vào kỳ hành hương của những người Hồi giáo. Thế nhưng số lượng người Hồi giáo đi hành hương vẫn tăng theo từng năm. Có lẽ họ nghĩ nếu có chết trong khi đi hành hương cũng sẽ được lên Thiên đường hoặc được lợi ích nhất định. Cho nên họ không sợ việc có thể sẽ bị giẫm đạp đến chết như thế. Khi tìm hiểu lý do, thấy thấy có hai điều đáng lưu ý:

– Thứ nhất, Mecca là nơi sinh ra Mô Ha Mết (Muhammad), giáo chủ đạo Hồi. Ông sinh năm 570 và mất năm 632. Tục truyền, thánh Allah cử Thiên sứ tên là Gabriel đến để truyền đạt thân dụ, lần đầu khai thị cho Mô Ha Mết về chân lý kinh *Koran*. Ông là người tiếp nhận sứ mệnh chân chủ truyền trao để truyền bá giáo lý và cũng là người sáng lập đạo Hồi, do vậy Mecca là nơi những người

Hồi giáo tìm về hành hương.

– Thứ hai, có một điều quy định trong kinh *Koran* là người Hồi giáo phải đến hành hương tại thánh địa Mecca ít nhất một lần trong đời.

Năm trụ cột của Hồi giáo là “niệm, lễ, trai, khóa, triều”.

– Niệm: Tín đồ Hồi giáo hằng ngày phải nhớ nghĩ và niệm câu: “Tôi công nhận Allah là vị Thượng đế duy nhất, ngoài ra không có ai khác và Mô Ha Mết là sứ giả cuối cùng của ngài”.

– Lễ: Người Hồi giáo mỗi ngày phải lễ bái năm lần: buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối và ban đêm (Mỗi ngày lạy năm lần như thế thì hết thời gian).

– Trai: Trong tháng Chín của lịch Hồi giáo (tháng Ramadan), bắt đầu từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn, những người theo đạo không được ăn uống, không được quan hệ tình dục, chỉ sau khi mặt trời lặn thì mới được sinh hoạt bình thường trở lại. Điều này miễn trừ cho trẻ em và người có thai, chỉ dành cho người lớn.

– Khóa: Tín đồ Hồi giáo phải có nghĩa vụ đóng góp các công việc lợi ích chung hoặc làm từ thiện,...

– Triều: Tín đồ Hồi giáo ít nhất phải đến hành hương tại thánh địa Mecca một lần trong đời. Người hành hương phải tự kiếm ra tiền để đi và phải lo đầy đủ cho vợ con ăn uống ở nhà trong thời gian hành hương. Chính vì những luật lệ này mà những người Hồi giáo đi hành hương tại Mecca.

Đối với những Phật tử thì ai cũng mong muốn được đến nơi đức Phật sinh ra, thăm quê hương của vị giáo chủ Thích Ca Mâu Ni là người đã khai sáng ra đạo Phật. Ai cũng muốn đặt chân đến bốn Thánh tích (thường gọi là Tứ động tâm) tại Ấn Độ và Nê Pan để chiêm bái, lễ lạy. Thứ nhất là vườn Lâm Tỳ Ni nơi đức Phật đản sinh. Thứ hai là Bồ Đề Đạo Tràng nơi đức Phật thành đạo. Thứ ba là vườn Nai (Lộc Uyển) nơi đức Phật chuyển Pháp luân. Thứ tư là Câu Thi Na nơi đức Phật nhập Niết bàn. Đã từ lâu, Phật tử từ khắp nơi trên thế giới cũng hành hương về đất Phật, nhưng thấy chưa từng nghe nói đến vấn đề giảm đập lên nhau chết.

Trong kinh *Đại Bát Niết Bàn*^[1] thuộc *Trường*

^[1] ĐTKVN, *kinh Trường Bộ I*, kinh Đại Bát Niết Bàn [trích], VNCPHVN ấn hành (1991), trang 643.

Bộ kinh, đức Phật dạy trước khi Ngài nhập diệt:

“Này Ānanda, có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?

Đây là chỗ Như Lai đản sinh. Này Ānanda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chính Đẳng Giác, này Ānanda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng, này Ānanda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết bàn, này Ānanda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ānanda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Các thiện tín tỳ kheo, tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: Đây là chỗ Như Lai đản sinh, đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chính Đẳng Giác, đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng, đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết bàn”.

Đức Phật cũng khuyến khích Phật tử nên hành hương về các Thánh tích. Thế nhưng, Ngài không quy định hay bắt buộc Phật tử phải đi mà tất cả đều do sự phát tâm và tự nguyện, đó là điều thứ nhất. Thứ hai, trong khi đi hành hương, đức Phật cũng không quy định ngày nào, giờ nào, mà chúng ta đi lúc nào cũng được, như vậy sẽ không dẫn đến việc tập trung nhiều người một lúc.

Theo quy định của người Hồi giáo, khi đi hành hương tại thánh địa Mecca, trong một tháng đó chỉ có mười ngày để tập trung hành hương lễ bái. Do vậy, tất cả người Hồi giáo trên thế giới tập trung về cùng một lúc mấy triệu người, nếu tổ chức và điều hành không tốt sẽ dẫn đến việc giẫm đạp lên nhau.

Hồi giáo, Phật giáo hay bất kỳ một tôn giáo nào khác cũng đều có giáo chủ sáng lập. Vị giáo chủ ở đâu thì nơi đó trở thành thánh địa, quê hương của tôn giáo đó, nơi mà các tín đồ “trở về nguồn cội”. Về thăm thánh địa là ước mơ chung của mọi tín đồ. Việc hành hương được xem là một nghĩa cử cao đẹp, mang ý nghĩa tâm linh rất lớn, thể hiện sự nhớ ơn đến vị giáo chủ. Thế nhưng, nếu để xảy ra việc giẫm đạp gây chết người trong

khi đi hành hương sẽ là một điều hết sức đáng
tiếc. Thật may là trong đạo Phật chưa từng xảy ra
điều này. 

Ngày 27 tháng 9 năm 2015



Con đường từ dạ dày đến nghĩa địa

Một người đàn ông ở Lai Châu, sau khi ăn cơm và uống rượu xong có những biểu hiện đau bụng, đau đầu, nôn mửa và tử vong. Người thân trong gia đình nghĩ rằng ông bị trúng gió chết. Hàng xóm qua dự đám tang của ông cũng uống rượu trong bữa ăn và rơi vào trường hợp tương tự. Sáu người bị thiệt mạng sau đám tang của người đàn ông này. Cái chết của bảy người đã khiến các

cơ quan chức năng nghi ngờ về tình trạng ngộ độc thực phẩm. Khi tiến hành điều tra, người ta phát hiện trong rượu của những người này uống có chứa chất methanol quá liều lượng cho phép so với nồng độ được quy định.

Tại Hà Giang cũng vừa có tám mươi một người bị ngộ độc thực phẩm sau khi tham dự một bữa tiệc tại gia đình họ. Họ có những biểu hiện như chóng mặt, đau bụng, ói mửa. Rất may, tám mươi một người này không chết nhờ đưa vào bệnh viện cấp cứu kịp thời. Hiện tại, các cơ quan chức năng đang điều tra lý do đưa đến ngộ độc.

Một thông tin khác đã được báo chí đăng tải cách đây khá lâu, một gia đình vào rừng hái nấm để ăn. Do không biết rõ loại nấm nào ăn được, loại nấm nào không ăn được nên khi hái về họ nấu chung tất cả, gia đình có chín người bị ngộ độc thì chết tám người, chỉ còn một người may mắn sống sót.

Hiện tại, vấn đề thực phẩm bẩn tràn lan trên thị trường làm người tiêu dùng rất hoang mang. Người ta không phân biệt được đâu là thực phẩm sạch, đâu là thực phẩm bẩn. Nhiều khi, thịt bẩn

cũng có thể “hô biến” thành thịt tươi ngon nhờ việc xử lý hóa chất. Gà bán ở chợ được nhuộm màu vàng ô cho đẹp, có vẻ ngoài bắt mắt. Thực tế chất vàng ô đó là một loại thuốc nhuộm công nghiệp dùng để nhuộm vải, gỗ, giấy,... Các cơ quan chức năng ở thành phố Đà Nẵng còn phát hiện người ta đem chất vàng ô đó ngâm với dưa cải cho có màu sắc tươi ngon.

Đối với trái cây, người ta mua mít non về, dùi lỗ ở cùi rồi đổ hóa chất vào, từ một đến hai ngày sau mít non sẽ trở thành mít chín. Sầu riêng cũng được xử lý tương tự. Chuối và đu đủ được chất đông lại, sau đó người ta phun một loại thuốc làm chín được pha loãng, vài ngày sau chúng sẽ có màu sắc tươi đẹp tự nhiên. Rau muống thì được tưới bằng nhớt thải cho mau lớn, thân mập, lá xanh và đẹp.

Các loại nguyên liệu làm bánh mít, trước khi sên với đường họ lấy thuốc tẩy để làm sạch những chất bẩn, chất nhựa, sau khi tẩy xong thì ngâm với nước vôi để mít được giòn ngon. Những chất tẩy có tác dụng làm cho thực phẩm sạch, trắng, nhưng ăn vào thì trở thành chất độc. Ở Nghệ An, người ta còn mua a xít về hòa với nước để làm giấm gạo rồi

đem đi bán. Mình ăn những thứ này vào có ngày bao tử bị mòn và lủng. Theo thống kê của Bộ Y tế Việt Nam, có khoảng gần mười nghìn ca ngộ độc thực phẩm trong một năm. Trong số đó, có từ một trăm đến hai trăm trường hợp dẫn đến tử vong.

Những thực phẩm bắn giết người một cách âm thầm, lặng lẽ. Mỗi ngày, chúng ta ăn uống không chọn lọc là đưa vào cơ thể mình một ít hóa chất và độc tố. Cứ như thế, ngày qua ngày, những chất độc này được tích tụ lại và thẩm dần vào các tế bào. Một ngày nào đó, mình cảm thấy trong người khó chịu nên đi khám bệnh thì được bác sĩ báo là đã bị ung thư. Lúc đó, chúng ta không biết lý do tại sao lại bị ung thư, vì hằng ngày mình cũng tập thể dục, sống lành mạnh, ăn uống nghiêm túc. Nhưng chúng ta không biết rằng những thức ăn và đồ uống được đưa vào cơ thể hằng ngày chính là chất độc hại gây nên những chứng bệnh trầm trọng. Nhiều nơi sản xuất nước khoáng bằng cách mua những chai nhựa ở các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ rồi họ lấy nước máy đổ vào đó đem đi bán, chai nhựa đó không được kiểm duyệt nên có thể chứa chất độc, còn nước thì chứa chất tẩy. Do không

biết nên mình mua những chai nước này uống rất ngon lành.

Nói chung, khi đi ra đường chúng ta ăn uống phải rất cẩn thận, vì mọi thứ đều có thể nhiễm chất độc. Thực phẩm bản đang tràn lan trên thị trường. Nhưng mình không ăn cũng không được, mà ăn vào thì bệnh nên đành phải ăn. Chưa kể đến trái cây, rau củ,... người ta xịt thuốc trừ sâu và dưỡng chất vào ngày hôm trước, đến ngày hôm sau đã hái đem đi bán. Những chất này giết chết được các loài sâu rầy nên chắc chắn là chất độc hại, vậy mà họ xịt vào trái cây và rau củ, mình ăn vào không chết ngay lúc đó vì liều lượng không đáng kể nhưng chất độc sẽ tích tụ mỗi ngày, cho đến một lúc nào đó thì chúng ta phát bệnh ung thư, viêm loét dạ dày,...

Đặc biệt, gần đây các nhà nghiên cứu báo động về một loại thuốc diệt cỏ có tên là Paraquat có tác dụng cực độc. Không biết trước đây thầy Tâm Bảo ở Củ Chi có mua thuốc trừ cỏ này để diệt cỏ ở khu vườn chùa hay không? Những loại thuốc diệt cỏ thường rất độc. Khi mình xịt, chất độc bay vào mũi, rơi vào mắt, thấm vào da, hay mình hít

vào cơ thể cũng gây nguy hiểm. Mưa xuống khiến cho dư lượng thuốc theo nước đi vào trong lòng đất. Nhà nước đang có hướng cấm loại thuốc này vì nó quá độc hại. Nhiều người chán đời chỉ cần uống loại này vào là chết rất nhanh.

Do đó, chúng ta cần phải có những kiến thức về thực phẩm, hóa chất, thuốc diệt cỏ, thuốc xịt sâu rầy,... Đối với những món ăn như nấm cũng phải hết sức cẩn thận. Chùa chúng ta rất may mắn vì chưa từng xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm. Chùa mình mà xảy ra trường hợp trúng thực thì không biết bệnh viện nào chứa nổi. Cho nên nhà bếp phải cẩn thận với các thứ nấm, chúng ta không biết đó là nấm gì mà mua về ăn thì rất dễ bị ngộ độc. Nếu trúng độc thì bị một lúc mấy trăm người.

Các vị làm bếp cần phải có một số kiến thức nhất định về thực phẩm, vì chúng ta không biết thì rất nguy hiểm. Thí dụ, đối với một số loại rau củ, nếu mình để lên mầm rồi nấu ăn thì rất độc hại cho sức khỏe. Mầm của khoai tây, khoai lang, đậu phộng, gừng gây nôn mửa, đau bụng, chóng mặt, sốt cao,... một số loại thực phẩm khi nấu không chín đúng mức cũng gây hại như đậu ván, khoai

mì (sắn),... Độc tố với liều lượng cao không những ảnh hưởng đến sức khỏe mà còn gây hại cho tính mạng con người.

Rằm tháng Giêng vừa qua, chùa chúng ta đã làm hơn mười lăm nghìn hộp cơm để đãi khách. Thầy tướng tượng, nếu thức ăn bị nhiễm độc thì không biết tất cả bệnh viện ở Sài Gòn có đủ chỗ chứa hay không? Đây là điều chúng ta cần phải suy nghĩ, đại chúng phải hết sức cẩn trọng đối với vấn đề làm cơm hộp trong các ngày lễ và khóa tu. Nếu mình để xảy ra tình trạng ngộ độc thức ăn cho hàng nghìn người, có lẽ chùa chúng ta cũng phải đóng cửa.

Nhà bếp khi làm thức ăn cơm hộp cho những ngày lễ và khóa tu phải hết sức cẩn thận. Những người có trách nhiệm thì đến phụ giúp công việc, còn đối với những người lạ không nên cho vào khu vực nấu nướng và chế biến thức ăn. Khi mua thực phẩm thì chúng ta cũng phải xem xét cẩn thận có bị hư hay không, đừng vì tiếc tiền mà đi xin hay mua những thực phẩm hư về nấu ăn cho đại chúng, đó là mình gián tiếp gây hại đến sức khỏe của mọi người. Những vụ việc ngộ độc thực

phẩm mà báo chí đã đăng tải trên các phương tiện truyền thông là tiếng chuông cảnh báo cho chúng ta trong việc làm thức ăn, cơm hộp cho Phật tử về dự lễ và khóa tu. 

Ngày 16 tháng 2 năm 2017



Vẽ Phật thì dễ mà vẽ Tổ thì khó

Thời Chiến Quốc, ở Trung Quốc có một người họa sĩ rất nổi tiếng, ông được mời đến vẽ tranh cho Vua Tề. Vua Tề hỏi:

– Theo ông vẽ gì khó nhất?

Họa sĩ trả lời:

– Thưa bệ hạ, vẽ chó, vẽ ngựa khó.

Vua Tề hỏi tiếp:

– Thế vẽ gì dễ?

Họa sĩ trả lời:

– Dạ, vẽ ma, vẽ quỷ dễ.

Vua Tề thắc mắc hỏi:

– Tại sao?

Họa sĩ trả lời:

– Vì con chó, con ngựa ai cũng nhìn thấy, nếu vẽ không đúng người ta sẽ chê cười, phê bình. Còn ma quỷ là thứ vô hình, không ai nhìn thấy cho nên vẽ như thế nào cũng được, không ai biết đúng sai, không ai phê bình, dễ lừa bịp người khác.

Sau khi nghe xong, Vua Tề sai những vị quan ghi chép lại câu chuyện này để người đời sau lấy đó làm bài học.

Trong cuộc sống, những gì con người không thấy, không biết thì rất dễ đem ra lừa gạt người khác. Chẳng hạn như nói có Thượng đế, ông Thần, ông Thánh ban phước, giáng họa thì chúng ta dễ tin. Thực tế, điều đó là hư cấu. Người ta nói Thượng đế sinh ra con người, nhưng thực ra ngược lại chính con người sinh ra Thượng đế. Những chuyện như cúng sao giải hạn cũng vậy, không ai thấy ông thần sao chiếu mạng ra sao, cho nên người ta dễ đem thứ đó ra lừa bịp. Ngay như sự việc mà chúng ta

thấy đang phổ biến hiện nay, đó là chuyện những người chết được vãng sinh, điều này cũng có người cường điệu lên.

Ở Đài Loan có một vị Hòa thượng chuyên tu pháp môn Tịnh độ, đó là Hòa thượng Diệu Liên. Ngài từng tu pháp Ban chu tam muội mười lần, mỗi lần ba tháng. Trong ba tháng đó, ngài không ngồi, không nằm, chỉ đứng niệm Phật suốt ngày đêm. Khi nghe điều này, thấy nghĩ chùa mình chắc không ai làm được! Một ngày không nằm, không ngồi đã không chịu được, vậy mà trong ba tháng ngài không nằm, không ngồi, chỉ đi với đứng, không phải chỉ tu một lần mà ngài tu mười lần như thế. Quả thật siêu phàm!

Ở Mỹ có Hòa thượng Tuyên Hóa, ngài từng nói có thần thông, biết được ma quỷ. Công đức tu hành của Hòa thượng Tuyên Hóa rất lớn, ngài tu khổ hạnh, ban đêm chỉ ngồi không nằm, thực hiện ba oai nghi là đi, đứng và ngồi. Khi ngủ ngài cũng ngồi, đặc biệt là lúc nào cũng đắp y trên mình. Mỗi ngày ngài ăn một bữa và tu tập rất tinh tấn. Đó là hai vị sư người Trung Quốc rất nổi tiếng được nhiều người biết đến.

Khi thấy tìm hiểu về sự viên tịch của hai vị này thì thấy rất bí ẩn. Những đệ tử không công khai cho mọi người biết về sự viên tịch của hai ngài. Đúng ra hai vị này tu hành rất tinh tấn và rất nổi tiếng nên khi chết thường có gì đó đặc biệt. Những chuyện của các vị Tổ ngày xưa, chúng ta nghe có vị ngồi niệm Phật rồi nhắm mắt ra đi hoặc ngồi thiền mà tịch. Nhưng hai vị này không nghe nói gì, chỉ nghe Hòa thượng Tuyên Hóa đã tịch. Người ta cũng không công khai là ngài mất và ra đi như thế nào. Hòa thượng Diệu Liên cũng vậy, chỉ thông báo là ngài đã mất, không thấy nói gì về việc ngài có được vãng sinh, hay khi mất ngài có biết trước ngày giờ hay không. Thấy nghĩ có lẽ các ngài cũng mất một cách bình thường như bao người khác, cũng có thể bị bệnh tật đau đớn trước khi mất.

Vậy mà có nhiều người tu không tới đâu, khi chết lại được nói “ông này được vãng sinh, bà kia được vãng sinh”. Đó chỉ là lừa bịp! Cũng giống như câu chuyện thời Vua Tể: Vẽ quỷ, vẽ ma thì dễ, còn vẽ chó, vẽ ngựa thì khó. Vì chó ngựa người ta thấy được, còn ma quỷ không ai thấy nên muốn vẽ sao thì vẽ, không ai phê phán: “Vẽ con ma không giống!”.

Vì có ai thấy ma đâu mà nói giống với không giống! Còn như câu chuyện của chúng ta, có thể nói: “Vẽ Phật thì dễ mà vẽ Tổ thì khó!”. Vì không ai thấy Phật nên mình vẽ miễn đẹp là được, không ai nói hình đó không giống ông Phật. Còn vẽ Tổ rất khó, vì Tổ là người mình đã được nhìn thấy rõ ràng.

Hiện tại, chùa mình đang nhờ thợ tạc tượng Tổ khai sáng, thợ làm đã lâu mà vẫn chưa xong. Còn tượng Phật lại tạc nhanh hơn tượng Tổ, chỉ cần tai dài, tóc xoắn, mặt đẹp là được. Tạc tượng Tổ rất khó, bởi vì phải làm cho giống, không thể chỉ làm cho đẹp mà được!

Ngoài xã hội cũng như trong đạo, những cái gì vô hình thường dễ gạt. Cho nên người tu phải thực tế, pháp được thuyết giảng phải đưa người khác đến chỗ an lạc, hạnh phúc thiết thực. Chúng ta không nên nói chuyện trên trời, dưới đất, hứa hẹn những điều viển vông. Ngày xưa, thầy đã từng đi hộ niệm, nhưng thầy chưa bao giờ công bố người nào được vãng sinh, bởi vì thầy không thể chứng minh được chuyện đó. Trong kinh nói đức Phật hiện ra để tiếp dẫn, nhưng thầy chưa thấy có vị Phật nào hiện ra tiếp dẫn. Ngay như

Hòa thượng Trí Tịnh, cả đời ngài tu pháp môn Tịnh độ mà khi viên tịch cũng không ai nói ngài vãng sinh, hay ngài mất có Phật hiện tiếp dẫn, có thoại tướng tốt,... Vậy mà có những Phật tử mới tu hành chút ít, khi mất lại được công bố là có thoại tướng và vãng sinh. Cho nên chúng ta cần phải nhìn nhận lại vấn đề này. Những người xuất gia cần phải nhận thức rõ ràng, không mơ hồ khi tuyên bố, những điều gì mình nói hay làm phải chính xác, đúng với thực tế. ☁

Ngày 2 tháng 3 năm 2015



Thuốc “thịt người”

Vừa qua, cơ quan tình báo quốc gia Nigeria thông báo về việc phát hiện một số thuốc làm từ “thịt người” của Trung Quốc đang lưu hành. Nguồn tin này được báo đài Nigeria phổ biến làm người dân rất hoang mang và lo sợ. Ngày 9 tháng 11 năm 2018, Bộ Y tế Việt Nam cũng đưa ra thông báo không cho phép đăng ký, sản xuất, nhập khẩu và lưu hành thuốc làm từ “thịt người” của Trung

Quốc. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, Cục Hải quan Hàn Quốc đã đưa ra thông tin: “Từ năm 2015 cho đến tháng 8 năm 2018, Hàn Quốc thu giữ được hai nghìn bảy trăm năm mươi một viên thuốc làm từ “thịt người” do Trung Quốc sản xuất”.

Thuốc làm từ “thịt người” của Trung Quốc không biết đã vào Việt Nam chưa? Theo một số thông tin, thuốc làm từ “thịt người” này được bào chế từ nhau thai, có thông tin cho rằng làm từ những thai bào bị phá, người ta đem vào tủ lạnh cho đông cứng, sau đó cắt ra từng khúc rồi đem sấy khô, tán bột cho vào trong viên thuốc. Họ quảng cáo thuốc này chữa bệnh ung thư, bệnh tiểu đường,...

Các cơ quan chức năng Hàn Quốc đã lấy những viên thuốc này đem đi nghiên cứu, thấy trong đó có ADN của con người, đặc biệt là chứa hàng tỷ vi trùng gây bệnh. Như vậy, uống thuốc này có thể nói là tiền mất tật mang. Tật mang còn may mắn, có khi là mất mạng. Hiện nay, một số thuốc của Trung Quốc dạng thuốc Bắc hay thuốc Nam đang lưu hành ở Việt Nam, họ bán ở một số cửa tiệm hay các trang mạng.

“Có bệnh thì vái tứ phương”, nghe người bán quảng cáo thuốc này trị hết ung thư, hết tiểu đường nên nhiều người vẫn mua về uống dù không biết nguồn gốc và xuất xứ. Bây giờ, khi có bệnh người ta hay lên mạng tìm thông tin về cách chữa trị rồi làm theo. Nhiều người mất cả mạng sống chỉ vì tin bừa, tin ẩu, thiếu căn cứ khoa học.

Hiện tại, các nghiên cứu của nền y học phương Tây vẫn chưa tìm được thuốc chữa hết được căn bệnh tiểu đường. Chỉ có thuốc giúp điều tiết, cân bằng đường huyết. Những phương pháp chữa bệnh cũng chỉ giúp hạn chế lượng đường tăng cao trong máu gây biến chứng chứ không thể chữa dứt được bệnh tiểu đường. Thầy cũng bị bệnh này nên biết đôi chút. Mình có uống thuốc điều trị thì cũng phải ăn uống kiêng cử, tập thể dục, vận động nhiều thì lượng đường mới ổn định. Ngược lại, mình ăn thức ăn ngọt quá nhiều thì lượng đường tăng, ăn tinh bột đường cũng tăng, biết kiêng khem thì chỉ số đường ổn định hoặc giảm bớt, còn bệnh này không dứt hẳn như một người bình thường được.

Mỗi ngày thầy đều đo đường trong máu của

mình. Hôm trước thầy thử mức đường thấy một trăm mười hay một trăm hai mươi là ổn định, thế nhưng hôm sau ăn đồ ngọt nhiều quá nên chỉ số tăng lên một trăm năm mươi đến một trăm sáu mươi, lúc này mình phải giảm ăn ngọt và tinh bột. Người nào ăn kiêng thì chỉ số đường sẽ giảm, ăn nhiều chất tạo đường thì lượng đường phải tăng. Hôm trước, thầy nghe thầy Quảng Thiện nói: “Người bị tiểu đường giống như ngựa quý, bởi vì ngựa quý đói nhưng không ăn được, người bị tiểu đường thấy chè ngon, kem ngon mà không dám ăn, cho nên đây cũng là quả báo”. Đó là sự thật, nhiều khi thầy thấy đại chúng ăn chè ngon quá mà thầy không dám ăn, vì khi ăn thì đường lại tăng. Ngựa quý có cái bụng to nhưng chiếc cổ nhỏ xíu, nên dù đói nhưng không ăn được. Những người bị bệnh tiểu đường thèm đồ ngọt mà không dám ăn vì sợ lên đường rồi bị bệnh, cũng có điểm tương đồng.

Vấn đề thuốc giả thật không phải chỉ có Trung Quốc sản xuất mà ngay cả Việt Nam cũng có làm. Cách đây mấy năm, báo chí đưa thông tin là công an phát hiện thuốc chữa trị ung thư mà trong đó chỉ toàn tro. Người ta lấy tro bỏ vào viên thuốc

dạng con nhộng rồi đem đi bán, nói là thuốc trị ung thư. Cũng vì đồng tiền mà con người mất hết lương tâm, họ không nghĩ rằng những người bệnh đang đau khổ, chưa kể nhiều gia đình nghèo, kiếm tiền để mua thuốc trị bệnh rất khó khăn, thậm chí có những người phải bán nhà, bán ruộng, cầm cố đồ đạc để có tiền mua thuốc. Vậy mà họ nở lòng nào lừa gạt, làm ra những viên thuốc giả đem bán ngoài thị trường, đó là hại người, thuốc giả uống vào không hết bệnh mà còn làm cho tình trạng bệnh nguy hiểm hơn.

Hiện nay, thị trường thuốc Tây hay thuốc ta, thuốc Nam, thuốc Bắc đều có rất nhiều loại thuốc giả. Chúng ta có bị bệnh thì nên đi bệnh viện, bác sĩ kiểm tra rồi kê toa thuốc đảng hoàng, mua thuốc phải đúng nơi đúng chỗ, tốt nhất là mua ở nhà thuốc bệnh viện hay những nơi có uy tín. Chúng ta mua thuốc ở tiệm thuốc Tây đôi lúc còn mua phải thuốc giả, đừng nói hàng trôi nổi ngoài chợ trời, những nơi đó không có giấy phép kinh doanh, nguồn hàng không có chứng từ hóa đơn, lấy gì để bảo đảm?

Báo chí Việt Nam đã lên tiếng rất nhiều đối

với hàng của Trung Quốc, từ vật dụng cho đến thực phẩm, thuốc men,... không rõ thành phần, chất lượng kém, sử dụng chất bảo quản...

Trên thực tế, hằng ngày chúng ta đưa vào cơ thể mình rất nhiều chất bảo quản, cái gì cũng có chất bảo quản bên trong từ thức ăn cho đến thuốc uống. Những gì đóng chai hay làm thành viên tất nhiên phải có chất bảo quản. Một viên thuốc có thời hạn sử dụng là ba năm, chai nước tương cũng có hạn sử dụng khoảng vài tháng đến vài năm nên có chất bảo quản là điều tất yếu. Nếu không có chất bảo quản thì chỉ vài ngày chúng sẽ bị hư. Nước ngọt, bánh kẹo, gia vị,... mọi thứ đều chứa chất bảo quản, mà đã là hóa chất thì khó tránh khỏi độc hại. Mỗi ngày, mình đưa bao nhiêu chất bảo quản vào trong cơ thể nên nhiều người bị bệnh ung thư vì lý do đó. Chúng ta không ăn cũng không được, ăn chất độc vào sau này bị bệnh chết, mà không ăn thì chết đói ngay bây giờ. Nhiều người có suy nghĩ: “Không hiểu tại sao tôi ăn uống kĩ lắm, thể dục thể thao đầy đủ mà cũng bị bệnh?”. Mỗi ngày mình đưa độc tố vào trong cơ thể mà đâu có biết, toàn là chất bảo quản.

Nhiều người khuyến cáo đừng dùng thuốc nhỏ mắt không có nhãn mác nhiều, coi chừng bị mù mắt, vì thuốc nhỏ mắt cũng có chất bảo quản. Một số người có thói quen thích dùng thuốc nhỏ mắt lúc bình thường vì khi nhỏ vào làm mát mắt, họ nói là rửa mắt, nhưng dùng thường xuyên không sáng mắt mà có khi lại bị mù. Các chuyên gia cảnh báo điều này, không phải thầy nói không có căn cứ. Thuốc nhỏ mắt từ khi sản xuất rồi đóng chai, vận chuyển đến các kho bãi, cửa hàng và cuối cùng là đến tay người tiêu dùng không biết bao lâu, nhưng chắc là mất rất nhiều thời gian, cho nên hạn sử dụng của thuốc từ sáu tháng cho đến vài năm. Minh lạm dụng quá thì trở nên nguy hại. ☁

Ngày 12 tháng 11 năm 2018



Thế gian chuyển biến vô thường
Bình an ta bước trên đường vô sinh.

- THANH LƯƠNG -



Hai loại tội

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*^[1], đức Phật dạy có hai loại tội:

“Có hai loại tội này, này các tỷ kheo. Thế nào là hai? Tội có kết quả ngay trong hiện tại, và tội có kết quả trong đời sau.

^[1] ĐTKVN, kinh *Tăng Chi Bộ* I, chương II, phẩm Hình Phật, phần Hai Loại Tội, VNCPHVN ấn hành (2018), trang 85.

Thế nào là tội có kết quả ngay trong hiện tại? Ở đây, này các tỳ kheo, có người thấy vua chúa bắt được người ăn trộm, kẻ vô loại, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bôi dầu hình,... Họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu.

Người ấy thấy vậy suy nghĩ như sau: “Do nhân các ác nghiệp như vậy, vua chúa bắt được kẻ ăn trộm, kẻ vô loại, áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Nếu ta làm các ác nghiệp như vậy, vua sẽ bắt ta và áp dụng các hình phạt như vậy”. Người ấy sợ hãi phạm tội ngay trong hiện tại, không có cướp phá tài sản của những người khác. Này các tỳ kheo, đây gọi là tội có kết quả ngay trong hiện tại.

Thế nào là tội có kết quả trong đời sau? Ở đây, này các tỳ kheo có người suy xét như sau: “Quả dị thực của thân làm ác trong đời sau là ác và khổ. Quả dị thực của miệng nói ác trong đời sau là ác và khổ. Quả dị thực của ý nghĩ ác trong đời sau là ác và khổ.

Nếu thân ta làm ác, nói lời ác, nghĩ việc ác, sao ta lại không có thể, sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục”. Người ấy sợ hãi tội có kết quả trong đời sau, từ bỏ thân làm ác, tu tập thân làm thiện, từ bỏ miệng nói ác, tu tập miệng nói thiện, từ bỏ ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ thiện, và cư xử tự ngã hoàn toàn thanh tịnh. Đây các tỳ kheo, đây gọi là tội có kết quả trong đời sau.

Này các tỳ kheo, trên đây là hai loại tội. Do vậy, này các tỳ kheo cần phải học tập như sau: “Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả hiện tại. Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả trong đời sau. Chúng ta phải tránh xa các tội. Chúng ta phải thấy rõ sự nguy hiểm của các tội”. Như vậy, này các tỳ kheo cần phải học tập. Đối với ai tránh xa các tội, đối với ai thấy rõ sự nguy hiểm của các tội, thời được chờ đợi rằng người ấy sẽ được giải thoát tất cả tội”.

Trong bài kinh này, đức Phật nói về quả báo của tội lỗi trong hiện tại và tương lai. Khi chúng ta phạm tội, trước hết mình bị quả báo hiện tiền, nếu tránh né được pháp luật thì lương tâm cũng bị cắn rứt. Tòa án lương tâm sẽ tự giày vò mỗi người. Thấy lấy thí dụ như khi chúng ta ra đường, mình không

tập trung lái xe mà lại nghe điện thoại, không để ý đến con đường phía trước, vô tình tông người ta chết. Cả phần đời sau này, chúng ta sẽ hối hận và ăn năn chỉ vì mình nghe điện thoại trong lúc lái xe, không để ý mà cán chết người.

Một gia đình mới mượn được một số tiền khá lớn về làm ăn, mình đến lừa đảo họ để lấy số tiền đó. Chủ nhà rơi vào bẫy tặc, không có tiền làm ăn và cũng không có tiền để trả nợ. Cuối cùng, họ nghĩ đến con đường giải thoát bằng cách tự tử. Khi chúng ta biết người ta tự tử vì mình thì lương tâm sẽ vô cùng cắn rứt. Ban đầu, mình chỉ nghĩ đơn giản: Lấy số tiền đó rồi im lặng xem như mọi chuyện chưa hề xảy ra và rồi đâu sẽ vào đó. Thế nhưng cuối cùng, vì suy nghĩ nhiều, nghĩ quẩn về việc bị lừa mất tiền mà họ tự kết liễu đời mình. Liệu quãng đời còn lại chúng ta có sống thoải mái không?

Thấy lấy một thí dụ khác. Một người có vợ, có con mà đi qua lại với người nào đó, làm cho vợ con đau khổ. Người vợ bết tặc, không nghĩ ra cách giải quyết, cuối cùng cô quyết định cho con uống thuốc độc rồi mình cũng tự tử theo, cả mẹ lẫn con đều chết. Người chồng cả đời sẽ cảm thấy tội lỗi,

cẩn rút lương tâm, nghĩ rằng cái chết của vợ con là do anh ta gián tiếp gây ra. Chỉ vì một phút nông nổi, con tim lạc hướng mà chạy theo một người đàn bà khác để vợ của mình quá đau khổ đến nỗi phải tự tử, không những cô tự tử mà còn đem theo cả đứa con. Người chồng nếu có chút lương tâm sẽ hối hận cả cuộc đời, đó chính là quả báo hiện tại.

Trong công việc làm ăn, mình lừa đảo người ta khiến họ tán gia bại sản, rơi vào chỗ cùng quẫn bế tắc, cuối cùng không có con đường nào khác, họ phải chọn cách tự tử. Chúng ta biết được cũng cảm thấy đau lòng, hối hận.

Hình phạt thứ hai là bị người đời chê trách, tiếng xấu đồn xa, không ai dám gần gũi và thân cận với mình. Chúng ta đi ăn trộm bị bắt, tiếng xấu không phải chỉ giới hạn trong phạm vi làng, xã, huyện, tỉnh, mà vụ việc sẽ được đưa lên báo. Lúc đó, không chỉ bà con trong nước mà cả kiều bào ở nước ngoài cũng biết. Với truyền thông hiện tại, tiếng xấu lan rất xa. Khi gặp người thân, bạn bè, dòng họ thì bản thân mình không dám nhìn ai. Người đời coi thường, khinh khi, xa lánh bởi vì biết mình từng ăn trộm, ăn cắp, từng là tội phạm, cho

nên không ai dám gần gũi. Từ đó trở đi, lý lịch của chúng ta bị một vết nhơ khó mà xóa sạch. Mình đi đâu cũng thấy mặc cảm, sợ người ta nhìn mình bằng cặp mắt không có thiện cảm, ngại ngùng khi đến chốn đông người.

Thứ ba là hình phạt của pháp luật. Khi mình phạm tội, trước tiên là chịu hình phạt từ quần chúng. Nếu người ta bắt được mình ăn trộm sẽ đánh cho mình một trận rồi sau đó mới đưa đến cảnh sát. Tội nhẹ thì bị nhốt mấy ngày, tội nặng hơn thì mấy tháng, vi phạm nghiêm trọng thì phạt vài năm tù, tùy trường hợp. Chúng ta theo dõi trên báo chí sẽ thấy rất rõ, có những người đi ăn trộm chó bị người dân bắt đánh đập rất dã man, khi công an đến thì thân thể tên ăn trộm chó đã bầm dập. Có một lần, thầy xem clip những người dân bao vây đánh một người không còn đường nào để chạy, vì anh này bắt cóc trẻ em và bị người ta bắt quả tang. Dân trong làng kéo ra đánh, mấy anh công an đến cũng không can thiệp được do dân làng quá đông. Khi anh ta được đưa về trụ sở công an thì đã bị bầm dập hết người.

Dịp khác, thầy tình cờ xem một clip đánh

ghen. Một anh chàng vào phòng trọ hay khách sạn gì đó bắt quả tang vợ ngoại tình với tình nhân. Tình nhân của cô vợ thì ngồi co lại trong góc tường, anh chồng mang giày nhảy bổ vào đập lên đầu, đập lên ngực, đập vào người anh kia, khiến anh kia chỉ biết ngồi chịu trận, kêu la chứ không dám làm gì. Bởi vì khi đi đánh ghen, họ sẽ không đi một mình mà kéo theo vài người đi cùng. Anh nhân tình không dám chống cự vì hai lý do, thứ nhất bản thân anh đã sai, thứ hai là người bên kia đông quá, anh có chống cự cũng không được nên đành ngồi đó chịu trận cho người ta đánh. Nhìn cảnh anh bị giày đập lên đầu, đập lên ngực rất tội nghiệp, nhưng do anh sai phạm thì phải chịu quả báo đó. Trường hợp các bà, các cô ngoại tình bị đánh ghen cũng rất thảm khốc. Bà vợ chặn đường lột hết quần áo cô nhân tình, nắm đầu cô ta đập xuống đường. Việc này được quay lại đưa lên mạng, quả thật đáng xấu hổ. Chưa kể, nhiều trường hợp còn bị tạt a xít, khi máu “Hoạn Thư” nổi lên thì người ta không còn sáng suốt nữa, họ có thể giết tình nhân của chồng hay vợ mình. Họ cũng có thể giết chính vợ hoặc chồng của mình

mà không thương tiếc. Khi yêu thì cái gì cũng có thể cho nhau, nhưng khi ghen thì việc gì cũng dám làm. Một người bị tạt a xít xem như mất hết, thân thể và mặt mày bị hủy hoại đến biến dạng, chẳng còn gì nữa. Nhiều người sau tai nạn đó không còn muốn sống nữa, số người còn sống thì cuộc đời cũng như phế nhân.

Nếu ai cũng nghĩ đến những hình phạt trước khi hành động thì sẽ không dám làm điều sai trái, không dám phạm pháp nữa. Trên thực tế, báo đài thường xuyên đưa tin về những vụ án nhưng người ta vẫn cứ mê lắm, vẫn cứ vô minh, vẫn cứ phạm tội. Khi chúng ta phạm vào những tội nặng như cướp của, giết người, hiếp dâm thì pháp luật sẽ có những hình phạt rất nặng. Những thanh niên hiếp dâm trẻ em dưới mười sáu tuổi có thể bị bỏ tù nhiều năm. Nếu tội hiếp dâm đi chung với tội cướp của, giết người thì sẽ lãnh án tử hình. Thỉnh thoảng, trên báo chí có đăng những vụ án hiếp dâm, khi nghe chúng ta rợn cả người. Mình không thể tưởng tượng được một người lớn mà có thể hiếp dâm đứa con nít chừng năm, sáu tuổi, không biết người đó có còn nhân tính hay không?

Đối với đứa trẻ ngây thơ vô tội như vậy mà người ta lại có những hành vi đồi bại. Lúc trước, thầy có nghe một trường hợp hiếp dâm trong bệnh viện: Ông y sĩ kêu mẹ đứa bé đi ra ngoài để ông khám cho đứa nhỏ, sau đó ông hiếp dâm đứa bé trong phòng khám, trong khi đứa nhỏ chỉ có vài ba tuổi. Những người này không biết có còn là con người hay không? Loài thú còn không làm những chuyện như vậy. Hình phạt dành cho những người này từ mười mấy đến hai mươi năm tù trở lên chứ không ít. Dù hình phạt có đưa ra như vậy nhưng không phải ai cũng sợ, bởi vậy mới có nhiều vụ việc xảy ra.

Thứ tư là quả báo trong đời sau. Khi chúng ta phạm vào những tội như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, đời sau mình bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Khi được làm người trở lại thì bệnh tật, chết yểu, bị hành hình dã man cho đến chết, đó là quả báo của tội sát sinh. Nghiệp báo dành cho người trộm cắp là sinh ra trong hoàn cảnh gia đình bần cùng, khốn khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, cuộc sống lúc nào cũng bất hạnh, khó khăn. Người không có hạnh phúc trong gia đình, đổ vỡ chuyện tình cảm, hoặc cô đơn, cô

độc là do từng phạm vào tội tà dâm. Đời trước mình phá hoại hạnh phúc của gia đình người ta, đời nay phải chịu quả báo tan nhà nát cửa, bị người khác phá hoại hạnh phúc gia đình, hoặc vợ chồng không hòa thuận dẫn đến ly hôn. Người sinh ra câm ngọng, hoặc lời nói không có uy tín, nói điều gì người ta cũng không nghe, đó là do quả báo lừa gạt người khác bằng miệng lưỡi. Có những người mở miệng ra rất hôi, ai đứng gần cũng cảm thấy khó chịu, đó cũng là quả báo của việc ác khẩu và ác ngôn. Người sinh ra đầu óc không tỉnh táo, khờ khạo, mất trí là do đời trước uống nhiều rượu, say sưa quá nên đời này phải chịu quả báo đần độn, ngu si.

Đức Phật dạy có hai loại tội: “Tội có kết quả ngay trong hiện tại và tội có kết quả trong đời sau”. Tội có kết quả ngay trong hiện tại sẽ khiến mình cần rút lương tâm, bị người đời chê trách, xa lánh, bị đánh đập, tù tội. Tội có kết quả đời sau khiến mình bị đọa vào ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Khi sinh ra làm người thì không được toàn vẹn, không được tốt đẹp, không được hạnh phúc, không được sáng suốt. Cuộc đời của chúng ta đều

nằm trong sự chi phối của nhân và quả. Những gì mình nhận được là quả và những gì mình tạo tác là nhân. Quả đời này là nhân đời trước, nhân đời này sẽ cho quả đời sau.

Tất cả không nằm ngoài bốn điều thiện, ác, tốt, xấu. Gieo nhân thiện được nhận quả tốt, gieo nhân ác gặp quả xấu. Đời này mình may mắn sinh ra trong gia đình khá giả, có được nhan sắc, đời sống hạnh phúc, vui vẻ êm đềm, đó là quả lành mình nhận từ nhân tốt đã tạo trong quá khứ. Người hiểu đạo nhờ những điều kiện tốt đó mà bố thí, làm phước, tu tập, tiếp tục tạo nhân lành cho đời sau kiếp khác. Còn người không có trí tuệ chỉ biết hưởng quả lành, không tạo thêm phước mới, lại sinh ra hưởng thụ đời sống vật chất, ăn chơi trác táng, sống cuộc đời truy lạc, tương lai sẽ đi về nẻo tối. Có người sinh ra trong cảnh bần cùng khốn khó, không có điều kiện học hành tiến thân, sống trong môi trường xấu, phải giao thiệp với những người xấu, đó là mình đang chịu quả xấu. Từ đó các điều ác cũng dễ tăng trưởng, vì khi nghèo khó người ta dễ làm việc sai trái để nuôi thân và kiếm sống, do đó tương lai lại càng khổ

hơn. Thế nhưng cũng trong hoàn cảnh không được thuận lợi đó, người ta có ý chí tiến thân, biết mình không có được quả lành trong quá khứ nên đời này cố gắng tu tạo công đức, siêng làm việc lành, lại chăm chỉ học tập làm việc. Người đó sẽ có được sự an ổn và thịnh vượng trong đời này, dù không được giàu sang vinh hiển nhưng cũng đủ ăn đủ mặc và nhờ tạo phước nên đời sau họ có được tư lương tốt đẹp hơn.

Nếu ai cũng nghĩ đến nhân quả, ai cũng nghĩ đến hậu quả của việc làm sai trái ở hiện tại và tương lai thì sẽ chẳng ai dám làm điều ác, ngược lại sẽ vun bồi thật nhiều thiện nghiệp, tích cực làm điều lành để có được lợi ích và an lạc ở hiện tại cũng như tương lai. 

Ngày 14 tháng 11 năm 2019



Ông Tửu

Hôm qua, chư Tăng và Phật tử chùa Hoằng Pháp đã tiễn đưa ông Tửu về nơi an nghỉ, trở về với cát bụi theo định luật vô thường. Cuộc đời ông Tửu là một bài học quý báu cho tất cả chúng ta.

Theo thầy được biết, ông Tửu ở chùa vào khoảng năm 1965, lúc đó đang diễn ra chiến tranh ở Đồng Xoài, Thuận Lợi (Bình Phước). Sư Tổ đem những người tị nạn về chùa giúp đỡ, sau đó hỗ trợ

họ xây nhà trên miếng đất nằm gần nghĩa trang của nhà thờ Công giáo, riêng ông Tửu vì không có vợ con nên ở chùa làm công quả. Tuy ông không biết chữ nhưng lại là người có tâm rất chân thật. Ông cũng không biết làm công quả ở chùa có ý nghĩa gì. Đối với ông: “Được ở chùa, được ăn cơm chùa, đó là điều may mắn, cho nên phải cố gắng làm việc”. Ông suy nghĩ rất đơn giản: “Ở ngoài đời, muốn ăn thì phải làm; khi vào chùa, mình có ăn thì cũng phải làm”.

Thời Sư Tổ, vị trí chính điện bên trái từ ngoài nhìn vào, từ tháp linh trở ra, có một dãy nhà dành cho chư Ni và các vị dưỡng lão. Bên phía tay phải từ khu vực tháp cốt trở ra là dãy nhà dành cho chư Tăng. Phía trước cây me cũng có một dãy nhà ăn và nhà kho, khu trai đường hiện tại mà chúng ta đang ngồi ngày xưa là nhà bếp, còn lại là đất trống. Nghĩa trang lúc đó chưa chôn người nhiều nên đất còn trống rất nhiều. Do vậy, ông Tửu ở ngoài vườn cả ngày để lo việc làm cỏ, trồng cây. Có khi ông phụ đào huyệt chôn người chết. Những ngày bị cảm, ông cũng cố gắng đi làm. Những lúc như thế, thầy hỏi: “Sao bác không nghỉ một vài hôm

cho khỏe lại?”. Ông trả lời: “Con ở chùa, ăn cơm chùa thì phải làm, mà bệnh cũng nhẹ với lại làm quen rồi, nghỉ buồn bực tay chân nên con làm cho khỏe người”. Ít khi thấy thấy ông nghỉ, khi không làm được nữa thì ông đã nằm một chỗ. Từ khi ông vào chùa cho đến già, không làm được thì thôi, mà nếu còn khỏe, còn làm được là ông vẫn làm.

Đặc biệt, ông Tửu sống ở chùa từ năm 1965 cho đến khi Sư Tổ mất vào năm 1988, chưa bao giờ Sư Tổ cho ông một đồng nào gọi là “tiền bồi dưỡng”. Ai cho tiền chư Tăng hay Phật tử trong chùa, Sư Tổ đều không đồng ý, nếu biết được thế nào ngài cũng mắng. Tuy không có tiền nhưng ông vẫn sống thoải mái, vì ngày ăn ba bữa trong chùa là đủ rồi và ông cũng không có nhu cầu gì khác nên tiền bạc đối với ông không cần thiết. Sau năm 1975, lúc này ông đã già, không còn lao động được nữa. Rất nhiều Phật tử trước đây biết ông, vì thỉnh thoảng họ nhờ ông ra đắp mộ, người ta nhớ đến ơn đó nên cho tiền. Ông cũng giữ đó không dùng, lâu lâu gom lại đưa thầy. Ông nói người ta cho tiền nhưng ông không dùng đến, gửi cúng chùa, sau này ông có mất chùa lo hậu sự giùm ông.

Có lần, thầy hỏi một số huynh đệ xuất gia đã xem bài viết của thầy về bác Tửu trong cuốn *Bằng tất cả tấm lòng* hay chưa? Nhiều người không biết gì. Đây là một thiếu sót lớn. Đáng lẽ, anh em làm đệ tử của thầy thì phải xem qua những tác phẩm do thầy viết. Mặc dù đối với chúng ta, đôi khi những chuyện đó không cần thiết, nhưng mình phải xem qua để biết, biết để làm gì? Để xem thầy mình đã viết gì, nói gì và tư tưởng của thầy ra sao.

Cuộc đời ông Tửu tuy không làm những việc lớn lao, nhưng chúng ta cũng rút ra được bài học hết sức giá trị từ con người ông, đó là đức tính chân thật, cũng là nền tảng căn bản của người tu. Nếu chúng ta không thật tâm thì không thể thành công trong bất cứ việc gì. Ví như một hạt giống thật được gieo trồng mới có thể mọc thành cây, còn hạt giống bằng nhựa gieo xuống đất thì không bao giờ lên cây được.

Chúng ta tu là phải thật tâm, điều đó rất cần thiết và quan trọng; nếu không thật tâm, dù mình có tu hay làm bất cứ việc gì cũng không có kết quả. Chúng ta xem lại mình có thật tu hay không? Đôi khi chúng ta chưa thật tu, thật tu là tự mình

tu, không phải để người khác bắt ép, hôm nào có người kiểm tra mới chịu lên tụng kinh, còn trốn được là mình mừng. Nếu chúng ta thật tâm thì không cần ai phải nói, không cần người nhắc nhở, tự ta phải biết việc của mình.

Giống như ông Tửu, đâu ai bắt ông phải làm, nhưng ông nghĩ “ăn cơm chùa là phải làm việc”, chỉ đơn giản như vậy. Còn mình lại trốn, ngày nào nghỉ làm việc hay không công phu thì mừng ngày đó. Nếu có ai biết việc sai trái của mình rồi nói ra, thì mình quay lại biện minh, phản bác. Đó là chúng ta không sống thật với chính mình, không có nhân làm sao có quả. Cả cuộc đời ông Tửu sống một cách tự tại. Suốt chín mươi mấy năm qua, ông không phiền hà bất cứ người nào, khi còn sống vẫn ăn uống đi lại bình thường, đến khi mất cũng nhẹ nhàng, thanh thản. Tất cả đều xuất phát từ tâm chân thật nên được kết quả như vậy.

Chúng ta phải tự mình tu, không ai tu thay cho mình được và tu chính là tu cho mình, không phải tu vì người khác. Trên thực tế, nếu thấy để mọi người thoải mái tự do mà không kiểm tra, đốc thúc, chắc không được mấy người tự giác. Trong

các khóa tu, Phật tử về đây tinh tấn hành trì còn chúng ta lại buông lung phóng túng. Ngay những người tu hành mà không thật tâm, thử hỏi ai trên cuộc đời này thật tâm? Chưa kể những người đến chùa công quả, nói là công quả nhưng không biết có phải thật lòng công quả không, hay đến chùa hết ăn rồi lại ngủ, hưởng thụ hơn cả phước báu mà họ tạo ra?

Cuộc đời ông Tửu tuy giản dị, hiền lương, nhưng ông lại có những đức tính đáng quý mà chúng ta cần học tập. Thầy suy nghĩ: “Có những người không làm được việc trọng đại, nhưng họ đã sống một cuộc đời rất thật, không tham lam, không toan tính thiệt hơn, không tranh giành đoạt lợi,... Cuộc đời họ là những bài pháp không lời cho chúng ta nhìn vào để từ đó quán chiếu tu tập”.

Chúng ta cố gắng tu hành chân thật, vì cái thật luôn tồn tại vững bền. Gieo nhân thật mới hái được quả thật. Người xưa có câu nói rất hay: “Chân thật bất hư”. Người thật tâm thì không hư dối. Nếu chúng ta không thật thì việc tu không có kết quả. Bây giờ, mình chưa thấy gì, nhưng tương lai quả báo chắc chắn sẽ đến. Người tu phải hiểu rõ nhân

quả, ta dối người nhưng chẳng thể dối mình. Nhân quả tuần hoàn, chính ta quyết định cuộc đời mình ra sao, không phải ông Thần hoặc ông Thánh nào ban phước giáng họa, cũng không phải tự nhiên mà có quả. Ta tự gieo trồng hạt giống hạnh phúc hay khổ đau và cũng chính ta là người nhận lấy kết quả từ nhân mình gây tạo. 

Ngày 3 tháng 6 năm 2014



Vô thường qua góc nhìn lịch sử

Trong kinh *Tiểu Bộ*^[1] có chép một câu chuyện tóm tắt như sau: “Một hôm, Vua Ba Tư Nặc gửi lời cầu hôn đến những người trong dòng họ Thích Ca để kết mối thâm tình với đức Phật. Được tin này, dòng họ Thích Ca tổ chức một buổi họp và phân

^[1] ĐTKVN, kinh *Tiểu Bộ* VII, chương XII, phẩm Mười Hai Bài Kệ, Chuyện Sāla, Cổ Thụ Cát Tường (Tiền thân Bhadda – Sāla), VNCPHVN ấn hành (2002), trang 628.

tích rằng: Nếu không gả con gái dòng họ Thích Ca cho Vua Ba Tư Nặc, sợ rằng vua sẽ gây chiến, vì Vua Ba Tư Nặc đang lãnh đạo đất nước Kosala rất rộng lớn, binh hùng tướng mạnh. Thế nhưng, nếu gả con gái dòng họ Thích Ca cho Vua Ba Tư Nặc thì lại phá vỡ phong tục lâu đời của dòng họ. Từ trước đến nay, nam nữ trong dòng tộc Thích Ca thường chỉ kết hôn với những người cùng huyết thống, mọi người lúng túng chưa biết giải quyết như thế nào.

Lúc đó, Vương tử Mahanama đề nghị gả con gái của ông cho Vua Ba Tư Nặc. Vương tử Mahanama trước đây qua lại với một phụ nữ thuộc tầng lớp nô lệ, hai người có với nhau một cô con gái, người con này năm nay mười sáu tuổi và dung mạo rất xinh đẹp. Mọi người rất hoan hỷ và đồng ý gả cô gái này cho Vua Ba Tư Nặc, nhưng họ che giấu về tung tích và lai lịch của cô, vì mẹ cô là một nô tỳ. Đối với xã hội Ấn Độ thời bấy giờ, phân biệt giai cấp diễn ra rất mạnh mẽ. Nếu Vua Ba Tư Nặc biết được sự việc này, ông có thể sẽ đem quân đánh chiếm đất nước Kapilavatthu, bởi vì những người này dám cả gan gả con gái của một nô tỳ cho Vua.

Vua Ba Tư Nặc không biết bí mật trên nên đã cưới cô gái này làm vợ, sau đó Vua và cô có với nhau một người con trai. Cậu này khi lớn lên muốn được về thăm quê ngoại như bao đứa trẻ khác, người mẹ đã tìm đủ mọi cách để cậu ta đừng về, nhưng cuối cùng cũng không ngăn cản được. Trước khi người con trai của mình về Kapilavatthu, cô đã liên lạc trước với dòng họ Thích Ca và nhờ giữ bí mật, đừng tiết lộ ra chuyện này. Khi Thái tử về thăm quê ngoại thì mọi người tỏ ra rất lạnh nhạt, trong đầu họ nghĩ rằng Thái tử là con của một người nô tỳ, thuộc giai cấp hạ tiện. Sau vài ngày thăm quê, Thái tử chán nản trước cảnh tượng bị mọi người lạnh nhạt và anh cũng không hiểu lý do nên quyết định trở về Kosala. Khi đi được một đoạn thì người tùy tùng quay lại lấy thanh kiếm mà thái tử để quên. Lúc đó, anh này nhìn thấy một cô nữ tỳ đem nước sữa ra rửa cái ghế mà Thái tử ngồi, vừa rửa vừa nói rằng: “Chỗ này là chỗ con của người nô tỳ ngồi, phải rửa cho thật sạch”. Người tùy tùng nghe được chuyện này tò mò hỏi thăm, biết được mẹ của thái tử là con của Vương tử Mahanama với một cô nô tỳ. Khi Thái tử nghe

được tin rất cảm phần và thể rằng: “Bây giờ các người lấy nước với sữa rửa chỗ ngồi của ta, sau này lên ngôi ta sẽ lấy máu trong tim của các người để rửa nỗi nhục này”.

Tin tức về huyết thống của Hoàng hậu lan truyền tới tai Vua Ba Tư Nặc. Khi nghe xong, Vua rất tức giận và giáng Hoàng hậu cùng Thái tử xuống làm thường dân. Một hôm, đức Phật đến thăm Vua Ba Tư Nặc, vua trình bày sự việc trên và than phiền rằng dòng họ Thích Ca đã lừa dối, gả con gái của nô tỳ cho Vua. Lúc đó, đức Phật khuyên nhủ Vua và nói rõ rằng: “Dòng họ Thích Ca làm như vậy là sai. Tuy nhiên, vấn đề huyết thống này cũng chưa phải là điều quan trọng, bởi vì cô nữ tỳ, mẹ Hoàng hậu là người tình của Vương tử Mahanama. Như vậy, trong người Hoàng hậu cũng có mang dòng máu vương giả. Bây giờ, Hoàng hậu lại là vợ của Vua và là người sinh ra thái tử nên Thái tử cũng là con của Vua. Điều quan trọng là ở huyết thống của người nam chứ không phải người nữ”. Sau khi nghe đức Phật phân tích như vậy, Vua Ba Tư Nặc hoan hỷ nên đã khôi phục lại vương vị cho Hoàng hậu và Thái tử.

Trong đất nước Kosala của Vua Ba Tư Nặc có một vị tướng tên là Bandhula sinh ra được ba mươi hai người con. Cả vị tướng và những người con đều rất tài giỏi. Một hôm, ông đi ngang qua chỗ xử kiện, lúc đó người dân thấy đại tướng mới chạy ra than khóc, nói rằng những vị quan xử án tại nơi này rất bất công, nhờ ông soi xét giùm. Khi thấy người dân khóc than, đại tướng hỏi đầu đuôi sự việc, cuối cùng ông giải quyết êm đẹp, mọi người đều rất hoan nghênh. Nghe được tin này, Vua Ba Tư Nặc chuyển các quan xử án đó đi nơi khác và cho đại tướng kiêm luôn việc xử án. Do mất quyền lợi nên những vị quan tìm cách nói xấu cũng như xuyên tạc vị đại tướng. Nhà vua nghe những tên nịnh thần thừa thĩnh lâu dần rồi tin theo, sợ rằng vị đại tướng sẽ chiếm ngôi nên tìm cách giết hại ông cùng với ba mươi hai người con. Nhà vua bày ra một thế trận ở biên địa và nói rằng nơi đó có quân cướp đang nổi dậy đánh phá, thật ra quân cướp chính là những người của triều đình đến dàn trận chứ không phải cướp thật. Vua ra lệnh cho vị tướng cùng với ba mươi hai người con đến đó để dẹp loạn. Ông cùng những người con tuân lệnh

Vua đi dẹp loạn thì rơi vào bẫy và bị giết chết.

Trong ngày vị tướng cùng với ba mươi hai người con bị giết chết thì bà vợ (một người rất có tâm đạo nơi đức Phật) đã mời ngài Xá Lợi Phất và năm trăm vị đệ tử đến nhà để cúng dường. Buổi sáng hôm đó, bà được tin chồng và ba mươi hai người con tử trận, bà rất bình tĩnh và tiếp tục công việc dâng thức ăn lên chư Tăng. Trong lúc đang thực hiện nghi thức cúng dường, có cô hầu làm rớt một cái bát rất quý giá và đắt tiền. Ngài Xá Lợi Phất thấy như vậy, sợ rằng bà chủ (tức là vợ của ông đại tướng) sẽ trách mắng hoặc có hình phạt với cô này, mới nói rằng: “Cái bát này vốn là thứ không bền chắc, mặc dù đang là cái bát nhưng nó đã mang tính chất bể, mọi thứ đều theo định luật vô thường, không bể trước cũng bể sau”. Thế rồi ngài khuyên bà không nên trách mắng hoặc có hình phạt đối với cô hầu. Lúc đó, bà vợ của đại tướng nói: “Bạch ngài! Sáng nay, con vừa nhận được tin chồng cùng với ba mươi hai người con của con bị chặt đầu chết, nhưng con vẫn bình tĩnh để thực hiện việc cúng dường này, huống chi đó chỉ là cái bát, không có đáng giá gì cả”. Sau khi nghe như vậy, ngài Xá Lợi

Phất rất nể phục bà vì thái độ an nhiên đón nhận những đau thương, mất mát. Đây cũng là một bài học rất hay cho tất cả chúng ta.

Về sau, Vua Ba Tư Nặc biết được việc làm của mình là sai trái nên nói với vợ của viên đại tướng: “Ta rất hối hận về việc đã âm mưu giết chết chồng và ba mươi hai người con của bà. Bây giờ, bà có muốn ân huệ gì không?”. Lúc đó, bà họp các cô con dâu lại rồi nói: “Thôi đây cũng là nghiệp của mình thì đành phải chịu vậy, các con cũng đừng buồn”. Còn về ân huệ mà Vua ban thì bà xin cho mình và các con dâu được về quê sống những tháng ngày còn lại, như vậy là quá đủ, không cần xin thêm gì cả. Nhà vua đáp ứng nguyện vọng đó rồi cho người đưa bà và các cô con dâu về quê, đồng thời phong chức đại tướng cho cháu của vị đại tướng cũ, người này là con của chị vị đại tướng Bandhula.

Khi được lên làm đại tướng, người cháu này nuôi lòng thù hận đối với Vua Ba Tư Nặc, vì ông đã âm mưu giết cậu của mình. Một hôm, Vua Ba Tư Nặc đến tinh xá thăm đức Phật và nghe pháp, ông giao ấn và mã của mình cho vị tướng này

giữ. Thế là vị đại tướng quyết định đem tất cả thứ đó về hoàng cung để tôn Thái tử Tỳ Lưu Ly lên làm vua. Thái tử chính là con của người nô tỳ từng bị Vua phế vị lúc trước. Họ chỉ để lại cho Vua một nữ nô tỳ và một con ngựa ở trước cổng tinh xá. Sau khi đàm đạo với đức Phật, Vua quay trở ra và không thấy ai, lúc đó chỉ còn con ngựa cùng với người nô tỳ. Cô tỳ nữ trình bày với Nhà vua kế hoạch soán ngôi của vị đại tướng và Thái tử. Vua Ba Tư Nặc tức giận và buồn bã lên ngựa chạy về vương quốc Ma Kiệt Đà, vương quốc này trước đây do Vua Tần Bà Sa La cai trị, nhưng về sau Vua Tần Bà Sa La bị con trai A Xà Thế giết chết để chiếm ngôi, lúc này A Xà Thế đang chiếm giữ vương vị. Vua chạy về đó nhờ sự giúp đỡ vì A Xà Thế là cháu kêu Vua bằng cậu ruột (Hoàng hậu Vi Đề Hi, mẹ của A Xà Thế là em ruột của Vua Ba Tư Nặc). Vua định nhờ A Xà Thế mang quân sang Kosala để đánh người con dám cướp ngôi của mình. Từ tinh xá đến hoàng cung của A Xà Thế rất xa, Vua đến cửa thành đã là nửa đêm nên không vào bên trong được, Vua đành ngủ tạm ở một mái chòi phía ngoài thành. Do sức yếu và đi

đêm sương lạnh nên đêm hôm đó Vua Ba Tư Nặc bằng hà. Sáng hôm sau, Vua A Xà Thế nghe tin và đem thi hài vào cung làm tang lễ.

Riêng về người con của Vua Ba Tư Nặc và con của cô nô tỳ dòng họ Thích Ca, bây giờ đã được lên ngôi vua. Sau khi lên ngôi, Tỳ Lưu Ly bắt đầu kéo quân đánh Kapilavatthu vương triều của dòng họ Thích Ca. Đức Phật biết được việc này nên Ngài đi đến một gốc cây giữa đường và ngồi đợi. Khi Tỳ Lưu Ly kéo quân đến đó thấy đức Phật, mới hỏi Ngài: “Tại sao Thế Tôn lại ngồi đây?”. Đức Phật trả lời rằng: “Ta cảm thấy mát mẻ, dễ chịu khi được ngồi đây, dưới sự che chở của bóng cây thân tộc”. Nhà vua nghe vậy nên rút quân về, không đi nữa. Lần thứ hai, Vua lại quyết định kéo quân đánh giết dòng họ Thích Ca, nhưng rồi đức Phật cũng lại xuất hiện, đến lần thứ ba cũng như thế. Lần thứ tư, đức Phật nghĩ rằng đây là duyên nghiệp của dòng họ Thích Ca, Ngài không thể nào ngăn cản được năng lực trổ quả của nghiệp. Thế là Tỳ Lưu Ly kéo quân tàn sát hết dòng họ Thích Ca. Ông giết luôn cả những trẻ nhỏ, già trẻ lớn bé đều không tha, như lời ông nói, lấy máu rửa ghế mà ngày trước

người nô tỳ lấy nước sữa để rửa. Câu chuyện này chư Tăng cần phải biết.

Thường thì chúng ta hay nghe nói có một vị Vua tên là Tỳ Lưu Ly tàn sát dòng họ Thích Ca, nhưng vị Vua đó là ai, nguyên nhân vì sao lại giết cả một dòng tộc thì nhiều người không biết. Không ai khác, đó chính là con cháu dòng họ Thích Ca đã quay lại giết hại dòng họ Thích Ca, vì lòng căm thù khi bị phân biệt giai cấp và chủng tộc. Tỳ Lưu Ly là cháu ngoại của Vương tử Mahanama, người kế vị ngôi vua sau khi Tịnh Phạn Vương qua đời. Khi còn trẻ, ông đã qua lại với một nô tỳ sinh ra mẹ của Thái tử Tỳ Lưu Ly, mẹ của Thái tử Tỳ Lưu Ly sau này về làm vợ Vua Ba Tư Nặc. Tỳ Lưu Ly đã thông đồng với một viên đại tướng để chiếm ngôi của vua cha. Sau khi lên làm vua thì ông kéo quân tàn sát dòng họ Thích Ca vì mối thù năm xưa.

Câu chuyện này rất hay và chứa đựng nhiều tình tiết phức tạp. Trong đó, xuất hiện một nhân vật có tính cách đặc biệt, đáng cho chúng ta học hỏi, đó chính là bà vợ của vị đại tướng dưới quyền Vua Ba Tư Nặc. Bà vợ của vị đại tướng hay ở chỗ nhờ hiểu biết Phật pháp nên khi được tin chồng

và ba mươi hai người con bị chết thảm, đối mặt trước sự tổn thất to lớn nhưng bà vẫn giữ thái độ bình tĩnh và tiếp tục công việc cúng dường, xem như không có chuyện gì xảy ra. Một điểm đặc biệt của câu chuyện mà chúng ta cần chú ý, đó là con cháu dòng họ Thích Ca quay trở về tàn sát dòng họ Thích Ca. Khi lòng thù hận của con người lên đến đỉnh điểm, không có gì mà người ta không dám làm.

Một điều nữa mà chúng ta thấy rất lạ trong lịch sử về thời đức Phật, đó là hai vị vua có tâm đạo và cũng là những người nhiệt tình ủng hộ Phật pháp, đó là Vua Tần Bà Sa La và Vua Ba Tư Nặc, họ đều có kết cục giống nhau: Bị soán ngôi và phải chịu chết thảm. Vua Tần Bà Sa La bị con là A Xà Thế chiếm ngôi rồi sau đó giết chết; Vua Ba Tư Nặc cũng bị con chiếm ngôi nhưng không bị con giết, mà ra đi trong cơn đói lạnh ở ngoài thành nước Ma Kiệt Đà. Hai việc này có những điểm tương đồng và rất kỳ lạ. Chúng ta có thời giờ đi sâu vào giáo pháp sẽ biết nhiều điều hay và thú vị.

Từ câu chuyện trong lịch sử mà chúng ta có được những bài học, kinh nghiệm sống, cũng như

cái nhìn trực quan về giáo lý vô thường mà đức Phật đã dạy. Không có gì là tồn tại mãi mãi, một vương triều vững mạnh, một thời kỳ phát triển, một đế chế oai hùng, tất cả đều đi đến hoại diệt và tiêu vong. Dù là một vị vua, một thường dân hay một người cùng đinh trong xã hội, tất cả đều phải đối mặt với cái chết như một chân lý hiển nhiên giữa cuộc đời. Khi con người trở về với đất đều bỏ lại sau lưng tất cả: địa vị, sự giàu sang, tiền tài, danh vọng,... để rồi ra đi với đôi bàn tay trắng. ☁

Ngày 18 tháng 6 năm 2015



Thi ân bất cầu báo và tinh thần biết ơn

Trong kinh *Tăng Chi Bộ I*, chương II, phẩm Các Hi Vọng, đức Phật dạy:

“Có hai hạng người này, này các tỳ kheo, khó tìm được ở đời. Thế nào là hai? Người thi ân trước và người biết nhớ ơn đã làm. Hai hạng người này, này các tỳ kheo, khó tìm được ở đời”.

Đức Phật dạy có hai hạng người khó tìm được ở đời, đó là người thi ân bất cầu báo và người thọ

ân không bao giờ quên. Đối với người Phật tử, chúng ta đều biết bốn ơn lớn: ơn cha mẹ, ơn thầy Tổ, ơn đất nước và ơn chúng sinh. Trong bốn ơn, ơn cha mẹ và ơn thầy Tổ là gần gũi và quan trọng nhất. Hôm nay, thầy sẽ trình bày về hai ơn này.

Thứ nhất là ơn cha mẹ. Nếu không có cha mẹ, chúng ta sẽ không có mặt trên cuộc đời này, bởi ơn sinh thành dưỡng dục không gì có thể đền đáp được. Mẹ mang nặng đẻ đau, cha làm việc vất vả để kiếm tiền nuôi con khôn lớn. Cả cha lẫn mẹ đều yêu thương, chăm sóc chúng ta từ khi sinh ra cho đến lúc trưởng thành. Cha mẹ là vị thầy đầu tiên dạy cho ta những điều căn bản nhất: tập ăn, tập nói, tập ngồi, tập đứng, tập đi, tập làm việc, cách đối nhân xử thế,... Người lo cho ta từ vật chất đến tinh thần, biết bao giọt mồ hôi cha đã đổ xuống, bao giọt nước mắt mẹ đã tuôn rơi, bao công sức cha đã bỏ ra, bao khó nhọc mẹ phải gánh chịu.

Tình cảm của cha mẹ dành cho con cái là không bờ bến, không cùng tận. Trong kinh dùng hình ảnh cha mẹ là hai đấng Phạm thiên trong nhà, vì cha mẹ luôn sống với con cái bằng tấm lòng từ, bi, hỷ, xả. Chỉ có cha mẹ mới thật sự mong cho

con được hạnh phúc, bình yên, không đau khổ, đó là tâm từ không giới hạn, không bờ mé, quảng đại, vô lượng, vô biên. Hai người xót xa và lo lắng, muộn phiền, đau đớn bởi những lần con vấp ngã, mất mát, thất bại trong cuộc đời, đó là tâm bi sánh với lòng bi của các bậc Phạm thiên. Chỉ có cha mẹ mới vui mừng, không ganh tỵ, không ghen ghét khi thấy con mình thành công, vinh hiển, nên danh với đời, đó là tâm hỷ. Với tất cả lầm lỡ, vụng dại, tội lỗi mà con cái đã gây ra thì cha mẹ sống bằng tâm xả, dù có giận cách mấy, dù có buồn bao nhiêu, nhưng hai người cũng thương yêu, chăm sóc và lo lắng.

Vậy mà có những người con chưa bao giờ nghĩ đến ơn nghĩa sâu nặng ấy. Khi con lớn lên, đến tuổi niên thiếu mười lăm, mười sáu, mười bảy hay mười tám tuổi, đòi hỏi điều gì mà cha mẹ không đáp ứng, hoặc chúng không hài lòng với cha mẹ, hay bất đồng quan điểm về một vấn đề gì đó thì bọn trẻ sẵn sàng cãi lại rồi bỏ nhà đi. Có người đòi chiếc điện thoại không được mà chửi cha mắng mẹ, có người vì người yêu mà đánh lại mẹ cha, có người vì chút quyền lợi phân chia tài sản trong

gia đình mà giết cả mẹ lẫn cha. Đôi khi, vì chuyện tình cảm của mình với chồng, vợ hay người yêu mà con cái giận hờn, thù oán, không nhìn mặt hai đấng sinh thành – hai người có ơn sâu nặng nhất trong cuộc đời. Bao nhiêu công lao khó nhọc của cha mẹ lo cho ta từ khi còn trong bụng cho đến ngày khôn lớn, chúng ta quên sạch, phỉ trợn, không nhớ nghĩ gì đến một chút thâm ân sinh dưỡng. Chỉ vì một chút không hài lòng mà mình sẵn sàng quay lưng, thậm chí có những hành động bất hiếu, bất nhân, bất trung, bất nghĩa.

Ơn thứ hai là ơn thầy Tổ. Trong bài nói chuyện này, thầy chỉ nói gọn trong phạm vi người xuất gia, nói rộng ra thì ơn thầy rất bao la: thầy dạy học, thầy dạy nghề, thầy dạy đạo,...

Cuộc đời của chúng ta có rất nhiều vị thầy, nhưng đối với người xuất gia thì vị thầy thế phát được xem là người có vai trò quan trọng nhất. Chúng ta gọi thầy bằng hai chữ thân thương: “Sư phụ”. “Sư” là thầy, “phụ” là cha. Thầy thế phát vừa đóng vai trò là thầy dạy đạo, vừa như cha mẹ chăm lo cho mình. Ngoài đời, cha mẹ lo về đời sống vật chất, dạy đạo đức và nhân cách để mình sống sao

cho xứng đáng với danh nghĩa là một con người. Đến chùa, ngoài việc lo cho mình đời sống vật chất, thầy còn hướng dẫn mình bước đi trên con đường đạo giải thoát. So với những ơn nghĩa thế gian, tình thầy cao quý hơn tất cả, vì thầy chỉ dạy cách thức tu tập, giúp mình vượt thoát nỗi khổ triền miên của sinh tử luân hồi.

Ngày đầu tiên bước vào chùa, chúng ta mang hình tướng của một người cư sĩ có tóc, là người đời, người tại gia, người phạm tục. Đến khi được thầy thể phát, mình trở thành một vị xuất gia, một thầy tu, dùng hình ảnh văn chương là giống như “cá chép hóa rồng”. Từ bỏ hình tướng của người thế tục, khoác trên mình tấm áo giải thoát, trở thành bậc tu hành Phạm hạnh.

*“Tóc đã cạo, tơ lòng đoạn phôi
Cuốn sổ đời tên tuổi đã trôi
Thế gian từ ấy không ghi nữa
Phật pháp từ đây quyết cận kề”.*

Tấm áo ấy ai cho mình? Chiếc đầu này do ai cạo? Pháp danh do ai ban? Nếu không có vị thầy thể phát thì làm gì mình có được tướng đầu tròn áo vuông, làm sao để trở thành một thành viên

của Tăng đoàn. Ngoài trừ những người trộm phẩm mao tăng tướng, tự ý cạo đầu đắp y, chúng ta không xếp họ vào hạng người xuất gia chính thống, còn bất kỳ những ai tu hành chân chính đều phải có vị thầy thế phát.

Ngày chúng ta thế phát xuất gia được xem là ngày quan trọng và đáng nhớ nhất trong cuộc đời của một vị Tăng. Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, đức Phật dạy người xuất gia phải ghi nhớ những sự kiện quan trọng bậc nhất trong đời tu, trong đó có việc mình được xuống tóc. Chúng ta phải nhớ đó là ngày nào, ai thế phát cho mình, và thế phát ở ngôi chùa nào? Vì sao vậy? Vì đó là ngày đánh dấu một sự thay đổi rất lớn trong cuộc đời mình, từ một kẻ vô văn phạm phu trở thành người bước đi trên con đường của Thánh nhân, từ một người tại gia trở thành bậc xuất trần thượng sĩ, từ một người đời trở thành một vị Tăng. Chúng ta ở ngoài đời phải nhớ ngày sinh của mình, biết rõ nơi mình sinh ra, trừ trường hợp đặc biệt là những người mồ côi nên không ai nói cho họ biết. Ngày sinh đánh dấu sự có mặt của chúng ta trên cuộc đời này, do vậy không ai quên được. Ngày xuất gia cũng vậy, người

tu không thể quên. Nếu không có sự kiện đặc biệt quan trọng đó sẽ không có mình của ngày hôm nay. Người nào quên ngày mình thế phát, quên vị thầy thế phát xuất gia, quên nơi mình đã trở thành một vị Tăng, người đó là kẻ “mô côi” trong giáo pháp vì đã mất đi gốc rễ tâm linh.

Chúng ta bước vào chùa với đôi bàn tay trắng, không ai đi xuất gia mà mang theo tài sản và của cải làm gì. Người phát tâm đi trên đạo lộ giải thoát đã để tất cả vật chất phù du bên ngoài cổng tam quan. Mình bước vào chùa với đôi bàn tay sạch và với tấm lòng trong. Bàn tay sạch vì buông được những hệ lụy, buộc ràng, dính líu với thế gian. Tấm lòng trong là sơ tâm Bồ đề, thiết tha cùng đạo pháp, chỉ mong được theo chân chư Phật và hiền Thánh ba đời. Nhưng xuất gia được vài năm là chúng ta lại nắm giữ một vài thứ. Sau một thời gian tu tập, mình dần dần có được chiếc Iphone, Ipad, xe máy, ô tô, tài khoản ngân hàng và thêm nhiều thứ khác. Có người cất giữ được vài chục triệu đồng, thậm chí vài trăm triệu đồng, có người mua được miếng đất vài tỷ đồng, nhiều nữa thì ra riêng cất được ngôi chùa chừng vài chục tỷ đồng.

Những thứ đó mình có được ở đâu ra? Chúng ta suy nghĩ thử: Thuở sơ tâm ban đầu ấy, chúng ta đến với đạo bằng hai bàn tay trắng, theo ngày tháng hai bàn tay đó nắm giữ nhiều thứ hơn, cất chứa tích góp nhiều hơn. Thế nhưng mấy ai ngồi nhìn lại những thứ mình đang sở hữu ở đâu ra? Cũng nhờ thầy, nhờ chùa, nhờ sống trong ân đức Tam bảo mà chúng ta được Phật tử hiến cúng, không phải tự nhiên tiền bạc hay đồ dùng từ trên trời rơi xuống cho ta sử dụng.

Có người chưa tốt nghiệp Trung học Phổ thông, khi vào chùa được thầy cho đi học từ lớp chín lên lớp mười rồi lớp mười một, lớp mười hai, những ai cố gắng nhiều hơn học lên đến đại học. Những người mới vào tu thì kiến thức Phật pháp bập bõm, vỡ lòng, thầy khuyến khích đọc sách, xem kinh, bắt đầu cho đi học các lớp sơ cấp, trung cấp, học viện Phật giáo. Có người đã tốt nghiệp cử nhân, thạc sĩ Phật học, có người được thầy cho đi du học ở nước ngoài. Chúng ta có được trình độ và bằng cấp đó là nhờ ai? Nhờ thầy sách tấn, chùa hỗ trợ, không phải tự nhiên mà mình thành tựu. Bao nhiêu năm sống trong chùa, nhờ thầy và

đại chúng nên mình hoàn thành cả chương trình thế học lẫn Phật học. Chúng ta đi học về có được cơm ăn là nhờ huynh đệ và Phật tử bỏ công sức, thời gian nấu nướng, những công việc trong chùa cũng có anh em gánh vác, giúp đỡ, tiền học phí thầy cũng lo liệu, các chi phí khác cũng nhờ thập phương tín thí cứu mang.

Lúc mình mới vào chùa, có Phật tử nào ủng hộ mình không? Ngoài đời, người ta gọi là “fan” hâm mộ. Lúc mới tu, chúng ta có “fan” hâm mộ nào không? Chẳng có Phật tử hay “fan” nào hết. Tu học một thời gian, ban đầu có được năm hay mười người Phật tử tìm đến, dần dần tăng lên hai ba chục người, năm bảy chục người, vậy là mình có được sự yểm trợ, hộ độ, cũng từ đó quên dần sự trợ giúp ban đầu của thầy. Thầy nào thuyết pháp, tụng kinh, vui vẻ hòa đồng một chút là có thể thu hút được một số người ủng hộ. Những Phật tử đó ở đâu? Cũng từ ngôi chùa của thầy mình. Người ta biết đến mình là nhờ vào thầy Tổ, nhờ vào danh tiếng ngôi chùa. Nếu Phật tử không biết chùa Hoàng Pháp thì làm sao người ta biết đến mình. Anh em không nhờ nơi này, không nương

vào thầy tu học, không nhờ vào đạo tràng để tập thuyết giảng thì làm sao chúng ta có được Phật tử? Chúng ta cần phải suy nghĩ về điều đó.

Những người không biết nhớ đến ơn nghĩa sẽ nghĩ rằng: “Những thứ vật chất có được là do tự mình vận động, nhờ mình quen biết Phật tử, do Phật tử ủng hộ, người ta quý mến mình nên đem đến cúng, thầy Tổ không dính líu gì đến chuyện này!”. Chúng ta xem lại điều đó đúng hay sai? Khi mình vào chùa có ai biết mình không? Lúc đó, anh em có những gì? Hai bàn tay trắng. Không có kiến thức đời, kiến giải Phật pháp chẳng đáng bao nhiêu, cũng không quen biết Phật tử, không có “fan” hâm mộ, không có tiền, không có xe, không có điện thoại, không có đất, không có chùa,... Bây giờ, mình được nổi tiếng, có nhiều mối quan hệ, có chùa, có tiền, có xe,... Những thứ đó ở đâu, nếu không phải là nhờ thầy, nhờ chùa?

Đôi lúc, chúng ta không nhìn về nguồn gốc những thứ mình đang có, từ đó dần tự biến mình thành kẻ vô ơn. Gặp chuyện gì không vừa lòng thì mình lại buồn thầy. Đòi hỏi điều gì đó không được thì mình cũng giận thầy. Còn khi bị thầy nhắc nhở

sai phạm thì mình lập tức rời chùa, bỏ thầy, dứt áo ra đi. Thậm chí, có người quay lưng nói xấu lại thầy. Hôm trước, thầy suy nghĩ về những việc đã qua và những người đã rời xa chốn Tổ nên có làm câu thơ:

*Ơn bao nhiêu cũng chẳng vừa
Nghịch lòng một chút, bỏ chùa ra đi.*

“Ơn bao nhiêu cũng chẳng vừa” – Thật vậy! Nghĩa là thầy có làm bao nhiêu chuyện cho đệ tử cũng chẳng đủ, chẳng thấm, nhưng chỉ cần “nghịch lòng một chút” là họ “bỏ chùa ra đi”. Hay câu:

*Tình đời bạc bẽo như vôi
Khi cần tìm đến, được rồi quay lưng.*

Hoặc:

*Khi cần tìm đến dựa nương
Đủ lông, đủ cánh tìm đường bay đi.*

Đó là những câu thơ thầy làm, chiêm nghiệm từ thực tế cuộc sống, từ những trường hợp đã xảy ra trong chính ngôi chùa này. Ngoài đời, ơn nghĩa của cha mẹ dành cho con cái là sâu nặng nhất. Cha mẹ cho ta hình hài vóc dáng, nuôi dưỡng ta khôn lớn thành người, lo cho chúng ta mọi điều không kể đến bản thân. Người ta nói: “Con cái có thể bỏ

cha mẹ, nhưng dù con cái có hư hỏng và tệ bạc đến đâu thì cha mẹ cũng không bao giờ bỏ con cái được”. Buồn thay, có những người con chửi cha mắng mẹ, bỏ nhà ra đi, không nhìn mặt hai đấng sinh thành, thậm chí vì chút bất bình mà giết cả cha mẹ. Tình thầy trò so với cha mẹ chỉ đứng vị trí thứ hai. Người ta lớn lên mới vào chùa tu tập, lại không có ruột rà máu mủ với nhau, không có sự buộc ràng về huyết thống. Cho nên khi họ cần thì đến mình nương tựa, khi không cần nữa thì bỏ đi, đó là chuyện bình thường. Nhưng nhiều khi ngồi suy nghĩ thấy cũng buồn, mình thương đệ tử, lo cho đệ tử, có thương có quý mới dạy dỗ, khuyên răn và can ngăn việc xấu ác. Dù thầy đã cố hết sức để sống sao cho đặc nhân tâm, nhưng cũng không sao mà vừa lòng tất cả. Đức Phật dạy thật đúng: “Người biết nhớ ơn đã làm, trên cuộc đời này khó kiếm!”.

Ông bà ta có câu: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” nghĩa là “Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy”. Có những người ở đây từ rất lâu rồi một ngày bỏ đi nơi khác, đến những ngôi chùa Nam truyền, họ xem như không còn liên quan đến thầy, không liên

hệ đến chùa, không dính líu đến nơi mình đã từng tu tập từ lúc sơ cơ chưa biết gì, từ những ngày chấp chững bước chân vào giáo pháp. Họ ra đi, không một lời từ biệt, không một tiếng hỏi han, không nhớ nghĩ gì về chút ơn nghĩa bấy lâu nay được thọ nhận. Chúng ta suy nghĩ xem điều đó có đúng hay không?

Nếu nói rằng anh hay, anh giỏi, tại sao anh không qua những ngôi chùa đó tu tập ngay từ đầu? Anh đến chùa này tập sự rồi xuất gia mấy năm trời. Trong mấy năm ở đây, chính thầy hướng dẫn anh đọc kinh *Nikāya*, thầy cho phép anh tự do tìm hiểu, tự do tư tưởng, tự do tu tập theo sở nguyện của mình. Thế rồi tự nhiên anh rời chùa bỏ thầy đi nơi khác, khi đi không thưa gửi một lời nào. Anh biết đến những bộ kinh *Nikāya*, biết được giáo pháp Nguyên thủy là do ai chỉ dạy? Nếu không nhờ thầy hướng dẫn mình đọc những bộ kinh đó, dạy mình biết được những tư tưởng cốt tủy của giáo pháp Nguyên thủy thì làm sao mình có thể hiểu biết và định hướng cho sự tu hành.

Chúng ta phải suy nghĩ về điều này. Thầy có tư tưởng thoáng, không chấp vào Nam truyền hay Bắc truyền, không kỳ thị phân biệt mà thầy chỉ chú

trọng giáo lý tu hành nên anh em có cơ hội tìm hiểu, nhờ đó mà mình biết cách tu. Thầy có nói tu gì tự mình biết, tu sao cho tham, sân, si giảm dần, tu sao để mình bỏ đi tính ích kỷ, ngã mạn, tà kiến, biết nghĩ về chúng sinh, biết hoằng dương Phật pháp, không phải tu ở hình thức trên tấm áo hay những nghi thức ồn ào náo nhiệt. Nhưng có mấy ai hiểu rõ những điều đó và nắm được tư tưởng đó? Chúng ta cố gắng ghi nhớ câu nói của thầy: “Học tu theo giáo lý Nguyên thủy, hoằng pháp theo chí nguyện Đại thừa”. Rất rõ ràng, minh bạch.

Một số Phật tử ở chùa cũng vậy. Chúng ta bắt đầu biết đến đạo Phật từ đâu? Mình bỏ đi những thói mê tín dị đoan, biết thọ trì Tam quy Ngũ giới là nhờ ai? Lý do nào mình đến chùa Hoằng Pháp tu học và làm công quả? Chính nhờ ngôi chùa Hoằng Pháp này đã giúp mình có được nền tảng giáo lý, biết làm lành lánh dữ. Khi vào chùa công quả mình đọc được một số sách của các sư Nam truyền, mới hiểu và thích đường lối tu bên đó, cũng nhờ vào ngôi chùa này. Có phải chúng ta nhờ ơn của thầy hay không? Nhờ ơn của chùa Hoằng Pháp hay không? Có ngôi chùa Nam truyền nào ở

Việt Nam nhận hàng trăm Phật tử vào ở lại tu tập như chùa Hoàng Pháp không? Có ngôi chùa nào vừa tạo điều kiện cho Phật tử được cùng học cùng tu với quý thầy, không đòi hỏi điều kiện gì như chùa mình không? Vậy mà có người chê: “Chùa Hoàng Pháp tu không có đúng với Chính pháp, ông thầy trụ trì không biết cái gì hết”. Nói như vậy mà cũng có người nói được! Không đến đây, làm sao anh biết được kinh *Nikāya*, biết được những ngôi chùa Nam truyền? Khi đi qua đó, sao mình không nghĩ lại đã sống trong ngôi chùa này được bao nhiêu năm? Mình đã được học, được ăn, được ở, được tu và được rất nhiều thứ.

Có người ra đi không nói với thầy một lời, chưa xả giới mà bỏ chùa đi. Không biết bên đó nhận mình có đúng pháp không? Vì mình đã thọ giới, khi đi đáng lý ra phải xả giới bên này cho đúng pháp. Trong khi đó, anh chưa có xả giới mà qua bên chùa khác tập sự lại thì có đúng pháp không? Thầy lo cho mình bao nhiêu năm, bỏ đi là phỉ hất công ơn đó. Dù chúng ta có còn mang hình tướng xuất gia hay không mang hình tướng này nữa thì một chữ cũng là thầy, một ngày mình ở với thầy

thì cũng thọ nhận ơn nghĩa, chúng ta phải biết ghi nhớ ơn đó.

Trong luật ghi rất rõ, muốn đọc gì phải thưa với thầy, thầy đồng ý mới được đọc. Thầy rất thoải mái về tư tưởng, khuyến khích việc học hành, cho nên ai muốn đọc gì cũng được, muốn tu gì thì tu, không có cấm cản, nhờ vậy mà mình biết thêm các pháp môn khác. Nhưng khi biết rồi mình lại quay đi, phải sạch hết ơn nghĩa của thầy, người như vậy không xứng đáng là đệ tử Phật. Người đệ tử Phật phải sống trong tinh thần tri ơn và nhớ ơn. Chúng ta tu tập bao nhiêu năm nay, vậy mà lại quên đi điều căn bản đó. Cuối cùng, thầy muốn nói một điều là mình có đi đâu thì cứ thưa cho thầy biết, thứ hai là dù ở đâu chúng ta cũng phải sống trong sự tri ơn, đó là hạnh lành đáng quý.

Bài kinh này đức Phật nêu ra hai hạng người khó tìm ở đời. Thứ nhất là người thi ân bất cầu báo – là người làm ơn không mong cầu sự đền đáp lại. Thứ hai là người thọ ơn không bao giờ quên ơn. ☁

Ngày 22 tháng 12 năm 2019



Lạc lối

Vào tối Chủ nhật vừa qua, thầy có cho chư Tăng nội tự xem clip tổng hợp về phương tiện độ sinh của cả Phật giáo Bắc truyền lẫn Nam truyền. Sau khi xem xong, chư Tăng nào có suy nghĩ về sự tồn vong của Phật giáo trong tương lai sẽ cảm thấy buồn. Lâu nay, thầy suy nghĩ Phật giáo Bắc truyền hay Phật giáo Đại thừa có một số thầy thường bày ra các phương tiện độ sinh, đôi khi có những phương

tiện đưa người ta đến mê tín dị đoan, không đúng Chính pháp. Đối với Phật giáo Nam truyền, chúng ta nghe họ chỉ hướng đến việc chuyên tu, đặc biệt ở các nước Thái Lan, Lào, Cambodia, Myanmar. Vào buổi sáng, các sư đi khất thực rồi về thọ trai, sau đó dành thời gian còn lại trong ngày để tu tập, ít khi tổ chức các hoạt động cho Phật tử quy tụ về tu học hoặc đưa ra các phương tiện độ sinh. Khi xem clip này, những gì mình biết đều bị đảo lộn. Thấy không ngờ các sư Nam truyền cũng dùng những phương tiện độ sinh mang đầy tính chất mê tín dị đoan, sai lạc Chính pháp, không đúng với việc làm của người xuất gia.

Trước hết, việc nhà sư làm nghề xăm mình. Đây là một việc hết sức lạ, trên mình vị sư đây những hình xăm hổ, trên lưng, trên ngực, thậm chí cả trên đầu. Đối với văn hóa Việt Nam, chúng ta nhìn một người bình thường xăm mình như vậy cũng đã sợ rồi, huống chi đây là một vị sư. Trong luật không cho phép người xuất gia xăm mình, thế mà những sư này xăm đầy khắp cơ thể, không những thế ông còn xăm cho người khác cả nam lẫn nữ. Trong clip có đoạn một cô gái trẻ để lưng

trần cho sư ngồi xổm, nhìn hình ảnh đó rất phản cảm. Người xuất gia chỉ nên chú tâm vào việc tu hành, phát huy sự nghiệp trí tuệ, sao lại đi làm nghề xăm mình?

Kể đến những vị sư chữa bệnh, hình thức mang đầy vẻ mê tín, không khoa học. Không biết ông chữa bệnh gì mà người ta ngồi đó rồi ông cứ lấy nước dội lên đầu. Gần mười người bệnh ngồi xếp hàng, phía sau là lu nước, vị sư đến mức nước đổ lên đầu từng người một. Thời buổi này mà lại có cách chữa bệnh lạc hậu, mê tín đến như vậy. Có một sư dùng bàn chân nhúng vào dầu (không biết loại dầu gì), rồi nướng một thanh sắt nóng đỏ, sư lướt bàn chân qua thanh sắt sau đó xông giậm lên lưng người bệnh. Người đó nằm sấp che tấm vải trắng, sư đứng lên lưng người đó rồi đọc kinh, đọc chú. Những cách chữa bệnh như thầy vừa kể ở trên mang đầy sắc thái mê tín, không đúng với sự nghiệp của người xuất gia.

Có sư làm lễ cúng xe cho những người vừa mua ô tô mới, thầy không biết cúng xe là cúng cái gì? Cúng như thế nào? Có một lần thầy qua Đài Loan, có Phật tử mới mua xe mang tới nhờ thầy

cúng, mà lúc đó thầy không biết phải làm sao, khi mình rơi vào tình huống như vậy thật khó xử. Quý thầy đi cùng nói: “Thôi kệ, người ta có niềm tin thì mình cứ đứng trước xe tụng chú *Đại Bi* hay kinh *Bát Nhã*,... cho người ta an tâm”. Lúc đó, thầy và chư Tăng cũng phương tiện ra cúng xe cho họ, lạ là cúng xong rồi người ta an tâm nhưng chính mình lại không được an. Thấy sợ người ta đi có tai nạn hay chuyện gì không hay xảy ra sẽ đổ thừa cho mình, họ sẽ nói: “Ông thầy mới vừa cúng xong ra đường lại đụng xe”. Chuyện xe cộ đi ra đường làm sao chúng ta biết được có chắc chắn an toàn hay không? Chủ xe say xỉn rồi lên xe chạy thì có Thần Thánh nào ngăn cản được, hoặc ông cẩn thận nhưng không may bị xe khác tông vào thì cũng đành cam chịu. Chiếc xe là vật vô tri vô giác, mình cúng cầu khẩn cái gì đây? Chẳng qua đó là sự mê tín dị đoan trá hình. Thế mà mấy vị sư cũng bày ra cúng. Từ trước đến nay, thầy chỉ thấy Phật giáo Bắc truyền đi cúng những việc như thế, không ngờ bây giờ đến sư Nam truyền cũng làm.

Clip tiếp theo thầy không biết là quay lại việc lên đồng, lên cốt hay ma nhập, vong dựa gì đó. Họ

đọc bùa, đọc chú, người ngồi đó tự nhiên lẫn lộn và la lối, rồi làm những hành động rất kỳ dị giống như việc lên đồng hay lên cốt ngoài miền Bắc. Vị sư không biết làm chuyện đó để làm gì? Chúng ta hay biện hộ mình dùng phương tiện độ sinh, nhưng thật sự đó đâu phải độ sinh. Khi xem clip này, những ai có sự suy tư về sự tồn vong của Phật giáo trong tương lai sẽ cảm thấy rất buồn. Chúng ta xưa nay nghĩ rằng các sư Nam truyền chỉ chuyên tu tập, bây giờ lại phát sinh ra những thứ sai với Chính pháp, mê tín dị đoan.

Đến đoạn ghi lại hình ảnh Phật giáo Bắc truyền, đó là hình ảnh các thầy cúng kiêm nghề múa lửa. Thầy xem đến đây không hiểu sao vị thầy này lại múa lửa. Ông cầm mỗi lửa giống như cái đuốc, co chân, quơ tay, làm điệu bộ giống như các diễn viên xiếc múa lửa. Trên bàn thờ có con ngựa và hình người làm bằng giấy. Đây là một buổi lễ diễn ra trong chùa, có cả chư Tăng Ni ngồi bên dưới tham dự. Thầy không hiểu nghi thức này cúng cái gì? Tại sao người thầy đứng cúng phải có hành động múa lửa? Nếu mình muốn cúng thì chỉ cần tụng một thời kinh cầu nguyện sẽ hợp lý hơn.

Nhìn các thầy múa lửa rất buồn cười! Không hiểu thầy này học nghề đó ở đâu? Thầy tu đi múa lửa để làm gì? Hôm nào, thầy sẽ cho Phật tử nội tự xem những clip này, chúng ta chỉ chiếu trong nội bộ, không nên đưa ra bên ngoài. Thật ra những hình ảnh này đã tràn lan trên mạng nhưng ít người biết để xem. Thầy nhờ các chú phòng phim tổng hợp lại những video và hình ảnh đó để chư Tăng xem được đầy đủ.

Trong clip có cảnh một thầy đi cúng đám ma mà “diễn” rất sâu: Ông vừa tụng vừa khóc, miệng ông đọc những lời rên rĩ than khóc, nhưng nhìn mặt ông diễn như chú hề lại khiến người ta cười. Cho nên khi ông cúng, con cháu ngồi bên dưới cười ngả nghiêng. Đám tang nhà người ta đang buồn, vậy mà thầy vào cúng làm cả nhà người ta cười lăn lộn, không còn tập trung tâm trí lễ bái.

Một thầy cúng đám ma khác mà dân mạng gọi là “ngáo đá”, ông này vừa đọc, vừa làm điệu bộ như người nghiện đang lên cơn. Chúng ta phải công nhận rằng thầy này biểu diễn hết sức nhập vai, ngả nghiêng, cầm đầu cầm cổ xuống đất, nhìn rất buồn cười.

Clip ghi lại hình ảnh của hai vị sư trẻ ở Thái Lan, hai người đi vào cửa hàng mua đồ thấy điện thoại của người ta để trên bàn làm việc liền nhanh tay lấy bỏ vào cái đái của mình rồi bước ra. Những hình ảnh đáng xấu hổ này được camera chống trộm ghi lại rồi được đưa lên mạng. Những người này làm mất đi hình ảnh tôn quý của chư Tăng. Quý thầy, quý sư luôn dạy người ta giữ gìn năm giới, không được trộm cắp, vậy mà trong chính hàng ngũ “Chúng trung tôn” lại có những con người như vậy. Họ không những phá giới mà còn phá kiến của chúng sinh, làm cho xã hội mất niềm tin vào Tăng đoàn. Clip đó được ghi chú là “thầy chùa ăn cắp”. Hiện tại, chư Tăng ra bên ngoài cần phải chính niệm tỉnh giác, giữ gìn oai nghi tế hạnh. Lúc trước thầy có nói xã hội bây giờ là “thiên thủ thiên nhãn”, “nghìn mắt nghìn tay”, chỗ nào người ta cũng có thể dùng điện thoại để quay lại hình ảnh của mình, chỗ nào cũng có gắn camera theo dõi. Chúng ta sơ hở một chút là những hình ảnh không được đẹp của mình được đưa lên mạng, tự nhiên nổi tiếng khắp thế giới. Có người dành cả đời để trau dồi pháp học pháp hành mà không

được nổi tiếng, có người tự nhiên nổi tiếng ai cũng biết, nhưng sự nổi tiếng đột ngột đó thường là tiêu cực vì bị vướng tai tiếng.

Trong clip này có một đoạn mà khi xem chúng ta cảm thấy hết sức buồn: Hình ảnh đức ĐLLM, vị lãnh đạo tinh thần Phật giáo số một ở trên thế giới. Thế nhưng đoạn video này ghi lại những hình ảnh không mấy phù hợp với tầm ảnh hưởng và uy tín của ngài. Ngài ôm hôn một cô gái, rồi vuốt mặt, vuốt tay. Một người xuất gia, xét về mặt giới luật nếu có hành động tương tự là phạm giới, nhưng đôi khi chúng ta hãy cứ cho rằng ngài lớn tuổi và sự tu tập của ngài không có gì cho chúng ta bàn cãi, có thể những chuyện như thế không quan trọng và không ảnh hưởng đến sự tu tập miên mật của ngài. Ngài là một bậc tu hành lâu năm, không có sự ô nhiễm. Thế nhưng việc đó buồn thay lại ảnh hưởng đến các thế hệ sau. Khi nhìn thấy hình ảnh của ngài một số vị xuất gia sẽ bắt chước. Nếu có người làm sai rồi phản biện: “Ngài ĐLLM cũng ôm hôn các cô mà!”, thì chúng ta phải chỉ dạy và giáo huấn như thế nào?

Xét nghiêm túc về giới luật, đối với đứa bé gái

mới sinh mình cũng không được đụng chạm đến, đừng nói là người lớn. Chùa mình ra quy định không được nựng má các bé gái trên mười tuổi, vậy đứa bé từ chín tuổi trở xuống chúng ta còn du di. Nhưng nếu đúng theo trong luật thì em bé mới sinh mình cũng không được chạm vào. Thầy xem trong luật *Thiện Kiến* có một đoạn như thế này không biết là có quá chấp chặt không? Nếu người mẹ của mình té xuống sông, mình cũng không được cầm tay kéo lên, phải dùng phương tiện gì đó để đưa mẹ lên, đối với mẹ ruột của mình mà cũng không được cầm tay, huống chi là những người ngoài. Đối với những người phụ nữ xa lạ mà mình ôm rồi hôn người ta, không có luật nào cho phép cả. Ngay như đức Phật cũng không làm những chuyện tương tự.

Thầy nói vậy để mấy anh em nghe, hiểu và suy tư. Thầy có nói câu: “Đức ĐLLM là đức ĐLLM, ta là ta. Ta không phải là đức ĐLLM thì cũng không có hành động giống như ngài. Nếu mình làm giống như ngài thì mình dễ sa đọa. Mình không thể bắt chước ngài được”. Thầy chỉ sợ là điều này ảnh hưởng về sau. Không cần lấy thí dụ về đức ĐLLM,

như trong chùa này thầy là trụ trì, nếu thầy thoải mái ôm các bà các cô thì đương nhiên các đệ tử sẽ học đòi theo. Lúc đó, thầy không chỉ dạy ai được vì chính mình cũng có hành động không đúng, làm sao nói các đệ tử, điều đó là không thể. Thầy muốn đưa những hình ảnh đó cho anh em làm bài học, từ đó mình thấy được đúng sai, không phải đưa hình ảnh ra để chư Tăng bắt chước ngài. Thầy nói rất rõ rằng người nào bắt chước ngài sẽ bị sa đọa. Ngài thì không sao, thứ nhất là lớn tuổi, thứ hai là ngài có quá trình tu tập miên mật, vấn đề đó sẽ khó khiến tâm ngài bị nhiễm ô, nhưng mình bắt chước thì sẽ bị ô nhiễm.

Thầy thấy rằng mình cũng nên cảm ơn Youtube, bây giờ trên đó có đầy đủ mọi chuyện tốt xấu trên đời, điều tốt để mình học hỏi và điều xấu để mình tránh. Nếu mình biết khai thác tốt thì nó trở thành kho tàng tri thức. Chúng ta có thể học được biết bao nhiêu điều trong đó nếu mình có sự chọn lọc, từ đó tri thức của thế giới trở nên thật gần nếu như chúng ta biết vươn tầm nhìn của mình ra khỏi lãnh thổ mà mình đang sinh sống. Thật ra, nếu không có Youtube chắc thầy cũng không biết việc

các sư xăm trổ, không biết Phật giáo nơi nào cũng bị pha tạp bởi tín ngưỡng, văn hóa và lối sống bản địa, không biết có những người xuất gia vì chút tư lợi mà làm những chuyện trái với pháp và luật mà đúc Phật thuyết giảng. Chư Tăng và Phật tử phải xem những điều này để mình có cái nhìn khách quan, đánh giá về chuyện gì đang diễn ra để biết phải làm gì và không được làm gì trong tương lai. Sau này, thấy sẽ đề nghị anh em viết bài về vấn đề đó. Khi viết chúng ta mới có cơ hội để suy tư, chiêm nghiệm, trăn trở và tìm ra giải pháp. Từ đó mình biết cái nào đúng, cái nào sai, con đường nào nên đi và con đường nào nên tránh. ☁

Ngày 22 tháng 10 năm 2019



Canh thêm chút muối đậm đà
Người thêm chút khó hóa ra nhân tài.

- THANH LƯƠNG -



Di sản của tiên nhân

Trong kinh *Trung Bộ*, bài kinh *Thừa Tự Pháp*, đức Phật dạy: “*Này các tỳ kheo, hãy là những người thừa tự pháp của ta, đừng là người thừa tự tài vật*”.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là Thái tử Tất Đạt Đa. Khi chưa xuất gia, Ngài sống trong cung vàng điện ngọc, vợ đẹp, con xinh, hưởng thụ đầy đủ ngũ dục của thế gian. Thế nhưng Ngài đã từ bỏ tất cả sự nghiệp thế gian để đi tìm sự nghiệp trí tuệ.

Trải qua sáu năm tầm sư học đạo và tu hành khổ hạnh, cuối cùng Ngài đã tự mình tìm ra chân lý, thấy được con đường đưa đến giải thoát cho bản thân và tất cả chúng sinh. Từ đó, đức Phật dành hết cuộc đời cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, đem ánh sáng chân lý soi chiếu thế gian. Suốt bốn mươi lăm năm kể từ khi thành đạo đến lúc Niết bàn, đức Phật không hề mệt mỏi hay dừng nghỉ, Ngài đi gần khắp Ấn Độ để thuyết giảng giáo pháp và độ cho mọi tầng lớp. Ngài không bao giờ quan tâm đến vấn đề vật chất, danh tiếng hay lợi dưỡng, mà luôn đề cao đến trí tuệ giải thoát.

Khi đức Phật Niết bàn, Ngài không để lại bất cứ tài sản gì cho đệ tử. Thật ra lúc đó, cả đời đức Phật vốn không có tài sản gì, ngay tấm thân tứ đại mà ai cũng cung phụng và chiều chuộng, Ngài còn xem nhẹ và không cho ngũ uẩn đó là mình hay của mình, hưởng gì là những thứ vật chất phù du bên ngoài. Mỗi ngày, Ngài ôm bát đi khất thực, không nhận tiền bạc hay tài sản, nếu nói chủ nghĩa vô sản thì đức Phật mới là người vô sản thật sự. Tình xá là do các vị vua và trưởng giả, những người có đạo tâm đứng ra xây dựng cũng như lo liệu trong

ngoài. Tinh xá ở bất kỳ quốc độ nào cũng chỉ là nơi tạm thời tá túc cho các vị xuất gia chứ không thuộc về tài sản của riêng ai. Khi đức Phật và chư Tăng đi đến đâu, sẽ có người xây dựng tinh xá hay liêu thất cho các vị ở, sau một thời gian hoằng pháp các ngài lại dời đi nơi khác, không có gì là cố định. Đến lúc đức Phật Niết bàn, Ngài cũng chọn một khu rừng để ra đi chứ không phải ngụ trong tinh xá nào. Tài sản còn lại không có gì ngoài kho tàng giáo pháp, đó chính là kho tàng trí tuệ, sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh trong suốt một đời của Ngài.

Chúng ta là đệ tử của đức Phật, là người thừa tự kho tàng pháp tạng này. Tài sản có chăng chính là Chính pháp, là tinh thần chứ không phải vật chất như tiền bạc hay chùa chiền. Người xuất gia cần phải ghi nhớ kỹ điều này.

Chư Tổ có một câu nói rất hay: “Truyền đăng tục diệm”, nghĩa là truyền đèn tiếp lửa. Người xuất gia phải “truyền đăng tục diệm”, thế hệ đi trước truyền cho người sau ánh sáng chân lý, ngọn đèn Chính pháp. “Tục diệm” là tiếp lửa, thế hệ này tiếp nối thế hệ trước, làm cho ngọn đèn Chính pháp được tỏa rạng. Trong đạo Phật, không có thừa tự

tài vật, chỉ có thừa tự Chính pháp. Chúng ta phải thấy được con đường mình đi là hướng đến sự nghiệp cao quý đó để phát huy. Khi chúng ta có được sự nghiệp trí tuệ, hiểu biết về Chính pháp thì mình sẽ có tất cả. Nếu chúng ta đặt nặng sự nghiệp tài vật thì chỉ có phiền não, đau khổ, đôi khi mình lạc vào con đường tội lỗi, ác đạo. Khi thấy xuất gia cũng khẳng định rõ việc này, cho nên thầy quyết định đầu tư vào việc học tu là chính.

Năm 1988, Sư Tổ khai sáng chùa Hoàng Pháp viên tịch, chùa không còn thầy nào khác trông coi, cho nên thầy phải về đây để gánh vác trách nhiệm trụ trì. Thật sự thầy không tha thiết việc làm trụ trì và miễn cưỡng nhận chùa. Ước mơ từ lâu của thầy là muốn đi Ấn Độ du học, noi gương Hòa Thượng Minh Châu, bước theo con đường học thuật, nhưng duyên của mình không đủ đành phải chấp nhận. Lúc đó, nếu chư Tăng đông như chùa Hoàng Pháp bây giờ thì thầy đã không nhận chùa hoặc giao trách nhiệm cho người khác. Khi làm trụ trì chùa Hoàng Pháp, thầy thấy đúng là mình đã gánh vác một trọng trách rất nặng nề, nếu người nào không có sự tu tập mà đứng trên

cương vị trụ trì sẽ vô cùng phiền não. Trong một gia đình có ba, bốn người con nhiều khi ba mẹ đã muốn “đứt gân máu chết”, đó là thân thuộc ruột rà. Trong chùa, chư Tăng và Phật tử có cả hàng trăm người đến từ những vùng miền khác nhau, lối sống khác nhau, tâm tính khác nhau, khi ở chung làm sao tránh được những bất đồng lớn nhỏ? Khi có chuyện gì thì ai đứng ra giải quyết, ai chịu trách nhiệm? Chính là vị trụ trì, cho nên làm trụ trì không phải dễ, không phải vui vẻ gì khi được ăn trên ngồi trước. Nếu mình thiếu chất liệu tu tập thì rất dễ bị phiền não, đau khổ, từ đó phát sinh tội lỗi từ ba nghiệp.

Một lần nọ, thầy có ghé thăm một ngôi chùa khá lớn ở Đà Nẵng. Ngôi chùa này rất đẹp, rộng rãi, bề thế, trụ trì là một vị Hòa thượng lớn tuổi. Khi đến thăm, Hòa thượng dẫn thầy đi tham quan một vòng quanh chùa, nhưng đi đến đâu là ngài la tới đó. Ngài quát các đệ tử khi thấy việc gì không vừa ý hay la mắng những người vào trong chùa buôn bán. Thấy thầy ngài tu sao khổ quá, lớn tuổi như thế mà cũng bị nhiều phiền não. Chùa rộng, bà này đem hàng bày bán chỗ này, anh nọ bán vé

số chỗ kia, xung quanh cổng là những người đang tranh cãi, chen chúc nhau. Cảnh ngài quát mắng như thế sẽ làm mất đi hình ảnh đẹp của người xuất gia. Khách đến chùa hiểu chuyện không sao, người không biết sẽ chê bai và phê phán là “ông thầy chùa lửa”. Người xuất gia thiếu sự tu tập thì khi gặp chuyện không hài lòng rất dễ sinh ra phiền não.

Chùa càng lớn, vị trụ trì càng phải tu nhiều, không thì phiền não cứ thay phiên nhau ập đến. Trong kinh *Di Giáo* có một đoạn nói về ý này rất hay: *“Các thầy hãy thoát ly đồ chúng của mình và đồ chúng của người, ở đơn độc, thư thái và thanh vắng, dùng tư duy tu mà cắt đứt gốc rễ của đau khổ. Nếu thích đồ chúng thì sẽ bị đồ chúng quấy phá, như cây đại thọ mà cả bầy chim chóc tập hợp lại thì vẫn bị cái họa khô gãy”*.

Nếu đồ chúng nhiều mà mình không có đủ đạo lực thì rất nguy hiểm. Mình đừng tưởng chùa to, chùa đẹp mà sung sướng. Chùa càng to thì phiền não cũng theo đó càng nhiều, thầy kinh nghiệm điều này trong chính cuộc đời mình. Thầy cố gắng tạo dựng cho đệ tử có chùa, có nơi có chỗ yên ổn để tu hành và hoằng pháp lợi sinh. Trong số

đệ tử đó, có những người phản lại mình, có những người lấy đất chùa đem bán. Một người không tu cũng dễ sinh phiền não chứ không phải đơn giản.

Chư Tăng nên thừa tự pháp là an toàn và tốt nhất. Người theo Chính pháp, hiểu biết giáo pháp, sẽ hành xử như pháp. Mình có đạo đức và trí tuệ sẽ có tất cả. Đừng lo gì không có nơi ở hay các điều kiện trợ duyên cho sự tu tập và hoằng pháp, chỉ lo mình không tu tập. Nếu chúng ta có trí tuệ, có đạo đức, quả lành sẽ trở sinh. Lúc đó, những thứ mình không muốn nhưng vẫn thuộc về mình, dù có người bỏ ra công sức hay trí lực để tranh giành mà vẫn không được. Một người xuất gia đúng nghĩa, có lý tưởng rõ ràng thì tài vật hay tiếng tăm, danh lợi hay địa vị, đối với họ đều vô nghĩa, không phải là điều mà họ hướng đến, không phải là mục đích tu tập của họ.

Trong chư Tăng ngồi đây, có ai vào chùa tu với ý định sau này được thấy giao ngôi chùa cho mình không? Có ai đi tu vì lý tưởng và mục đích đó không? Thấy nghĩ là không có ai đâu. Một người xuất gia là để có được an lạc trong đời này, giải thoát và thành Phật trong ngày vị lai. Không có ai nghĩ:

“Thôi mình ráng tu để sau này thầy giao cho mình ngôi chùa nào to đẹp một chút”. Nếu người nào có ý nghĩ như vậy đã là tà tâm, không phải là chính tâm xuất gia. Duyên đến thì mình hoằng pháp độ sinh, giảng dạy, nhận đệ tử, chăm lo cho đại chúng, tổ chức khóa tu,... Chúng ta làm vì người khác, làm cho Phật pháp, nghĩ về tha nhân, không phải làm vì muốn được nổi tiếng, điểm tô cho cái bản ngã ngày càng lớn. Đó là mình thừa tự giáo pháp, đi theo con đường trí tuệ, con đường giải thoát chân chính của đức Thế Tôn và chư Thánh đệ tử. Muốn đi đúng con đường cao quý đó thì chúng ta phải chịu khó học hỏi kinh điển và vận dụng tu tập, đó là sự nghiệp của người xuất gia.

Trong thời buổi này, có một số chùa cũng rơi vào tình trạng khi vị thầy mất thì ngôi chùa trở thành nơi tranh chấp, các đệ tử cãi lộn, nói xấu nhau, thưa kiện để giành ngôi chùa. Nếu chúng ta không thực sự hướng tâm đến việc tu học, không thực sự là những người thừa tự pháp, trước sau gì chùa mình cũng rơi vào tình trạng như vậy. Rốt cuộc, chúng ta đi xuất gia để làm gì? Để xuống địa ngục?

Ngài Ân Quang từng nói ngài không độ người xuất gia. Có người hỏi: “Ngài không độ người xuất gia lấy đâu có người kế thừa sự nghiệp hoàng pháp lợi sinh”. Ngài nói: “Thời buổi này độ cho người ta xuất gia là tạo duyên cho họ xuống địa ngục hết”.

Ai cũng thắc mắc tại sao độ cho người xuất gia lại khiến họ đọa xuống địa ngục, dần dần thấy ngấm ra điều ngài nói cũng có lý chứ không phải không. Chư Tăng bây giờ đa phần hướng đến chuyện vật chất, đắm nhiễm vào vật chất, đã mê đắm vào ngũ dục thì xuống địa ngục chứ đi đâu? Nhiều khi mình ngấm ra quả thật đúng là như vậy. Con đường của chư Tăng bây giờ không đi lên Cực Lạc mà xuống địa ngục là nhiều. Đây là lời Tổ Ân Quang: “Độ cho chư Tăng là tạo duyên cho họ đi xuống địa ngục”.

Lúc đầu thấy nghĩ điều này hơi cực đoan, nhưng dần dần nghiệm ra những gì Tổ nói không phải vô căn cứ. Thời buổi này đúng như vậy, chúng ta hãy nhìn ra các nước gần Việt Nam như Hàn Quốc hay Nhật Bản, đa phần các sư lấy vợ, ăn thịt, uống rượu, chơi bời,... đâu có bao nhiêu người tu hành chân chính? Người xuất gia mà lấy vợ, uống

rượu, chơi bời thì dọa địa ngục là điều chắc chắn. Điều kiện vật chất quá nhiều làm người ta mất phương hướng, không còn thừa tự Chính pháp nữa, thay vào đó là thừa tự tài vật. Từ tài vật làm cho người ta sinh ra tham đắm, từ tham đắm sinh ra phiền não, hơn thua, tranh chấp, đánh nhau, giết nhau, thừa kiện,...

Những lời đức Phật dạy chúng ta nên suy ngẫm cho thật kỹ: *“Này các tỳ kheo, hãy là những người thừa tự pháp của ta, đừng là người thừa tự tài vật”*. Chu Tăng cố gắng nhớ câu này, mình vào chùa không phải để thừa tự tài vật mà là thừa tự Chính pháp. Con đường chúng ta hướng đến là sự giác ngộ giải thoát, thành Phật, không phải đi tu để có được ngôi chùa làm trụ trì cho oai. Chùa càng lớn, đồ chúng càng đông mà mình thiếu tu thì lại càng khổ, càng phiền não. ☁

Ngày 27 tháng 10 năm 2019



Chuyện xưa chuyện nay

Thời đức Phật còn tại thế, lúc Ngài ở thành Vương Xá, các du sĩ ngoại đạo thường tụ hội lại và thuyết pháp vào ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng tụ hội đến để nghe pháp, được gần gũi và có niềm tin nơi các vị du sĩ ngoại đạo, từ đó các du sĩ ngoại đạo đã tạo được một lực lượng tín đồ rất đông và thuần thành.

Vua Tần Bà Sa La biết được việc này, một hôm trong lúc ngồi thiền Nhà vua khởi lên suy nghĩ: “Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần họ để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng và có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?”.

Vua đi đến chỗ đức Phật và trình bày ý kiến của mình. Lúc đó, Vua Tần Bà Sa La đã là một vị Thánh cư sĩ của đức Phật, ông có tâm đạo, muốn cho mọi người thấm nhuần Phật pháp nên đã đề nghị đức Phật tổ chức cho chư Tăng cùng tụ hội lại vào các ngày này. Đức Phật hoan hỷ hứa khả, Ngài nhân sự kiện ấy đã thuyết pháp rồi bảo các tỳ kheo:

– “Này các tỳ kheo, ta cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng”.

Khi tổ chức vân tập đông đủ, chư Tăng lại thụ động, các vị ngồi im, không ai giảng thuyết.

Những người đến dự pháp hội thấy các vị sư ngồi im không ai nói gì, không ai giảng dạy giáo pháp, họ mới phàn nàn, phê phán, chê bai:

“Tại sao các Sa môn Thích tử sau khi tụ hội lại ngồi im lặng giống như là các con heo đàn độn vậy? Sao các vị đã tụ hội lại mà không chịu giảng pháp?”.

Các thầy tỳ kheo nghe được, thưa sự việc lên đức Phật. Ngài khuyến khích chư Tăng vào những ngày tụ hội đó nên có vị đứng ra thuyết giảng:

“Này các tỳ kheo, ta cho phép giảng pháp sau khi tụ hội vào các ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng”.

Qua câu chuyện, chúng ta thấy rằng thời đức Phật còn tại thế, mặc dù Ngài cũng là người chuyên đi hoằng pháp lợi sinh, nhưng đôi khi còn học theo cách tổ chức của các du sĩ ngoại đạo. Nếu nói về giáo lý, đạo Phật có nền giáo lý minh triết, vượt cả khoa học, không có tôn giáo nào trên thế giới có thể sánh bằng. Nhận xét này không phải là chủ quan của đệ tử đức Phật, mà tất cả người trí thức trên thế giới khi tìm hiểu về các tôn giáo đều đánh giá như thế. Giáo lý đạo Phật so với các tôn giáo khác xa như trời với đất, như bờ biển bên này

với bờ biển bên kia. Mặc dù giáo lý của đạo Phật hay như thế, nhưng chúng ta ghi nhận một điều là vấn đề tổ chức hiện nay của đoàn thể đạo Phật còn yếu kém, nói cách khác vấn đề quản lý và tổ chức không bằng được các tôn giáo lớn khác trên thế giới.

Có những lần thầy đi vào những vùng sâu, vùng xa ở cao nguyên, nơi những người dân tộc thiểu số sinh sống, đa phần họ theo đạo Tin Lành hay đạo Thiên Chúa. Từ rất lâu, các vị linh mục và con chiên của họ đã dẫn thân đến những vùng đất mới, vào những thôn bản của người dân tộc, họ truyền đạo cho những người này rất dễ dàng. Đa phần những người dân nơi đây có trình độ học thức còn hạn chế, từ xưa đến giờ họ thờ thần cây, thần sông núi hay trời đất. Với kiến thức hạn hẹp đó, các vị cha xứ hay con chiên nói sao là người ta nghe như vậy. Họ dùng hình ảnh đức Chúa trời có quyền năng tuyệt đối, có thể ban phước, giáng họa. Những người nào tin Chúa thì sau khi chết sẽ được lên thiên đường, ai không tin sẽ bị đày xuống hỏa ngục. Đối với những người tâm trí còn mê mờ, nghe như vậy họ rất dễ tin. Trong đời sống hằng

ngày, họ tổ chức các hoạt động từ thiện, giúp đỡ những gia đình khó khăn, hỗ trợ những em thuộc gia đình đông con có thể đến trường, chăm lo cho tín đồ từ điều kiện sống đến việc chôn cất khi chết. Vào những ngày Chủ nhật, các cha cũng có những buổi giảng dạy đạo nghĩa vợ chồng, cha mẹ, cách ứng xử trong cuộc sống. Các cha là những người có kiến thức, đều được học qua trường lớp nên cách nói chuyện rất lôi cuốn, chính vì thế người ta thích đến nhà thờ dự lễ. Nói chung, cách tổ chức của họ rất hay và thú vị, thu hút quần chúng trở thành tín đồ.

Chúng ta là người theo đạo Phật, mình tự hào và nói rằng giáo lý của mình quá xuất sắc, không cần phải mời gọi người ta đến tìm hiểu, ai đủ duyên hay cần thì tìm đến học hỏi. Chính vì suy nghĩ như thế, dần dần chúng ta mất đi tín đồ, mất đi những lực lượng cần thiết cho một tôn giáo. Những người dân tộc đã theo đạo khác khi nào họ mới quay đầu lại để hiểu Phật pháp. Chu Tăng phải suy nghĩ điều này. Ngày xưa, đức Phật còn học ngoại đạo về vấn đề tổ chức vào ngày mười bốn, mười lăm cho Phật tử đến nghe pháp. Chúng

ta sống trong thời buổi này cũng vậy, đôi khi mình phải linh hoạt, đừng nói rằng giáo lý đạo Phật hay rồi chủ quan. Trong khi các tôn giáo khác đi vào vùng sâu, vùng xa truyền đạo cho dân tộc ít người, còn chúng ta lại thờ ơ và phó mặc.

Chúng ta đừng bao giờ ý lại rằng giáo lý của đạo Phật hay rồi mình không cần làm gì cả, thì khi nào những người này mới tiếp cận được nguồn tuệ giác vô tận đó? Cơ hội tiếp cận với đạo Phật quá hy hữu, không có mấy người chịu khó đến những vùng sâu, vùng xa để hoằng đạo, hướng dẫn Phật pháp. Khi người ta đã tin vào một tôn giáo khác thì không bao giờ nghe theo đạo Phật. Được “nhồi sọ” từ khi còn bé, trải qua bao nhiêu thế hệ có một niềm tin vững chắc như thế nên tín đồ của các tôn giáo này không có tình cảm với đạo Phật, không đọc kinh sách của đạo Phật. Làm sao chúng ta có thể giúp họ hiểu biết Phật pháp khi mà ngay từ đầu họ đã có ấn tượng xấu rồi?

Chư Tăng hãy suy nghĩ điều này, đợi đến khi những tín đồ này được khai hóa, có trí tuệ để nhận diện được điều đúng sẽ phải trải qua bao nhiêu đời nữa? Giống như nước Anh hiện tại, người dân

có trình độ học thức cao, tầm nhìn rộng mở, họ đâu có tin những chuyện một đấng sáng tạo thế giới hay Thần Thánh ban phúc, giáng họa. Thế hệ trẻ dần dần không còn đi nhà thờ nữa.

Những người dân tộc ở Tây Nguyên theo Thiên Chúa hay Tin Lành, đến khi nào mới quay về với Phật pháp, chúng ta hãy đánh một dấu hỏi như vậy. Khi nào? Mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, năm mươi năm sau,...? Đến khi nào dân trí được khai hóa, mọi người đều học đại học trở lên thì họa may nhận thức mới thay đổi, còn không chúng ta khó có cơ hội đưa Phật pháp đến với những người này.

Giáo lý đạo Phật rất hay, thực tế với đời sống, phù hợp với những người trí thức. Nhiều nhà khoa học và học giả trên thế giới cũng công nhận điều này, nhưng cách tổ chức của mình quá yếu kém thì có thu hút được nhiều người hay không? Như vậy, mình có nên học tập phương thức tổ chức, vận hành và hoạt động của một số tôn giáo khác để ứng dụng vào đạo Phật hay không? Nếu chúng ta nghĩ rằng mình hay, tài giỏi, rồi không chịu tiếp thu những cái hay của người khác, dần

dẫn mình cũng trở nên lạc hậu, lỗi thời và mất hết tín đồ. Những người theo Phật giáo chỉ biết đến chùa khấn vái cầu nguyện, đi chùa mấy chục năm mà không hiểu đạo, đến khi con chiên dụ dỗ một thời gian thì niềm tin của họ cũng lung lay, bỏ đạo Phật đi theo Chúa. Chính vì họ không hiểu giáo lý rõ ràng nên thấy đạo nào cũng như nhau, Chúa hay Phật gì cũng là đối tượng cho họ cầu nguyện, nhưng đạo Chúa vui hơn, hấp dẫn hơn, ít ràng buộc vào giới điều hơn, thế nên họ chuyển hướng. Rất nhiều trường hợp xảy ra như vậy, ông bà cha mẹ theo đạo Phật, truyền thống Tổ tiên mấy đời đều là Phật tử thuần thành, nhưng khi con họ bị bạn bè rủ đến nhà thờ chơi, tham dự những buổi giao lưu, cắm trại, được trò chuyện và gần gũi với các linh mục, họ thấy nhà thờ vui, thế là chúng bỏ truyền thống gia đình để theo một tôn giáo khác. Những trường hợp lấy chồng, lấy vợ phải theo đạo cũng không ít. Những đứa trẻ sinh ra cũng được đưa đến nhà thờ làm lễ rửa tội, cứ vậy mà bao thế hệ sau này theo Chúa, tỉ lệ Phật tử ngày càng giảm mà số lượng con chiên lại thêm nhiều.

Chúng ta cần phải tiếp thu những điều hay của

đạo bạn, tổ chức được những hoạt động thu hút tín đồ. Mình chỉ biết gò bó trong những tư tưởng tự lợi, chỉ biết những gì mình đang có mà không học hỏi tìm tòi thêm thì không bao giờ chúng ta phát triển được. Cái gì yếu kém thì mình phải học. Đạo Phật có được thể mạnh là nền giáo lý rất minh triết, không tôn giáo nào có thể sánh bằng, nhưng nếu chúng ta biết thêm cách tổ chức nữa thì không còn gì bằng. Chúng ta cần tạo mọi điều kiện để ai cũng có thể tiếp cận với giáo lý đạo Phật. Chùa Hoàng Pháp trong những năm gần đây luôn tìm tòi, sáng tạo, tổ chức những chương trình tu học mới dành cho mọi đối tượng như người lớn, sinh viên, thiếu nhi,... nhằm thu hút, hấp dẫn khách thập phương cũng như quý Phật tử đến tu học.

Khi chúng ta tổ chức các hoạt động như vậy, người ta mới có cơ hội được biết đến chùa, được nghe pháp, tiếp cận với giáo pháp của đức Phật. Từ đó quần chúng mới có thiện cảm với đạo Phật, mọi người Quy y Tam Bảo và trở thành Phật tử. Nếu chùa không tổ chức bất cứ hoạt động gì thì người ta đến chùa để làm gì!

Những Khóa tu Mùa hè hay Khóa tu Phật thất

thu hút rất nhiều thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên về tham dự. Nếu mình không tổ chức thì mọi người đâu tìm đến chùa. Khi các bạn trẻ về dự tu, chúng ta mới có cơ hội để giảng dạy giáo lý, đưa Phật pháp đến họ. Học sinh và sinh viên là tương lai của đất nước, những tầng lớp này nếu trở thành Phật tử, biết giữ gìn giới luật, có đạo đức tốt thì xã hội mới phát triển, Phật pháp cũng nhờ đó mà hưng thịnh.

Thầy kể câu chuyện vừa rồi để chứng minh rằng đức Phật cũng học cách tổ chức của du sĩ ngoại đạo, vậy nên mình đừng nghĩ rằng người ta không có gì cho mình học. Bây giờ, chúng ta phải để ý xem tôn giáo khác tổ chức như thế nào, thu hút tín đồ ra sao, mình phải học hỏi kinh nghiệm đó. Nếu chúng ta ngồi ỷ lại hay hưởng thụ, không tìm tòi nghiên cứu là gián tiếp để Phật pháp bị suy vong. Các thầy có bao giờ đặt câu hỏi: “Tại sao Hồi giáo thu hút tín đồ toàn là đàn ông?”. Đây là điều đáng để cho chúng ta quan tâm và tìm hiểu. Chúng ta thường thấy nhiều phụ nữ đi chùa hơn nam giới. Còn bên đạo Hồi, những buổi lễ họ quay lại cho mình xem thường đa phần là nam giới. Những

người nam này lại rất thành kính, mỗi ngày họ tụng kinh và lễ bái rất đúng giờ, tuân thủ nghiêm ngặt những quy định dành cho người Hồi giáo. Tại sao chúng ta không tìm hiểu xem cách họ tổ chức và hướng dẫn tín đồ như thế nào mà lại có được niềm tin như thế? Cái gì hay mình hãy học tập, đem về áp dụng cho tôn giáo của mình.

Xét về giáo lý, mình không cần phải học thêm của tôn giáo khác, nhưng cách thức tổ chức và sinh hoạt thì mình phải tìm hiểu. Nếu mình muốn đạo Phật phát triển thì phải liên tục học hỏi và vận dụng, làm cho đạo pháp ngày càng vững mạnh và đi vào quần chúng. 

Ngày 28 tháng 10 năm 2019



Hai mặt đối lập

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, đức Phật có dạy:

“Này các tỳ kheo, khi những người ăn trộm cường mạnh, nhà vua yếu đuối thì sẽ không an toàn cho nhà vua khi đi qua, đi lại các biên giới và cũng không an toàn cho người dân trong nước đi qua, đi lại, làm ăn, buôn bán. Cũng như thế, này các tỳ kheo, khi những ác tỳ kheo cường mạnh, các thuần tịnh tỳ kheo yếu đuối thì những thuần tịnh tỳ kheo

sẽ giữ thái độ im lặng hoặc ẩn mình ở giữa chúng tỳ kheo hoặc đi đến các quốc độ, biên giới. Như vậy là bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi, bất hạnh, khổ đau cho chư Thiên và loài người.

Này các thầy tỳ kheo, khi các vua chúa cường mạnh, những kẻ ăn trộm yếu đuối thì sẽ an toàn cho nhà vua khi đi qua, đi lại các biên giới. Đối với người dân sẽ an toàn khi đi lại, buôn bán, làm ăn ở trong nước. Cũng như thế, này các tỳ kheo, nếu các thuần tịnh tỳ kheo cường mạnh, các ác tỳ kheo yếu đuối thì những ác tỳ kheo sẽ giữ thái độ im lặng hoặc ẩn mình ở trong chúng tỳ kheo hoặc đi nơi khác. Như vậy là hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài người”.

Trong bài kinh, đức Phật dẫn từ chuyện ở ngoài đời vào trong đạo. Ngài nêu rõ: “Nếu trong một đất nước, những người ăn trộm, ăn cướp cường mạnh, nhà vua yếu đuối thì sự đi lại của nhà vua cũng như dân chúng sẽ không an toàn. Ngược lại, nếu nhà vua cường mạnh, ăn trộm, ăn cướp yếu đuối thì sẽ an toàn cho nhà vua cũng như dân chúng ở trong quốc độ đó”. Cũng vậy,

trong một đoàn thể xuất gia, nếu các ác tỳ kheo cường mạnh, các thuần tịnh tỳ kheo yếu đuối, các vị thuần tịnh tỳ kheo sẽ giữ thái độ im lặng, ẩn mình giữa chúng tỳ kheo, hoặc đi đến các quốc độ, nơi biên giới. Đó là bất hạnh, bất lạc, bất lợi, đau khổ cho chư Thiên và loài người. Ngược lại, nếu những vị thuần tịnh tỳ kheo cường mạnh, những ác tỳ kheo yếu đuối, những ác tỳ kheo sẽ giữ thái độ im lặng, ẩn mình trong chúng tỳ kheo hoặc đi nơi khác. Lúc đó là hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài người.

Chúng ta thấy điều này rất rõ trên thực tế. Không cần nói đến phạm vi rộng như trong một đất nước, chỉ cần xét một khu vực, khi quá nhiều tội phạm, đối tượng nghiện xì ke, ma túy và những người thiếu đạo đức cùng tập trung về một nơi, địa phương đó chắc chắn sẽ không an ổn. Không chỉ đời sống của người dân bị ảnh hưởng mà ngay bộ máy Chính quyền cũng bị chi phối, tác động. Thí dụ, ở một khu phố số lượng cảnh sát không đông bằng những người xì ke, trộm cướp. Khi các băng nhóm tội phạm hoạt động quá mạnh mẽ, nếu

cảnh sát đụng chạm đến quyền lợi của bọn chúng, chúng sẽ hăm dọa, bắt cóc vợ con, đặt mìn trong gia đình để giết hại những người thi hành công vụ. Do đó, những người cảnh sát đôi lúc làm nhiệm vụ cũng phải giữ thái độ dè chừng, lo sợ, làm qua loa, tuần tra cho xong việc và không dám mạnh tay xử lý. Trong kinh, đức Phật cũng đã nói: “Nếu những người ăn trộm cường mạnh, nhà vua yếu đuối thì sẽ không an toàn cho nhà vua khi đi qua, đi lại các biên giới, cũng không an toàn cho người dân khi đi lại, làm ăn, buôn bán”.

Đối với các thầy tỳ kheo, đức Phật cũng nói rõ: “Nếu ác tỳ kheo cường mạnh, thuần tịnh tỳ kheo yếu đuối thì những vị thuần tịnh tỳ kheo sẽ giữ thái độ im lặng, hoặc ẩn mình giữa chúng tỳ kheo, hoặc đi đến các quốc độ biên giới. Như vậy là bất hạnh, bất lạc, bất lợi, đau khổ cho chư Thiên và loài người”.

Điều này được hiểu rằng, nếu số lượng chư Tăng phạm giới, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu nhiều quá thì họ sẽ tạo thành một lực lượng chuyên đi tuyên truyền những điều mê tín dị đoan. Bởi vì những người không tu, phạm

giới thì chỉ còn cách đi lừa gạt người khác, bày ra những trò mê tín dị đoan để lấy tiền người ta mới có thể sống được. Họ bày ra xin xăm, coi ngày giờ, cúng sao giải hạn, đốt hóa vàng mã,... những hình thức không phải của đạo Phật. Thế nhưng có một điều lạ là người ta lại thích như vậy, bởi vì tâm lý chung của phần đông chỉ mong muốn được Phật, Bồ tát, Thần Thánh ban phước cho họ. Nhóm người phá giới này đánh vào tâm lý đó, bày ra những chiêu trò mê tín để lừa gạt lấy tiền. Lúc đó những vị thực tu, thuần tịnh tỳ kheo tu hành nghiêm túc, chân chính sẽ bị họ xuyên tạc, vu khống, nói xấu và tìm cách hãm hại. Những vị chân tu không có lòng hơn thua, đấu tranh, cho nên các ngài giữ thái độ im lặng, hoặc ẩn mình giữa chúng tỳ kheo hoặc đi đến vùng biên giới hay quốc độ khác để tu hành. Tại Nhật Bản, điều này được thể hiện rất rõ ràng là đa phần những vị chân tu đều rút lên trên núi để tu. Ở thành thị chỉ còn lại đa phần những sư có đời sống như thế tục, lấy vợ, ăn thịt, uống rượu.

Ngoài đời cũng như trong đạo, trong bất kỳ một tổ chức hay đoàn thể nào mà người xấu

chiếm phần đông thì người tốt khó có thể tồn tại được. Nếu mình không giống như họ, không theo guồng máy của họ thì sẽ bị bài trừ. Như vậy, người ác mà mạnh thì người thiện sẽ tổn hại và bị ảnh hưởng xấu.

Trong chốn tùng lâm tu viện, nếu trong Tăng đoàn mà thuần tịnh tỳ kheo chiếm số đông thì những ác tỳ kheo nếu không có sự chuyển hóa cũng không thể nào tồn tại lâu dài. Bởi vì ai cũng tu mà mình không tu, tự nhiên sẽ lạc lõng, khó sống. Ngược lại, nếu một ngôi chùa có ác tỳ kheo nhiều, tỳ kheo thuần tịnh cũng khó sống nổi. Một số chùa môi trường Tăng chúng rất phức tạp, thầy chưa đến đó ở nhưng nhiều người từng ở những ngôi chùa đó sau khi đi về kể lại cho thầy biết, trong chùa quá phức tạp: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu,... có đủ. Mình là người có tâm tu thì khó lòng mà ở đó được. Thí dụ, họ ăn thịt mà mình không ăn, họ sẽ chọc: “Ông này tu dữ ha! Tu ghê quá ha!”. Họ châm biếm, làm cho mình bức bối, khó chịu. Hoặc họ kêu mình nhậu, mình không nhậu họ cũng tìm mọi cách để xuyên tạc, nói xấu. Chừng nào mình cùng phe với họ

mới thôi, cuối cùng mình phải rút. Nhiều chuyện rất phức tạp. Nhiều thầy đi nhập Hạ về tâm sự: “Sau này không dám đến nhập Hạ ở chùa đó nữa, đủ thứ phức tạp: Người ta không có tu, toàn là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, cờ bạc,... đủ thứ tệ hại. Mình không theo người ta thì khó sống, mình mà theo thì hư cả đời tu”. Khi rơi vào trường hợp đó, một là mình giữ thái độ im lặng, hai là rời đi nơi khác.

Một đất nước mà ác tỳ kheo cường thịnh là bất hạnh, bất lạc, bất lợi và đau khổ cho chư Thiên và loài người. Trong một ngôi chùa cũng thế, ác tỳ kheo nhiều không có tu thì suốt ngày chỉ đấu tranh, hơn thua, hám danh, hám lợi, không đem lại lợi ích gì cho chúng sinh cả. Ngược lại, nếu một đất nước mà thuần tịnh tỳ kheo đông đảo thì sẽ là hạnh phúc, an lạc, lợi ích cho chư Thiên và loài người. Cũng vậy, nếu một ngôi chùa mà ở đó nhiều thuần tịnh tỳ kheo thì sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho ngôi chùa, cho chư Tăng và tất cả Phật tử.

Đây là bài kinh rất hay của đức Phật. Chúng ta hãy cố gắng ghi nhớ, hành theo và luôn sách tấn mình mỗi ngày hãy là một thuần tịnh tỳ kheo, rồi

lan tỏa tinh thần đó tới Tăng đoàn, Phật tử để góp phần giúp Phật giáo ngày một hưng thịnh, xã hội ngày càng an lạc, hạnh phúc. 

Ngày 31 tháng 10 năm 2019



Hai vụ án mạng

Vừa qua, tại xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đã xảy ra vụ giết người giữa anh em ông Nguyễn Văn Đ (53 tuổi) và Nguyễn Văn H (50 tuổi). Hai người sống ở nhà riêng trên phần đất mà cha mẹ để lại khi qua đời. Chỉ vì hơn thua nửa mét đất mà dẫn đến tranh chấp. Giữa ông Đ và ông H đã thỏa thuận về việc chia đất, nhưng vợ và con trai của ông H không đồng tình, phản đối

quyết định đó. Ông Đ tức giận, đem lòng thù oán vợ và con trai của ông H.

Sáng ngày 1 tháng 9 năm 2019, ông Đ mang dao qua nhà ông H với ý định sẽ giết bà vợ và người con trai. Khi đến nơi, ông gặp bà vợ của ông H liền vung dao lên chém. Ông H thấy được nên chạy đến can ngăn. Có lẽ ông cũng chủ quan nghĩ rằng là anh em với nhau sẽ không có chuyện gì, thế nhưng khi ông vào can thì bị người anh trai vung dao chém chết tại chỗ. Lúc đó, người con trai chạy ra ngoài hô hoán cho bà con đến can thiệp, cứu giúp. Trong cơn say máu và cuồng sát, ông Đ cầm dao vào trong nhà chém người con gái, con dâu và người cháu chỉ khoảng một tuổi của ông H. Sau khi gây án, ông bình tĩnh trở về nhà, uống nước rồi đi tắm. Ông Đ dự định khi vào nhà tắm sẽ dùng điện tự tử, nhưng người con trai biết được nên đã cúp cầu dao. Lúc đó, công an đến bắt ông Đ về thụ án. Vụ thảm sát khiến cho ông H và người con gái bị chém chết tại chỗ, vợ ông H, cô con dâu cùng đứa cháu nội được đưa đến bệnh viện cấp cứu, sau đó vợ của ông H và cháu bé một tuổi cũng không qua khỏi. Người con dâu thì bị thương nặng.

Một vụ án mạng tương tự do mâu thuẫn giữa anh em với nhau diễn ra ở Thanh Hóa. Người anh tên Quách Văn T cầm dao qua nhà ruột người em trai để chém, người em khỏe hơn nên may mắn chạy thoát. Anh T không đủ sức ruột, cầm dao quay trở lại nhà. Lúc đó, mẹ của anh T đang ở nhà người em mới la: “Anh em với nhau, thương nhau không hết mà còn đánh chém nhau”. Trong cơn giận, anh T đã cầm dao cắt cổ chính người mẹ ruột của mình, hai chân bà bị đau phải ngồi xe lăn nên không chạy đi đâu được. Cuối cùng, người mẹ chết do chính cơn nóng giận của người con trai. Sau sự việc, công an đã đến bắt anh T về thụ án.

Câu chuyện thứ nhất là do chút ít quyền lợi mà giết người, bởi khi không có được điều mình muốn thì sân hận bắt đầu sinh khởi và rồi dẫn đến làm liều. Khi tâm sân đã sinh lên, người ta không còn phân biệt được đâu là tình cảm cha mẹ, anh em, máu mủ, ruột rà. Ông Đ giết chết bốn người thân, khiến một người bị thương nặng, chắc chắn sẽ lãnh án tử hình. Chỉ vì nửa mét đất mà cả một gia đình tan nát. Người chết, kẻ bị thương, những người còn sống của hai bên sau này không chắc sẽ

nhìn mặt nhau. Chỉ vì một phút không kiểm chế được bản thân, ông Đ làm cho tình anh em rạn nứt, không những thế ông còn cầm dao giết những người thân của mình, chết một lúc bốn mạng người, cuối cùng ông cũng bị xử án tử hình. Giải quyết vấn đề theo cách đó không những không được lợi ích gì mà còn để lại hậu quả nặng nề cho con cháu. Rồi mai đây, những người con, người cháu sẽ lại sống với nhau bằng nỗi hận thù, oán trách từ đời này sang đời khác. Người xưa có câu: “Một đốm lửa sân có thể đốt cháy hết cả rừng công đức”.

Khi sân lên người ta sẽ không còn bình tĩnh, sáng suốt, từ đó mà sinh ra những lời nói, hành động gây đau khổ cho chính mình và người. Chúng ta tu học phải thấy được điều này. Xã hội bây giờ, hai bên chỉ cần một chút xích mích, hơn thua, đụng chạm là có thể đánh giết nhau. Ông Đ ở tù trong những ngày chờ thi hành án chắc chắn sẽ day dứt, dằn vặt: “Chỉ vì nửa mét đất mà giết tới bốn mạng người, cuối cùng mình cũng chết, không được gì lại còn gây tạo thêm tội lỗi”. Ngoài đời, người ta hơn thua nhau từng chút một. Nếu có được sự bình tĩnh, sáng suốt thì ông Đ chỉ cần đem

sự việc ra pháp luật để xử lý.

Chúng ta là người học Phật, phần nào hiểu được tinh thần vô thường và vô ngã, từ đó khi gặp sự việc không vừa ý thì tâm mình cũng bình tĩnh hơn. Mình nghĩ: “Cái gì cũng vô thường, vô ngã, không phải của mình. Thân này không phải của mình, vợ chẳng phải của mình, con chẳng phải của mình, tài sản cũng chẳng phải của mình”. Nhờ học Phật mà mình sáng suốt hơn, chấp nhận những thiệt thòi, vượt qua những hơn thua, đối diện với những chuyện bất trắc. Người không có sự quán chiếu, không biết giáo lý, không chịu tu học, rất dễ sân si và gây tạo tội lỗi. Chúng ta phải hiểu được điều này, cố gắng làm chủ được bản thân sẽ có an lạc. Người nào tính tình hay nóng nảy, chất chứa trong lòng sự thù hận, hay tìm cách chống phá người khác thì người đó sẽ khó mà có được sự thanh thản, vui vẻ và hạnh phúc.

Ở câu chuyện thứ hai, anh T khoảng ba mươi tuổi, là người nghiện rượu nặng, say sưa chè chén suốt ngày. Do uống rượu nhiều quá nên lý trí mê mờ, không còn đủ sáng suốt làm chủ bản thân để rồi hành động một cách dã man hơn cả loài thú dữ.

Thấu suốt được sự đời nên đức Phật đã chế định giới cấm uống rượu cho cả người xuất gia lẫn tại gia. Đôi lúc, chúng ta nghĩ rằng uống rượu không làm hại cho ai, đâu có tội lỗi gì, đó là chuyện rất bình thường trong xã hội, thậm chí là phương tiện cần thiết để giao tiếp. Nhưng chúng ta thử xét lại, bao nhiêu tai nạn giao thông làm chết và tàn phế hàng nghìn người cũng vì rượu, bạo lực gia đình cũng do rượu, những tệ nạn xã hội khác cũng một phần từ rượu mà ra, vì khi nghiện không có tiền thì đi ăn trộm, ăn cướp,... Nói chung, tác hại của rượu rất lớn. Trong xã hội, hợp đồng được ký trên bàn nhậu, các buổi liên hoan tiệc tùng được tổ chức đều có rượu. Bạn bè gặp mặt nhau cũng đem rượu bia ra tiếp đãi. Dù biết rượu bia có hại, là những thứ gây hại cho con người, thế mà người ta vẫn cứ tiếp tục uống, khuyến khích nhau để uống. Rượu hay bia dù có đắt tiền đến đâu cũng chỉ là cồn, uống vào người ngày qua ngày sẽ gây ảnh hưởng đến trí tuệ. Điều dễ thấy nhất là khi say người ta sẽ không còn tỉnh táo, mất ý thức, rất dễ phạm phải những sai lầm, sau khi say thì cơ thể mệt mỏi, đầu óc u mê.

Ở cả hai câu chuyện thì kẻ sát nhân và người bị hại không phải xa lạ với nhau hay có thù oán từ trước, mà chính là những người thân trong gia đình, máu mủ ruột thịt từng yêu thương chăm sóc cho nhau. Vậy mà nay người ta quay lại giết chính những người thân của mình. Hai câu chuyện đã đúc kết cho chúng ta nhiều bài học giá trị để chiêm nghiệm. Trong cuộc đời, không ai biết trước được chuyện gì có thể xảy ra, người mẹ khi sinh con ra không thể ngờ chính đứa con mình rút ruột đẻ ra lại giết mình chỉ vì mình khuyên răn nó. Tình anh em cũng vậy, cùng cha mẹ sinh ra, cùng lớn lên, ăn chung mâm, ngủ chung giường, chắc chắn từ lúc nhỏ cho đến lớn cả hai người đều có được những kỷ niệm đẹp. Vậy mà chỉ vì vài ba tắc đất sẵn sàng đem dao sang chém cả gia đình, không ai ngờ trước được những chuyện như thế.

Thứ đến, người học Phật chúng ta cố gắng hiểu được vô thường, vô ngã, để khi gặp chuyện gì mình cũng có thể làm chủ được cảm xúc và dùng trí tuệ để xử lý. Người có tu phải làm chủ được tham, sân, si, mặc dù chúng ta chưa thể dứt trừ được nó hoàn toàn nhưng phải giảm bớt. Thí dụ như khi chưa tu

mình giận mười phần, bây giờ có tu giảm bớt chỉ còn lại bốn hay năm phần cũng đã có tiến bộ. Khi tu tập có giới, có định thì tâm mình mới được an tĩnh và vững vàng trong lúc sân giận, nhờ vậy mà miệng không buông ra những lời ác, thân không làm những việc ác. Nếu chúng ta không tu tập, khi sân lên dễ có lời nói và hành động xấu ác gây đau khổ cho mình và cho người. Do đó việc tu tập tâm là điều cần thiết phải làm trong mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút để khi gặp chuyện mình tự chủ được. Không phải đợi đến khi có chuyện gì không hay xảy ra mình mới tu thì không còn kịp nữa. ☁

Ngày 4 tháng 9 năm 2019



Con đã suy nghĩ kỹ chưa?

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, chú Tâm C gửi cho thầy một lá thư xin hoàn tục để đến một ngôi chùa Nam truyền xuất gia lại. Thầy cũng mừng khi thấy chú vẫn còn tiếp tục theo đuổi lý tưởng xuất gia dù không còn đủ duyên tu học tại chùa Hoàng Pháp. Đối với những người hoàn tục để lập gia đình, lấy vợ sinh con thì thầy thấy thật đáng tiếc và chia buồn. Người nào hoàn tục rồi tìm đến

một ngôi chùa khác phù hợp với hạnh nguyện của mình, thấy cảm thấy mừng vì người đó vẫn tiếp tục con đường tu tập. Khi có một đệ tử xin rời chùa Hoảng Pháp đến một ngôi chùa khác tu tập, thầy cũng nhẹ bớt phần nào gánh nặng lo toan. Các chú xuất gia với thầy, thầy phải lo việc ăn học, đau ốm, thuốc thang. Sau khi các chú thọ giới tỳ kheo và học xong các chương trình Phật học thì thầy lo chùa, mua đất, cho tiền xây dựng. Đệ tử không hoan hỷ, không vừa lòng việc gì đó, nhiều khi quay lại trách thầy. Còn khi các chú xin qua chùa khác, vị bổn sư nơi đó sẽ gánh giùm trách nhiệm dạy dỗ và chăm lo cho các chú. Nếu có thương và tiếc thì thầy thương và tiếc cho những người từ bỏ đời sống Phạm hạnh để bước vào “mê lộ” của cuộc đời.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi thành Phật là Thái tử, Ngài sống trong cung vàng điện ngọc, hưởng thụ đầy đủ ngũ dục, nhưng Ngài nhận thấy thế gian vô thường, thân người giả tạm, cuộc đời là khổ nên đã từ bỏ đời sống vương giả, từ bỏ lối sống hưởng thụ ngũ dục để xuất gia tu học, tìm cầu chân lý và cuối cùng đạt được sự an lạc, giải thoát. Nhiều người sống rất đau khổ, muốn thoát

ly cuộc sống thế tục để được xuất gia như quý thầy quý sư mà không được, bởi vì dây tình ái ràng buộc, không thể cắt đứt. Anh em đã được nhân duyên phước đức mang hình tướng đầu tròn áo vuông, đi trên con đường giải thoát mà mình quay trở lại thuyên đời thì sẽ gây thêm nhiều ác nghiệp, giống như một người từ hố phân được lên trên bờ, tắm rửa sạch sẽ, bây giờ lao đầu trở lại hố phân.

Đối với trường hợp của chú Tâm C, thật sự thấy thấy chú vẫn chưa có được lập trường vững vàng. Có hai vấn đề mà đại chúng cần rút kinh nghiệm từ sự việc của chú. Thứ nhất là ban đầu khi vào chùa xin tập sự xuất gia, thời gian hơn sáu tháng đó là để chúng ta suy nghĩ. Thấy vẫn thường nhắc nhở các chú tập sự phải quan sát kỹ thầy bốn sư như thế nào, có hành trì giới luật hay không, tu hành nghiêm túc không, xứng đáng là thầy của mình hay không? Nếu nhận thấy vị thầy không có phẩm hạnh thì mình nên đi tìm một vị thầy khác để nương tựa tu học.

Thứ hai là về pháp môn tu tập, mình xem ngôi chùa đó tu tập như thế nào, có trang nghiêm thanh tịnh không? Phù hợp với pháp môn mà mình sắp tu

hay không? Thời gian sáu tháng ở chùa đủ để chúng ta trải nghiệm, nhận thức và suy ngẫm những gì mình đã trải nghiệm trong một môi trường tu tập. Mỗi ngày mình tụng kinh, sinh hoạt, tu học như thế nào mình đều biết rất rõ ràng. Nếu trong thời gian đó thấy không phù hợp thì có quyền tìm cho mình ngôi chùa và pháp môn phù hợp hơn.

Thứ ba là vấn đề ăn, mặc, ở, bệnh thì thầy và đại chúng nơi mình nương tựa tu học có đủ khả năng để lo cho mình không? Mặc dù vấn đề thứ ba này thấy có vẻ không quan trọng, nhưng lại rất thiết thực. Vào thời đức Phật còn tại thế, bốn vấn đề ăn, mặc, ở, bệnh cũng là bốn điều đáng để lưu tâm khi một vị tỳ kheo chọn cho mình trú xứ tu tập. Nếu ngôi chùa không có đủ thức ăn thì mình khó có sức để tu tập, không lo cho quần áo thì lấy gì để mặc, không lo chỗ ở thì biết sinh hoạt ở đâu, khi bệnh mà không đủ khả năng chữa trị thì phải như thế nào, rồi chuyện học hành,... Những điều này nhỏ nhưng là thứ mà chúng ta đối diện hằng ngày, không quan trọng như hai điều trước nhưng cũng rất cần thiết. Đó là những vấn đề mà một người tập sự xuất gia cần phải lưu tâm khi tìm cho

mình một nơi nương tựa tu học.

Trong thời gian sáu tháng tập sự xuất gia, thầy thường xuyên nhắc nhở các chú những điều trên, rồi trước khi xuất gia thầy hỏi lại một lần nữa: “Bây giờ, các chú hãy suy nghĩ cho kỹ, đừng nên xuất gia xong rồi sau này bỏ đi nơi khác, quay lại trách thầy trách chùa thì không hay”. Thế nhưng ai cũng khẳng định lập trường là “chúng con đã suy nghĩ kỹ rồi”. Tu học được khoảng nửa năm, một năm rồi hai năm các chú bắt đầu thay đổi tư tưởng. Nếu thầy cho các chú xuất gia ngay lúc mới vào chùa, các chú không có thời gian tìm hiểu thì có thể trách: “Lúc tôi mới đến chùa, chưa biết gì thì thầy đã cạo đầu nên tôi không có thời gian suy nghĩ, bây giờ thấy không hợp nên bỏ đi”, nhưng rõ ràng là thầy đã cho thời gian rồi nhắc nhở tận tình. Sáu tháng tập sự là khoảng thời gian để mình xem xét, học tập, cũng là cơ hội để rèn luyện lòng kiên trì, tính nhẫn nại, đối với quý thầy thì khoảng thời gian này để theo dõi đạo đức và hạnh kiểm của các chú.

Vấn đề thứ hai của chú Tâm C, sau khi xuất gia tại chùa khoảng một năm, chú có ý định xin qua chùa thầy Phước Tiến xuất gia. Thời gian đó, chú rất

ái mộ thầy Phước Tiến, hàng ngày nghe băng giảng của thầy ấy, nghe pháp rồi sinh lòng kính ngưỡng và chỉ muốn sang chùa Tường Vân để được thân cận, học hỏi với thầy ấy vì thầy giảng quá hay. Chú thừa với thầy ý định xuất chúng, thầy nói: “Nếu tiếp tục tu học thì tốt, thầy cũng hoan hỷ, đi qua đó có khi lại tốt cho chú vì thầy Phước Tiến cũng cho đệ tử đi học. Trong tương lai, chú sẽ có cơ hội làm một vị giảng sư. Chú đi thầy cũng đỡ phải lo cho một người, sau này chú thành công, đem lại lợi ích cho chúng sinh, đó là điều tốt”. Lúc chú trình bày sự việc, thầy cũng rất hoan hỷ. Một số huynh đệ biết được khuyên chú nên suy nghĩ cho chín chắn, cuối cùng chú quyết định tiếp tục ở lại chùa Hoằng Pháp tu học. Nhờ tâm sự với huynh đệ, chú đổi ý không đi. Bây giờ, chú không còn theo thầy Phước Tiến, nhưng lại chuyển hướng sang Nam truyền.

Thầy nói lên vấn đề này trước đại chúng không phải chê trách chú, mà nhân sự việc này để anh em cùng suy nghĩ. Một người không có lập trường làm gì cũng khó thành. Chúng ta chạy theo cảm quan cá nhân, lúc ái mộ người nào liền muốn đi theo người đó, một thời gian sau ái mộ người khác

lại thay đổi, gắp cái gì thích rồi sau lại bỏ, người ta gọi đó là không có lập trường, sự tu học của bản thân sau này sẽ khó khăn và không vững chãi.

Nhân việc chú Tâm C, hôm nay thầy nhắc mấy chú tập sự nên suy nghĩ thật kỹ. Nếu mình thấy không phù hợp thì cứ việc đi. Thầy từng nói, có một số thầy thực hiện chính sách “ngu Phật tử”, nghĩa là không muốn đệ tử biết nhiều rồi sẽ bỏ vì cái dở, cái xấu của mình, thầy thì không nghĩ đến chuyện đó. Ai đọc được nhiều sách thì hiểu biết được nhiều, có trí tuệ để chọn đúng đường đi, việc chọn đúng con đường tu học rất quan trọng, bởi nó sẽ đem lại lợi ích cho bản thân và mọi người. Các chú nên suy nghĩ, có thời gian cứ đọc thật nhiều sách cả Nam truyền lẫn Bắc truyền, sau đó chọn pháp môn nào phù hợp nhất với mình. Đối với thầy màu áo không làm nên thầy tu, tông môn các phái cũng vậy, mình tu theo Phật chứ không tu theo tông phái, cái gì đúng thì mình thực hành, cái gì đem lại lợi ích, an lạc cho mình và người thì đó chính là lời Phật dạy.

Chú nào tuy đã xuất gia tại chùa nhưng muốn đi nơi khác tu cũng được, ai muốn thì cứ đi, hoàn

tục rồi đi qua các chùa Nam truyền xuất gia và thọ giới, làm lại từ đầu. Nếu các chú tu được bên đó cũng mang lại lợi ích cho bản thân và Phật pháp. Khi anh em còn ở đây, thầy phải lo ăn, lo học, lo tương lai sau này cho anh em. Còn khi anh em đi chùa khác thì người khác sẽ lo giùm thầy. Anh em nào bỏ tu ra đời, thầy mới thấy tiếc và chia buồn. Khi ra đời mình lập gia đình là đi vào con đường đau khổ, còn tiếp tục đi chùa khác để thực hiện con đường lý tưởng của mình là điều tốt chứ không có gì xấu.

Những chú mới xuất gia nếu thấy mình không phù hợp với môi trường chùa Hoằng Pháp thì cứ đi sớm, đừng nên để hai năm, ba năm sẽ mất thời gian. Mình mới xuất gia thấy không hợp thì cứ đi, hoàn tục rồi qua chùa khác tu cho đúng ý nguyện. Mình ở chùa này mà tâm không an lạc, không hạnh phúc thì rất khó để trọn vẹn đường tu.

Người xưa có câu: “Đứng núi này, trông núi nọ”, những người không có lập trường vững vàng rất dễ bị ngoại cảnh tác động, khó học, khó tu vì hay vọng động mơ tưởng, cách tốt nhất là mình cứ đi cho thỏa lòng. Thầy chỉ tiếc là anh em không

nghe dù thầy đã nhắc rất nhiều lần.

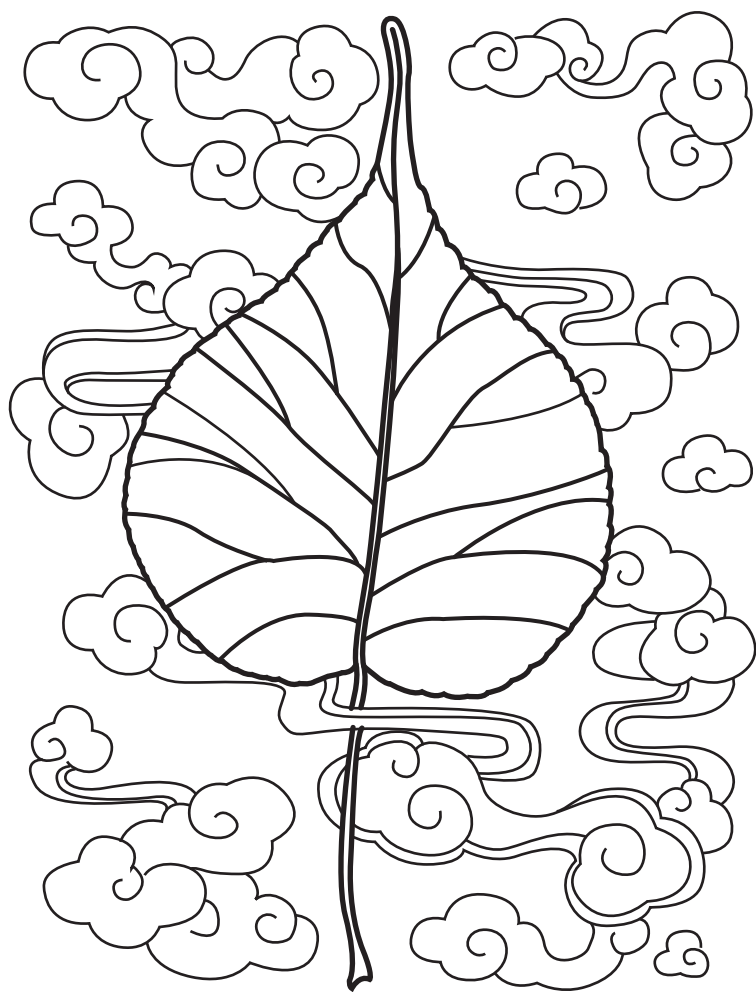
Hôm nay, thầy nhắc lại điều này, đặc biệt cho mấy chú mới xuất gia. Mình đọc sách hay xem kinh gì đều thoải mái, người nào có khả năng hãy đọc năm bộ *Nikāya*, đọc càng nhiều lần càng tốt, thầy không bao giờ bắt buộc anh em phải thuần theo một tư tưởng nào, hãy tự do lựa chọn cho mình một pháp tu cảm thấy phù hợp nhất. Người nào muốn đi qua bên Nam truyền cứ đi, thầy cũng không cấm cản. Nhiều năm nay, thầy cũng đọc kinh *Nikāya* và tìm hiểu giáo lý Nguyên thủy, nhưng thầy đâu có qua Nam truyền tu? Thầy bỏ hết bảy tháng bảy ngày để nhập thất đọc kinh *Nikāya*, tuy vậy thầy vẫn ở bên Bắc truyền. Việc tu là do mình, chúng ta đọc để mở mang kiến thức, hiểu những lời đức Phật dạy, từ đó mình biết cái nào đúng, sai, phải, trái, còn tu là ở ngay tâm mình và cách thức hành trì chứ không phải hình thức bên ngoài là Nam truyền hay Bắc truyền. Nhiều anh em “đứng núi này trông núi nọ”, tưởng ai ai cũng tu hành chân chính, nhưng cứ đi rồi quan sát, từ đó mình sẽ hiểu rằng tu là ở mình chứ không phải do người, không phải hình thức như thế nào.

Nếu có quyết tâm thì ở đâu tu cũng tốt. Chúng ta ở chùa Hoằng Pháp cứ thực tập Tứ niệm xứ, đâu có ai cấm mình thực tập chính niệm, chỉ sợ mình không chịu tu thôi. Người nào muốn niệm Phật thì cứ niệm Phật, muốn tu thiền theo cách của Hòa thượng Thanh Từ hay theo phương pháp của Làng Mai thì cứ thực hành, niệm chú theo Tây Tạng thì cứ niệm, không ai ngăn cản hay gây khó dễ, vì chuyện tu học là việc cá nhân và tùy theo căn tính của từng người. Anh em đừng nghĩ là đến chùa Nam truyền mới thật sự tu theo tinh thần của *Nikāya*, suy nghĩ đó không đúng. Thầy Minh Thành cũng đang hướng dẫn kinh *Nikāya*, thực hành Tứ niệm xứ, đọc tụng và hành trì theo *Nikāya*, thầy ấy còn thành lập đạo tràng *Nikāya*. Chuyện đó bình thường, không phải mình đi qua Nam truyền mới gọi là đúng Chính pháp. Quan điểm của thầy rất rõ ràng, tu như thế nào thầy không biết, nhưng việc ăn mặn thì thầy thấy không được. Thầy không chấp nhận chuyện ăn thịt chúng sinh. Mình kêu người ta đừng sát sinh mà bản thân ăn thịt chúng sinh thì mâu thuẫn. Mình biết tham sống sợ chết mà lấy thân xác của chúng

sinh nuôi thân mạng của mình thì không được.

Thời đức Phật còn tại thế, chư Tăng ôm bát đi khát thực, có những vùng người dân không biết giáo pháp, cho nên họ cúng gì mình ăn đó, không ăn thì nhịn đói. Thời nay, mình ở trong chùa có nhà bếp rồi mua đồ về tự nấu ăn. Hôm nay, mình ăn gì phải suy nghĩ: “Ăn thịt gì đây? Thịt gà hay thịt heo? Cá, mực, tôm hay cua,...? Mình đã suy nghĩ trước khi đi chợ, vậy có tác ý muốn ăn cái gì đó không? Rõ ràng có sự tác ý và cảm thấy thích thú khi thọ dụng thực phẩm”. Thầy chỉ nói vậy, tùy vào quan điểm và suy nghĩ của mỗi người. Khi anh em lòng đã muốn đi thì thầy cố giữ cũng không được, chỉ mong sao anh em có đi thì sau này cũng nhớ đến những lời thầy đã từng dạy cho mình, tu học thật tốt, làm những điều lợi ích cho đạo pháp, cho cuộc đời và đừng đánh mất lý tưởng xuất gia cao đẹp để đời mình trôi theo những cám dỗ của thế gian. Sau này anh em đi mà thành công, trở thành những bậc thầy nổi tiếng, thầy nghe được cũng cảm thấy vui mừng. 

Ngày 29 tháng 08 năm 2019



Mấy lời tâm huyết

Thuyết pháp, giảng kinh, viết sách, ấn tống kinh điển, nhằm mang giáo lý nhà Phật đến với mọi người, giúp người tu tập hướng đến hạnh phúc chân thật của sự giác ngộ giải thoát, đó gọi là pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta đem kinh sách hoặc băng đĩa Phật pháp chia sẻ cho nhiều người cùng nghe, cùng đọc, để cùng được hưởng lợi lạc từ giáo pháp Như Lai, đây cũng là pháp thí.

Đức Phật đã dạy: “Trong các sự bố thí, pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng”.

Đạo pháp muốn phát triển thì nền móng phải được xây đắp vững chắc. Chính vì vậy, mỗi người chúng ta nên tùy sức mà đóng góp vào một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một chút công, ... Ai có tài thì góp tài, ai có sức thì góp sức, được vậy thì ánh sáng đạo pháp mới có thể tỏa rạng và kiên cố đời đời. Với hoài bão “Tất cả vì Phật pháp”, chúng ta không nên đặt nặng quan niệm về công đức. Danh hay lợi

đâu phải điều chúng ta mong nhận được; mà làm rạng rỡ chính đạo, góp phần mang ánh sáng từ bi của Phật pháp soi chiếu đến mọi chúng sinh, giúp người vượt qua bể khổ bờ mê mới là mục đích tối thượng.

Hãy nên nghĩ nhớ đến những người đang đau khổ, hoặc đang lạc lối, bế tắc trong cuộc sống – những người thật sự rất cần sự cảm thông, giúp đỡ của cộng đồng để có thể quay về với chân lý, với niềm vui và lẽ sống hướng thiện. Làm được như thế chính là lợi ích cho cả ta và người vậy.

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình chưa thật vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Nhưng nếu đem tặng các loại sách khuyến tu, hướng dẫn người tu tập thì dù chỉ có một cuốn sách đáng giá vài nghìn cũng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu, vì cuốn sách đó sẽ giúp người xây dựng một đời sống thanh cao. Khi đó niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với mọi người.

Hy vọng mấy lời tâm huyết này sẽ đến được với nhiều vị Cấp Cô Độc, để ngày càng có nhiều tấm lòng phát tâm chia sẻ và ấn tống kinh sách cho mọi người xem.

Tha thiết mong mỗi như thế!

Nghe, xưa vọng lại

THÍCH CHÂN TÍN NH

Hội Luật Gia Việt Nam

Nhà Xuất Bản Hồng Đức

Số 65, Trảng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3926 0024 – Fax: 024 3926 0031

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc **Bùi Việt Bắc**

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Biên tập **Lý Bá Toàn**

Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**

Sửa bản in: **Hồng Anh**

Dàn trang: **Oai Trần, Hoa Cúc**

Line Art: **Họa sỹ Nguyễn Khang, Hoàng Kim**

Vẽ chì: **Họa sỹ Na Nguyễn**

Thiết kế Mỹ thuật

Ban Văn hóa chùa Hoàng Pháp

Đối tác liên kết xuất bản

Chùa Hoàng Pháp

Địa chỉ: xã Tàn Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất, số lượng: 1.000 cuốn, khổ 13x20cm.

Tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1974-2021/CXBIPH/49-37/HĐ

Quyết định xuất bản số: 432/QĐ-NXBHĐ ngày 19/7/2021

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế ISBN: 978-604-328-917-6

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021